

TÀI LIỆU HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Nguyễn Linh

LỜI NÓI ĐẦU

Kính thưa các Anh chị em Áo lam thân mến !

*Tổ chức GDPT của chúng ta đã tồn tại trên 70 năm lịch sử với bao biến cố thăng trầm của lịch sử, với một mục đích xuyên suốt và nhất quán là: “ **Đào luyện Thanh – Thiếu – Đồng niên thành người Phật tử chân chính, góp phần xây dựng xã hội theo chơn tinh thần Phật giáo** “.*

Như mục đích ấy, Chúng ta Đào tạo và giáo dục cả về mặt Tinh thần lẫn thể chất của Con người, giáo lý Phật pháp dạy cho chúng ta biết cách Tu tập, hướng đến các Chân – Thiện – Mỹ, diệt bỏ được tam độc đời thường là Tham – Sân – Si, lấy lòng Từ bi bát ái để cứu vớt Chúng sanh trong cõi mê lầm của cuộc đời...

Bên cạnh đó, Hoạt Động Thanh Niên là một môn học mang tính chất hoạt động xã hội cần và đủ để có thể giúp chúng ta biết cách hòa mình vào thiên nhiên. Môn học này giúp Chúng ta biết cách tổ chức làm việc nhóm, chủ động và sáng tạo trong công việc... Rèn luyện cho Chúng ta các đức tính như: linh hoạt, tháo vác, kiên trì, sức chịu đựng dẻo dai và có thể vận dụng tất cả các kiến thức vào cuộc sống hằng ngày.

*Cũng chính vì những lý do đó, nên Tôi xin dành đôi chút ít thời gian và khả năng để sưu tầm và biên soạn nên cuốn “**Hoạt Động Thanh Niên**“ này. Hy vọng Nó sẽ giúp các Anh chị em chúng ta một phần nào đó trong vấn đề nghiên cứu, thực hành, huấn luyện và giáo dục cho các Đoàn em thân yêu của mình.*

Trong quá trình thực hiện công việc này, người làm sẽ không tránh khỏi sự thiếu sót. Kính mong quý Anh chị em hoan ý và có ý kiến bổ sung cho cuốn sách này được hoàn thiện hơn.

Kính chào Tinh Tấn !

Nguyễn Linh Huỳnh Kim Quang

PHƯƠNG HƯỚNG

I. MỤC ĐÍCH :

Người xưa chỉ biết nhìn theo mặt trời, mặt trăng mọc và lặn để nhằm hướng đi và về.

Mãi về sau, vào đời Hán bên Trung Hoa khoảng 100 năm sau Tây Lịch, có người tìm ra một loại đá quý (pirene magnetique “từ thạch” đá có từ tính, về hóa học là oxit sắt từ Fe_3O_4). Họ đeo thành ngón tay có ngón chỉ, đem treo trước một hình người bằng gỗ, ngón tay ấy luôn chỉ về phía Nam. Từ đây họ phân chia nửa trục của đường đi mặt trời (Đông, Tây) thành Nam Bắc. Dù rằng trước đó hàng mấy ngàn năm, con người đã có khái niệm về các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, văn minh loài người đã biết nhìn sao, trời, trăng để định hướng nhưng chưa chuẩn đích lắm.

Mãi đến thế kỷ thứ 4, người Trung Hoa đem đá ấy chế thành dụng cụ đi biển có 4 hướng đầu tiên.

Đến thế kỷ 12 văn minh Âu Tây mới phát minh ra la bàn. Khi đã có la bàn, dù là thô sơ nhưng việc định hướng càng chính xác hơn nên người ta chia vòng tròn nhiều hướng phụ nữa. Họ vẫn lấy trục Đông Tây làm chuẩn dù rằng kim la bàn chỉ hướng Bắc.

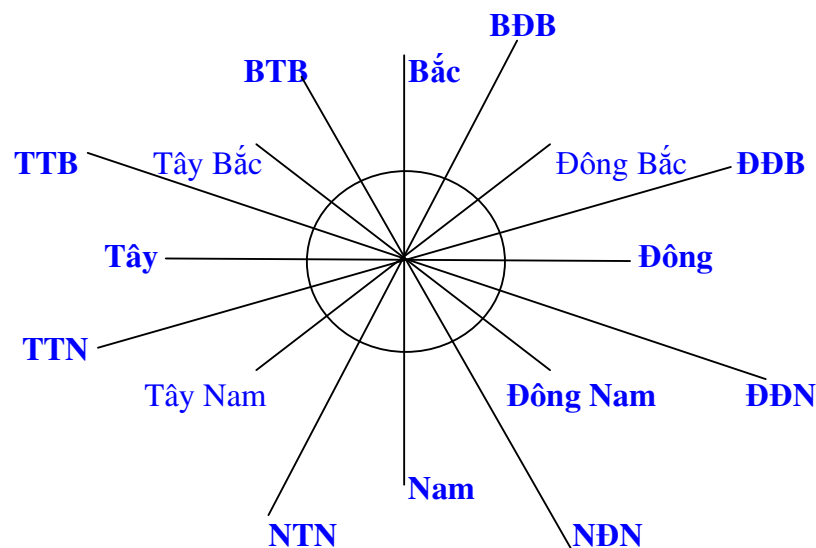
Hướng Chính-Phụ:

* Đông – Tây – Nam- Bắc

* Đông Nam – Đông Bắc – Tây Nam – Tây Bắc.

* Đông đông Nam – Đông đông Bắc – Tây tây Nam – Tây tây Bắc.

* Nam đông Nam – Nam tây Nam – Bắc Đông bắc - Bắc Tây bắc



II. CÁCH XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG:

Ngày nay con người văn minh dùng vệ tinh nhân tạo chụp hình địa cầu ghép lại thành bản đồ, bất cứ vùng nào trên mặt đất người ta đều dễ dàng xác định được tọa độ ngay, kể cả trên biển, trên không phận.v.v..

Tuy vậy, các phương tiện xưa cũ chưa hẳn hết thực dụng hoặc không còn người dùng như: tìm phương hướng bằng mặt trời, mặt trăng, sao, rêu phong, mưa gió. Nhất là trong tinh thần HĐTN, con người tự tạo mọi tiện nghi, tự mưu sinh, tự thoát hiểm, tự vận dụng chính mình vào cuộc sống.

Do đó các phương pháp sau đây cũng nhằm phần nào đáp ứng cho môn HĐTN này.

1. La bàn:

La bàn là một dụng cụ có kim từ tính luôn luôn chỉ về hướng Bắc. Gồm có 3 phần chính. Kim từ tính xoay trên trục giữa của la bàn hình mũi tên.

Mặt tròn tự động hoặc có loại không tự động, chia mặt theo chiều kim đồng hồ từ 0 đến 360 độ, cũng có loại tính bằng phân giác thì từ 0 đến 400 phân giác, hay từ 0 đến 6400 ly giác. Có loại tròn, có loại vuông.v.v... mặt có nắp kiếng, vỏ làm bằng thứ kim loại không ảnh hưởng từ châm.

Cũng có loại dùng riêng cho người đi biển, loại dùng riêng cho trên không (phi cơ).

Cách sử dụng:

Mở nắp la bàn ra, đặt trên mặt phẳng. Xoay đường phân chuẩn trên nắp la bàn cùng chiều với kim từ. Đó là hướng Bắc. Bây giờ ta phân hướng đi theo địa hình của mình, đi một lúc phải kiểm tra lại hướng. Nhất là trong rừng rậm phải luôn luôn kiểm tra. Muốn chính xác nên đi theo hướng nhỏ của ly giác.



2. Bảng mặt trời:

Những điều am hiểu về mặt trời mọc, lặn, vùng nào, mùa nào, ở Nam bán cầu hay Bắc bán cầu. Có như vậy mới nắm được chính xác để tìm phương hướng khi trong tay ta không có phương tiện nào khác.

Ở các nước Bắc bán cầu chỉ thấy mặt trời mọc ở Đông Nam. Trái lại khi ở Nam bán cầu thì thấy mặt trời mọc ở Đông bắc.

Riêng ở Việt Nam và các vùng nhiệt đới (gần xích đạo) tùy theo mùa mà thấy mặt trời khi mọc chính Đông, khi mọc Đông Bắc, lúc mọc Đông Nam v.v...

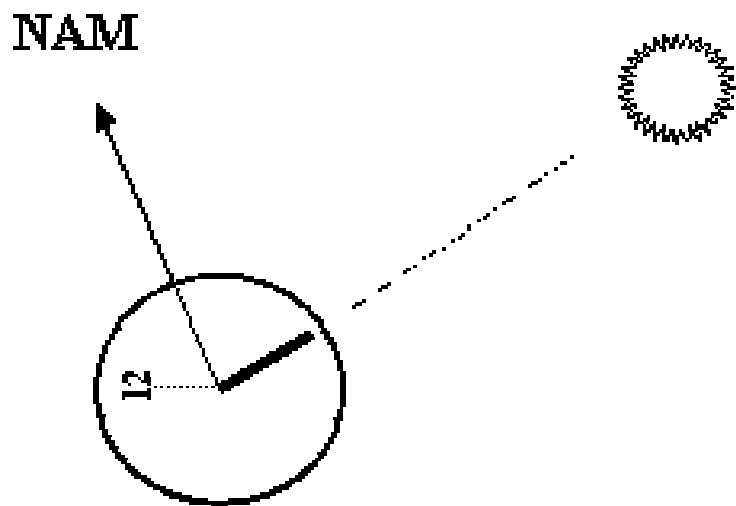
3. Bảng mặt trăng:

Mặt trăng là một vệ tinh nguội, không có ánh sáng, mà chỉ phản chiếu ánh sáng mặt trời nên có ánh sáng trắng, bạc dịu. Mặt trăng nhỏ hơn địa cầu 81,3 lần và cách xa địa cầu khoảng 400.000km. Mặt trăng quay chung quanh địa cầu ngược chiều kim đồng hồ và cùng chiều với địa cầu, vạch nên một đường quanh địa cầu gọi là bạch đạo. Mỗi ngày quay chậm hơn địa cầu 51 phút .Vì thế khi muốn tìm phương hướng bằng mặt trăng phải biết mặt trăng mọc và lặn hồi mấy giờ, ở hướng nào.

Tóm lại, sau khi biết hai hướng Đông, Tây, sự tìm phương hướng không còn khó khăn nữa. Ta có quy luật tóm tắt 3 chữ T “THƯỢNG -TRÒN -TÂY”, hay 5 chữ T “ THƯỢNG – TUẦN – TRĂNG – TRÒN – TÂY “ . nghĩa là trăng thượng tuần có bề tròn hướng về phía Tây, ngược lại trăng hạ tuần có bề tròn hướng về phía Đông.

4. Tìm phương hướng bằng đồng hồ

Khi có mặt trời muốn tìm phương hướng bằng đồng hồ ta làm bằng cách: Xoay đồng hồ hướng kim chỉ giờ về phía mặt trời. Đường phân giác của góc hợp bởi kim chỉ giờ và số 12 cho ta biết hướng Nam. Muốn chính xác lấy que tăm cắm xuống đất, hướng kim chỉ giờ về bóng của nó rồi kẻ phân giác như trên.



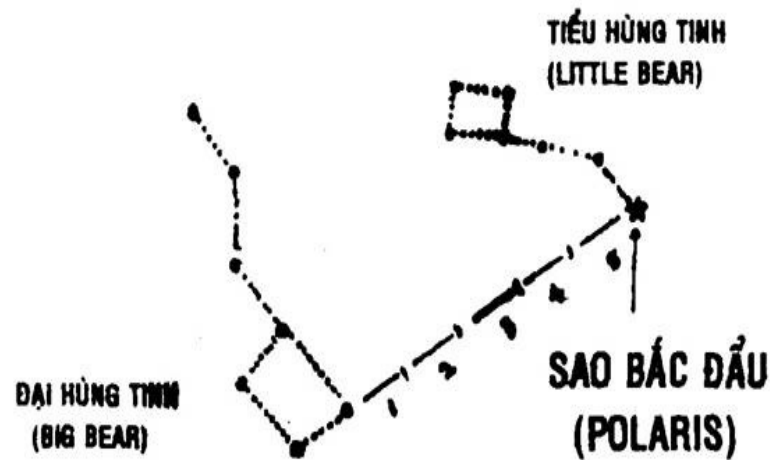
5. Tìm phương hướng bằng sao:

Sao Bắc đầu: Chòm đại hùng tinh và tiểu hùng tinh: Chòm đại hùng tinh còn gọi là Thất Tinh. Người ta tưởng tượng ra hình con gấu và đặt tên là Gấu Lớn (Đại Hùng) và Gấu

Nhỏ (Tiểu Hùng). Hoặc xem như hình cái ghế ngồi. Từ 2 chân ghế kéo dài 5 khoảng thì đến sao Bắc Đầu của chòm Tiểu Hùng.

Đặc điểm của Bắc đầu:

- Tất cả vòm sao đều quay chung quanh nó (Bắc đầu)
- Nó gần như đứng yên, chỉ xê dịch mỗi năm 2 độ
- Bắc đầu là tâm của vòm sao (càng về thiên cực Bắc càng thấy rõ).



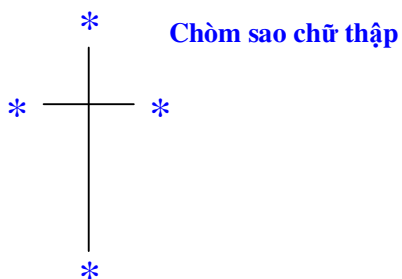
Sao Nam Tào : Sao Nam Tào không phải là một Định tinh, nhưng có chuyển động thế nào để luôn luôn nằm trên hướng Nam của trục Địa cầu. Cho nên các nhà hàng hải dùng sao Nam Tào để định hướng Nam của Địa cầu.

Muốn tìm sao Nam Tào, trước hết phải tìm chòm sao Chữ Thập (La Croix du Sud) gồm bốn ngôi sao khá sáng luôn luôn hiện

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

rõ ở lưng chừng bầu Trời phía Nam. Từ sao Chử Thập này, kéo một đường thẳng tưởng tượng theo nét sổ dài xuống chân trời thì gặp một ngôi sao hơi lu nằm gần sát chơn trời. Đó là sao Nam Tào, nên cũng gọi là sao Nam Cực.

Trong thực tế, Sao Nam Tào rất khó nhìn thấy để xác định được vì do 1 vài yếu tố như : Nó thường xuất hiện sát với đỉnh núi phía Nam, vì chúng ta ở Thành phố nên có nhiều nhà cao tầng che khuất, khoảng cách không gian không đủ lớn....



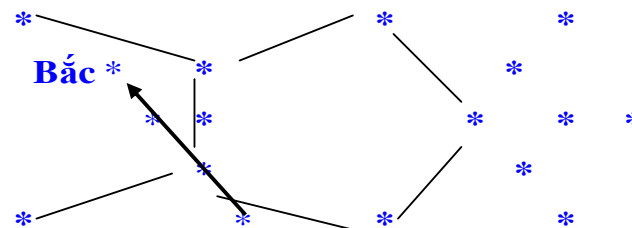
* Sao Nam Tào

Sao Hiệp Sĩ :

Nếu rơi vào mùa mà chúng ta không thể xác định được chòm sao Đại Hùng Tinh để tìm Sao Bắc Đẩu thì chúng ta tìm Sao Hiệp Sĩ (Orion). Kéo dài

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

đường thẳng từ kiếm của Hiệp Sĩ lên phía đầu kiếm là hướng Bắc. Muốn nhìn thấy được Sao này vào lúc chập tối từ tháng 11 đến tháng 5.

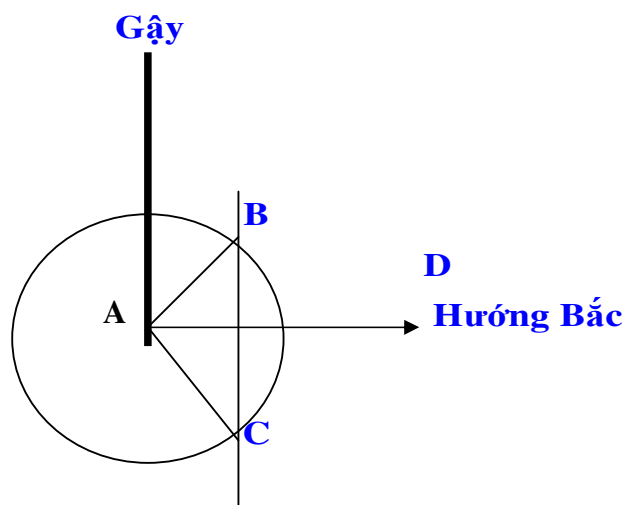


6. Tìm phương hướng bằng Rêu :

Như chúng ta đã biết, trong bốn hướng Đông-Tây-Nam-Bắc. Riêng hướng Bắc không bao giờ bị Mặt Trời chiếu vào trong 1 ngày. Vì thế, khi chúng ta nhìn thấy trên thân cây nơi nào có nhiều Rêu bám vào, ẩm ướt thì đó là hướng Bắc

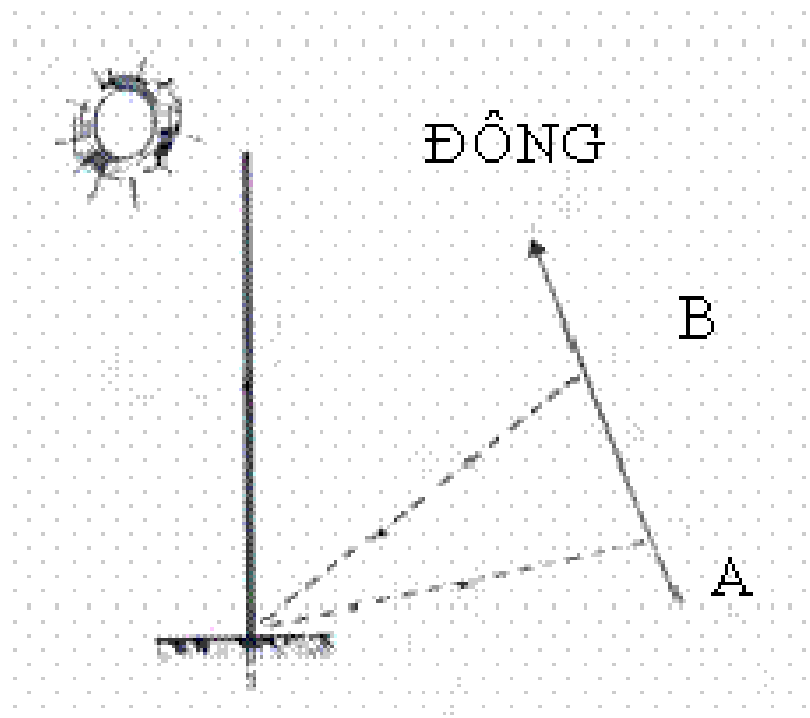
7. Tìm phương hướng bằng bóng que :

Phương pháp 1 : Lấy 1 cây gậy (chừng 1m) cắm thẳng đứng vào lúc giữa trưa, bóng cây gậy sẽ đổ xuống theo đường AB. Vẽ 1 đường tròn tâm A, bán kính AB. Đợi 1 lúc sau, bóng cây sẽ di chuyển 1 đoạn và đỉnh đầu của bóng cây trùng với đường tròn đã vẽ lúc nãy, ta cho đó là điểm C. Sau đó nối đoạn BC lại, từ A ta vẽ trung điểm của đoạn BC cắt nhau tại D. Khi đó, trung điểm AD luôn cho chúng ta xác định được hướng Bắc.



Phương pháp 2: Phương pháp OWENDOFF

Người ta cắm đứng một gậy cao khoảng 1 mét, đánh dấu đầu bóng gậy (A). Sau 15 phút, bóng gậy di chuyển, đánh dấu đầu bóng gậy (B). Nối AB ta có hướng TÂY ĐÔNG. Phương pháp này có độ chính xác thấp vì thời gian thực hiện ngắn.



MẬT THƯ

I. ĐỊNH NGHĨA :

Tiếng Hy Lạp mật thư có nghĩa là Kryptos (đấu kín, bí mật) và Gramma nghĩa là bảng văn lá thư. Hay trong tiếng anh mật thư có nghĩa là secret letter.

Vậy mật thư có thể hiểu là 1 bản thông tin gồm những ký tự khó hiểu, nh ững ký hiệu bí mật mà chỉ có người gửi và người nhận mới hiểu được nhằm giữ kín nội dung cần trao đổi, thông tin.

Các ký hiệu ấy gọi chung là mật mã. Muốn hiểu được nội dung của bức thư thì phải phá bí mật của ký hiệu và cách sắp xếp. Quá trình khám phá ấy gọi là giải mã.

* Mật thư là một văn bản chứa đựng một thông tin hay mệnh lệnh đã được mã hóa để giữ bí mật nội dung. Và chỉ giải mã được bằng những quy ước đã quy định trước bởi người gửi và người nhận.

* Mật thư thường có 2 phần:

- **Bản mật mã:** Là những ký tự hoặc hình vẽ, thoạt đầu có vẻ rất khó hiểu. Sau khi nghiên cứu kỹ chìa khóa, ta sẽ tìm ra hướng giải bằng cách đối chiếu những dữ kiện mà chìa khoá đã gợi ý.

- **Chìa khóa:** một hình thức gợi ý cho người dịch tìm ra hướng giải mật thư. Chìa khóa có thể là một câu thơ hoặc một ký

hiệu nào đó bằng hình vẽ. Ký hiệu của chìa khóa (key) là: OTT

* Sau khi giải mã xong, ta sẽ được một bản văn hoàn chỉnh, ta gọi đó là: bạch văn.

- **Bạch văn:** Là một văn bản hoàn chỉnh, tức là sau khi dịch xong, ta viết ra thành một bức thư bình thường mà ai cũng có thể đọc được.

* Có thể nói trong một mật thư thì hệ thống mã hóa là cái ổ khóa mà nhìn vào ta có thể thấy được dễ dàng, còn khóa mới chính là cái chìa để mở, việc hiểu được khóa mới có thể cho ta 1 cái chìa vừa vặn để mở cái ổ đó.

* Trong các cuộc thi trò chơi lớn, muốn giải một mật thư đưa ra ta cần xem xét bản văn để tìm hiểu hệ thống mã hóa mà mật thư sử dụng, và xem xét khóa để giải.

II. MẬT THƯ ĐƯỢC CHIA THÀNH MỘT SỐ HỆ THỐNG CƠ BẢN: Gồm 6 hệ thống

A. HỆ THỐNG THAY THẾ:

Văn bản được mã hóa bằng cách thay thế bởi những chữ, số, kí hiệu riêng (bao gồm cả âm thanh, hình ảnh...) theo một hệ thống.

Ví dụ :các mẫu tự được thay thế bằng số

A B C D E F G H I J K.....

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11.....

Ví dụ: 4,4,9 /7,1,1,16,19 = DDI GAAPS=ĐI GẤP

B. HỆ THỐNG ẨN DẤU:

Gọi là các mật thư ẩn giấu khi các yếu tố của bản tin tuy vẫn giữ vị trí bình thường và không bị thay thế bằng các kí hiệu nhưng lại được ngụy trang dưới một hình thức nào đó, chẳng hạn như tin được viết bằng nước ép từ trái chanh người nhận thư hơ tờ giấy vào ngọn lửa. Chữ viết hiện lên có màu nâu. bản tin được viết xen kẽ với các từ khác để trở thành một bản văn trong sáng hoặc có ý nghĩa bình thường. Ví dụ : ANH CẢ VẪN ĐỘI MŨ ĐẾN NHÀ GẶP BA TÔI. Giấu bản tin thật CẢ..ĐỘI..ĐẾN..GẶP ..TÔI

C. HỆ THỐNG HOÁN CHUYỂN:

Các mật thư mã hóa bằng Hệ thống thay đổi vị trí rất thường xuất hiện trong các lần chạy TCL, đặc biệt là Cam Ranh.

Các văn bản mã hóa bằng cách thay đổi vị trí các kí tự với nhau, muốn giải phải biết kiểu dịch chuyển để có thể dịch ngược lại.

D. HỆ THỐNG TỌA ĐỘ:

Đây là một dạng mật thư rất phong phú và đòi hỏi sự chính xác cao. Xuất phát kiến thức từ binh chủng pháo binh. Tọa độ là một hình thức xác định một điểm nào đó mà trục ngang và trục đứng được biết trước. Theo đó người ta sắp xếp 25 chữ cái (bỏ Z) vào trong 25 ô chia đều các cạnh (mỗi cạnh 5 ô) trong một hình vuông lớn như hình dưới. Khi giải mã ta chỉ cần đối chiếu trục ngang và trục đứng là sẽ tìm ra được nội dung cần tìm.

E. HỆ THỐNG TƯỢNG HÌNH (CHUÔNG) VÀ HỆ THỐNG GIẤY RỜI:

Là dạng Mật thư quen thuộc, có nơi còn gọi là Mật thư Góc vuông - Góc nhọn, cứ mỗi ô sẽ chứa 2 chữ.

F. TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ:

- Khóa kép: người ta sử dụng 2 hệ thống trở lên trong cùng một mật thư để mã hóa. Cái này dùng để tránh trường hợp các bạn là chuyên gia "mò".

- Các trường hợp không thuộc hệ thống nào hết (hoặc khó mà phân biệt cho rõ nó là hệ thống gì): loại này xuất hiện ngày càng nhiều và phổ biến hơn vì dựa vào ngẫu hứng ra đề của mấy bác ưa chơi TCL.

III. CÁCH GIẢI MẬT THƯ:

- Bình tĩnh
- Tự tin nhưng không chủ quan
- Nghiên cứu khoá giải thật kỹ
- Đặt các giả thiết và lần lượt giải quyết
- Đối với mật thư trong trò chơi lớn, ta nên sao y bản chính và chia thành nhiều nhóm nhỏ để dịch. Như thế ta sẽ tận dụng được hết chất xám trí tuệ ở trong đội tránh tình trạng xúm lại chụm đầu vào tranh nhau 1 tờ giấy để rồi kết quả không đi tới đâu.
- Cuối cùng nếu dịch xong, ta viết lại bản bạch văn cho rõ ràng, sạch sẽ và đầy đủ ý nghĩa.

IV. YÊU CẦU VÀ MỤC ĐÍCH CỦA MẬT THƯ:**1. Yêu cầu :**

Mật thư đưa ra phải phù hợp với trình độ người chơi, tránh tình trạng quá khó sẽ làm người chơi nản lòng. Tuy nhiên, không nên đưa ra mật thư quá dễ sẽ làm cho cuộc chơi mất phần thú vị. Người lập mật thư nên tạo ra những mật thư đòi hỏi người chơi động não.

Mật thư phải phù hợp với lứa tuổi, tâm lý của đoàn sinh, đối với ngành thiếu thì năng động. Mật thư trong GDPT nên mang một nét đặc thù riêng như được viết dưới dạng Phật hoá hay mang tính giáo dục. Nội dung của mật thư có thể là yêu cầu đoàn sinh nhắc lại 1 bài học nào đó.

Phù hợp với hoàn cảnh, mục đích, thời gian của cuộc chơi.

Mật thư đưa ra phải chính xác rõ ràng.

2. Mục đích :

Trong phạm vi hoạt động thanh niên, mật thư đưa ra để giáo dục, vui chơi, luyện trí. Rèn luyện cho đoàn sinh sự nhạy bén, sáng suốt, năng động, phán đoán, khả năng xoay sở khi gặp khó khăn để phục vụ nhân sinh xã hội, giúp đỡ người khác theo châm ngôn Bi – Trí – Dũng và theo tinh thần tự lợi tự tha của đạo Phật.

Về mặt tinh thần, môn học này nhằm đào luyện tự tin, tự chủ, trước mắt nhằm tạo cho đoàn sinh sự tò mò thích thú, tập tính toán, suy diễn, đặt giả thuyết quanh vấn đề cho đến khi đạt được mục đích.

V. MẬT THƯ TIẾNG VIỆT:

Tiếng việt có 5 dấu giọng: sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng.
Và các nguyên âm, phụ âm đặc biệt :

Ô, Ơ, Ê, Ẫ, Â, Ư, Đ

Quy ước trong điện tín :

S : Dấu sắc DD : Đ

F : Dấu huyền OO : Ô

R : Dấu hỏi EE : Ê

J : Dấu nặng AA : Â

X : Dấu ngã AW : Ẫ

OW : Ơ

UW : Ư

Trong 1 số mật thư người ta không dung dấu được quy ước trong điện tín mà sử dụng loại mẫu tự Việt gồm 29 chữ cái:

A Ẫ Â B C D Đ Ê Ê G H I K L M N O Ô O P Q R S T U Ư V X Y

Nhưng thông thường vẫn là loại mẫu tự 26 chữ cái :
A B C D E F G H I J K L M N O P Q R S T U V W X Y Z

VI. MỘT SỐ DẠNG MẬT THƯ THAM KHẢO :**Khóa : Anh ngã Em nâng**

Ngã : trong cách đánh máy vi tính là X

Anh : là N

Em: là M

Khóa : Ngược đời Em, Việt Nam mà so với phương tây àh!

Ngược đời Em : là ngược của chữ M tức là W

Việt Nam : có hình chữ S

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Khóa : QN 23

Tức là dung bảng mẫu tự quốc ngữ 23 chữ cái

Khóa : Nhất tâm khởi niệm, quay đầu là bờ

Nhất là 1

Bờ : là b trong bảng mẫu tự 29 chữ cái

Quay đầu : tức là 1 = b thì 2 = a

Khóa : Tiến vào Rừng tìm Hoa

Tức là tìm các chữ viết hoa trong 1 đoạn văn rồi ghép lại

Khóa : Đơn thì cho ngắn, Đa thì lại dài

A,E,I,Y,O,U : thì là tích (.)

B,C,D,F,P,Z....: thì là tề (-)

Đây là khóa giải theo cách đọc các chữ cái

Khóa : Tôi nóng quá !

Đây là dạng MT hóa học. Tôi nóng quá thì chúng ta đem đi nhúng nước, thì BV sẽ hiện ra (và ngược lại, **Tôi lạnh quá !**)

Khóa : A = 111

A = 111 tức là bảng 1, hàng 1, cột 1 là chữ A

A	B	C
D	E	F
G	H	I

Bảng 1

I	J	K
L	M	N
O	P	Q

Bảng 2

R	S	T
U	V	W
X	Y	Z

Bảng 3

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Khóa: 0001 = A 01101 = M 01110 = N 11010 = Z

BV :

10100, 00001; 00100, 00100, 01111, 00001, 01110, 00110;

00001, 01111, 10011; 01100, 00001, 01101 - AR -

Nội Dung : Ta Đoàn Áo Lam

Nhi phân	Thập phân	
00001	1	A
00010	2	B
00011	3	C
00100	4	D
00101	5	E
00110	6	F
00111	7	G
01000	8	H
01001	9	I
01010	10	J
01011	11	K
01100	12	L
01101	13	M
01110	14	N
01111	15	O
10000	16	P
10001	17	Q
10010	18	R
10011	19	S
10100	20	T
10101	21	U
10110	22	V
10111	23	W
11000	24	X
11001	25	Y
11010	26	Z

Tóm lại, Mật thư rất là đa dạng và phong phú, có khi người làm mật thư có thể kết hợp nhiều hệ thống lại hoặc biến tấu. Nó đi để tăng độ khó cho người giải. Điều quan trọng là khi làm Mật thư phải tránh được sự vô lý để người giải có thể hiểu được hàm ý của người làm.



TRÒ CHƠI LỚN

ĐỊNH NGHĨA :

Trò chơi lớn sẽ phân biệt với trò chơi nhỏ. Trò chơi tức là cái gì cũng lớn: thời gian chơi rất dài, có thể từ 2 giờ đồng hồ, thậm chí kéo dài cả 3 – 4 ngày liền. Người chơi rất đông từ 20 đến 60 người chơi trong một trận. Không gian rộng: từ những công viên, bảo tàng, cánh rừng hay cả thành phố, thậm chí kéo dài từ Hà Nội vào Cửa Lò... Trò chơi lớn tổng hợp rất nhiều trò chơi nhỏ, bài hát, băng reo. Ngoài ra trò chơi lớn của AC phải diễn ra theo một cốt truyện nào đó. Và một điều đặc biệt là tổ chức một chương trình trò chơi lớn phức tạp hơn tổ chức trò chơi nhỏ rất nhiều. Như vậy, trò chơi lớn có thể hiểu đơn giản là trò chơi lớn về thời gian, không gian, số lượng người, số lượng trò chơi, tính chất tổ chức...

Người chơi thu nhận được những kỹ năng về tư duy, quan sát, lắng nghe, hợp tác đồng đội, sáng tạo, kỹ năng lãnh đạo nhóm... Người chơi được rèn luyện đức tính nhẫn nại, tỉ mỉ, chăm chú khi đi tìm mật thư, sức mạnh và thể lực dẻo dai trong suốt quá trình chơi.

Để có thể tổ chức tốt một chương trình Trò chơi lớn thật hấp dẫn, vui tươi thì phải đòi hỏi một số yêu cầu như sau:

I. ĐỐI VỚI NGƯỜI CHỈ HUY CHUNG:

1. Phải xác định chủ đề, tên gọi, mục tiêu của Trò chơi lớn:

- Chủ đề của Trò chơi lớn có thể là: những câu chuyện lịch sử truyền thống, chuyện cổ tích thần thoại, chuyện phiêu lưu mạo hiểm, trinh thám, khoa học viễn tưởng hay hợp bạn...

- Tên của Trò chơi lớn phải gắn với chủ đề nhằm giúp người chơi vào vai trong suốt cuộc chơi. Ví dụ như: Đi tìm kho báu của Thần Mặt trời, Chiến thắng Điện Biên Phủ, Hành trình khoa học...

- Mục tiêu và yêu cầu của trò chơi là nhằm kiểm tra kỹ năng chuyên môn, giáo dục truyền thống, rèn luyện thể chất và giao lưu giữa các bạn.

2. Phải nắm vững kỹ năng chuyên môn:

- Kỹ năng chuyên môn là gì? Là các lý thuyết được huấn luyện bây giờ ứng dụng cụ thể trong kỳ trại hay Trò chơi lớn.

- Người tổ chức Trò chơi lớn giỏi phải là người nắm vững các kỹ năng sinh hoạt tập thể như: truyền tin, mật thư, nút dây, dấu đường, cứu thương... và phải có kinh nghiệm trong xử lý các tình huống trong Trò chơi lớn như: các đội quá khích, đi sai theo lộ trình dự kiến...

3. Phải nắm rõ địa hình, địa thế:

- Trò chơi lớn có thành công không cũng phụ thuộc nhiều vào việc người thiết kế Trò chơi lớn biết chọn địa điểm

sao cho phù hợp với cuộc chơi. Trên từng ngã đường, đồi núi, cây cỏ, sông suối... phải gắn liền với nội dung hoạt động cho phù hợp kịch bản.

- Mặt khác người tổ chức phải biết cách vẽ sơ đồ Trò chơi lớn, bản đồ chạy trạm và cách thức di chuyển. Cách di chuyển giữa các trạm ra sao? Hình thức chạy trạm xoay vòng hay cuốn chiếu? Đi cụm hay từng đội riêng biệt?

- Để thực hiện tốt việc bố trí trạm qua căn cứ địa hình, bắt buộc người tổ chức phải tham gia tiền trạm.

** Ghi chú: “tiền trạm” là một thuật ngữ trong sinh hoạt để nêu lên quá trình nghiên cứu thực địa nơi ta dự kiến tổ chức hoạt động nhằm nắm được các yếu tố thiên nhiên và con người địa phương. Qua đó tổ chức tốt các hoạt động tại trại.*

4. Bố trí lực lượng cho Trò chơi lớn:

a. Đối với lực lượng Ban tổ chức:

- Phải xác định có bao nhiêu trạm, địa điểm ở đâu?
- Mỗi trạm bao nhiêu người? Có đủ sức không?
- Nhiệm vụ của từng thành viên trong mỗi trạm?
- Việc điều phối bổ sung lực lượng của trạm ra sao?
- Nội dung mỗi trạm làm gì?

“Kỷ luật - Thống nhất - Công bằng - Tuyệt đối bí mật” là những nguyên tắc mà mỗi thành viên trong Ban tổ chức phải chấp hành.

b. Đối với người tham gia Trò chơi lớn:

- Số lượng người chơi là bao nhiêu?
- Sự chênh lệch giữa nam – nữ? Điều đó có quan trọng không?

- Độ tuổi của người tham gia? Có ảnh hưởng gì không?
- Trình độ và mức độ tham gia của các đội?

Nếu ta trả lời được những câu hỏi đặt ra thì ta sẽ thiết kế trò chơi vừa sức, không quá khó hay quá dễ. Cuối cùng có thể chuẩn bị cho mỗi đội tham gia có đặc điểm riêng biệt nhằm dễ nhận biết như nón, áo, thẻ đeo...

5. Xác định thời gian diễn ra Trò chơi lớn:

- Ta căn cứ vào những yếu tố: tổng số trạm, đoạn đường di chuyển, trình độ tham gia của các đội và mức độ các nội dung thử thách để xác định thời gian tối thiểu và tối đa cho từng trạm và cả cuộc chơi.

- Tùy vào chủ đề, địa điểm, thời tiết, điều kiện tổ chức, đối tượng tham gia mà ta xác định thời điểm xuất phát và kết thúc của cuộc chơi: ban đêm, khuya, sáng hay chiều.

6. Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ:

- Ta phải căn cứ vào nội dung thử thách từng trạm mà tiến hành chuẩn bị các dụng cụ cho cuộc chơi thật đủ và chi tiết. Nên chẳng có thêm công tác chăm lo sức khỏe cho người tham gia. Yếu tố vật dụng trò chơi cũng được xem là quan trọng vì nó diễn tả ý đồ kịch bản được hoàn hảo.

- Trước khi diễn ra Trò chơi lớn phải họp Ban tổ chức để rà soát lại sự chuẩn bị của các trạm và có thể thông báo cho các đội và cá nhân người tham gia những vấn đề cần chuẩn bị trước.

7. Xây dựng kịch bản và diễn tiến Trò chơi lớn:

Khi đã nắm vững các yêu cầu trên thì công việc cuối cùng là viết kịch bản Trò chơi lớn bao gồm:

a. Những vấn đề chung:

- Tên trò chơi? Mục đích, yêu cầu? Số lượng tham gia?
- Thời gian tiến hành? Nội quy và hiệu lệnh chung?
- Biên chế đội? Vật dụng các trạm?

b. Diễn biến trò chơi phải tuân theo trình tự như kịch bản:

- Trạm xuất phát ở đâu? Kết thúc ở đâu?
- Diễn biến chạy trạm? Xoay vòng hay cuốn chiếu?
- Ai chịu trách nhiệm điều phối diễn biến trò chơi?

Trước khi chơi, người điều phối có thể giới thiệu sơ nét về tên gọi và những chặng thử thách cho người chơi. Để tạo sự bất ngờ và thú vị cho người chơi thì toàn bộ kế hoạch Trò chơi lớn phải được giữ bí mật tuyệt đối.

II. ĐỐI VỚI NGƯỜI THAM GIA:

1. Phải có sức khỏe:

Đây là tiêu chuẩn đầu tiên vì Trò chơi lớn đòi hỏi sự vận động tối đa cả về trí tuệ và sức lực, nếu sức khỏe yếu sẽ ảnh hưởng cho đơn vị trong quá trình chơi.

2. Phải có kỹ năng:

Người chơi phải biết ít nhất một trong những nội dung sinh hoạt tập thể để thực hiện tốt các nội dung tại trạm. Đa số qua các Trò chơi lớn thì lực lượng “*ăn theo*” dường như đông hơn những bạn có chuyên môn. Qua cuộc chơi thì những bạn này cũng sẽ rút ra những kinh nghiệm và bài học cho riêng mình để phấn đấu trong thời gian tới.

3. Phải có tính kiên trì, chịu khó, linh hoạt, sáng tạo và chủ động được thời gian:

Đây là vai trò, đức tính của người phụ trách, đội trưởng mỗi đội.

4. Phải trung thực, ý thức kỷ luật và tinh thần tập thể cao:

Đây là nguyên tắc bắt buộc của người tham dự Trò chơi lớn.



LỬA TRẠI

I. NGUỒN GỐC :

Trong cuộc sống nguyên thủy, ngẫu nhiên con người phát hiện ra lửa từ tiếng sét trên trời cao trong những đêm giông tố bão bùng. Và một ngày kia, vô tình họ cọ xát những viên đá vào nhau; tia sáng bùng lên và tạo ra lửa. Lửa trở thành nguồn sống của con người, giúp con người thoát khỏi đời sống nguyên sơ. Từ cuộc sống săn bắt, hái lượm, con người đã biết dùng lửa để sưởi ấm, nướng chín thức ăn, tránh thú dữ và hợp quần “bầy” sau những lúc săn bắt thú rừng, những lúc chiến thắng. Nhờ đó, lửa là sản vật thiêng liêng, vừa là khởi điểm cho những sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người sơ khai.

Ngọn lửa bùng sáng... bóng tối và cái lạnh đáng sợ lùi dần, đám dã thú sợ hãi và con người trở nên không lồ trước chúng. Ngọn lửa bùng lên... ngạc nhiên trong cái nhìn linh thiêng, cho con người cái ý nghĩa hãy đến với nhau, giúp sức và chia sẻ sự khó nhọc, tương trợ và cùng xây đắp tinh thần trước mỗi khó khăn. Rồi cũng từ đó cuộc sống “bầy, đàn” thêm ý nghĩa hơn lên; họ muốn nói, muốn hát cho nhau nghe, họ muốn múa, muốn nhảy để cảm tạ thiên nhiên cũng như biểu thị sự chiến thắng trước thiên nhiên.

Con người giờ đây đã biết sử dụng lửa để ăn chín, xua đuổi thú dữ, sưởi ấm, sum họp sau mỗi ngày lao động. Họ đã biết tổ chức lễ hội, mừng chiến thắng...

Lửa xua đi lạnh lẽo, bóng tối, sợ hãi... những sinh hoạt cộng đồng của các bộ tộc người nguyên thủy đã được tái hiện bên ánh lửa. Họ tâm sự, trao đổi kinh nghiệm sau ngày lao động vất vả; họ diễn tả lại những công việc họ làm một ngày... Cứ thế, cứ thế từ thế hệ này đến thế hệ khác không ngừng nghỉ...

Trong truyền thuyết Việt Nam có vua Lửa - có các lễ hội liên quan đến lửa: lễ hội cồng chiêng, lễ hội đâm trâu, có tục cúng thần Lửa, thần Rừng, thần Núi và thần Sự Sống... Trên thế giới, trong thần thoại Hy Lạp có thần Prômê-tê đã đánh cắp lửa Trời cho nhân loại, chấp nhận sự trừng phạt của thần Dớt, đem lửa cho con người để xua đi bóng tối, u tối... Gần đây nhất, các thương đội sau một ngày vất vả, khi đêm xuống họ quây quần bên nhau quanh đống lửa kể cho nhau nghe những câu chuyện vui buồn và đôi khi họ còn diễn lại các vai hào hiệp trong các câu chuyện thần thoại xa xưa, vừa canh lửa cướp, vừa chống lại cái lạnh của núi rừng, sa mạc... mang hơi ấm sẻ chia.

Nước ta từ xưa có một tục lệ rất hay là đêm giao thừa cả gia đình cùng quây quần bên lò nấu bánh để canh lửa chờ năm mới đến, trong thời gian này họ ôn lại hình ảnh của những người quá cố trong gia tộc, những người thân xa quê hương như hướng về cội nguồn, tổ tiên.

II. Ý NGHĨA.

Từ đó lửa có ý nghĩa tượng trưng cho sự văn minh, chân lý, lẽ phải, cái thiện, xua đuổi cái ác, biểu tượng của sự đấu tranh cho chân lý; trở thành những tín ngưỡng thiêng liêng, những nghi lễ, nghi thức truyền thống (thờ thần Lửa, lửa thiêng Olympic, lửa truyền thống, lửa vĩnh cửu tôn vinh tinh thần các anh hùng liệt sĩ...), lửa còn biểu tượng cho khát vọng chiến thắng, cho sức trẻ, cho sự vươn lên của con người. Ngày nay lửa được sử dụng trong sinh hoạt trại là hình thức sinh hoạt văn hóa, là nghi thức thiêng liêng trong khai mạc, bế mạc các hoạt động mang tính cộng đồng rộng lớn như trong các kỳ Đại hội TDTT - Olympic...

Khi sinh hoạt về đêm, lửa trại làm cho con người và khung cảnh thiên nhiên thêm hòa quyện; tình thân ái thêm đậm đà, kỷ niệm được khắc sâu, tinh thần đoàn kết, tinh thần đồng đội thêm thấm thiết, tâm hồn cao thượng, nhân ái được truyền đi trong mỗi con người; tình yêu quê hương đất nước được khơi dậy, xua đi những bận rộn toan tính đời thường để sống hồn nhiên thanh thản với mọi người và thiên nhiên. Mọi người có thời gian tĩnh tâm:

+ Để chiêm nghiệm cuộc sống của mình trong thời gian qua, để sống đẹp hơn cho đời, làm cho tất cả thành viên hiểu biết nhau hơn, để thành tâm nhắc nhở những việc chưa hay, tuyên dương những điều tốt đẹp trong sinh hoạt và cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

+ Để vui thân ái sau một ngày trại bằng lời ca, tiếng hát, bằng nhiều điệu múa hân hoan trong giọng nói tiếng cười hồn nhiên và sáng khoái.

+ Để kết đoàn trong vòng tay kết chặt, để tạo cho nhau niềm cảm mến và khắc lại những kỷ niệm không phai.

+ Để truyền đi lòng cao thượng và động lại trong mỗi trái tim lòng nhân ái.

+ Để từng lá cây, ngọn cỏ, tiếng sóng vỗ bờ, những ngôi sao trên cao và không gian bao la bên ngọn lửa mang lại cho mọi người những mối giao hòa bất tận.

Lửa trại là một cuộc họp vui, thân mật có hiệu lực gây thiện cảm giữa mọi người, tạo những kỷ niệm khó xóa mờ trong cuộc sống. Lửa trại cũng là một giải trí thanh cao, giúp đoàn viên phát triển những đức tính tốt đẹp, kích động lòng ngưỡng mộ tôn kính Phật đà

III. CÁC HÌNH THỨC LỬA TRẠI

Tùy theo sự khác biệt về hình thức, nội dung và nhất là tinh thần của mỗi lửa trại, chúng ta có thể phân loại lửa trại như sau: Lửa trại họp đoàn, lửa trại kết thân, lửa khai mạc, lửa trại truyền thống, lửa trại chủ đề, lửa dặm đường, lửa trại nghệ thuật, hoa lửa...

Tùy điều kiện, lửa trại có thể tổ chức trong nhà, bày ra các mô hình giả lửa trại như: điện, nến, que củi xếp theo mô hình lửa trại.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Căn cứ vào mục đích, số lượng người tham gia, chúng ta có thể phân loại như sau:

1. Lửa trại họp đoàn

* Mục đích và ý nghĩa :

Sinh hoạt riêng của tiểu trại, chi hội, đội nhóm... Sinh hoạt trước đêm có lửa trại chính thức hoặc lửa trại tổng kết: quây quần, thân ái, tin tưởng...

* Nội Dung :

Sinh hoạt nhẹ nhàng: trò chơi, ca hát cộng đồng, rút kinh nghiệm những việc làm, hoạt động trong ngày, thống nhất những dự tính công việc và hoạt động cho những ngày tiếp theo. Nếu chuẩn bị cho trại tổng kết thì nêu những ưu khuyết điểm để rút kinh nghiệm, trao đổi...

* Thời gian tổ chức :

Sau mỗi ngày hoạt động, kéo dài khoảng từ 30 phút đến 45 phút.

2. Lửa trại kết thân : (lửa trại tiếp xúc, giao lưu)

* Mục đích và ý nghĩa :

Tổ chức giữa các đơn vị còn xa lạ để biết hơn về nhau. Tổ chức giữa các đơn vị kết nghĩa.

Sinh hoạt giữa các trại sinh trong cùng đơn vị trại.

* Nội dung :

Sinh hoạt làm quen.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Giới thiệu nét đặc trưng của các đơn vị với nhau.
Hoạt động giao lưu chung - liên kết hoạt động.
Trao quà lưu niệm tập thể, cá nhân.

*** Thời gian tổ chức :**

Ngay đêm đầu tiên gặp gỡ, kéo dài khoảng từ 45 phút đến 60 phút.

3. Lễ khai mạc

*** Mục đích và ý nghĩa :**

Khai mạc một đợt trại dài ngày như trại huấn luyện, trại sinh hoạt, trại hè...

Ra mắt Ban chỉ huy trại, trại sinh của các đơn vị.
Chính thức nhập trại hoạt động.

Hình thức: Trại huấn luyện, trại dài ngày.

*** Nội dung :**

Gọi lửa, nhảy lửa, sinh hoạt truyền thống.

Châm đuốc khai mạc.

Nghi lễ chào cờ.

Nghi thức khai mạc.

Trại trưởng nói chuyện (ngắn gọn, súc tích, đúng chủ đề)

Đề đơn giản bớt phần tổ chức, trong một hội trại dài ngày có thể kết hợp lửa trại giao lưu (đã nói ở phần trên) và lửa trại khai mạc vào một đêm, phần giao lưu, tiếp xúc, làm quen... được tiến hành trước và sau là phần khai mạc ngắn gọn nhưng cũng mang tính chất trang trọng, thân ái, đoàn kết, vui vẻ...

*** Thời gian tổ chức :**

Từ 1 giờ 30 phút trở lên.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

4. Lễ trại truyền thống

*** Mục đích và ý nghĩa :**

Giáo dục truyền thống nhân các ngày kỷ niệm, ngày truyền thống.

*** Nội dung :**

Lời dẫn chuyện, sinh hoạt truyền thống, gọi lửa châm đuốc truyền thống, nhảy lửa.

Tái hiện lịch sử, truyền thống qua các hoạt cảnh lửa trại.

Giao mỗi tiểu trại chuẩn bị các đề tài nhỏ trong kịch bản tổng thể nhằm tạo hiệu ứng giáo dục trong mỗi trại sinh.

*** Thời gian tổ chức :**

Từ 1 giờ 30 phút trở lên.

5. Lễ trại chủ đề: (lửa trại tuyên truyền)

*** Mục đích và ý nghĩa :**

Tạo không khí chủ động, hấp dẫn hơn trong sinh hoạt, bằng các nội dung tọa đàm, thảo luận, hoạt động xoay quanh một hay nhiều chủ đề.

*** Nội dung :**

Gọi lửa, nhảy lửa, châm lửa trại.

Gợi ý chủ đề để mọi trại sinh tham gia.

Phổ biến chủ đề để các trại sinh chuẩn bị: Lịch sử của tổ chức - công tác trao truyền – huấn luyện...

Lời căn dặn của trại trưởng trước khi kết thúc Trại

*** Thời gian tổ chức :**

Từ 1 giờ 30 phút trở lên.

6. Lửa đặm đường

* Mục đích và ý nghĩa :

Bồi dưỡng tinh thần, nâng cao khí thế sau một ngày hành quân mệt nhọc, gặp gỡ sau một ngày hành quân cắm trại.

* Nội dung :

Sinh hoạt thư giãn, ca hát, chuyện trò trao đổi câu chuyện trên đường hành quân.

Mỗi thành viên góp chương trình một cách tự nhiên.

Trao đổi rút tía kinh nghiệm cho ngày mai, cho tương lai.

Người phụ trách nói lời tàn lửa, chúc mọi người ngủ ngon.

* Thời gian tổ chức :

Thông thường từ 45 phút đến 1 giờ.

7. Lửa trại nghệ thuật

* Nội dung :

Lửa trại thông tin cổ động

Liên hoan hát dân ca

Liên hoan ca kịch, tiểu phẩm

Sáng tác văn thơ, hội họa

Âm nhạc, hợp xướng

Liên hoan các nhóm, ban nhạc, ca khúc...

Lửa trại loại này khó thành công vì phải kết hợp được nhiều yếu tố tiến sang lãnh vực nghệ thuật sân khấu. Đơn giản và dễ thành công nhất là những tuồng điệu bộ, những bản dân ca, những điệu vũ dân tộc, kể cả đọc sách ngâm thơ... đã được

các tiểu trại tập dợt thành thạo từ lâu và để dành riêng cho loại lửa trại đặc biệt này.

* Thời gian tổ chức :

Khoảng 1 giờ 30 trở lên.

8. Lửa hoa : (dành cho thiếu nhi)

* Nội dung :

Phụ trách hát, kể chuyện.

Các em hóa trang thành những con thú dễ thương, bông hoa đẹp diễn cảnh theo nội dung từng bài hát, câu chuyện...

* Thời gian tổ chức :

Khoảng 45 phút đến 1 giờ.

9. Lửa tĩnh tâm

* Mục đích và ý nghĩa :

Làm cho tinh thần của đoàn thể thêm gắn bó, sắt son. Suy ngẫm những điều hay dở trong cuộc sống mà mình đã trải qua để rút ra những điều tốt đẹp cho cuộc sống và cho mọi người.

* Nội dung :

Trại trưởng có lời dẫn cho đêm lửa trại tĩnh tâm.

Chuẩn bị 1 ngọn nến cho mỗi người, 1 nhóm từ 3 đến 5 người.

Một nhóm lửa nhỏ cho nhóm người, phân đội, tiểu trại.

Một đồng lửa trại cho 1 chi hội, tiểu trại...

Tất cả im lặng mặc tưởng bên đồng lửa trại, ngọn lửa như ánh sáng chân lý soi rọi những điều hay dở trong lòng mỗi

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

người, tất cả mọi trại sinh cùng suy ngẫm, mặc tưởng trong im lặng (tĩnh tâm khoảng 10 phút).

Sau đó các trại sinh sẽ nói lên những cảm nghĩ từ đáy lòng mình, những suy gẫm rút ra từ cuộc sống, từ những điều hay và chưa hay để hướng đến cái tốt đẹp chân, thiện, mỹ. Suy ngẫm nhắc nhở lại tôn chỉ mục đích của đoàn thể. Trại trưởng giải thích những băn khoăn, làm thông suốt tư tưởng cho Trại sinh.

*** Đối tượng :**

Dành cho những người tham gia hoạt động nhiều năm trong tổ chức GDPT VN.

*** Thời gian tổ chức :**

Lửa được tổ chức vào đêm khuya, không gian tĩnh lặng (khoảng 30 phút đến 45 phút), khi tàn lửa trại chính thức.

Chú ý: Lửa tĩnh tâm chỉ có lời dẫn chuyện, phút mở đầu và tâm sự, nhắc nhở định hướng khi phút kết thúc của trại trưởng, không có nghi thức khai mạc, bế mạc, không có những sinh hoạt sôi nổi.

Lửa tĩnh tâm là phương pháp giáo dục Tâm, Đức, Trí, xuất phát từ tâm niệm của mỗi người, là hình thức giáo dục và tự giáo dục cao trong các loại hình lửa trại.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

10. Lửa trại tổng kết: (dùng cho kết thúc một ngày trại)

*** Mục đích và ý nghĩa :**

Tái hiện lại các hoạt động lửa trại, tạo ấn tượng mạnh về các kỷ niệm tại đất trại để tạo mối dây liên kết mọi trại sinh, mọi đơn vị trước khi kết thúc cuộc trại.

Phát huy nét riêng, sở trường, khả năng tháo vát sáng tạo của trại sinh, của mỗi đơn vị từ các chủ đề tại đất trại.

*** Nội dung :**

Gọi lửa, nhảy lửa.

Từng đơn vị tự thiết kế và tự giới thiệu về nét đặc trưng của đơn vị mình (chương trình tự giới thiệu có hóa trang). Mỗi đơn vị có một chương trình tham gia, tùy yêu cầu từ 10 đến 15 phút (hợp ca, đồng ca, múa, kịch, tấu hài, hóa trang văn, thơ, nhạc, kịch...).

Sinh hoạt chung toàn trại.

Lời tổng kết của trại trưởng về những ấn tượng khó quên nơi đất trại như nhật ký trại...

Các đơn vị chia tay về trại nghỉ, có thể sinh hoạt nhẹ, tâm sự, nói chuyện nhưng không tổ chức sinh hoạt ồn ào, náo động...

*** Thời gian tổ chức :**

Từ 1 giờ 30 trở lên.

IV. KINH NGHIỆM TỔ CHỨC LỬA TRẠI

Tùy từng lứa tuổi, các đêm lửa trại nên được tổ chức với nhiều hình thức khác nhau, đáp ứng nhu cầu tinh thần và thích hợp với điều kiện tâm sinh lý của từng đối tượng.

- **Lửa tuổi thiếu nhi:** Hình thức Hoa Lửa, chỉ nên kéo dài 45 phút đến 1 giờ; gồm nhiều tiết mục múa hát có xen kẽ trò chơi nhỏ, có bánh kẹo cho thêm phần vui nhộn, kết thúc tối đa vào lúc 22 giờ để đảm bảo sức khỏe.

- **Lửa tuổi thanh niên:** Lửa trại kéo dài từ 1 giờ trở lên (tùy theo nội dung và hình thức lửa trại mà chọn thời gian cho phù hợp). Có gọi lửa và nhảy lửa; phần văn nghệ có ca, múa, kịch, hoạt cảnh... xen kẽ các trò chơi. Kết thúc tối đa lúc 23 giờ.

Riêng lửa tĩnh tâm nên bắt đầu sau 23 giờ.

- Hình thức Lửa dặm đường: thường dành cho các đội nhóm, các đối tượng tham quan, du lịch, dã ngoại... nếu thích có thể kéo dài qua đêm không ngủ; không cần gọi lửa và nhảy lửa; có thể tổ chức trong nhà, trên sân thượng, ngoài vườn trên bãi biển... phần văn nghệ hoàn toàn tự phát, chính yếu là trò chuyện chia sẻ theo từng chủ đề; có thể có làm bánh, nướng thịt, lùi khoai và bắp ngô... ăn uống vui vẻ với nhau.

Trong 3 hình thức nêu trên, dạng Lửa trại là thông dụng nhất vì nó có thể bao gồm các loại lửa khác tùy theo chương trình nội dung và mục đích ý nghĩa của từng cuộc trại. Hơn nữa, kỹ thuật tổ chức một đêm lửa trại đòi hỏi nhiều chi tiết

phức tạp, nên chúng ta cần đi sâu tìm hiểu dạng này. Một khi đã từng trải qua một đôi lần tổ chức lửa trại, các bạn sẽ có kinh nghiệm hơn để thực hiện dạng Hoa lửa và Lửa dặm đường.

Tóm lại tuy có những hình thức lửa trại khác nhau nhưng tất cả đều có một yêu cầu duy nhất, đó là nội dung và đề tài trong đêm lửa trại. Khi tổ chức cần chú trọng đến mục đích yêu cầu của chương trình lửa trại mà có sự chuẩn bị cho phù hợp cả về nội dung và hình thức. Đặc biệt nên chú trọng đến đối tượng sinh hoạt của đêm lửa trại.

* NGUYÊN TẮC CĂN BẢN:

Lửa trại vốn là tổng hợp của 3 yếu tố:

- Lửa - khung cảnh - con người, cũng là mang ý nghĩa giáo dục theo tinh thần nguyên thủy: Văn minh - thiên nhiên - chiến thắng - ẩm cúng - tâm sự - nghỉ ngơi (tránh các hoạt động phi văn hóa, phản giáo dục).

- Lửa trại cần tránh nơi đông đúc, ồn ào để mọi thành viên có thể tự do bộc lộ khả năng, ý kiến...

- Lửa trại phải tổ chức cho các thành viên đều được tham gia, tránh sự thụ động chỉ ngồi xem, hưởng thụ.

- Lửa trại có những nguyên tắc thực hành để đảm bảo được ý nghĩa: diễn tả được những tình cảm, công việc của những người cùng quay quần xung quanh đồng lửa.

- Lửa trại không phải là sân khấu văn nghệ mà là cuộc hội họp, gặp gỡ, trao đổi quanh lửa của các bạn bè vào buổi tối. (Ngoại trừ trường hợp tổ chức Lửa trại nghệ thuật).

- Nên tập trung tới lửa trại toàn bộ những người chung sống ở đất trại, trong cùng đội nhóm, nếu không lửa trại sẽ mất đi ý nghĩa của nó, hoặc biến thành một cuộc biểu diễn văn nghệ đơn thuần.

- Tôn trọng tinh thần của khung cảnh. Đừng làm điều gì không ăn nhịp với cảnh sắc tinh thần của tập thể để mất đi phần thích thú, bổ ích, tao nhã.

- Lửa trại phải diễn ra vào ban đêm, không phải vào lúc còn sáng và cũng không bắt đầu còn tranh tối tranh sáng. Lửa trại là chỗ sáng nhất của đêm tối, qui tụ mọi nhãn quang của những người ngồi chung quanh bởi tối trời, bởi giá lạnh, bởi nỗi hãi sợ hay tình thân ái.

- Lửa trại phải là công việc chung cuối cùng trong ngày hoạt động và cũng là công việc cá nhân cuối cùng. Tham gia lửa trại chính là lúc mỗi người nghỉ ngơi, di dưỡng tinh thần, bù lại mọi cố gắng trong ngày làm việc đầy đủ, sinh động, đây cũng là lúc tĩnh tâm tưởng niệm, lúc tâm tình cởi mở.

- Có thể dùng những phút cuối cùng của đám than hồng trong đêm tối để làm lễ tĩnh tâm cho một vài trại sinh sau lễ lửa tàn.

V. TỔ CHỨC MỘT ĐÊM LỬA TRẠI:

Để tổ chức một buổi lửa trại cho có kết quả, chúng ta phải biết chuẩn bị những công đoạn sau:

1. Chuẩn bị cơ bản:

- Thông báo cho các Tiểu trại hay các Đội trưởng trước về chủ đề của buổi lửa trại và số lượng tiết mục mà họ có thể tham gia.

- Trại sinh nếu chưa rành các nghi thức thì phải tập luyện hay ôn lại cho thống nhất và đồng bộ. Ôn lại những băng reo, bài hát, luân xướng, ca múa cộng đồng...

- Các dụng cụ hóa trang thường được tận dụng những thứ có sẵn như chăn màn, dụng cụ đi trại... chứ đừng đặt nặng vấn đề đạo cụ, may sắm như một đoàn hát. Các tiết mục trình diễn, được chuẩn bị trong thời gian ở trại. Nếu lửa trại có đề tài đã được thông báo trước, thì tiết mục nên xoay quanh chủ đề đã chọn.

2. Chuẩn bị địa điểm:

- Chọn một khu đất khô ráo, rộng rãi, thoáng đãng, không có tàn cây đưa ra trên đồng lửa, không có những hố trũng, gốc cây, rễ cây... Dọn sạch sẽ đất đá và gom sạch lá khô chung quanh.

- Chuẩn bị chỗ ngồi cho khách mời (nếu có) và Ban Tổ chức được thoải mái tự do, trên gió, gần nơi trình diễn...

- Nếu là sân xi măng hay gạch, chúng ta lót thiếc, vỏ cây, lá cây... ở dưới trước, sau đó đổ cát lên, để sân không bị quá nóng dẫn đến nứt nẻ.

3. Chọn đề tài:

- Để cho buổi lửa trại có ý nghĩa, chúng ta nên cô đọng chương trình trong một chủ đề nào đó. Thí dụ: Nếu là buổi lửa trại kỷ niệm ngày thành lập đơn vị, chúng ta nên xoay quanh nguyên lý phong trào, truyền thống đơn vị... Nhưng vẫn không làm mất đi sự vui tươi, trẻ trung, dí dỏm...

- Hoặc đang cắm trại tại một địa danh lịch sử, một đền thờ anh hùng dân tộc, một di tích... thì chủ đề cũng nên đặt trọng tâm vào đó, tìm hiểu và nêu gương để giáo dục trại sinh.

4. Sắp xếp củi:

Có nhiều hình thức sắp xếp củi cho một buổi lửa trại như: hình nón, hình kim tự tháp, hình lục lăng, hình tam giác... Cho dù sắp kiểu nào, thì chúng ta cũng phải cho những vật dễ bắt lửa ở dưới trước, rồi sắp cành cây hay củi nhỏ lên, sau hết mới chất củi lớn (nhớ chừa nơi châm lửa).

5. Sắp xếp đội hình:

- Nếu là lửa trại nguyên thủy thì quá dễ dàng, vì trại sinh tự động đến ngồi xuống xung quanh đống lửa là đủ. Nhưng nếu lửa trại tăng cường, nhất là những buổi lửa trại có quan khách và khán giả tham dự, thì chúng ta phải biết cách sắp xếp đội hình.

- Trại sinh ngồi hai ba vòng, không nên ngồi quá rộng, vì sẽ không nghe được tiếng nói của diễn viên (nếu không có

hệ thống khuếch âm), cũng đừng để khán giả tràn vào nơi trình diễn, gây cảnh lộn xộn.

- Quan khách được tiếp rước và hướng dẫn đến chỗ ngồi dành sẵn, trên gió, gần nơi trình diễn.

- Nhưng các bạn hãy cẩn thận, một buổi lửa trại mà có quan khách và khán giả thì sẽ biến thành buổi biểu diễn văn nghệ, không khí thân mật ấm cúng sẽ không tồn tại. Các trại sinh dễ rụt rè nhút nhát bỏ mất dịp thử nghiệm tài năng. Như thế thì giá trị giáo dục của lửa trại sẽ chẳng còn bao nhiêu.

6. Chương trình lửa trại:

- Lửa trại là một buổi trình diễn văn nghệ tự nhiên nhưng không vì thế mà chúng ta thiếu cố gắng và dễ dãi với mình để đi đến coi thường tình cảm của khán giả, và tự hạ thấp tính năng giáo dục của nghệ thuật.

- Hãy suy nghĩ để sáng tạo cái đẹp, cái thiêng liêng của ngọn lửa - đừng để lộ bịch, nhàm chán, rẻ tiền vì thiếu chuẩn bị.

- Chương trình lửa trại được Quản trò sửa soạn ít nhất là một ngày. Nhưng hình thức và nội dung được giữ kín để tạo sự hấp dẫn (ngoại trừ Quản lửa, để kịp phối hợp). Sau khi thu thập các tiết mục của các đơn vị - Quản trò sẽ tùy nghi sắp xếp, nhưng ca hát thường phải chiếm tối đa, nhất là ca múa cộng đồng. Như thế, bầu không khí sẽ sôi động, bớt uể oải, nhàm chán.

- Nên thu xếp sao cho các anh chị Ban Tổ chức và cả quan khách phát biểu hay tham gia một vài tiết mục hay mẫu chuyện (nhưng phải hỏi ý kiến của họ trước).

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Thường thì chương trình được thiết lập theo khung sau:
 - + Tập hợp (hồ lửa).
 - + Đón tiếp khách mời và Ban Tổ chức.
 - + Gọi lửa, châm lửa, nhảy lửa.
 - + Lời khai mạc (nếu có).
 - + Sinh hoạt cộng đồng, văn nghệ, ca múa...
 - + Giờ tinh thần (câu chuyện tàn lửa).
 - + Giải tán.
- Quản trò nên sắp xếp làm sao cho đến khi gần kết thúc, thì chương trình trầm lắng dần dần và kết thúc trong im lặng.

7. Thủ tục khai mạc:

a. Cách thứ 1:

- Quản trò và một số người “Hồ lửa”.
- Sau mỗi bài hát “Gọi lửa” thì nêu tên từng đơn vị mời ra khu vực lửa trại.
- Đơn vị nào nghe gọi tên mình sẽ “A” lên một tiếng thật dài và chạy ra.
- Sau khi trại sinh đã ra khu vực lửa trại hết thì mới mời các anh chị phụ trách và quan khách.
- Trại trưởng hay chủ tọa châm lửa.
- Hát bài “nhảy lửa” và cùng nhảy chung.
- Lời khai mạc (nếu có).
- Chương trình sinh hoạt, văn nghệ.

b. Cách thứ 2:

- Anh chị Ban Tổ chức tiếp tân đón quan khách từ xa và hướng dẫn vào khu vực lửa trại.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Thần Bóng đêm ra chặn lại, vừa khoe khoang khoác lác vừa hù dọa.
- Thần Ánh sáng (Quản trò) xuất hiện trong tiếng động inh tai (do trại sinh gõ bằng đủ thứ loại dụng cụ) với cây đuốc trong tay, đánh đuổi Thần Bóng đêm và hướng dẫn quan khách an tọa (trại sinh im lặng). Thần Ánh sáng lên tiếng trấn an và ca ngợi ngọn lửa, ca ngợi ánh sáng...
- Thần Ánh sáng hát bài “Gọi lửa” lần thứ nhất, tất cả hát lại lần thứ hai.
- Quản trò mời anh chị phụ trách hay chủ tọa châm lửa.- Múa và hát bài “Nhảy lửa”.
- Chương trình sinh hoạt, văn nghệ...

8. Bế mạc:

- Hết chương trình, Trại trưởng cảm ơn quan khách và khán giả. Anh chị BTC tiễn quan khách trong khi trại sinh ca bài “Tạm biệt”.
- Nếu có tinh thần, tuyên hứa thì giờ này bắt đầu chuẩn bị tiến hành.

9. Câu chuyện tàn lửa:

- Nếu lửa trại thường, thì trước khi bế mạc, Trại trưởng có “Câu chuyện tàn lửa” với tất cả trại sinh. Đây cũng là giờ tinh thần với những lời tâm tình nhắn nhủ ngắn gọn.
- Sau đó hát bài “Tàn lửa” rồi từ từ im lặng rút lui về lều của mình, tuyệt đối không vỗ tay, reo hò hay hô giải tán lúc này.

10. Quản trò:

- Người ta thường hiểu lầm: Quản trò là một anh hề, lên nhảy nhót, uốn éo để chọc cười thiên hạ. Không đơn giản như vậy đâu, người Quản trò là linh hồn của buổi lửa trại, nó quyết định sự thành đạt của buổi lửa trại đó. Người Quản trò ngoài óc khôi hài, dí dỏm, còn phải năng động, phản ứng nhanh, san lấp ngay những lỗ hổng của chương trình.

- Người Quản trò phải có nhiều vốn liếng sinh hoạt như: trò chơi, băng reo, ca múa cộng đồng... Phải biết lúc nào tạo bầu không khí sôi động, lúc nào phải trầm lắng. Biết cắt ngang một cách khéo léo những tiết mục quá dài hoặc có nội dung nhảm nhí. Biết phối hợp cùng Quản ca và Quản lửa để tạo nên một chương trình sống động.

11. Quản ca:

- Thường thì nhiệm vụ này Quản trò có thể kiêm nhiệm nhưng nếu trong buổi lửa trại lớn hay Quản trò không có năng khiếu về ca hát, thì phải có Quản ca để chia bớt gánh nặng.

- Quản ca không cần phải là ca sĩ mà chỉ cần biết hát và thuộc nhiều bài hát sinh hoạt, vui ca... Biết bắt nhịp, chia bè hát đuôi (luân xướng), biết một số bài ca múa cộng đồng, biết chọn bài hát cho đúng với hoàn cảnh, biết trại sinh đã thuộc những bài ca múa nào và cũng phải có óc hài hước, vui tươi, dí dỏm, phối hợp với Quản trò, Quản lửa cho nhịp nhàng.

12. Quản lửa:

- Là người chịu trách nhiệm về củi đốt và ánh sáng (nếu tổ chức lớn thì nên lập ra một ban ánh sáng) cho nên người

Quản lửa phải biết kỹ thuật sắp củi sao cho cháy đều, hiểu rõ tính chất cháy của những loại củi khác nhau. Lo dự trữ củi cho đủ dùng, không được thiếu nửa chừng. Là người chọn khu vực để đốt lửa, Quản lửa phải biết phòng hỏa, tránh đốt lửa dưới tàn cây xanh hay gần những cây có dầu.

- Trong lúc sinh hoạt văn nghệ, phải phối hợp với Quản trò, Quản ca, để biết khi nào cần tăng, khi nào cần giảm ánh sáng. Vì vậy Quản lửa phải biết một số xảo thuật ánh sáng và cách tạo màu cho lửa.

** Ghi nhớ:*

+ Quản trò, Quản lửa, Quản ca không nên xuất hiện khi trình diễn, trừ trường hợp cần thiết.

+ Anh chị phụ trách nào muốn tham gia cũng phải báo cho Quản trò để sắp xếp, không được giẫm chân lên phần việc của họ.

13. Công cụ hỗ trợ cho lửa trại:

** Chuột lửa:*

Là một công cụ dùng cho việc châm lửa khai mạc, có nhiều cách để chế tạo chuột lửa, tùy theo sáng kiến của mỗi người. Hoặc từ trên cao chạy xuống đồng lửa hoặc từ dưới thấp chạy lên cao rồi mới xuống đồng lửa.

** Từ trên cao chạy xuống:*

- Căng dây kẽm đến thân cây hay một điểm cao và có độ dốc vừa phải, đầu dây kẽm (phía đồng lửa) chúng ta nối

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

bằng một đoạn dây nylon ngắn để sau khi cháy thì dây đứt, không gây trở ngại cho việc trình diễn.

- Lấy lon sữa bò, lon bia... cho giẻ tẩm dầu vào, lấy dây kẽm làm thành một cái quai. Dùng tim đèn nối dài (hay vải se lại thành sợi) cột vào lon.

- Treo lon trên điểm cao nhất của sợi dây kẽm, cố định bằng dây thun, thông dây tim xuống cho vừa tẩm.

- Khi đốt, dây thun đứt, lon lửa sẽ trôi theo độ dốc xuống đồng lửa.

*** *Từ dưới chạy lên:***

- Nguyên tắc thì vẫn trượt theo dây kẽm nhưng một bên thì nhờ trọng lượng, một bên thì nhờ dây thun đàn hồi. Loại chuột lửa này chúng ta để cho hộp lon nằm ngang và làm hai khoen bằng dây kẽm để dễ dàng trượt theo dây hướng dẫn.

- Từ một góc nào đó, dùng dây thun tạo lực đàn hồi để bắn mồi lửa lên cao, có sẵn chuột lửa. Từ đó chuột sẽ chạy xuống đồng củi.

*** *Làm đuốc:***

- Dùng vải quấn quanh một cành cây tươi, lấy dây kẽm buộc lại, nhúng vào dầu. Cách này giản dị nhưng lửa cháy không bền.

- Lấy một lóng tre, trúc, nứa... vừa tay cầm và có mắt (loại còn tươi), đổ dầu vào lóng tre và nhét giẻ lại, ta có một cây đuốc cháy khá lâu.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Chẻ một lóng tre ra làm 6 hay 8 phần đều nhau, lấy lon bia hay nước giải khát (loại nhỏ) để vào và dùng dây kẽm cố định cho thật chặt, đoạn đổ dầu và nhét giẻ vào.

*** *Tạo màu cho lửa:***

Trong khi trình diễn văn nghệ, nếu Quản lửa biết cách tạo màu cho lửa, thì tiết mục sẽ thêm hấp dẫn và vui mắt. Dưới đây là một số vật liệu mà Quản lửa phải chuẩn bị để tạo màu cho lửa.

- + Lửa bùng sáng: Ném vào lửa những bao nylon nhỏ có chứa dầu lửa hay xăng, rom khô, giấy cắt vụn, thuốc pháo bông.

- + Tạo khói: Ném vào lửa rom ướt, lá cây tươi.

- + Lửa màu đỏ: Bột than.

- + Lửa xanh: Bột sulfate đồng, giấy bạc trắng.

- + Lửa vàng: Muối bột, nhựa thương phẩm.

- + Lửa tóe bông: Muối hột.

Trên đây là một số vấn đề chung về tổ chức một đêm lửa trại, trong quá trình hoạt động tùy theo điều kiện cụ thể về địa điểm, đối tượng, nội dung trại... mà ta tổ chức hoạt động lửa trại cho phù hợp.

LỊCH SỬ VỀ TRUYỀN TIN

Tại sao chúng ta phải học truyền tin? Truyền tin là một trong những kỹ năng giúp ích chúng ta rất nhiều trong sinh hoạt kỹ năng. Nói đến việc học nó thì không phải một sớm một chiều là có thể thành công ngay mà nó đòi hỏi chúng ta phải cần cù siêng năng.

Thật thú vị biết bao khi ta có thể dùng môn này để nói chuyện với bạn mình bên kia đường mà người khác không thể hiểu được nội dung. Truyền tin liên lạc có giá trị rất lớn trong trường hợp liên lạc giữa bạn bè với nhau trong miền hoang vu, hoặc ở hai bờ sông lớn, hay địa hình hiểm trở và thông tin cứu hộ. Vậy thì ta thử quan tâm xem lịch sử truyền tin được phát triển như thế nào?

Từ thời thượng cổ, loài người đã biết dùng những tiếng hú, tiếng kêu riêng để gọi nhau mà chỉ người cùng bộ tộc mới biết được. Rồi đến những thông tin đầu tiên là những hình vẽ trên da thú hay trên những vách hang động mà chúng ta biết được qua báo đài.

Thời Hy Lạp cổ, trong cuộc chiến ở làng Marathon có một chiến binh đã dũng cảm băng rừng lội suối, bất chấp mọi

gian khổ để chạy về báo tin thắng trận, vì quá kiệt sức với đoạn đường tương đương 42,195 km, anh ta về thành Athene chỉ kịp nói được hai chữ “Chiến thắng” thì tắt thở. Đó được xem như là chiến công vẻ vang nhất của ngành truyền tin thời bấy giờ. Sau này để ghi nhớ chiến công này người ta đã tổ chức cuộc thi chạy việt dã cùng với cự ly như vậy.

Lần lượt theo nhu cầu mà con người nghĩ ra cách truyền tin nhanh chóng và xa hơn. Các bộ lạc da đỏ Châu Mỹ có cách liên lạc với nhau bằng khói, cũng như người thổ dân Phi Châu dùng nhịp trống ngắn và dài để báo tin.

Ngoài ra người ta còn sử dụng ngựa và bồ câu liên lạc. Ngay từ cuối thế kỷ XII, Thành Cát Tư Hãn có một đội quân liên lạc bằng kỵ binh mang tên “Mã Khoái”, đã góp phần lớn vào chiến thắng của quân Mông Cổ lúc bấy giờ. Vào thời kỳ này hệ thống giao thông liên lạc hết sức khó khăn nhưng Thành Cát Tư Hãn đã tổ chức một hệ thống trạm dọc theo các trục lộ chính, sử dụng các kỵ sĩ cỡi thiên lý mã suốt đêm ngày, đảm bảo liên lạc xuyên suốt mà các đế quốc khác chưa thực hiện được. Cũng với hình thức tương tự mà mãi sau này ở miền viễn Tây nước Mỹ người ta mới thành lập một công ty mang tên “Ngựa con tốc hành” để chuyển tải thư tín bằng người từ bang Sacramanto đến bang St.Joseph trong vòng 10 ngày đó là kỷ lục truyền tin lúc bấy giờ. Ở Việt Nam, Trần

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Nguyên Hãn trong thời kỳ chống giặc Minh đã sử dụng bồ câu liên lạc góp phần vào chiến thắng chống ngoại xâm của dân ta.

Tại Anh, tướng Jonh Smith là người đầu tiên phát minh lỗi dùng lửa truyền tin trong quân đội. Năm 1792 chính phủ Pháp có thể chuyển những thông điệp đi khắp Châu Âu với vận tốc 1.500 dặm một giờ. Từ Pari, hoàng đế Pháp có thể truyền các chỉ dụ đến các vị tướng của ông bên bờ sông Rhine cách đó 150 dặm trong vòng 6 phút! Bằng cách nào? Đó là hệ thống tín hiệu do Claude Chappe phát minh năm 1792. Người ta xây dựng những tháp cao khắp nước Pháp và Châu Âu, mỗi tháp mang trên đỉnh hai cây cờ khổng lồ mà các tháp kia có thể nhìn thấy qua kính viễn vọng từ khoảng cách 10 dặm. Người điều khiển hai ngọn cờ đánh vần từng chữ cái trong thông điệp bằng cách giương cờ ở những vị trí khác nhau. Ngọn tháp cao được gọi là Semaphore. Đến nay, cột tín hiệu và các mã Semaphore vẫn còn được sử dụng trong hải quân và lục quân của nhiều nước trên thế giới.

Những phương tiện thông tin trên dù sao cũng xem là chậm và đôi khi còn sai lạc, nếu gặp luồng gió mạnh thổi ngược chiều, những ngày trời xấu, mưa, bão. Do đó để theo kịp tốc độ phát triển về mọi mặt của đời sống con người, ngày càng có những phát minh làm cho việc truyền tin hiệu quả hơn. Trong

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

đó cùng với máy phát điện, tín hiệu Morse đã ra đời tạo một bước ngoặt lớn cho lịch sử truyền tin của con người.

Samuel Morse sinh năm 1791, mất năm 1872. Ông là một nghệ sĩ vẽ chân dung và là người sáng lập Hàn lâm viện Nghệ Thuật Quốc Gia Hoa Kỳ năm 1825. Sau khi Edison phát minh ra máy phát điện. Vào năm 1837, ông đã phát minh ra ám hiệu truyền tin dựa trên đặc tính khi ta ngắt mở dòng điện sẽ gây nên tín hiệu (tích, te) thể hiện trên cuộn giấy đang chạy. Ám hiệu này phổ biến năm 1844 và được thay thế bằng biểu tín hiệu mang tên ông. Càng ngày tín hiệu Morse càng phát triển và vào năm 1902 ông Maconi truyền tín hiệu Morse lần đầu tiên là chữ “S” bằng vô tuyến điện qua Đại Tây Dương.

Ngày nay, sự phát triển nhanh chóng của KHKT đã hiện đại hóa việc liên lạc. Bây giờ chúng ta có thể trò chuyện thoải mái hàng giờ bằng hệ thống điện thoại. Cao hơn nữa trong những năm của thập kỷ 90 với sự ra đời của World Wide Web, một người có thể liên lạc cùng lúc với nhiều người khác nhau bằng hệ thống Internet toàn cầu. Đến năm 1998, trên thế giới đã tuyên bố chấm dứt thời kỳ liên lạc bằng Morse, mở ra thời kỳ liên lạc bằng kỹ thuật số.

SEMAPHORE

I. ĐỊNH NGHĨA :

Semaphore hay tạm gọi là truyền tin thị giác (optical telegraph) là một công cụ dùng để truyền tin qua phương tiện tín hiệu nhìn thấy được với tháp cao cùng với các phiến quay quanh trục (pivoting blades) hay các cánh quạt (paddles), các cửa chớp (shutters) trong một hình thể ma trận (matrix), hoặc là các cờ cầm tay... Thông tin được mã hóa theo vị trí của các thành phần cơ học; nó được đọc khi các phiến hoặc cờ nằm ở một vị trí đã ấn định.

Trong thời hiện đại, nó thường được ám chỉ đến một hệ thống truyền tín hiệu bằng hai lá cờ cầm tay. Hệ thống semaphore dùng hai cán cờ ngắn có cờ hình vuông là một trong các phần cơ bản của sinh hoạt cộng đồng.

Những hình thức tín hiệu thị giác khác còn có cờ hiệu hàng hải, đèn hiệu và gương hiệu.

Semaphore ra đời trước điện tín. Chúng nhanh hơn người đưa tin đi bằng ngựa trên một quãng đường xa, nhưng phí tổn nhiều và ít được bảo mật hơn điện tín mà thay thế nó sau đó. Khoảng cách mà một tín hiệu thị giác có thể truyền đi bị hạn chế bởi địa hình và thời tiết, vì vậy đa số các phương tiện truyền tín hiệu thị giác trong thực tế thường sử dụng nhiều trạm tiếp vận để nối liên lạc những khoảng cách xa hơn. Hệ thống semaphore mới hơn dùng hai cán cờ ngắn có cờ hình vuông. Một người cầm cờ giữ chúng ở các vị trí khác nhau để truyền đi các mẫu tự và các số. Người cầm cờ giữ mỗi cờ

trong mỗi tay, và đưa mỗi cánh tay của mình ở một trong 7 vị trí, các vị trí kế tiếp nhau cách nhau một góc 45 độ. Trừ khi ở vị trí nghỉ, hai cờ không thể chồng lên nhau. Màu cờ thì khác nhau dựa vào tín hiệu được truyền đi ở trên biển hay trên bờ. Màu đỏ và vàng cho cờ dùng ở biển trong khi màu trắng và xanh dương được dùng trên bờ.

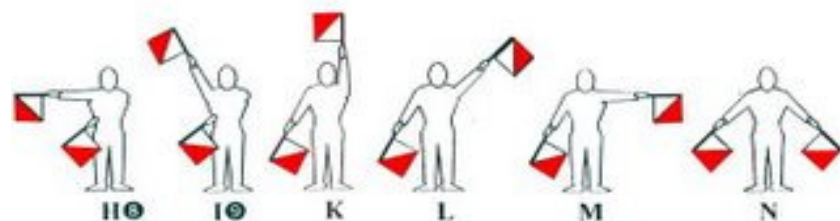
Các mẫu tự Semaphore

Các chữ được xếp theo vòng.

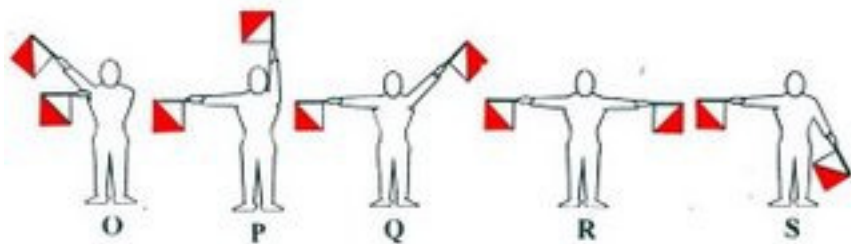
*** Vòng thứ 1 : A . B . C . D . E . F . G**



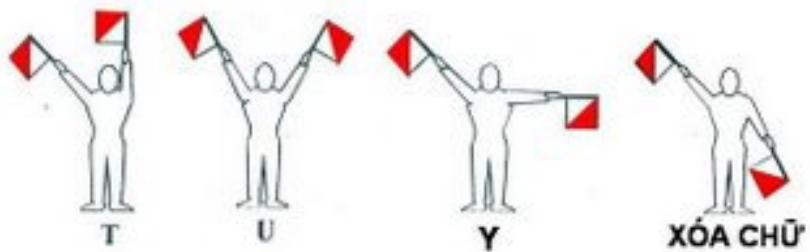
*** Vòng thứ 2 : H . I . K . L . M . N**



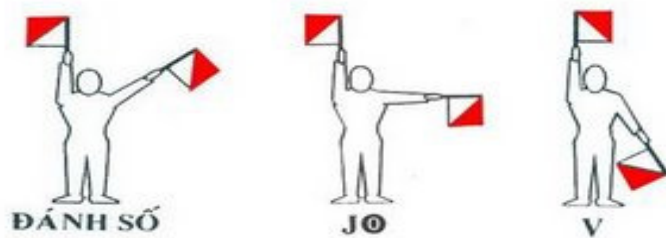
* Vòng thứ 3 : O . P . Q . R . S



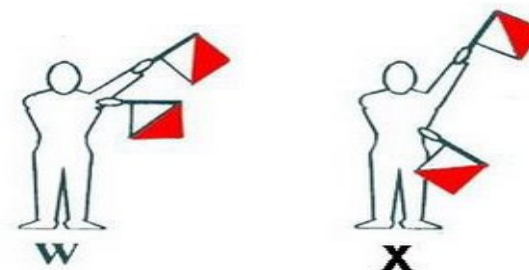
* Vòng thứ 4 : T . U . Y . Xóa chữ



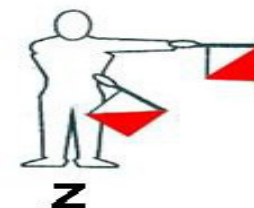
* Vòng thứ 5 : Báo số . J (Báo chữ) . V



* Vòng thứ 6 : W . X



* Vòng thứ 7 : Z



DẤU ĐI ĐƯỜNG

I. ĐỊNH NGHĨA :

Dấu đi đường là một thông điệp của người đi trước gửi lại cho những người đi sau, thường được áp dụng trong những trò chơi có tính cách hoàn toàn thiên nhiên, trong những trò chơi lớn: trên đường phố, đồng ruộng, rừng, công viên. Không bằng chữ viết mà bằng những ký hiệu, được làm ra bởi phần, than, đá sỏi, cành cây, ngọn cỏ,... thực hiện bằng hai cách: vẽ trên đường đi và dùng các vật liệu thiên nhiên như cành cây, cỏ, sỏi, đá,...

Dấu đi đường thường được đặt bên tay phải, ở một nơi dễ thấy, khoảng cách giữa 2 dấu chừng 15 mét, không quá tầm mắt nhìn.

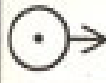
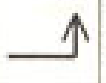
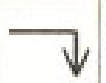
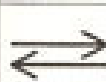
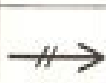
Dấu đi đường được chia làm ra hai loại.

- Một là dấu nhân tạo chẳng hạn như phần, than, giấy, gạch, cây, dây...
- Hai là dấu thiên nhiên chẳng hạn như cây, lá...

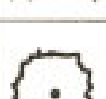
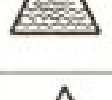
32 DẤU ĐƯỜNG TRONG TRÒ CHƠI LỚN (Theo quy ước quốc tế)

Xin chia làm 2 dạng:

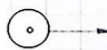
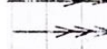
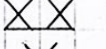
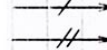
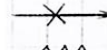
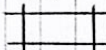
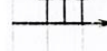
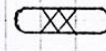
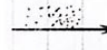
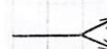
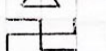
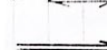
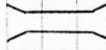
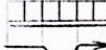
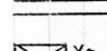
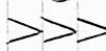
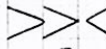
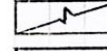
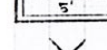
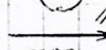
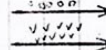
A. 16 DẤU ĐƯỜNG DẠNG MŨI TÊN

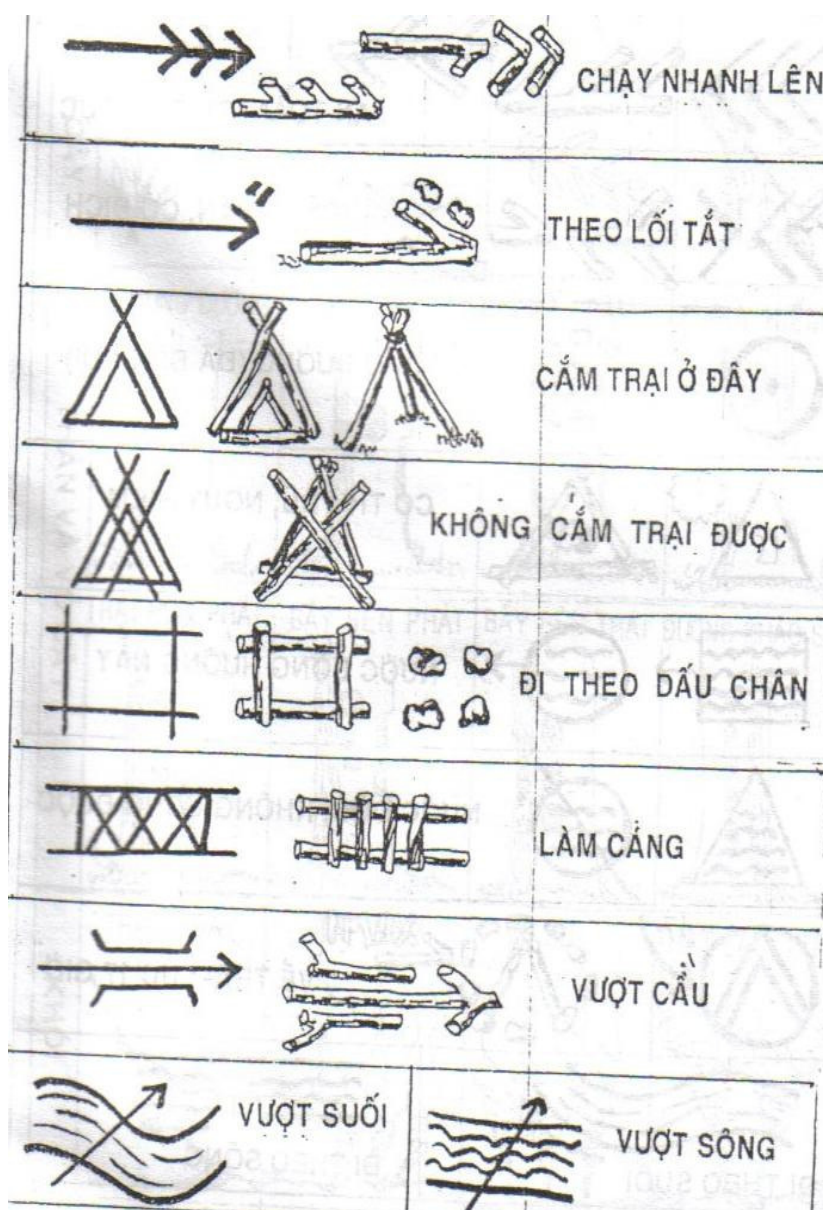
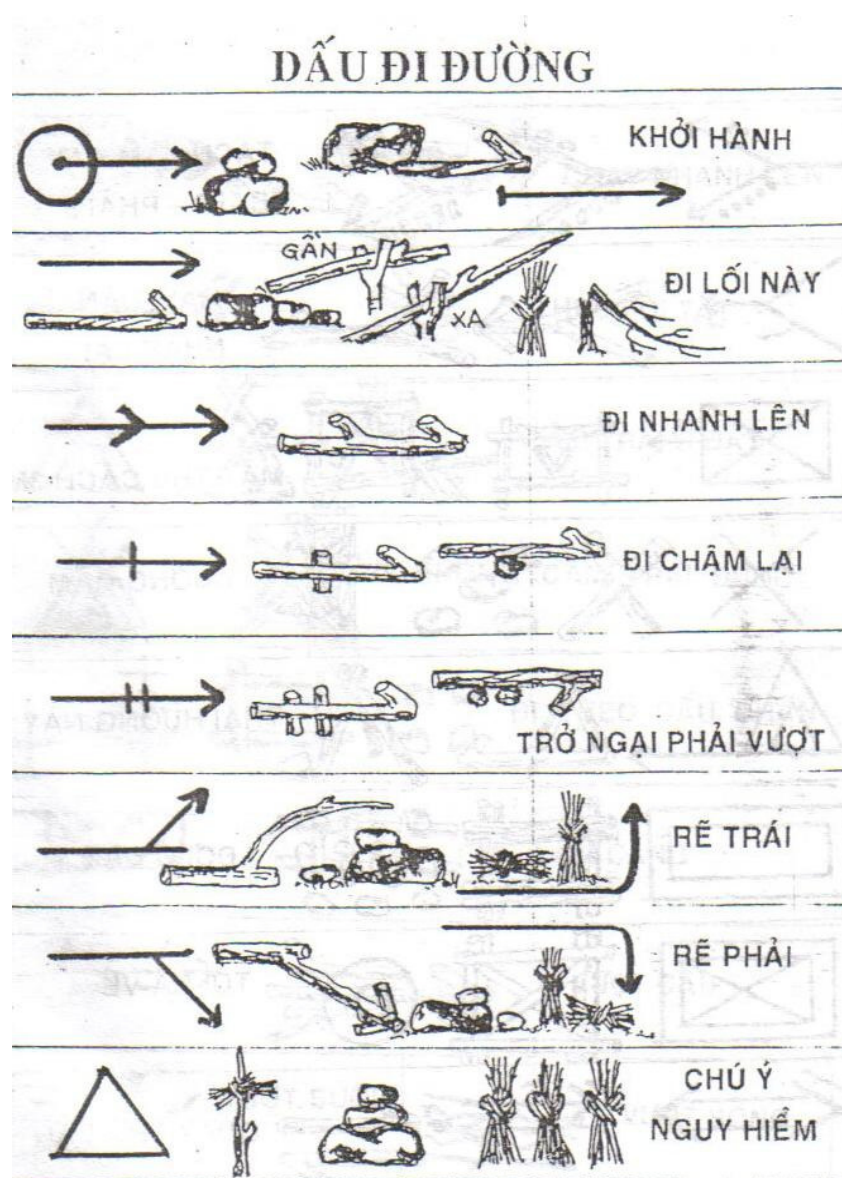
	1 Bắt đầu đi		9 Hai nhóm nhập lại
	2 Theo hướng này		10 rẽ trái
	3 Đi nhanh lên		11 rẽ phải
	4 Chạy		12 Qua cầu
	5 Đi chậm lại		13 Mật Thờ hướng này
	6 Quay trở lại		14 Theo lối tắt
	7 Chướng ngại phải vượt qua		15 Theo lối sông
	8 Chia làm 2 nhóm		16 Vượt suối

B. 16 DẤU ĐƯỜNG DẠNG HÌNH VẼ

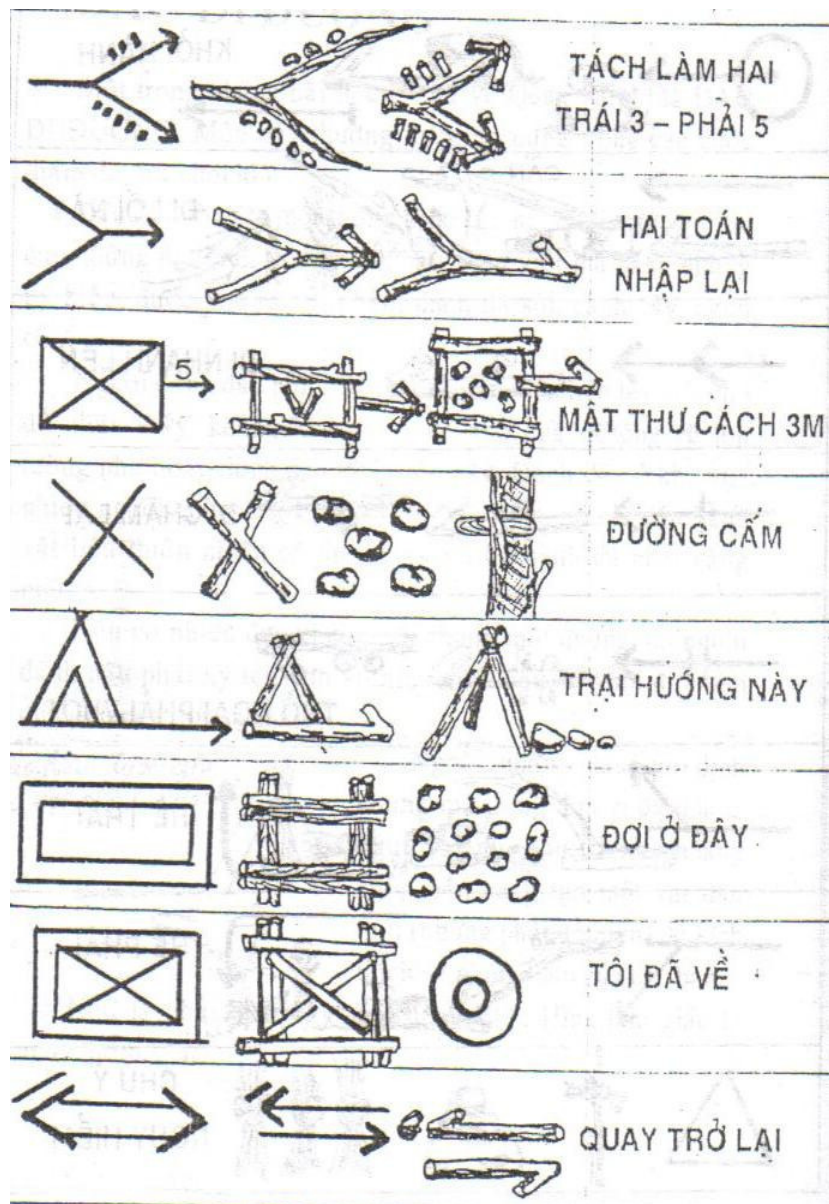
	17 Theo lối suối		25 Làm cãng
	18 Có trại gần đây		26 Về trại lúc 10 giờ
	19 Cắm trại được		27 Đi theo dấu chân
	20 Không cắm trại được		28 Đội ở đây
	21 Đường cấm		29 Bình an (an toàn)
	22 Nước uống được		30 Có kẻ nghịch (Có địch)
	23 Nước độc (Không uống được)		31 Có thú dữ
	24 Nguy hiểm		32 Đã đến nơi (Hết dấu)

DẤU ĐƯỜNG

	XUẤT PHÁT		NƯỚC KHÔNG UỐNG ĐƯỢC
	ĐI THEO HƯỚNG NÀY		NƯỚC UỐNG ĐƯỢC
	ĐI NHANH LÊN CHẠY NHANH LÊN		CHỖ NẤU CƠM
	ĐI CHẬM LẠI		TRẠM CỨU THƯƠNG
	CÓ CHƯỚNG NGẠI VẬT		ĐI THEO DẤU VẾT
	DỪNG LẠI		LÀM CÁN CỨU THƯƠNG
	ĐI THEO HƯỚNG RỪNG CÂY		ĐI THEO SÔNG HỒ
	ĐI THEO BÃI CÁT, BỜ CÁT		ĐI THEO SUỐI
	CHIA THÀNH HAI NHÓM		ĐI THEO BỜ BIỂN
	NHẬP THÀNH MỘT NHÓM		ĐI THEO HƯỚNG NHÀ THỜ
	ĐI HẸP LẠI		ĐI THEO HƯỚNG CHÙA
	QUAY NGƯỢC TRỞ LẠI		SẮP QUA CẦU
	RÊ TRÁI		ĐƯỜNG RAY XE LỬA
	RÊ PHẢI		NHÀ VỆ SINH HƯỚNG NÀY
	MẬT THƯ CÁCH ĐÂY X_m		BÌNH AN
	HƯỚNG CÓ CẮM TRẠI		BẤT ỔN
	NƠI NÀY ĐƯỢC CẮM TRẠI		CÓ ĐỊCH
	NÚP HAI BÊN ĐƯỜNG		KHÔNG Ở TRONG LỀU
	CHỖ THÔNG TIN		VỀ LỀU CHỈ HUY SAU 5 PHÚT
	ĐỘI Ở ĐÂY 5 PHÚT		COI CHỪNG RẮN, THÚ DỮ
	ĐƯỜNG CẤM		ĐI THEO LỐI TẮT
	NƠI ĐÓT LỬA TRẠI		ĐI THEO BÃI ĐÁ
	ĐẮT CẮM TRẠI		ĐI THEO ĐỒNG CỎ LÚA
			ĐÍCH ĐẾN



HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN



HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN



MORSE

I. ĐỊNH NGHĨA :

- Ngay từ thời thượng cổ, người ta đã dùng nhiều cách để truyền tin cho nhau, chẳng hạn Mọi Da Đỏ ở Bắc Mỹ đã dùng khói lửa để truyền tin.

- Đến năm 1835, ông Morse khám phá ra một cách truyền tin mới và có tính cách khoa học hơn, đó là phép truyền tin bằng mật mã Morse.

- Mật mã Morse là một hệ thống khoa học dùng “chấm-và- nét” (dots-n-dashes) thay thế cho các Mẫu Tự, chẳng hạn như Mẫu Tự A, được thay thế bởi 1 chấm 1 nét.

- Qua mật mã Morse các “Thơ Tin” (messages) có thể gửi đi bằng nhiều dụng cụ khác nhau, chẳng hạn như khói lửa, đèn pin và máy điện tín.

- Trong máy điện tín, cái chìa khóa (key) được đánh lên- đánh xuống, tạo nên những tín hiệu bằng Điện, những tín hiệu điện này được gửi đi qua đường dây thép, và từ đó người nhận có thể chuyển ra “Thư Tín”.

- Mật mã Morse rất được thịnh hành vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, đặc biệt đã gây ảnh hưởng rất lớn trong các cuộc chiến vào thời đó, như Nội Chiến Mỹ Quốc, chiến tranh Nhật Bản và Liên Xô.

- Ngày nay, do các cuộc phát minh khoa học ngày càng tân tiến, như điện tín viễn thông, mật mã Morse không còn được thịnh hành, thay vào đó Morse được dùng trong việc giải trí (hobby) và trong các trò chơi hội đoàn.

1. Cách sử dụng tín hiệu Morse.

* **Đối với người phát tín hiệu :** Phải thuộc bảng Morse, phát tín hiệu theo các cụm âm của từ phải dứt khoát, rõ ràng, chọn vị trí phát thích hợp nhất.

* **Đối với người nhận tín hiệu :** Phải thuộc bảng mật mã và bảng dấu chuyển. Chọn vị trí nhận tin tốt nhất. Hết một cụm từ nên chấm phẩy để dịch tin cho chính xác.

2. Bảng Morse đối xứng.

E .	T -
I ..	M --
S ...	O ---
H	CH ----

A .-	N -.
U ..-	D -..
V ...-	B -...

R .-.	K -.-
P .--.	X -...-

W .--	G --.
L -.-.	F ..--.
Y -.-.-	Q ---.-

C -.-.
J .-.-.
Z -.-..

1 .-.-.-	6 -....
2 ..-.-	7 -.-..
3 ...--	8 -.-.-
4-	9 -.-.-.
5-	0 -.-.-.-

* **Dấu hiệu thường dùng trong sinh hoạt tập thể :**

- Bắt đầu phát : AAA hoặc NW
- Sai, phát lại : HH hoặc 8E

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Cấp cứu : SOS
- Hết bản tin : AR (3 lần)
- Chưa hiểu (xin nhắc lại): IMI

Trong khi chúng ta truyền tin cho nhau từ những khoảng cách xa hay khi thời tiết xấu khiến cho việc nhận không rõ, do đó chúng ta xin ngắt bản tin. Do vậy ở đây xin được đề cập hệ thống nhận và phát tin của quốc tế.

* *Dấu chấm câu :*

- Chấm : AAA - Phẩy : MIM
- Gạch đầu dòng : THT – Dấu hỏi : IMI
- Dấu 2 chấm : OS – Gạch dưới : UNT
- Gạch phân số : DN – Mở đóng ngoặc : KK

* *Dấu hiệu cầu cứu quốc tế :*

SOS (Chữ viết tắt của SAVE OUR SOULS)

* *Dấu hiệu thông tin tắt hay dùng :*

- Bắt đầu : AAA
- Hết tin : AR
- Khẩn : DD
- Dấu hay chữ và đã hiểu : E
- Xin đợi : AS
- Truyền sai tin bỏ chữ đó : HH
- Chưa hiểu xin nhắc lại : IMI
- Sẵn sàng nhận : K
- Nhận không rõ nghĩa : SO
- Chữ hay dấu không hiểu : T

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Điện tín Télec Gramme : TG
- Đã hiểu bản tin của bạn : VE
- Tôi phải xin ngưng : XX
- Xin vui lòng phát chậm : VL
- Xin nhắc lại sau mỗi dấu : QR
- Xin nhắc lại toàn bộ bản tin: QT
- Xin để thêm ánh sáng : LL
- Xin bớt ánh sáng : PP

* *Dấu hiệu truyền tin quốc tế :*

- Kêu (gọi) : VVV
- Sẵn sàng nhận : K / GAK
- Hiểu rồi : IR
- Ứng thuận : OK
- Sai : HH
- Đánh từng chữ : FM
- Ngưng (5 phút) : AS (5)
- Lặp lại : KPT
- Không : N
- Thông tin : MSG
- Lặp lại hết sau chữ TÔI : IMI AA (TOI) (A: After)
- Lặp lại trước chữ TÔI : IMI AB (TOI) (B: Before)

* *Trích trong luật quốc tế :*

QRK (4) : Nghe rõ, số là chỉ độ rõ từ 0 =>5, nếu không để số nghĩa là nghe rõ.

QRX (2000) : Truyền tin lần kế tiếp lúc 20 giờ

QSL (WS) : Nhận được thông tin của anh.

QTC (I) : Tôi có thông tin truyền cho anh.

QRQ : Mau hơn (Q : Quickly)

QRS : Chậm hơn (S : Slowly)

QSD : Nghe không rõ (D : Difficulty)

QRK IMI : Anh có nghe tôi không ?

QTC IMI : Anh có thông tin truyền cho tôi không ?

II. QUỐC NGŨ ĐIỆN TÍN

1. Hướng dẫn :

Ở một số nước trên thế giới có sử dụng mẫu tự La tinh thì các chữ hoàn toàn không có dấu mũ như : Â, Ă, Ê, Ô, Ơ, U, Đ... và không sử dụng các dấu thanh: Sắc, Huyền, Hỏi, Ngã, Nặng. Do đó, ngành bưu điện Việt Nam đã tạm quy ước thay thế các dấu thanh và dấu mũ trên bằng một số chữ tương ứng mà ta thường gọi là Quốc Ngữ Điện Tín. Như vậy, sự thay thế Quốc Ngữ Điện Tín chỉ sử dụng riêng cho nước ta.

2. Mật mã Quốc Ngữ Điện Tín được quy ước như sau :

* Dấu mũ

Â = AA Ă = AW Ê = EE Ô = OO

Ơ = OW U = UW ƯƠ = UOW Đ = DD

* Dấu thanh

Sắc (/) = S Huyền (\) = F Hỏi (?) = R

Ngã (~) = X Nặng (.) = J

Cách đặt dấu mũ : Thay thế trực tiếp.

VD : “Măng non” được viết là “MAWNG NON”

Cách đặt dấu thanh : Đặt sau mỗi từ.

VD : “Sẵn sàng” được viết là “SAW NX SANG F”



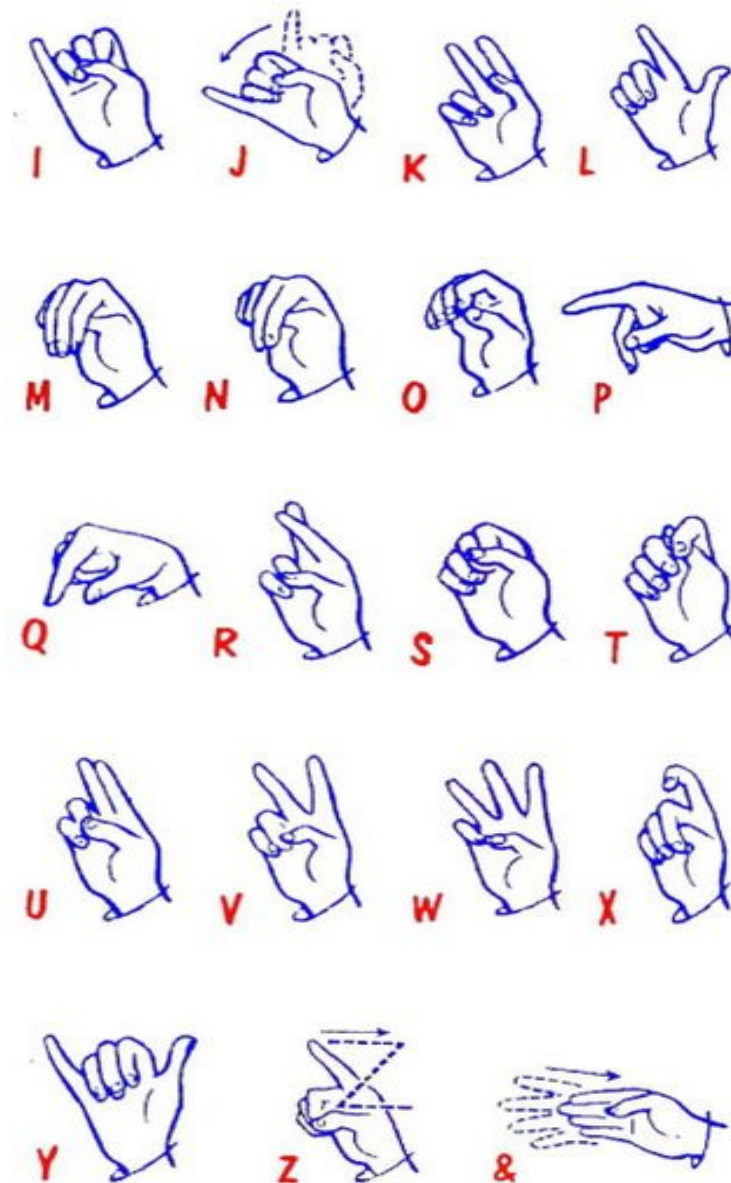
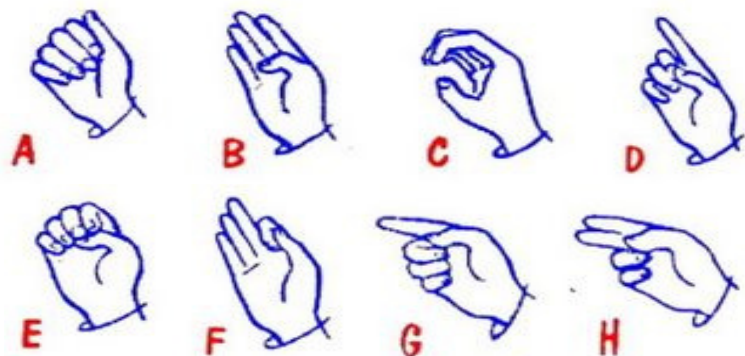
THỦ NGỮ

Có những con người, họ chỉ có thể cảm nhận âm thanh cuộc sống bằng ánh mắt, hiểu lời ru của mẹ ngọt ngào qua tình yêu thương, trao đổi với nhau bằng ngôn ngữ của đôi bàn tay... Đó chính là những người khiếm thính. Muốn hiểu và hoà nhập được với họ, bạn cần phải biết một ngôn ngữ - ngôn ngữ của đôi tay hay còn gọi là thủ ngữ.

Thủ ngữ là Ngôn ngữ được thể hiện trên lòng bàn tay. Nó khác với những hành động của người câm điếc vì nó thể hiện bằng từ ngữ.

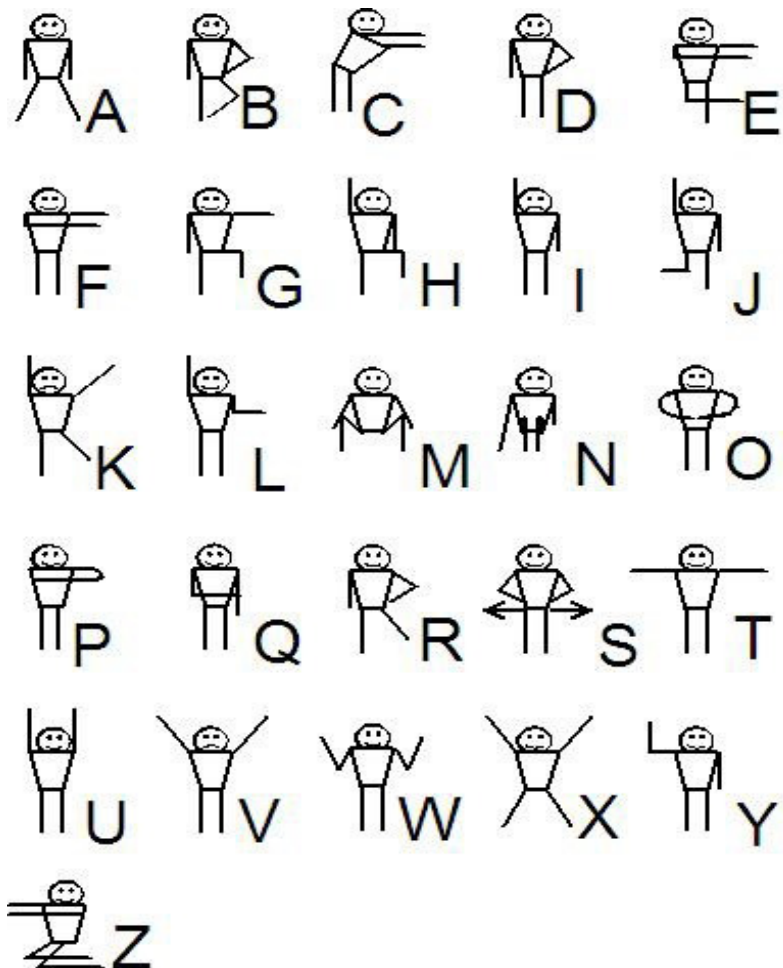
Nó được vận dụng rất hữu ích cho những người bị câm điếc hay bị khiếm thính không thể nghe âm thanh được như : trong việc học chữ, trao đổi thông tin, trò chuyện với nhau...

Có thể nói, nó như là một phương tiện truyền tin giữa người này với người kia, hoặc giữa một người cho nhiều người trong khoảng cách chừng 10m trở lại.



TRUYỀN TIN QUA CỬ ĐIỀU HÌNH THỂ

Trong sinh hoạt ta có thể sáng tạo vũ điệu truyền tin cho nhau bằng thân thể. Xin giới thiệu để các bạn tham khảo và có thể sáng tạo tùy theo sinh hoạt tại đội nhóm của mình.



MÃ HÓA VIỆT NGỮ QUÂN ĐỘI

Mã hóa Việt ngữ Quân đội là một dạng hình thức, một phương tiện của truyền tin. Trong Quân đội, người ta sử dụng Nó như một cách thức để truyền tin cho nhau những nội dung bí mật nhằm tránh sự phát hiện của đối phương.

Trong các chương trình hoạt động thanh niên, chúng ta có thể sử dụng Nó như một cách để truyền nhưng bằng tin cho nhau mà vẫn có thể giữ được bí mật của nội dung cần truyền đạt. Đó cũng chính là lý do mà chúng ta cần tham khảo và vận dụng.

A : Anh Dũng	B : Bắc Bình	C : Cải Cách
D : Đồng Đa	E : E dè	F : Fostro
G : Gay go	H : Hồng Hà	I : Im Lặng
J : Juliet	K : Kinh Kỳ	L : Lê Lai
M : Mạnh Mẽ	N : Non Nước	O : Oanh Liệt
P : Phú Quốc	Q : Quang Trung	
R : Rạch Giá	S : Sơn Tây	T : Tư Tưởng
U : Ủng Hộ	V : Vẽ Vang	W : Wisky
X : Xung Phong	Y : Yên Bái	Z : Sulu

LỀU TRẠI

I. CÁC VẬT DỤNG CẦN THIẾT ĐỂ DỰNG LỀU:

1. Tấm lều : Thường làm bằng nilong, mủ, vải hoặc chất liệu khác. Hình dáng lều bao giờ cũng phải là vuông, hình chữ nhật. Công dụng: để che nắng, gió, mưa... nên tấm lều được làm mái che cho bên.

2. Tấm trải: dùng để trải dưới đất ngồi, để vật dụng khi đi trại.

3. Gậy lều: có thể sử dụng sắt hoặc gỗ hay tấm vòng từ 1,6 - 1,8 m.

4. Cọc lều: thường bằng sắt, gỗ, đinh... đóng đất cứng thì dùng cọc sắt dài 20 - 30 cm, đất cát, mềm... nên dùng cọc gỗ 30 - 40 cm, nền xi măng thì dùng đinh từ 10 - 15 cm.

5. Dây lều : dây nilon, dây mủ, dây dù,... Số lượng dây cần 6 dây: 2 dây chính mỗi dây 3m - 4m, còn lại 4 dây phụ mỗi dây dài 1,5m.

6. Búa: là vật dụng phụ nhưng rất cần thiết. Công dụng dùng để đóng cọc xuống đất, dùng để chặt cây làm cọc gỗ, các vật dụng cho thủ công trại, dọn đất phát quang

7. Cuốc, xẻng: dọn mặt bằng trại, đào rãnh thoát nước hố xí, hố rác, dọn ở khu vực trại... nên sử dụng loại cuốc đa dụng.

II. TRÌNH TỰ DỰNG VÀ THÁO LỀU:

1. Dọn đất:

- Nếu đất trại không như ý muốn thì ta phải dọn vệ sinh, phát quang cây cỏ, nhặt sỏi, giật bỏ cành cây mọc gần lều... trước khi dựng lều.

- Nếu đất trại do ta tự chọn thì nên chọn đất trại đạt các điều sau:

+ Đất phải bằng phẳng, cao ráo. Không kiến, không sỏi, không mảnh vụn...

+ Không quá gần các cây cao có cành cây mọc, phải thoáng gió (nếu hè), kín gió (đông). Gần nguồn nước (suối, sông) tiện nấu ăn, sinh hoạt.

+ Gần hoặc có thể nhìn thấy được lều BTC, các lều bạn, sân sinh hoạt, nơi tập trung... Nơi có chỗ bố trí hố rác, hố xí, nhà bếp thuận lợi.

2. Chọn hướng lều:

Thông thường lều bạt có 2 cửa (tức là nơi hướng gậy và dây chính). Hướng lều cần ưu tiên cho các điều sau đây:

+ Hướng lều của BTC qui định

+ Quay về hướng cột cờ trại

+ Quay về lều của BTC

+ Quay về sân sinh hoạt, lều trại. Ngoài ra ta chọn hướng lều tránh gió (mùa mưa, mùa lạnh) hoặc đón gió (mùa hè, mùa nóng). Có thể chọn hướng Đông Bắc – Tây Nam.

3. Quy trình dựng lều:

a. Trải lều: trải phẳng, chú ý hướng lều, lưu ý tấm lều trải, lều mặt.

b. Đặt gậy: gậy đặt thẳng ở hai đầu lều chiều dài của gậy cũng là khoảng cách của cọc chính lều và chân gậy.

c. Đóng cọc: 2 cọc chính đóng ở chân gậy chính, các cọc phụ đóng thành từng cặp cho cân xứng thông qua tấm lều.

Khoảng cách từ mép lều đến các cọc phụ xa gần tùy theo muốn mép lều cao hay thấp. Cọc cần đóng xiên chiều ngược lại với lều để khi cột dây lên thì dây phải vuông góc với các cọc. (nên nhớ chỉ đóng tạm tức đóng khoảng 2/3 cọc).

d. Cột dây: thông thường là các loại nút: thông lọng, thuyền chài, chạy, bồ câu... Đầu gậy chính cột nút thuyền chài, mép lều cột nút thông lọng hay thợ dệt, ở cọc cột nút chạy hay bồ câu.

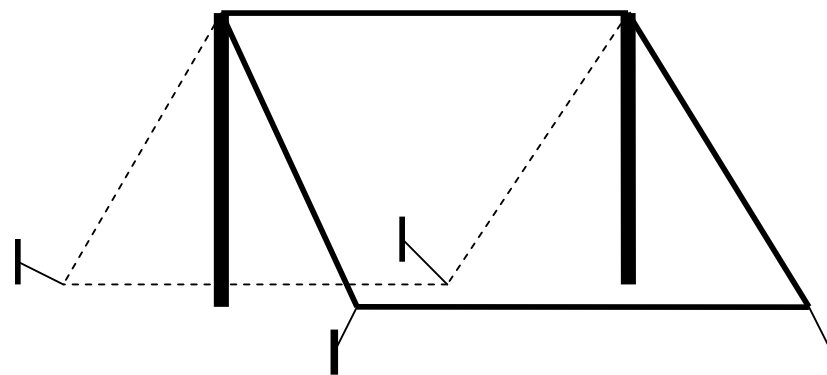
e. Dựng lều : đưa gậy sao cho đầu gậy nằm ở đỉnh lều, chân gậy nằm ở vị trí khi đặt gậy để cho 2 cọc chính và 2 chân gậy nằm trên một đường thẳng. Dựng đứng gậy cho 2 chân gậy vuông góc với mặt đất, điều chỉnh các nút dây ở các cọc phụ, khi lều thẳng cần phải đóng cọc sâu xuống đất tránh di chuyển và vấp. Dây thì cột chặt lại có khóa an toàn (khóa sống).

4. Đào rãnh, vệ sinh, trang trí lều.

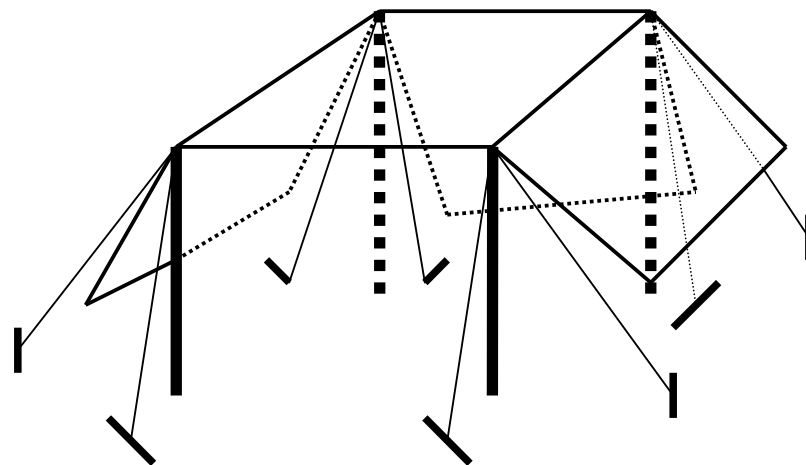
a. Đào rãnh: nếu đi trại vào mùa mưa cần đào rãnh thoát nước xung quanh lều, hồ chứa nước, kê bờ lều, đắp nền lều... Rãnh lều nên đào nơi nước mưa theo mái lều chảy xuống, các rãnh phải thông nhau và được dẫn đến hồ chứa, đất đào lên dùng để đắp bờ bên trong lều.

b. Vệ sinh: vệ sinh trong và ngoài lều, như nhặt rác, phát quang cây cỏ ở chung quanh ra khoảng 3 m, các cành cây ở trên đỉnh lều để tránh rấn vào ban đêm, tránh sét...

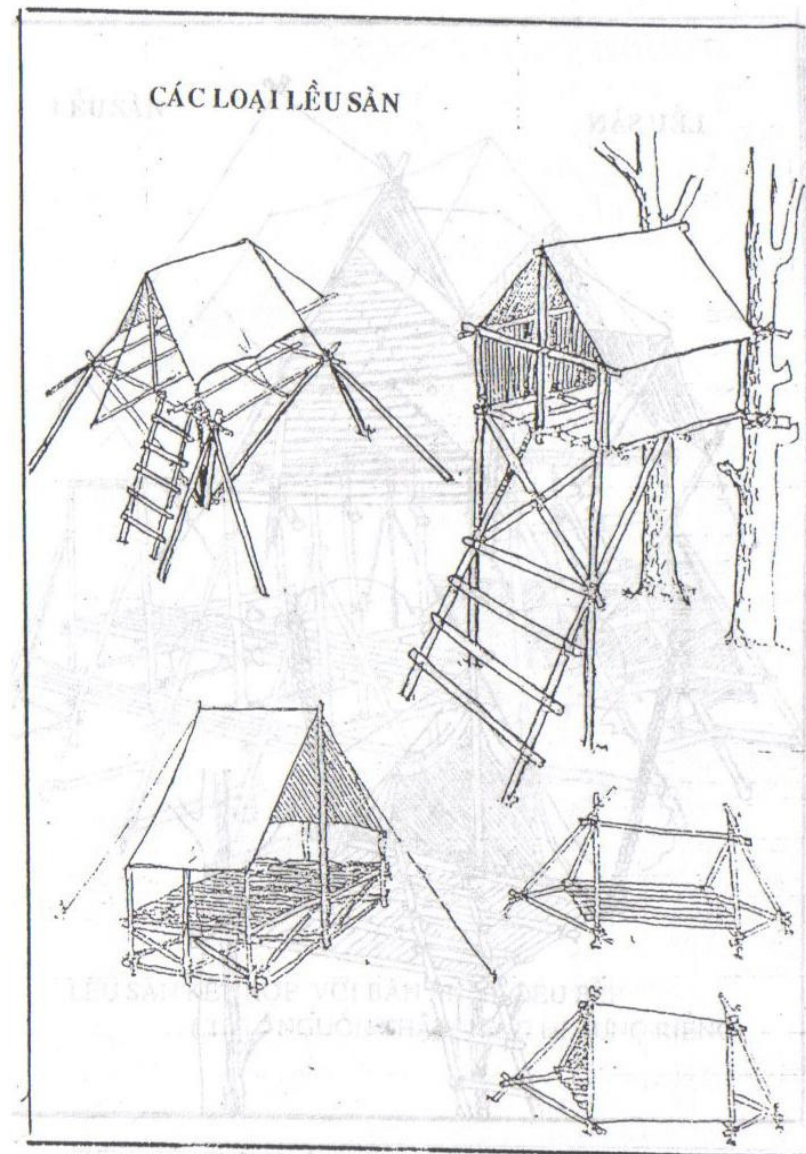
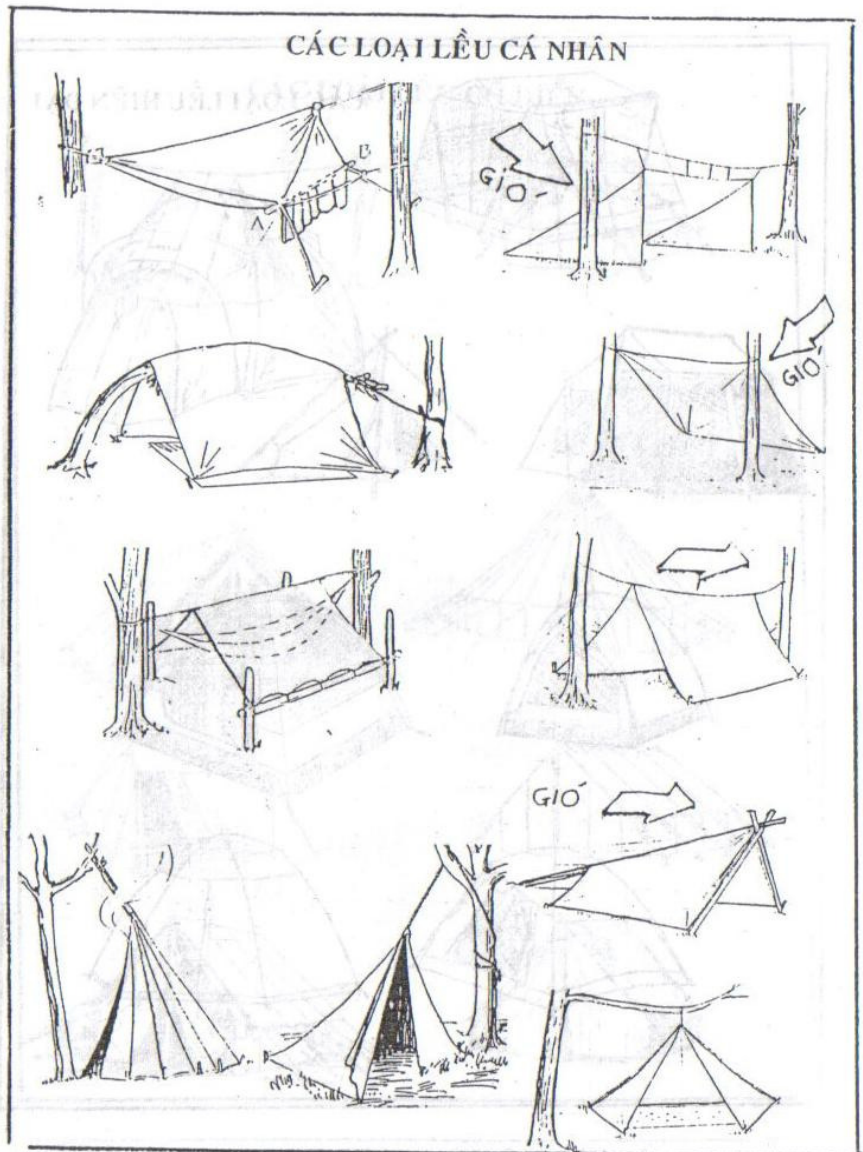
c. Trang trí: rất cần thiết trong thi đua thủ công trại. Cần phải làm vòng rào, hàng rào, cổng trại, tên trại, bếp trại... vừa đẹp, hay vừa tránh được người lạ vào lều của mình.



Trại Đông



Trại Hè



5. Hạ lều, xuống lều:

a. Hạ lều: nên làm theo các bước:

- + Hạ gậy (để dễ mở dây cọc và dây lều)
- + Mở dây (gôm lại một chỗ tránh thất lạc)
- + Nhổ cọc (mở dây nào thì phải nhổ cọc đó tránh bị bỏ quên mất cọc)

b. Xuống lều:

- Nên có 2 người nắm đỉnh lều (nơi đầu gậy) giơ cao lên, rũ cho sạch rác, bụi...
- Dùng tay còn lại nắm khoảng cách lều theo chiều đứng để nhập đôi lều lại lần nữa và cứ thế cho đến khi vừa ý.
- Cuốn lều lại bằng cách nhập đôi 2 góc đang cầm vào giữa, tiếp tục cho đến khi xong (các mép lều phải được gói vào trong để di chuyển không bị bung ra vừa xấu, vừa không an toàn).

III. CÁC TÌNH HUỐNG CẦN XỬ LÝ:

Nếu lều bị chùng do lều quá cũ, do mưa ướt khắc phục bằng: làm thêm gậy phụ, tăng lực ở các dây chính và các dây phụ. Khi dựng lều cột dây phải cột nút sống để dễ tháo dây, nếu còn dư phải thắt gọn lại cho đẹp, không vướng. Các đồ dùng trong lều phải bố trí theo qui định. Thí dụ: đồ dùng cá nhân phải để xung quanh lều để có khoảng trống cho sinh hoạt, hội họp, nghỉ, ngủ,... giày dép phải để bên ngoài tránh bụi, mùi hôi cho lều... Một số điều cần tránh:

- + Không nấu và ăn trong lều (để phòng kiến vào ban đêm).
- + Không phơi quần áo, khăn... trên các dây lều... sẽ làm cho lều nhanh bị chùng và rất mất thẩm mỹ.

IV. CÔNG TRẠI :**1. Mục đích và ý nghĩa :**

Cổng trại là một Kỳ Đài, là bộ mặt tiêu biểu của trại, nó cho biết óc thẩm mỹ, sự khéo tay, trình độ kỹ năng của đơn vị mình. Nhất là trong các Trại họp bạn, có nhiều đơn vị ở nhiều địa phương cùng tham dự, sự phô diễn tất phải có. Nhưng không vì thế mà ta chế tạo sẵn ở nhà bằng những vật liệu công nghiệp, màu sắc sặc sỡ rồi đem tới ráp vào (trừ những phù hiệu, huy hiệu, cờ, biểu tượng,...) mà nên tận dụng những vật liệu thiên nhiên có sẵn tại chỗ hoặc các vật liệu nhẹ có thể mang theo.

Kỳ đài phải dựng ở một nơi trang trọng, đó là sân sinh hoạt chung. Kỳ đài phải thiết kế thật vững chắc. Ngoài kỳ đài chung toàn trại, mỗi đơn vị cũng nên có một kỳ đài riêng (nếu có thể)

Khi làm cổng trại, chúng ta cần chú ý đến trọng tâm, lực chống đỡ, lực trì kéo,... để được vững vàng mà không bị đổ giữa chừng.

Cổng trại có nhiều loại: cổng trại chung, cổng trại từng đơn vị, từng tiểu trại, cổng trại đội... kích cỡ lớn nhỏ tùy theo khả năng.

Thiết kế cổng trại có nhiều hình thức, tùy thuộc vào sự sáng tạo của các đơn vị, khi thiết kế cổng trại phải chú ý đến tính bố cục, cân đối với trại của mình, tính đến chiều rộng và chiều cao phù hợp để ra vào thuận tiện. Nên lợi dụng những yếu tố sẵn có như gốc cây, cành cây,... để sử dụng vào cổng trại mang đậm tính thiên nhiên. Cổng trại thiết kế cũng như lửa trại có thể tự do, thuận mắt. Có thể theo chủ đề, chủ điểm cho thêm phần sống động và ý nghĩa.

2. Tổ chức thực hiện :

Việc xây dựng một công trại đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên là không phải dễ dàng. Thiết kế thi công công trại chịu ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố, không gian thi công, thời gian chuẩn bị, thời gian thi công, vật liệu tại chỗ, kinh phí, trình độ trại sinh... Tuy nhiên ta có thể xây dựng những bước đi chung nhằm bảo đảm cho công việc này đạt được kết quả tốt nhất.

bước 1: xác định

Đây là bước đầu tiên cũng là bước quan trọng nó quyết định đến sự thành bại toàn bộ công trình. Ở bước này bạn phải *xác định xem bạn cần một công trại như thế nào? và bạn có những gì trong tay?*

Hãy suy nghĩ và trả lời 2 câu hỏi trên một cách cẩn thận. Tốt nhất là hãy sử dụng giấy và viết ghi lại tất cả những điểm chính để tránh sai sót. Để trả lời 2 câu hỏi trên bạn có thể tự hỏi mình những câu sau đây . Ví dụ

- Quy mô của công trại?
- Công trại cho tiểu trại hay toàn trại? Công trại của gia đình hay đoàn?
- Vật liệu làm công trại là gì?
- Có bao nhiêu kinh phí?
- Ai thi công? trình độ người thi công đến đâu?
- Có bao nhiêu thời gian thi công?
- Đất trại ở đâu? (xa hay gần, vận chuyển vật liệu thế nào)
- ...

Nếu bạn chỉ có một đội 7, 8 người thì công trại phải tương xứng với số lượng thành viên của đội, không nên

làm quá hoành tráng vì bạn cần phải tính toán “liệu cơm gắp mắm”. Hơn nữa thủ công trại không chỉ có công trại mà còn có nhiều thức khác nữa. Phải biết phân phối sức lực

bước 2: Thiết kế trên giấy

Sau khi đã xác định bạn cần gì, bạn có gì bước tiếp theo là thiết kế công trại dựa trên những tiền đề bắt buộc phải có ở trên. Lúc này đây bạn hãy để trí tưởng tượng của bạn thỏa sức bay bổng. Công trại không chỉ có gỗ tre, dây nhợ, ván búa đinh, mẹt, cò mà còn rất nhiều nguyên vật liệu khác như lá, vải, xe đạp, cầu thang... cây rừng thậm chí là bong bóng được bơm hơi... Để có được sự lựa chọn phong phú bạn nên ghi nhớ những ghi chú sau

1. **Liệt kê những điều bạn thích và không thích:** Mỗi người có một “gu” thẩm mỹ với người này đẹp với người khác là không, bạn nên liệt kê những cái bạn thích và không thích. Điều này sẽ giúp bạn không đi lan man sa đà vào quá nhiều kiểu thiết kế
2. **Vẽ tất cả các ý tưởng của bạn ra giấy:** Đừng giữ nó trong đầu, bạn hãy cụ thể tất cả bằng các hình vẽ. Đừng sợ vẽ xấu, bạn hãy vẽ sao cho bạn và những người cần đọc có thể hiểu là được. Bạn cũng đừng nhầm lẫn các bản nháp này với một phác thảo hoàn hảo nhé. Đơn giản chỉ là những ý tưởng hình ảnh.
3. **Phát triển ý tưởng:** Với mỗi ý tưởng được ghi chép bạn hãy cố gắng phát triển nó thành các mẫu hoàn chỉnh. Đừng ngại sử dụng lại ý tưởng cũ, nhưng mỗi mẫu phát triển phải có nét độc đáo riêng. Nếu như phải lựa chọn giữa các thiết kế thì ai có nhiều mẫu để lựa chọn hơn sẽ có cơ hội hơn.

4. *Ý tưởng đến từ đâu? ý tưởng đến từ cuộc sống, từ bạn bè và từ những chuyên gia.* Nếu chưa có một mẫu ưng ý, bạn hãy giữ nó trong đầu, đi đâu đó chơi biết đâu một ý tưởng sẽ đến với bạn. Đừng ngại hỏi ý kiến bạn bè ngay cả những người không chuyên, chính vì không chuyên họ lại có cái nhìn rất mới mẻ vượt khỏi những quy tắc thông thường. Tại sao phải hỏi những chuyên gia bởi vì họ sẽ không chỉ chú ý đến mẫu mã mà họ còn tư vấn cho bạn tất cả những điều ở bước 1 :). Xin nhắc lại bạn đừng ngại copy ý tưởng của người khác nhưng hãy phát triển để nó trở thành của riêng mình
5. **Sưu tầm:** Sự phát triển về lượng sẽ dẫn đến sự phát triển về chất, quy luật đó luôn luôn đúng, hãy đừng bỏ lỡ cơ hội sưu tầm, chụp hình các hình ảnh công trại, nó sẽ là nguồn tư liệu quý giá cho bạn sau này. Sự tích lũy này sẽ là nền tảng cho những ý tưởng hay và đẹp.

bước 3: xây dựng mô hình

Nhiều người cho rằng không cần thiết nhưng theo tôi đây là một bước khá quan trọng. Việc thực hiện một mô hình theo các kích thước tỷ lệ từ một phác thảo hoàn chỉnh giúp cho bạn hình dung được toàn bộ công trại theo một cách tốt đến mức chính bạn cũng không nghĩ đến. Bạn sẽ hiểu đâu là điểm cần quan tâm, các bước thực hiện tuần tự, bạn có thể cải thiện lại mẫu phác thảo, thay đổi tỷ lệ, thêm bớt vật liệu...

Nếu thực hiện tốt bước này bạn sẽ có một bài thuyết trình hoàn hảo không lời để thuyết phục những người khác theo bạn. Về lâu dài nó là một vật lưu niệm bằng chính công sức của mình, điều đó không đáng giá sao?

bước 4: dự trù kinh phí

Thực việc dự trù kinh phí đã được bắt đầu ở bước 1 nhưng chưa chi tiết. Ở bước này bạn phải lên danh sách toàn bộ vật liệu, giá cả, chi phí, địa điểm mua... Bạn phải phân loại xem vật liệu này cần phải trang trí thêm (VD: mẹt phải sơn vẽ chữ lên trước, xốp phải cắt thành chữ), vật trang trí nào làm tại nhà, thứ nào mua tại đất trại, thứ nào tận dụng sẵn có tại đất trại.

Việc chuẩn bị kỹ lưỡng vật liệu, kinh phí sẽ khiến bạn không phải vất vả khi thi công, tránh được những sai sót đáng tiếc lẽ ra không có làm công trại không được như ý.

bước 5: thi công

Thi công là bước cuối cùng cũng một bước quan trọng chiếm khoảng 30% sự thành công của một công trại. Bước thi công được bắt đầu từ khi ở nhà chứ không phải lên đến đất trại. Ngay từ khi ở nhà bạn phải tính toán chuẩn bị phân công công việc cụ thể.

Một người thợ giỏi mà không có đồ nghề thì chẳng bằng một anh thợ tồi với đầy đủ trang bị. Hãy chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị công cụ: kềm, búa, cưa tay, tuốc nơ vít, kéo, băng kéo điện, dây điện, vít thử điện (trường hợp công trại có bắt đèn)... Công cụ trang bị nên tập trung và phân công người chịu trách nhiệm cụ thể.

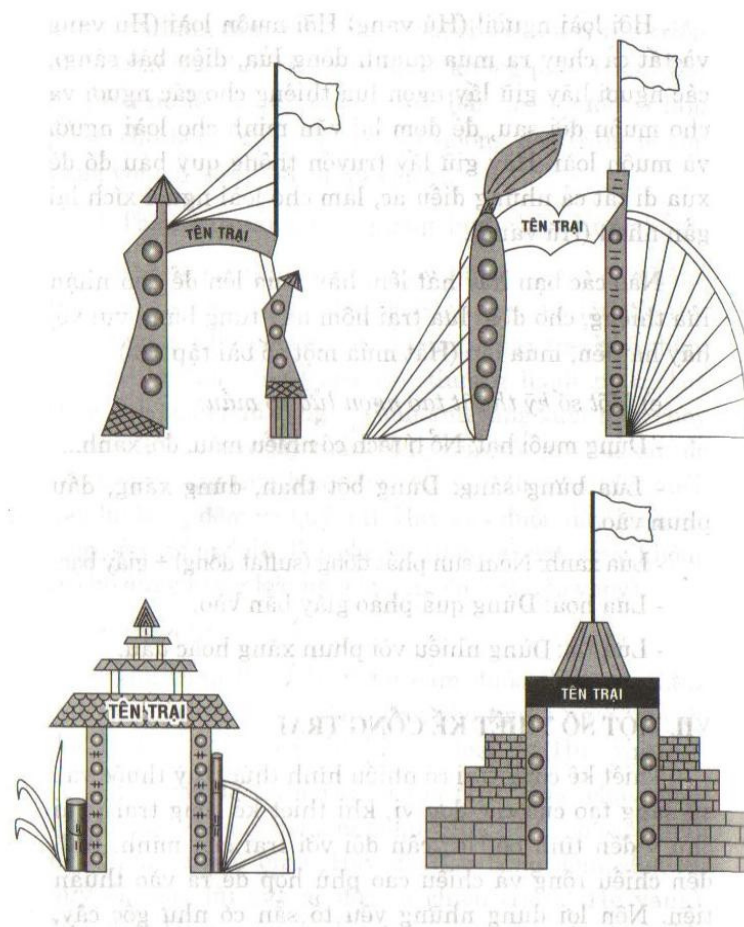
Lưu ý: 5 bước trên là 5 bước căn bản theo trình tự thông thường, tùy từng trường hợp cụ thể ta có thể linh động thêm bớt hoặc thay đổi trình tự các bước.

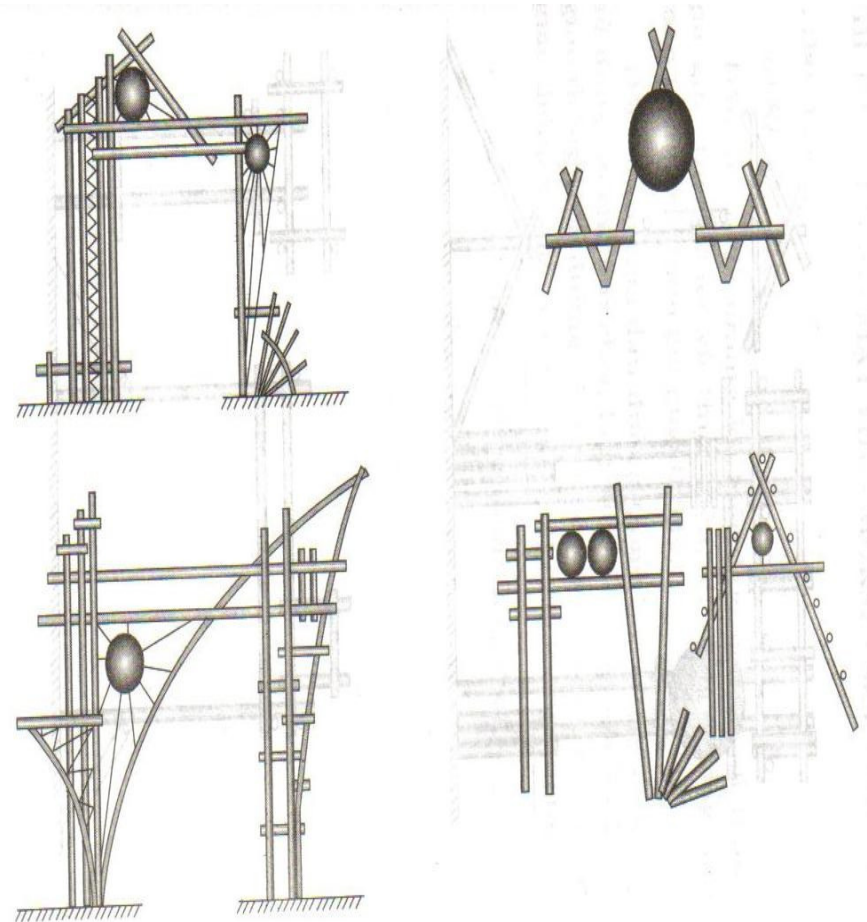
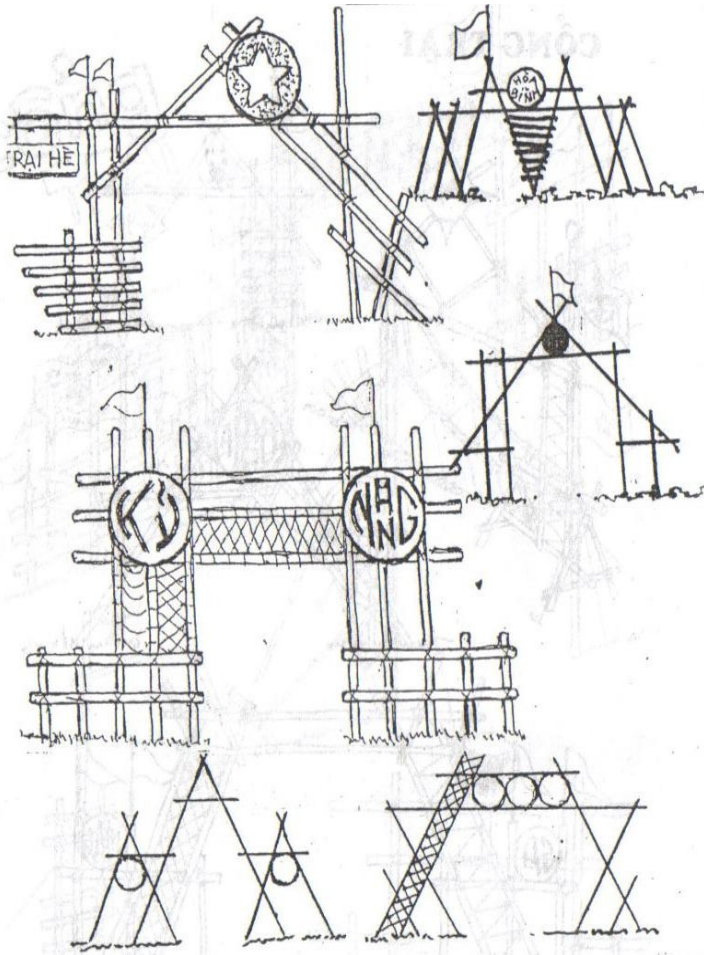
Ví dụ trong một số trường hợp cấp bách bất đắc dĩ ta bỏ qua bước 3, 4 (xây dựng mô hình, dự trù kinh phí), lướt bớt bước 2 (thiết kế trên giấy). Tại đất trại ta kết hợp bước 1 bước 5 vừa thi công vừa tìm vật liệu, tận dụng tối đa địa hình địa vật.

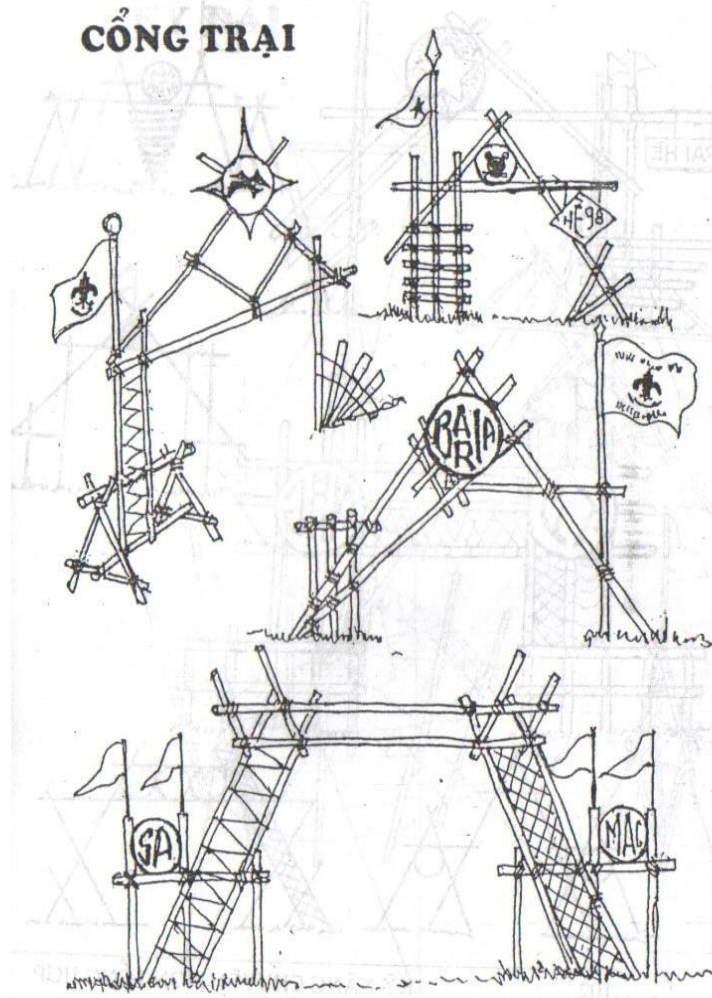
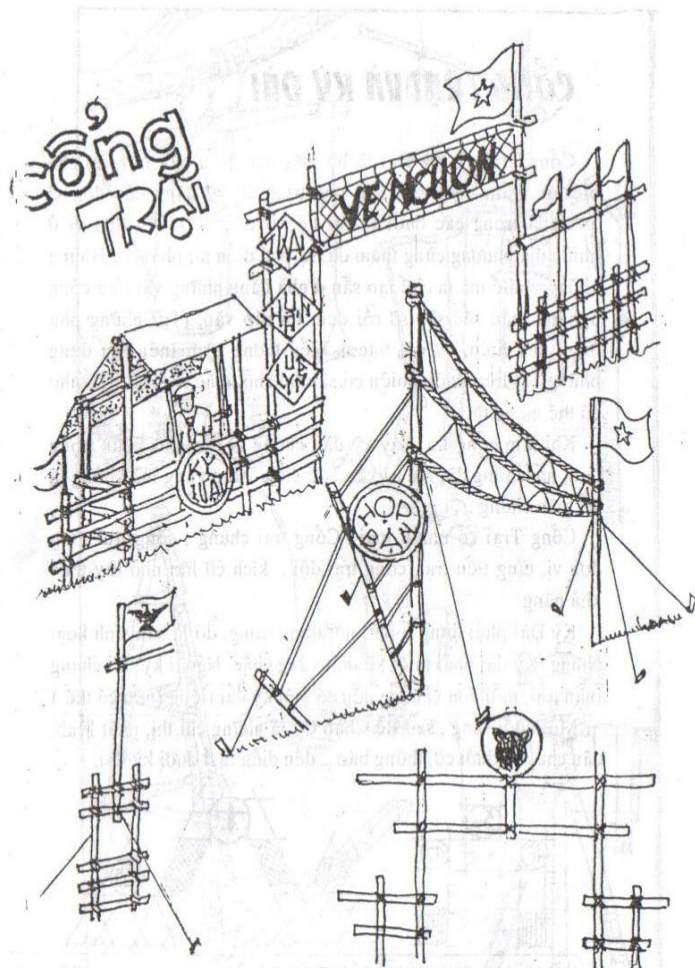
Cổng trại không chỉ là công việc mà còn là một khóa học tinh thần đồng đội nên hãy làm việc nhóm để giúp đỡ lẫn nhau. Cổng trại không chỉ là công việc mà còn một trò chơi nên hãy cố gắng tạo không khí vui tươi trong khi thi công để sao cho mỗi trại sinh đều tự hào về công trình do chính mình tạo dựng.

Một cổng trại tồi do chính mình làm ra thì có giá trị gấp ngàn lần hơn một cổng trại cực đẹp do người khác làm. Bởi vì cái đẹp của cổng trại không chỉ nằm ở kết quả mà còn nằm ở quá trình tạo ra nó cho nên tôi mong rằng bạn đừng để ***ai học giùm bạn, chơi giùm bạn*** nhé! Phí lắm!

3. Một số Cổng trại tham khảo :







TỔ ĐÀN

I. ĐỊNH NGHĨA :

Tổ đàn là nơi ngủ, nghỉ của loài Chim. Là Oanh vũ, các Em nên cố gắng sống theo hình thức Đàn, nên việc xây tổ, sống gần gũi với thiên nhiên là một việc là hết sức có ý nghĩa.

Cũng như dựng Trại, Tổ đàn là nơi trú ngụ và sinh hoạt của các Em Oanh vũ trong các buổi cắm Trại, nhằm tập cho các em đức tính tháo vát, lanh lẹ, trí thông minh, sáng tạo, chịu khó, khéo tay, phát triển cơ thể, sức chịu đựng bền bỉ và có tinh thần đoàn kết...

II. CÁC KIỂU TỔ ĐÀN:

Tổ đàn có nhiều kiểu tùy theo sở thích hay trí thông minh, sáng tạo của các em. Một số kiểu Tổ đàn thường dùng như : Tổ hình bầu dục, Tổ hình chóp nón, Tổ hình chóp núi...

Tổ đàn có thể thực hiện trên chạng ba, chạng tư của một cây lớn, hay treo lủng lẳng trên 1 cành cây to có hướng chia ra ngoài.

III. VẬT LIỆU XÂY TỔ ĐÀN :

Tùy theo kiểu Tổ đàn và kích thước lớn hay nhỏ, rộng hay hẹp để chúng ta có thể chuẩn bị một số vật liệu cần thiết để tiến hành xây Tổ.

- Cành cây, Tre chẻ thành những thanh dài hay ngắn tùy theo Tổ.
- Dây dừa, dây Nilong cỡ lớn, cỡ nhỏ.
- Mây, tre, lạt, thép buộc.
- Lá dừa, lá khô to, cỏ, rơm.
- Rựa, kiếm, cưa, búa...
- Tấm bạt để lót trong Tổ
- Đồ trang trí Tổ...

IV. XÂY TỔ :

- Dùng cây, tre để đan, kết thành sườn theo hình dáng Tổ đàn mà mình đã định.

- Dùng tất cả các loại lá khô lợp lên sườn là mái Tổ. Nếu trời mưa, chúng ta có thể lót bên trong 1 tấm bạt mưa, rồi phủ lá khô bên ngoài để tránh bị ướt bên trong Tổ.

- Đào rãnh thoát nước chung quanh và bên trong Tổ để tránh nước tràn vào Tổ.

- Lót tấm trải bên dưới rồi phủ cỏ và lá khô lên để tránh côn trùng

- Trang trí và xếp dọn đồ đạc trong Tổ.

*** LƯU Ý :**

- Nếu trời nắng, thì cửa ra vào Tổ nên là khá rộng và làm thêm cửa sổ để lấy ánh sáng và mát.

- Nếu trời mưa thì nên làm cửa hẹp lại và cần có cửa che.

- Ngày nay, vật dụng để làm Tổ có phần hơi khó tìm để làm Tổ. Hoặc một phần là do chi phí mua Tre và thời gian để làm. Thế nên, khung sườn của Tổ đàn chúng ta có thể làm bằng khung thép, được hàn lại với nhau và sau đó phủ lên Tổ những lá khô như : lá dừa, lá dứa, cỏ tranh, lá khô...

NÚT DÂY (GÚT)

I. Nguồn gốc ra đời:

Xuất phát từ nhu cầu thực tế trong các hoạt động sản xuất, công việc hằng ngày con người đã sử dụng dây để sáng tạo ra các cách thắt khác nhau. Dần dần theo thời gian kinh nghiệm được bồi bổ nâng cao cộng với việc được ghi chép con người đã tích lũy được số vốn kiến thức, từ đó bộ môn gút ra đời.

Nguồn gốc của bộ môn gút bắt nguồn từ cuộc sống cho nên tính phong phú của nó lại có thừa. Cho đến tận ngày nay tuy con người đã có rất nhiều các kỹ thuật khác thay thế nhưng gút dây vẫn là một phương tiện đắc dụng. Cùng với sự phát triển của xã hội, một bộ phận gút dây đã không còn được sử dụng hoặc hạn chế sử dụng do tính kém chuẩn mực của nó, số khác được nâng lên tầm nghệ thuật do nét đẹp tinh tế tiềm tàng của nó.

II. Gút dây trong GDPT:

Gút dây là một bộ môn quan trọng trong hoạt động chuyên môn của GDPT. Đây bộ môn căn bản của nhiều hoạt động chuyên môn khác như thủ công trại, lều trại... Xét về mặt Ngũ Minh, gút được liệt vào hàng Công Xảo Minh. Gọi là Công Xảo Minh tất nhiên có thể xem đó như là một nghề. Về mặt lý luận gút không có một có một lý thuyết xuyên suốt rõ ràng nhưng sử dụng gút hoàn toàn có thể được xem là một nghệ thuật.

Sở dĩ GDPT phát triển bộ môn gút là bởi nhận thấy được tác dụng nhiều mặt của bộ môn gút.

Một là học gút có thể giúp phát triển sự khéo léo của đôi bàn tay.

Hai là ra đời trên nền tảng sáng tạo từ kinh nghiệm nên gút giúp đoàn sinh phát huy khả năng sáng tạo.

Ba là bồi bổ óc thẩm mỹ.

Bốn là đào luyện cho đoàn sinh khả năng tháo vát, ứng dụng trong cuộc sống trại mạc đầy thú vị.

Theo kinh nghiệm, mỗi đoàn sinh nếu biết cách sử dụng (tức là hiểu rõ công dụng, ứng dụng và có thể ứng dụng thực tế) khoảng 10 gút căn bản là có thể hoàn thành 70 – 80% những công việc cần đến gút. Người biết sử dụng khoảng 20 gút có thể xem là giỏi, từ 30 đến 50 gút là rất hiếm gặp.

III. Một số khái niệm căn bản:

a. Tên gút: Có nhiều cách để đặt tên gút có thể nói là phức tạp, thông thường người ta dùng tên ngành nghề, tên công dụng, ứng dụng hoặc hình dáng gút cá biệt người ta dùng tên người (gút Lỗ Ban) hoặc tên vùng đất, dân tộc sáng tạo để đặt tên (gút Mường). Ngoài ra người ta cũng có thể đặt tên gút bằng cách lấy tên gút gốc cộng với đặc điểm riêng của gút được phát triển (gút ghề kép, gút ghề cứu hỏa, ghề anh, chịu kép...)

Tên gọi là quy ước mà quy ước do con người đặt ra tùy theo quan điểm cách nhìn mà mỗi vùng miền có cách đặt tên khác nhau đôi khi còn trái ngược nhau (ví dụ gút handcuff tức cái còng nhưng người Việt gọi là gút hoa hồng). Do không có một lý thuyết xuyên suốt nên không thể phân định đâu là tên gọi chính xác, ta đành chấp nhận một cách tương đối một gút có nhiều cách gọi. Vì lý do này cách chính xác nhất phân biệt gút là bằng công dụng và ứng dụng.

b. Thể loại: hay (phân loại) tất cả các sự sắp xếp chỉ là tương đối tùy vào mục đích sắp xếp. Nhưng thông thường người ta sắp xếp theo ứng dụng vì nó phổ biến, trực quan và dễ dàng hơn cả. Ngay cả việc phân loại theo ứng dụng cũng hết sức khó khăn do mỗi gút có một công dụng nhưng có nhiều ứng dụng trong nhiều lĩnh vực sản xuất đời sống khác nhau. Ví dụ gút thợ dệt, sở dĩ có tên này là do người thợ dệt hay dùng nó để nối chỉ tuy vậy nó cũng được ứng dụng đan các loại lưới như lưới đánh cá.

Ở đây dựa vào yêu cầu thực tế sinh hoạt GDPT tôi phân loại các loại gút thành 8 loại dựa theo công dụng như sau:

- | | |
|---------------------------------|----------------------|
| 1. Nối | 2. Buộc – Treo – Kéo |
| 3. Đầu dây (bện, chầu dây, vắn) | 4. Thâu ngắn |
| 5. Cấp cứu – Thoát hiểm | 6. Ghép thắp |
| 7. Đan – Trang trí | 8. Khác |

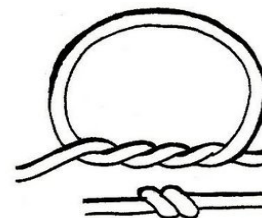
1. NÚT CHỊU ĐƠN.

- Không cho một đầu dây chui qua một lỗ nhỏ.
- Dùng làm điểm tựa để kéo một vật.



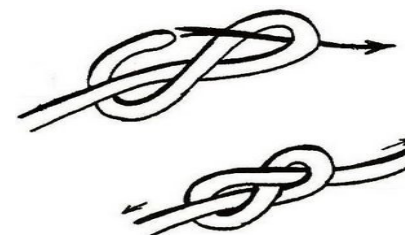
2. NÚT CHỊU KÉP:

- Công dụng giống nút chịu đơn nhưng chắc chắn hơn



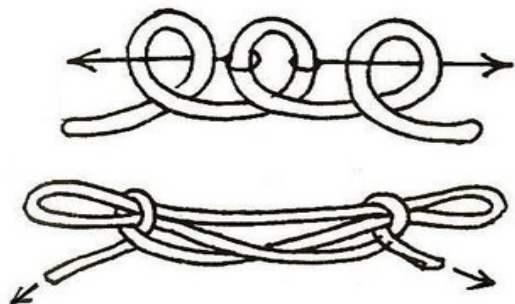
3. NÚT SỐ 8.

- Giống như nút chịu đơn, nhưng do có xoắn thêm một vòng nên chắc chắn hơn.
- Dùng làm thang dây.



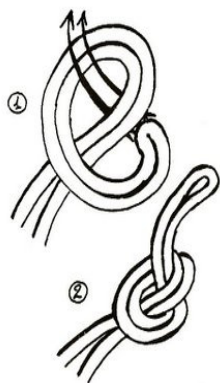
4. NÚT CHÂN CHÓ

- Dùng để thâu dây
- Nút chân chó còn giúp ta lắp đi một chỗ sòn ở giữa của thân dây.



5. NÚT MỎ CHIM.

- Dùng để nối thật nhanh 2 đầu dây mềm. Rất chắc chắn nhưng khó tháo



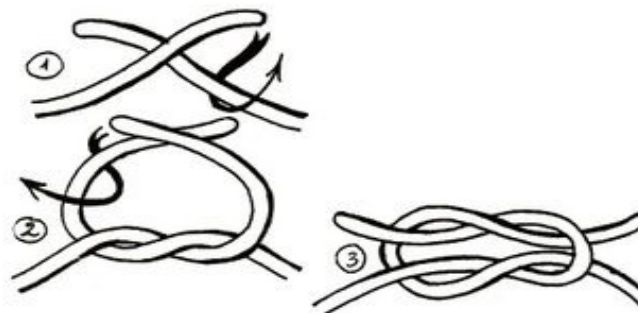
6. NÚT THÔNG LỌNG

- Dùng để bắt súc vật, neo dây vào một khoen sắt hoặc buộc siết một vật.



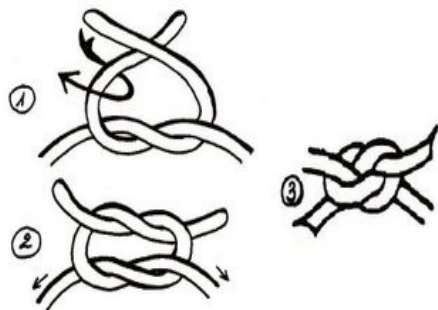
7. NÚT DỆT.

- Là nút nối thông dụng nhất thế giới.
- Dùng để nối hai đầu dây có tiết diện bằng nhau
- Dùng buộc đồ, gói hàng, buộc kết thúc dây bằng cứu thương.



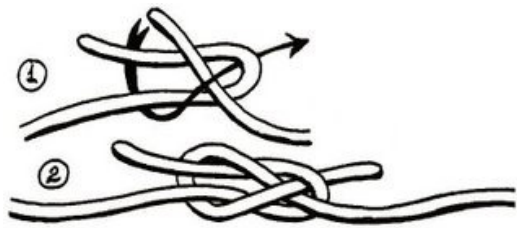
8. NÚT BÒ

- Do cách làm sai của nút Dệt
- Dùng để buộc dây kẽm gai hàng rào.



9. NÚT THỢ DỆT.

- Dùng để nối chỉ dệt, nối 2 đầu dây không bằng nhau.
- Dùng để buộc góc mái lều có may sẵn vòng dây vải.

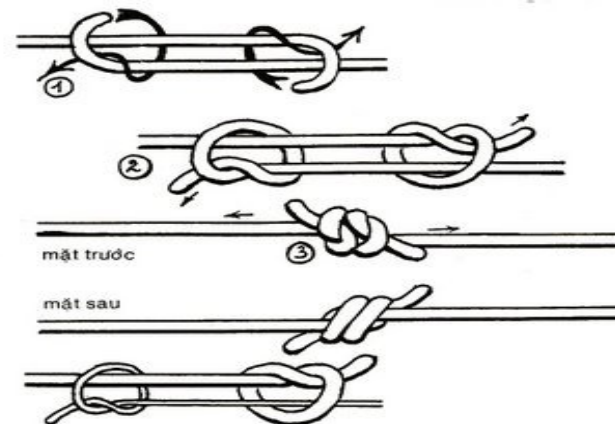


10. THỢ DỆT KHÓA SÓNG

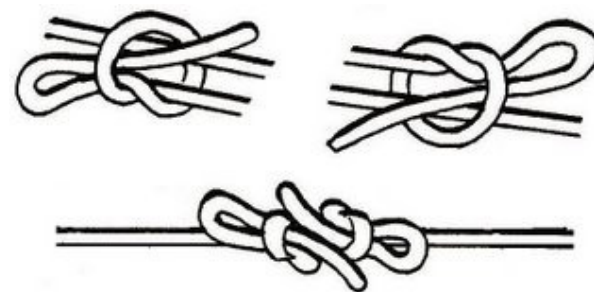


11. NÚT NỐI CHỈ CÂU.

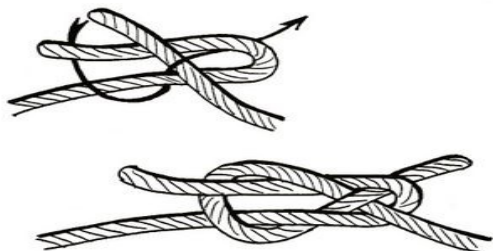
- Dùng để nối chỉ câu, nối 2 đầu dây trơn bằng nhau.
- Dùng để kéo màn sân khấu hay rạp hát.



12. NỐI CHỈ CÂU KHÓA SÓNG

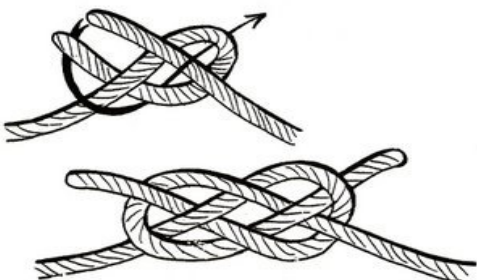


13. CARICK ĐƠN



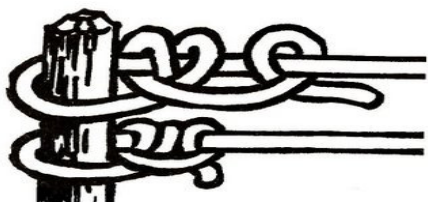
14. CARICK KÉP

- Dùng để nối 2 đầu dây bằng nhau



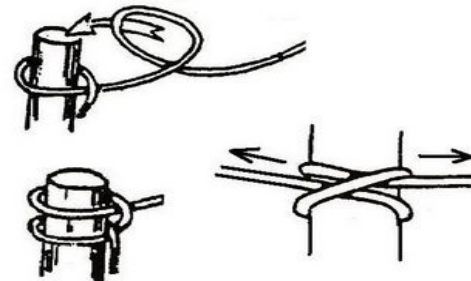
15. NÚT CHẠY. (Căng lều).

- Được sử dụng thường xuyên nhất cho những góc lều với cọc nhỏ.
- Trường hợp dây ngắn vẫn làm được.



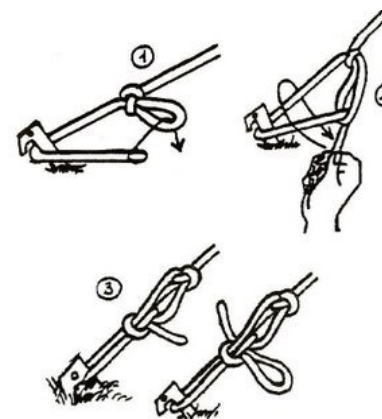
16. NÚT THUYỀN CHÀI.

- Dùng để neo thuyền vào cọc trên bờ, dùng để buộc đầu gậy lều.
- Khởi đầu cho tất cả các nút ráp nối cây.



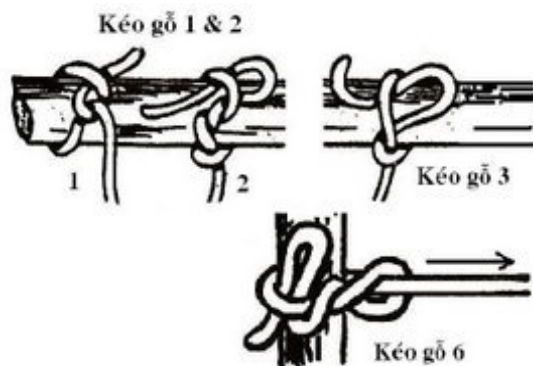
17. NÚT BỎ CÂU (Căng lều).

- Khi cần tăng lều ở một độ căng tối đa mà chỉ có một người làm, ta nên thực hiện nút này.
- Thường thì với gậy chính của sống lều, ta dùng nút này để buộc vào cọc chính.



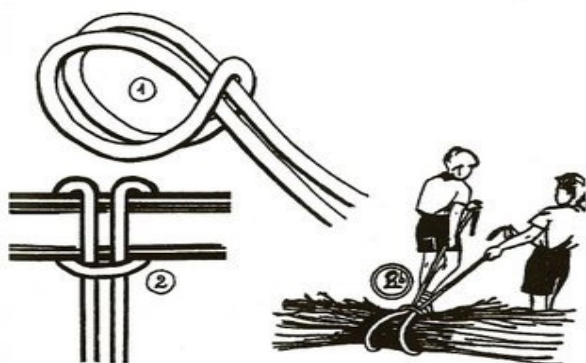
18. NÚT KÉO GỖ.

- Dùng để kéo gỗ, chức năng xiết như nút thòng lọng.
- Ứng dụng để căng dây phơi đồ hoặc mắc võng vào thân cây.



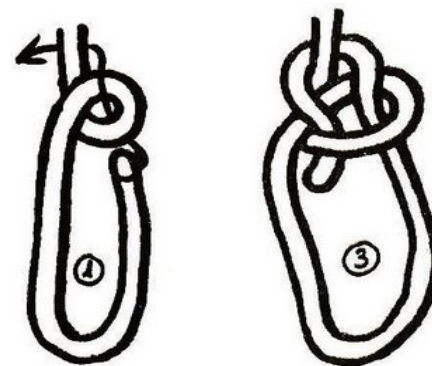
19. NÚT SƠN CA.

- Dùng để treo phần giữa dây lên một xà ngang hoặc buộc xiết một bó củi lớn để kéo đi.



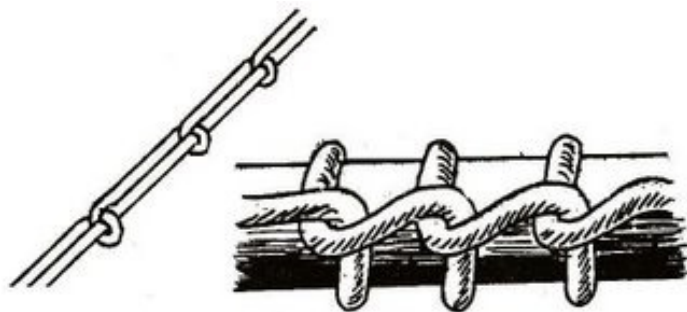
20. NÚT GHÉ ĐƠN. (Nút cấp cứu)

- Dùng để kéo một người từ dưới sâu lên hay thả một người từ trên cao xuống.



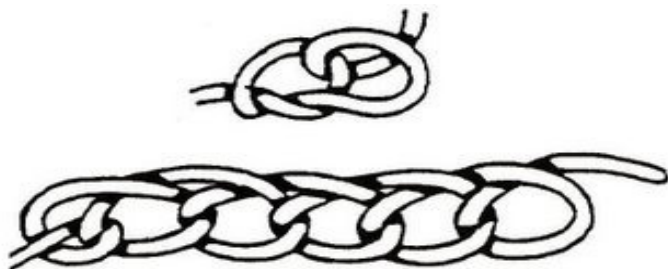
21. NÚT CHÂN NGỔNG

Sau khi sử dụng nút chạy xong mà còn dư dây nhiều thì ta làm nút chân ngỗng. Cho dây nằm gọn dọc theo thân dây.

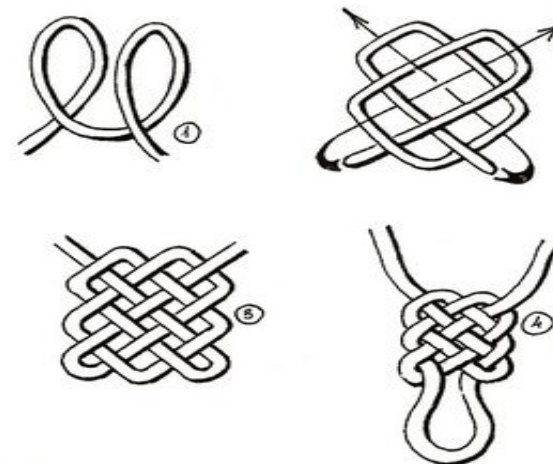


22. NÚT MÓC XÍCH

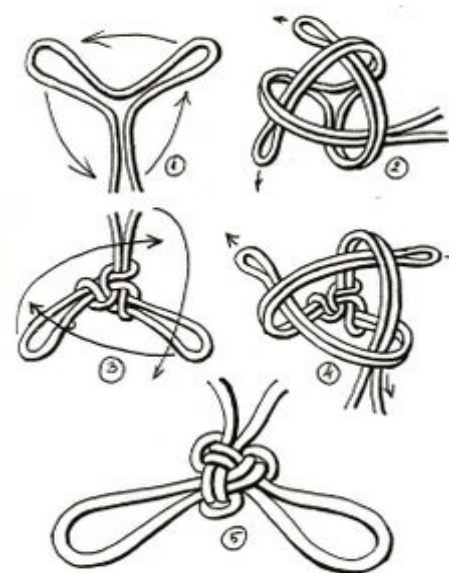
Dùng để thu ngắn dây, trang trí dây đeo. Là sự kết hợp của nhiều nút thòng lọng.



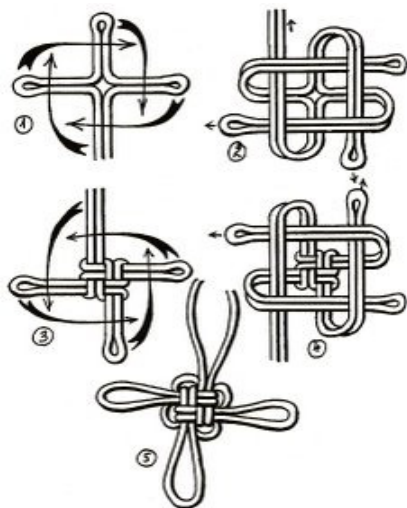
23. NÚT HOA ĐAN



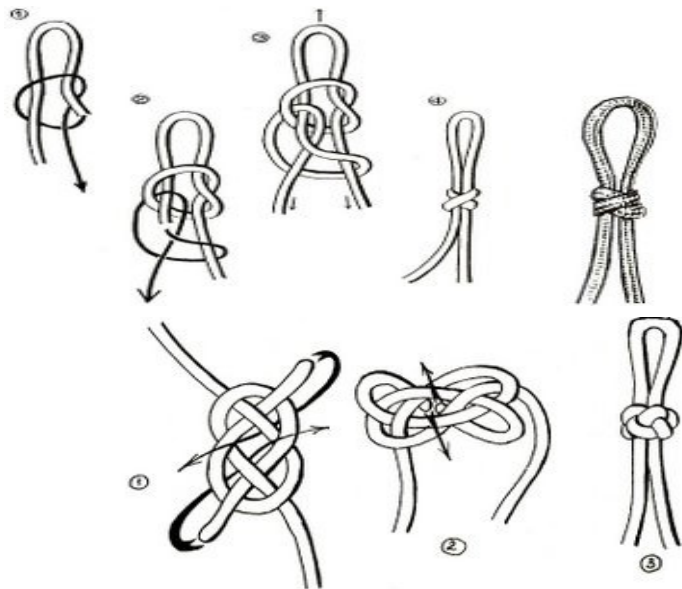
24. HOA ĐAN 3 CÁNH



25. HOA ĐAN 4 CÁCH



26. NÚT CỤC ÁO NHẬT BẢN

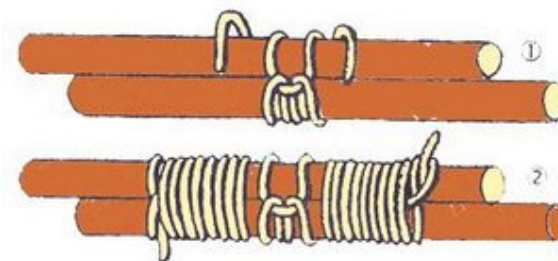


27. NÚT VÁN NGẮN (ráp cây dọc)

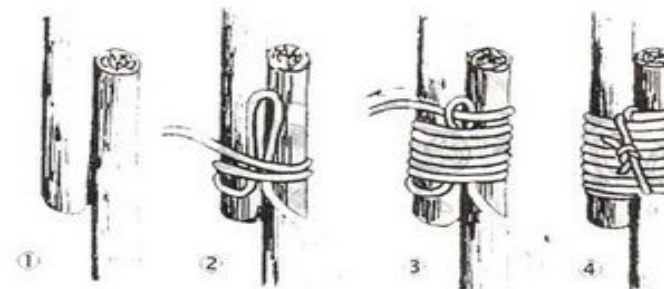
- Dùng để ráp 2 cây ngắn thành 1 cây dài theo chiều dọc.

Cách 1 : Khởi đầu bằng nút thuyền chài

Cách 2 : Khởi đầu bằng nút thông lọng



28. NÚT VÁN DÀI



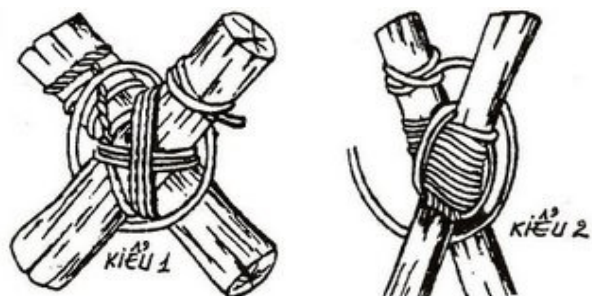
29. RÁP CÂY CHỮ THẬP.

- Dùng để ráp 2 cây theo thể vuông góc với nhau giống hình chữ thập.
- Khởi đầu bằng nút thuyền chài, hoặc thông lọng.



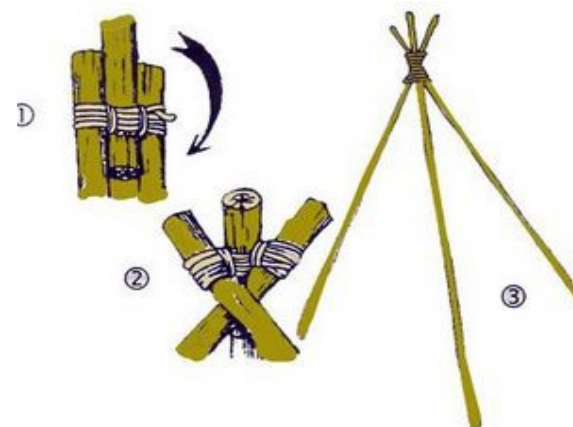
30. RÁP CÂY CHỮ NHÂN.

- Dùng để ráp 2 cây chéo nhau hoặc ráp 2 cây vuông góc với nhau nhưng cách cột nút theo hình chéo chữ nhân.
- Khởi đầu bằng nút thuyền chài, hoặc thông lọng.

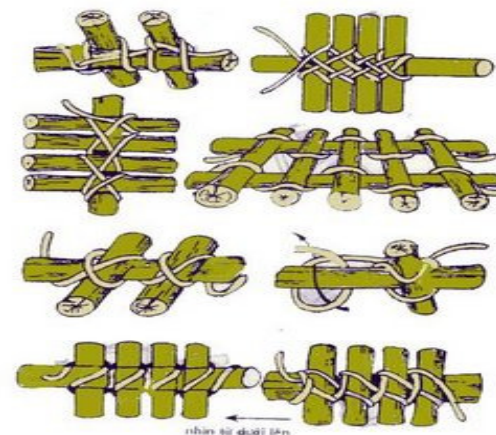


31. RÁP CHẠC BA.

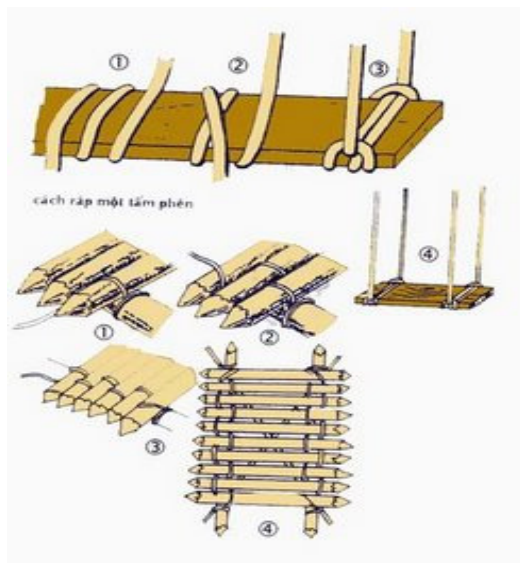
- Dùng để ráp 3 cây bằng nhau lại thành một kiềng 3 chân.
- Khởi đầu bằng nút thuyền chài, hoặc thông lọng.
- Khi làm thủ công trại thì nút chạc ba là nút rất thường gặp.



32. Bện VÁN SÀN



33. GHÉ XÍCH ĐU



ƯỚC ĐẠC

Trong cuộc sống, công việc tính toán là hằng ngày, hằng giờ trong mỗi chúng ta. Thật vậy, nó là công cụ không thể thiếu để chúng ta giải quyết các vấn đề trong đời sống. Trong nhà trường việc học và giải các bài toán sẽ cho chúng ta một con số chính xác nhưng khi ứng dụng ngoài thực tế thì những con số ấy chỉ là tương đối. Không phải lúc nào và trong mọi trường hợp chúng ta đều có sẵn dụng cụ đo đạc, vậy thì chúng ta phải làm sao đây? Kỹ năng Ước đạc – ước lượng sẽ giúp chúng ta lúc này.

Khi hòa mình vào thiên nhiên trong những cuộc thám du, khai phá hay cắm trại... chúng ta phải biết ước lượng khoảng cách, chiều cao, chiều rộng... để ứng dụng vào nhiều trường hợp khác nhau.

Đây là môn học cần thực hành hơn là lý thuyết suông. Nhiều đơn vị đã không trải nghiệm hay thực tập môn này đầy đủ, để rồi môn học này lúc nào cũng nằm trong “óc tưởng tượng” của mọi người.

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP ƯỚC ĐẠC THÔNG DỤNG:

I. Ước đạc là gì :

Ước đạc là dùng phương pháp hình học, bằng những khí cụ thô sơ để đo đạc một vật thể có thật nào đó trong thiên nhiên mà chỉ cho ta kết quả tương đối. Sai suất không quá 10%.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Để có được kỹ năng ước đạc tương đối chính xác nhất thì đòi hỏi các bạn phải tập luyện thường xuyên. Điều này sẽ giúp cho các bạn sẽ quen mắt, quen tay và kỹ năng ước đạc nhạy bén hơn.

Trước khi bạn thực hành ước đạc thì bạn phải biết thật rõ các số đo cá nhân. Các số đo cá nhân như: Chiều cao của mình từ chân đến đầu, đến mắt, đến vai..., chiều dài một sải tay, chiều dài 1 cánh tay, 1 gang tay, một ngón tay, 1 gang chân, 1 bước chân thường, 1 bước nhảy, 1 bước chạy...

II. Ước đạc khoảng cách:

a. Phương pháp bước đôi:

Ta dùng bước đôi để ước lượng khoảng cách. Cứ đi hai bước đếm một lần. Bước đôi ta thường tập đo sẵn ở nhà. Khi cần, chúng ta sẽ đem ra ứng dụng. Nhưng hãy lưu ý những yếu tố sai lầm sau:

- Trên những địa thế lồi lõm, băng rừng, vượt suối...
- Sức khỏe của đoàn viên không ổn định...

Có thể làm sai lệch khoảng cách của bước đôi. Để có chiều dài của bước đôi, chúng ta phải đo 4 lần ở khoảng cách 100 mét. Sau đó cộng tất cả lại chia cho 4, chúng ta có số bước đôi trung bình ở khoảng cách 100 mét.

Thí dụ:

Lần 1 đo được 67 bước đôi

Lần 2 đo được 66 bước đôi

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Lần 3 đo được 65 bước đôi

Lần 4 đo được 66 bước đôi

Tổng cộng 264 bước đôi

- Số bước đôi trung bình: $264:4 = 66$

- Chiều dài bước đôi là: $100:66 = 1,515$ mét

Chú ý: Chỉ đi những bước bình thường

b. Phương pháp bằng mắt thường:

Khi ước đạc khoảng cách bằng mắt thường (không cận thị, viễn thị, loạn thị) Trong trường hợp thời tiết tốt không có sương mù, phải đầy đủ ánh sáng, chúng ta có thể thấy:

KHOẢNG CÁCH (m) CÓ THỂ TRÔNG THẤY

50 Rõ hai mắt và miệng của 1 người.

100 Hai mắt chỉ còn là chấm nhỏ.

200 Tổng thể chi tiết quần áo.

300 Mặt của 1 người

400 Những cử động của chân người đó còn thấy được.

500 Màu sắc của quần áo (vào ban ngày).

800 Con người giống như một cây que nhỏ.

1.500 Còn thấy tàn cây lớn và xe cộ.

3000 – 4000 Còn thấy ống khói, cửa sổ.

11.000 – 15.000 Có thể thấy cối xay gió, tháp chuông, tháp cao.

Đồ vật trông có vẻ gần hơn thực tế khi quan sát bằng mắt:

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Vào lúc trời trong sáng.
- Khi mặt trời ở phía sau lưng.
- Qua một khoảng cách có nước.
- Qua một thung lũng.
- Qua một dải tuyết.
- Trên cánh đồng.
- Qua núi đồi trập trùng.
- Trên một đường tuyến ở phía chân trời.

Đồ vật trông có vẻ xa hơn thực tế khi:

- Khi nhìn ở tư thế quỳ hay nằm.
- Người mà ta nhìn cũng quỳ.
- Đồ vật có cùng màu với bối cảnh.
- Được nhìn trong ngày sương mù, ẩm đạm.
- Nhìn dọc theo một con phố hay một đại lộ.
- Có quần hơi nước do sức nóng gây nên.

c. Phương pháp dùng vận tốc của âm thanh:

Chúng ta biết rằng, cứ mỗi giây âm thanh truyền đi với vận tốc 330m/s. Muốn tính khoảng cách từ chỗ phát ra tiếng động đến chỗ ta đứng (với điều kiện bạn phải thấy được nơi phát ra tiếng động).

Chúng ta tính từ lúc phát ra tiếng động (dưới các hình thức: sấm, chớp, bắn súng...) cho đến lúc chúng ta nghe được tiếng động là bao nhiêu giây. Ta lấy số giây đó nhân với 330m/s là ra khoảng cách.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Muốn tính số giây ta tập đếm: Ba trăm lẻ một, ba trăm lẻ hai... (301, 302,...).

Ví dụ: Khi thấy ánh sáng của sấm chớp lên, ta bắt đầu đếm: 301, 302, 303... đến 309 thì ta nghe tiếng sấm nổ.

Ta tính $330\text{m/s} \times 9 = 2.970 \text{ m}$.

Vậy sấm chớp cách xa ta khoảng 3 km.

d. Phương pháp bằng xe đạp:

Các bạn lấy một mảnh vải trắng cột vào bánh xe trước, cứ mỗi vòng lăn (tuy theo kích cỡ của bánh xe) ta có một số đo. Lấy số đo đó nhân với chu vi bánh xe ta sẽ có khoảng cách cần tìm. Thường thì chu vi bánh xe đạp 650 là 1,90m. Lưu ý: Chúng ta cũng có thể tính toán theo số vòng đạp của pedale (bàn đạp). Ta phải biết trước, nếu đạp đều thì 1 vòng đạp của pedale sẽ đi được bao xa? Sau đó thì ta chỉ việc là lấy khoảng cách một vòng đạp nhân với số vòng đã đạp một khoảng cách từ điểm này đến điểm kia. Ta sẽ có khoảng cách giữa 2 điểm ấy là bao nhiêu mét.

III. Ước lượng chiều rộng dòng sông:

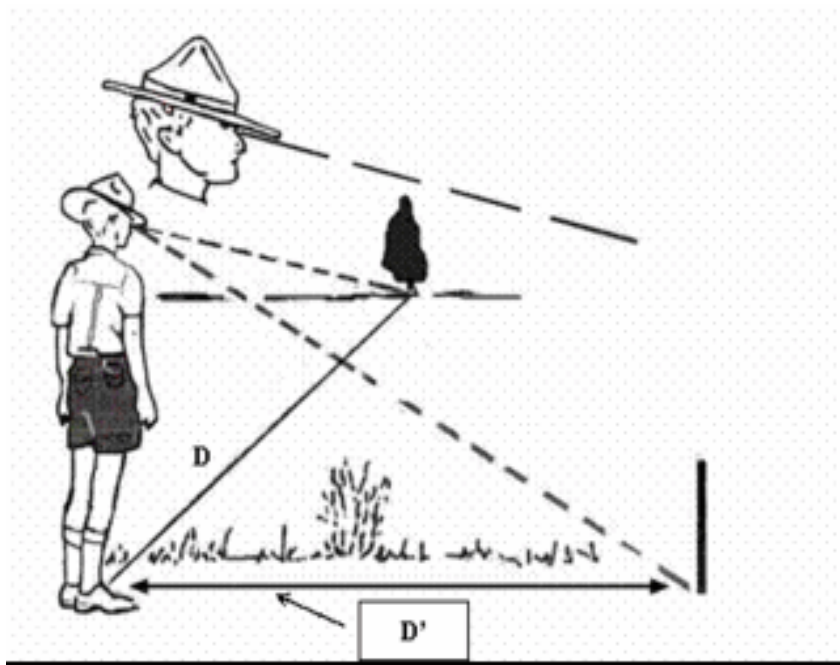
**** Phương pháp I :***

Bằng mũ (nón) rộng vành hay lưỡi trai. Phương pháp này chỉ áp dụng với nón vành hay lưỡi trai cứng.

a. Đứng thẳng quan sát bờ sông, kéo vành nón sụp xuống từ từ để làm thế nào cho mắt của ta nhìn qua mép vành nón đó, thấy đúng vào một điểm sát bờ sông đối diện.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

b. Hãy giữ cho đầu và cổ đơ ra không nhúc nhích. Đoạn xoay mình 90 độ (về phía bên phải hay bên trái cũng được) và ghi nhận một điểm mốc bên này sông mà ta thấy thẳng hàng với mép vành nón. Đo từ chỗ đứng đến điểm mốc đó. Khoảng cách ấy là chiều rộng con sông.



* *Phương pháp II* (Hình học) (Tam giác vuông đồng dạng)

- Ta chọn một điểm mốc A bên kia sát mép bên bờ sông, đối diện bờ sông bên này ta đóng một cọc B sát bờ.
- Từ B ta xoay 1 góc 90 độ rồi đo đến 1 điểm bất kỳ để đóng cọc C, kéo dài BC chọn điểm D sao cho $CB = CD$.

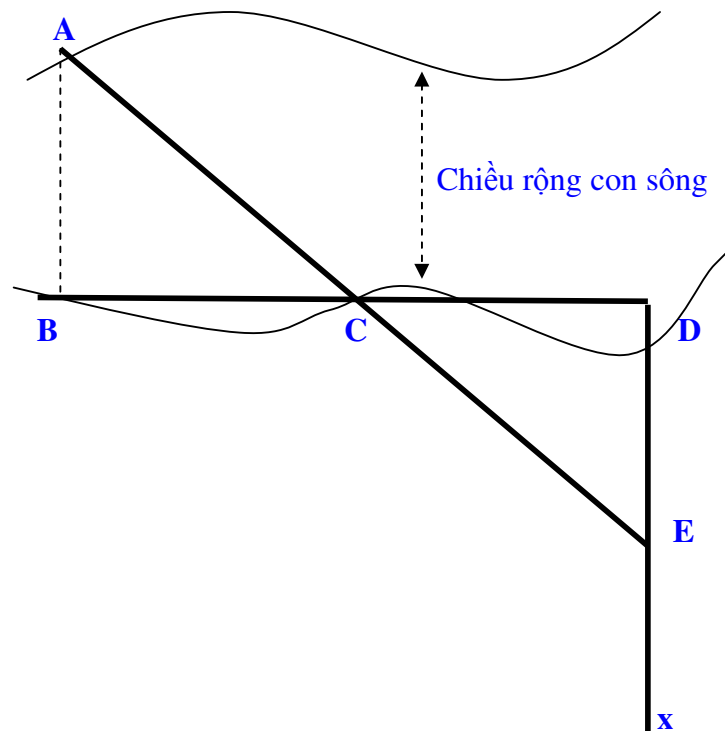
HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- D)
- Tại D kẻ một tia Dx vuông góc với BD (góc vuông tại D)
 - Trên tia Dx xác định điểm E sao cho A, C, E thẳng hàng.

Ta có: Hai tam giác vuông $ABC = EDC$.

Nên $AB = ED$.

Đo ED chính là khoản cách AB (chiều rộng bờ sông) cần tìm.



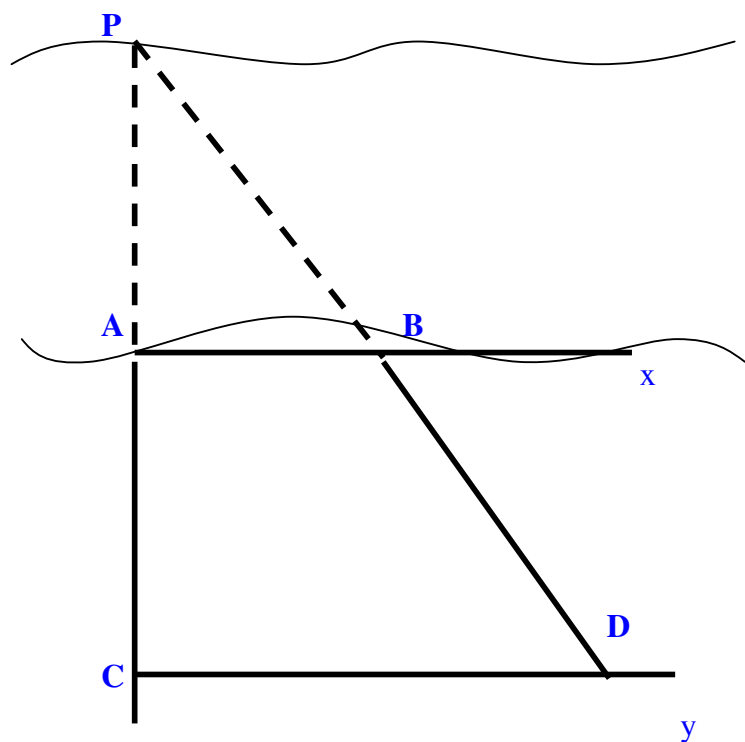
*** Phương pháp III** (tam giác đồng dạng):

- Chọn một điểm mốc P sát bên kia bờ sông, đối diện sát bờ sông bên này đóng một cọc A. Từ PA ta nối dài đóng một cọc tiêu C.

- Kẻ tia Ax vuông góc với PC tại A, trên tia Ax đóng cọc tiêu B.

- Kẻ tia Cy vuông góc với PC tại C, trên tia Cy xác định cọc tiêu D sao cho P, B, D thẳng hàng.

- Ta có tam giác vuông PAB đồng dạng với vuông PCD

*** Phương pháp IV: (sử dụng địa bàn)**

- Đứng tại điểm B. Tìm một điểm chuẩn đối diện bên kia sông (hòn đá, gốc cây...), gọi là điểm A.

- Dùng địa bàn nhắm vào điểm A đó. Đọc phương góc ta có trên địa bàn.

Thí dụ: Từ B tới A, ta có phương góc 1200

- Chỉnh địa bàn lệch một góc 450 (so với phương góc 1200). Nếu rẽ sang trái, ta cộng thêm 450. Nếu rẽ sang phải, ta trừ đi 450.

Thí dụ: Chúng ta rẽ sang trái thì: $1200 + 450 = 1650$

- Từ điểm B, chúng ta quay qua trái một góc 900. Vừa đi vừa đếm bước và theo dõi địa bàn cho đến khi nào phương góc 1650 trùng vào điểm A thì dừng lại. Ở đó gọi là điểm C.

- Tam giác ABC là tam giác vuông cân. Vì vậy $AB=BC$. Cho nên khoảng cách của BC cũng là khoảng cách của con sông.

Cách tạo một góc vuông trên mặt đất:

Trong một số phương pháp ước đạc, chúng ta cần phải vẽ những đường thẳng góc. Vậy thì làm thế nào để chúng ta có thể vẽ được những góc vuông 90 độ trên mặt đất với những dụng cụ thô sơ.

Thí dụ chúng ta muốn vẽ một góc vuông ABC vuông góc tại B.

- Trước tiên, chúng ta đóng tại N một cái cọc

- Gấp đôi một sợi dây AB. Buộc một nút (N) ở chính giữa sợi dây để làm điểm chuẩn.

- Đặt nút N của sợi dây vào cọc N. Kéo căng hai đầu dây tạo thành hai điểm AB ở hai đầu dây (khoảng cách AB bất kỳ). Có định điểm B bằng một cái cọc. Vạch một đoạn thẳng nối hai điểm AB.

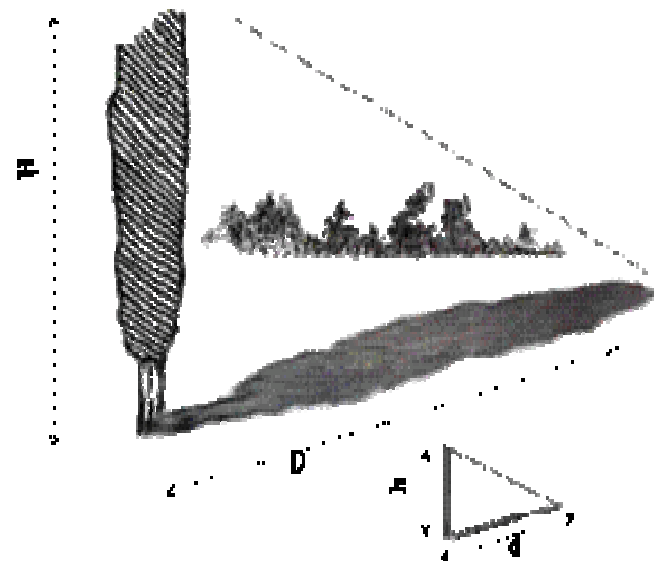
- Đem đầu B của sợi dây đến điểm C. Làm sao cho 3 điểm ANC thẳng hàng.

Như thế chúng ta có một góc ABC vuông góc tại B.

IV. Ước lượng chiều cao :

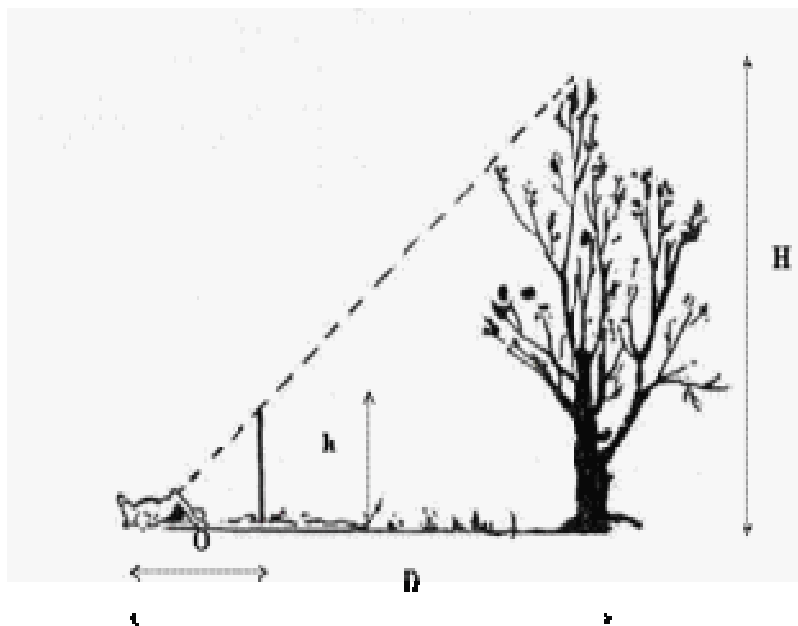
* Phương pháp I

Nếu chúng ta cắm một cây gậy thì mặt trời sẽ tạo cho cả vật cần ước đạt và cây gậy những cái bóng trên mặt đất. Gọi H là chiều cao của vật cần ước đạt, h là chiều cao cây gậy, D là chiều dài của bóng vật cần ước đạt và d là chiều dài bóng gậy thì ta có công thức tìm chiều cao $H = h * D / d$



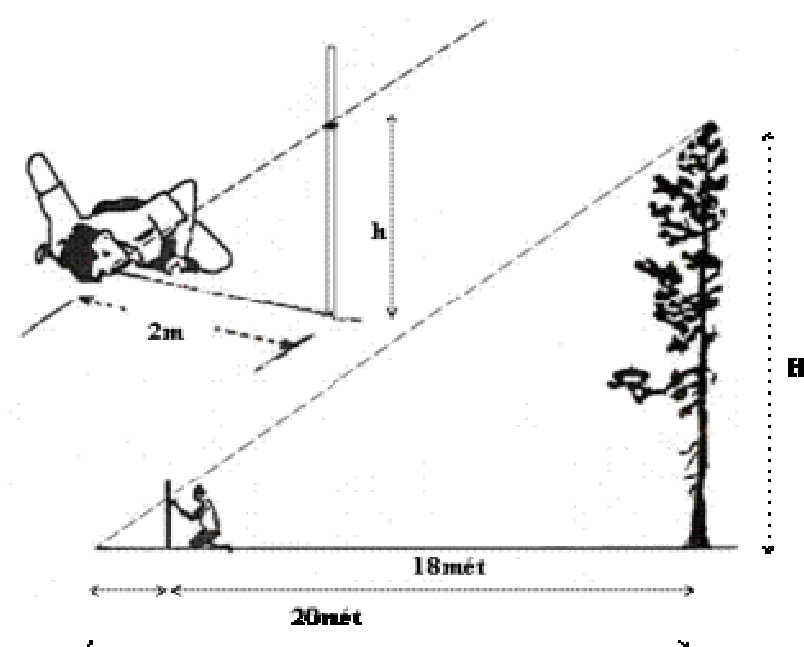
* Phương pháp II

Cắm gậy cách vật cần ước đạt một khoảng cách, lùi lại và nằm xuống ngắm sao cho ngọn cây trùng với đỉnh của gậy. Xê dịch gậy hay vị trí nằm tùy ý. Công thức được tính với H là chiều cao cần tìm, h là chiều cao đã biết của gậy, D và O là khoảng cách đo được từ vật cần ước đạt và gậy đến vị trí ngắm sẽ là $H = h * D / O$



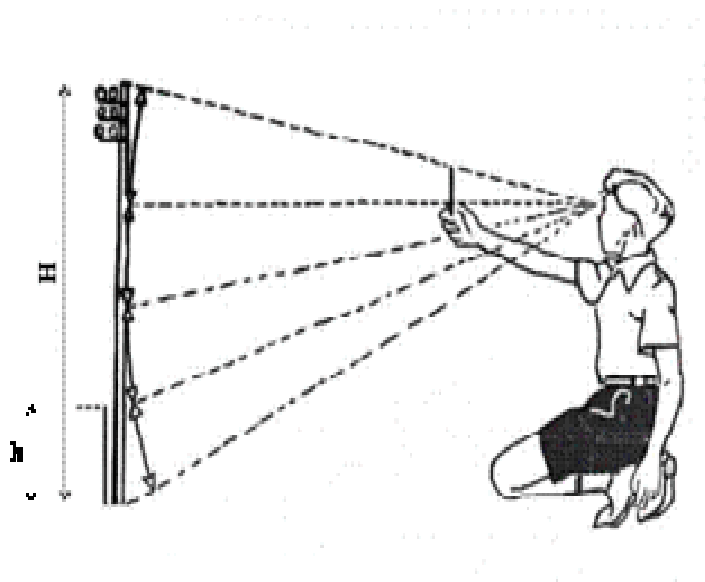
Phương pháp III

Gần như phương pháp trên nhưng chỉ có cách tính h là thay đổi còn D và O đã được ấn định trước với tỷ lệ 20 và 2; điều này có nghĩa là ta có thể dùng bước chân hay dùng gậy. . . mà không lệ thuộc vào một dụng cụ đo đạc nào. Vậy $H = h * 10$



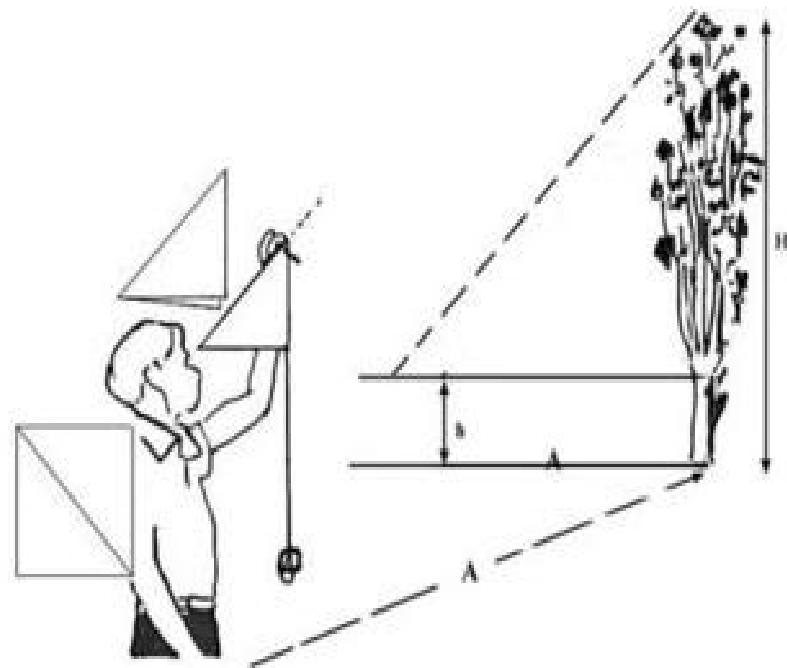
** Phương pháp IV*

Đặt cạnh vật cần ước đạc một gậy đã biết chiều cao. Đứng một khoảng xa, đưa thẳng tay ra trên tay cầm một vật mẫu (cây bút chẳng hạn), nheo mắt nhắm để cho vật mẫu trùng với gậy chuẩn rồi lần lượt nâng tay lên cho đến hết chiều cao muốn tìm. Gọi X là số lần nâng tay thì chiều cao H của vật cần ước đạc dựa trên chiều cao h của gậy được tính sẽ là $H = h * X$. Sai số sẽ không đáng kể khi ta đứng càng xa, trong hình thì chiều cao trụ điện bằng 4 lần chiều cao gậy cắm bên cạnh.



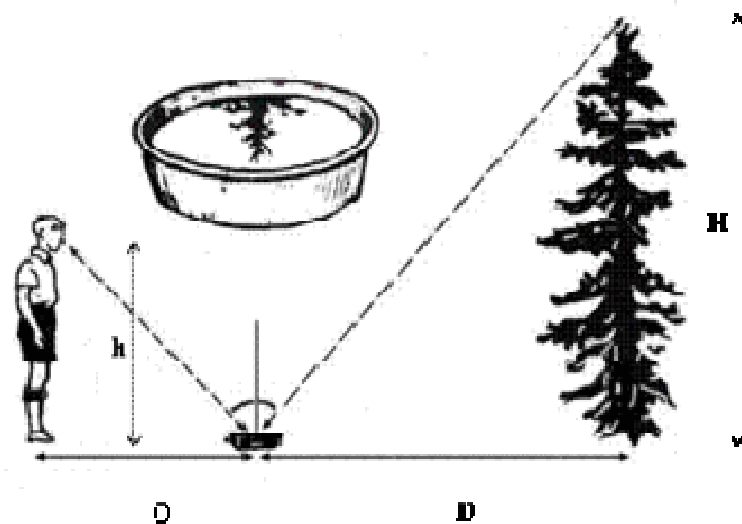
*** Phương pháp V**

Gấp miếng giấy hình vuông theo đường chéo để thành một tam giác vuông cân, xuyên một đỉnh ở một góc nhọn và cột một dây dọi ở góc vuông để khi ta cầm cây đỉnh thì cạnh còn lại của tam giác sẽ song song với mặt đất (xem hình). Thay đổi vị trí để có thể nhìn thấy ngọn cây qua đường chéo; gọi A là khoảng cách từ chỗ đứng đến cây, h là chiều cao từ mặt đất đến mắt thì ta có chiều cao H là: $H = A + h$



*** Phương pháp VI:**

Đặt một thau nước hay gương soi dưới đất rồi lựa vị trí đứng để có thể thấy được đỉnh vật muốn ước đạt. Gọi H là chiều cao cần tìm, h là khoảng cách từ mặt đất đến mắt, D và O là khoảng cách từ vật cần ước đạt và từ người ước đạt đến chậu nước. Công thức sẽ là: $H = h * \frac{D}{O}$



V. Ước lượng thời gian (Sai số 10%) :

Về thời gian dài, ta có thể ước lượng bằng hơi thở. Trung bình một phút ta thở từ 12 đến 14 lần, hãy kiểm chứng bằng đồng hồ cho quen.

Chúng ta cũng có thể ước lượng thời gian bằng nhịp đập của mạch máu. Tùy theo cơ thể của mỗi người, một phút có thể từ 70 đến 100 nhịp đập. Hãy tự kiểm tra mình trong nhiều tình huống: bình thường, mệt mỏi, làm việc nặng... Hoặc chúng ta tập đếm ba trăm lẻ một, ba trăm lẻ hai... (301, 302...) theo một nhịp đều đều.

VI. Ước lượng trọng lượng :

Ta tập cầm nhiều lần các vật dụng khác nhau cùng một trọng lượng như: sắt, đường, bông gòn, muối... Dần dần đã quen, ta nâng trọng lượng dần lên. Sau nhiều lần ta sẽ quen và ước lượng gần đúng.

VII. Ước lượng thể tích, diện tích, dung tích :

Phần này phải nói là do quen mắt nhờ lặp đi lặp lại nhiều lần mà thôi. Ta ước lượng chiều dài, chiều rộng và chiều cao sau đó nhân lên.

Hoặc chúng ta dùng phương pháp so sánh với những diện tích, thể tích, dung tích mà chúng ta đã đo lường kỹ càng. Sau khi ước lượng xong, chúng ta nên kiểm chứng lại. Chỉ sau vài lần là quen.

VIII. Ước lượng số đông

Chúng ta tập luyện bằng cách chia ra từng nhóm nhỏ rồi đếm từng người. Sau đó ước lượng xem số đông đó có khoảng bao nhiêu nhóm, rồi nhân lên. Các phóng viên là những người ước lượng số đông rất giỏi. Họ chỉ cần đảo mắt qua là ước lượng được ngay số người đang có mặt trong một buổi họp, một buổi mít tinh...

IX. Ước đặc chiều sâu:**a. Phương pháp 1 :**

Khi đứng ở một độ cao ở một nơi nào đó, thì để muốn biết chiều sâu từ nơi ta đứng đến mặt đất ta chỉ cần thả một vật nặng rơi tự do (ví dụ: lon nước ngọt, thùng nhôm,...) khi chạm đất sẽ gây tiếng động. Chúng ta chỉ cần tính thời gian rơi tự do là bao nhiêu rồi áp dụng công thức chúng ta sẽ biết được độ cao cần tìm.

Công thức:

$$H = g s^2$$

Với: H : Độ cao (chiều sâu) cần tìm (m)

s : thời gian rơi tự do.

$g = 9,8 \text{ m/s}^2$ – gia tốc rơi tự do.

Cách tạo một góc vuông trên mặt đất:

Có rất nhiều cách để tạo một góc vuông 90 độ trên mặt đất. Ở đây xin giới thiệu đến các bạn 2 phương pháp cơ bản để tạo góc vuông với những dụng cụ thô sơ (dây, gậy gỗ, phấn...).

Thí dụ muốn vẽ một đường thẳng vuông góc với đoạn AB tại điểm B, ta có 2 phương pháp cơ bản sau:

b. Phương pháp 2 :

Lấy 1 cây sào, cột 1 sợi dây vào đầu cây sào, đầu dây còn lại cột 1 vật khá nặng. Đưa cây sào ra và từ từ thả dây xuống dòng nước cho đến khi vật nặng đụng đáy sông. Khi đó

ta kéo cây sào lên và đo đoạn dây bị thấm ướt sẽ biết được chiều sâu của con sông này.

Đóng 2 cọc hai bên bờ Sông, ta căng 1 dây và trên đó ta làm 1 vài múi Nút để làm dấu. Sau đó, ta dùng Ghe hay Xuồng bơi ra, dùng dây có cột vẩy nặng để đo chiều sâu của con Sông theo từng đoạn (theo múi Nút đã làm dấu trước) Khi đó chúng ta sẽ tính được con Sông sâu bình quân là bao nhiêu.

X. Ước lượng diện tích:

Để ước lượng một diện tích (một mảnh đất, thửa ruộng, khu vườn...) chúng ta phải tập luyện bằng phương pháp so sánh bằng mắt. So sánh bằng mắt giữa một diện tích thật đã biết trước với diện tích cần so sánh. sau đó, chúng ta sẽ kiểm chứng lại diện tích đó bằng phương pháp đo ước đặc với các công thức thích hợp.

Công thức áp dụng: Diện tích hình chữ nhật, hình vuông: (Chiều dài + chiều rộng)* 2 (đơn vị tính m²).

XI. Ước lượng khối lượng:

Có thể tập luyện bằng cách so sánh với những khối lượng đã biết bằng tay. Nghĩa là lúc đầu ta tập cầm những khối lượng trung bình từ 1 đến 5 ký. Lúc tập nên đổi tay qua lại để cho tay quen. Ngoài ra chúng ta còn có nhiều phương pháp khác để ước lượng khối lượng (ví dụ như dựa vào thể tích của một vật, khối lượng riêng...).

XII. Đo tốc độ của dòng Sông :

Thả xuống dòng nước 1 vật nhẹ (lá khô, giấy mỏng...)
Sau đó ta dùng Đồng hồ và thước để đo thời gian và khoảng cách của vật nhẹ di chuyển. Sau cùng ta sẽ tính được tốc độ của dòng nước bằng công thức :

$$\text{Vận tốc} = \text{Quãng đường} \times \text{Thời gian}$$



HÌNH THỨC VÀ HIỆU LỆNH TẬP HỢP

I. MỞ ĐẦU:

Sự tập hợp cần phải nhanh chóng, trật tự và có hình thức đẹp. Huynh trưởng điều khiển phải báo cho đoàn sinh biết hiệu lệnh bằng còi, miệng, tay, chuông, đèn, v.v.. Muốn cho sự tập hợp được nhanh chóng và trật tự thì các hiệu lệnh phải được trình bày cho đoàn sinh biết trước và phải trình bày cho rõ ràng.

II. HÌNH THỨC TẬP HỢP:

Hình thức tập hợp gồm có các thế cá nhân và các thế xếp hàng.

A. Các Thế Cá Nhân:

1. Thế nghiêm: Đứng thẳng, hai tay thẳng theo mình, gót chân chạm vào nhau, hai bàn chân mở ra thành một góc vừa 60 độ.

2. Thế nghỉ: Chân phải đứng nguyên chỗ, bỏ chân trái ra khoảng 30 cm, hai tay để sau lưng, ở trong hàng không nói chuyện (Thiếu nữ đứng tự nhiên, hai tay vòng phía trước).

3. Thế nghỉ tự do: Như thế nghỉ thường nhưng có thể nói chuyện nho nhỏ.

4. Thế nghỉ có gậy: Đứng thế nghỉ, tay phải nắm gậy đưa thẳng ra theo vai.

5. Thế chào: Đứng thẳng như thế nghiêm, tay phải bắt ấn Cát Tường.

6. Thế chào có gậy: Đứng thế nghiêm, tay trái đưa ngang bụng nắm lấy gậy, tay phải bắt ấn Cát Tường.

B. Các Thế Xếp Hàng:

Để tạo sự trang nghiêm, tôn kính trong các cuộc lễ, cũng như để dễ dàng trong việc báo cáo sĩ số, chúng ta có thể dùng hình thức tập hợp hàng dọc, hàng ngang hay hàng rẽ quạt.

Để thuận tiện trong việc truyền đạt tin tức của người điều khiển đến người nghe (trong trường hợp ít người) ta dùng hình thức tập hợp chữ U, hình bán nguyệt (hình vòng cung).

Để tạo sự thân mật, thuận tiện trong trường hợp sinh hoạt vui chơi đông người ta có thể dùng hình thức tập hợp vòng tròn, hình vuông.

III- HIỆU LỆNH TẬP HỢP:

Hiệu lệnh thường gồm 2 phần:

Dự lệnh: là lệnh ra trước để Đoàn sinh chú ý chuẩn bị.

Động lệnh: là lệnh để Đoàn sinh thi hành ngay một động tác.

Hiệu lệnh cần phải dễ phân biệt và được giải thích rõ ràng cho mọi người trước khi đem dùng.

Sau đây là các hiệu lệnh thường được dùng. Tuy nhiên khi xét thấy cần, người điều khiển có thể đặt thêm các hiệu lệnh khác.

A. Còi Lệnh:

Hiệu còi dùng để cho đoàn sinh chú ý chạy đến trước khi dùng thủ lệnh hay khẩu lệnh trong các buổi họp Đoàn, các cuộc cắm trại, các Trại Huấn Luyện,... Người điều khiển thổi những tiếng còi dài (tè) hay ngắn (tích). Ví dụ: Chú ý: _ , nhanh lên: ... _ _ _ , chậm lại: _ _ _ _ , tập hợp chung: _ ... _ _ _ , cấp cứu: ... _ _ _ _ _

B. Khẩu Lệnh: (Lệnh bằng miệng) gồm có 2 phần:

1. Dự lệnh: Nói trước cho đoàn sinh biết những gì sẽ phải làm. Dự lệnh phải chậm rãi, rõ ràng, dễ hiểu. Ví dụ:

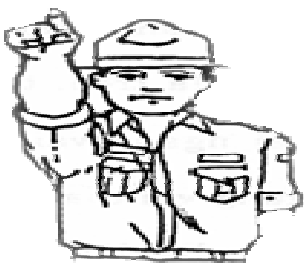
Người điều khiển nói: "Khi anh hô PHẬT TỬ các em trả lời TINH TẤN và đứng thế nghiêm".

2. Động lệnh: Nói ra để đoàn sinh thi hành ngay. Động lệnh phải mạnh mẽ, rõ ràng. Ví dụ: Sau khi đã ra dự lệnh như trên, người điều khiển hô to "PHẬT TỬ", khi đó đoàn sinh sẽ hô to "TINH TẤN" và đứng thế nghiêm.

C. Thủ Lệnh: (lệnh ra bằng tay):

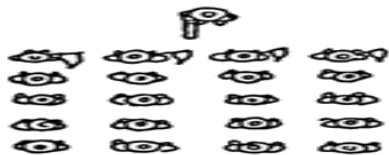
Lệnh ra bằng tay chỉ dùng khi đoàn sinh đứng gần (có thể trông thấy người điều khiển).

1. Tập hợp một hàng dọc: Người điều khiển đưa tay phải thẳng ra phía trước, bàn tay cao quá đầu một chút, nắm lại và ngón trỏ đưa lên trời (hình 1).



Tập hợp một hàng dọc

2. Tập hợp 2, 3, 4,... hàng dọc: Người điều khiển đưa tay phải thẳng ra phía trước, bàn tay cao quá đầu một chút và đưa 2, 3, hay 4 ngón tay tùy theo hàng (hình 2). Khi đưa tay ra cả 5 ngón tay thì tất cả các đội, chúng đều tập hợp theo hàng dọc



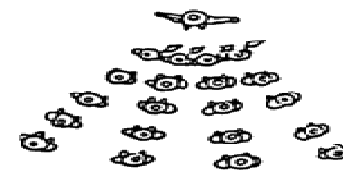
Tập Hợp 4 Hàng Dọc

3. Tập hợp một hàng ngang: Người điều khiển đưa tay phải ra thẳng ngang vai, bàn tay nắm lại (hình 3).



Tập Hợp Một Hàng Ngang

4. Tập hợp hình rẽ quạt: Người điều khiển đưa hai tay về phía bên thành hình chữ V góc độ 60 độ, bàn tay nắm lại (hình 4).

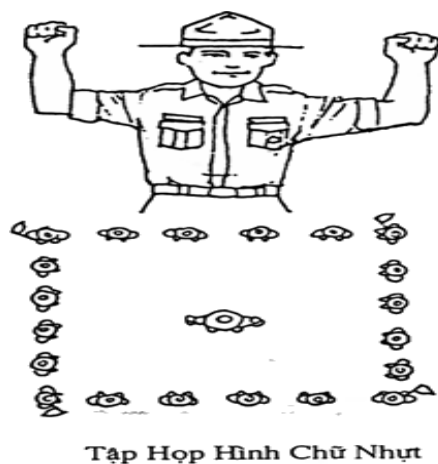


Tập Hợp Hình Rẽ Quạt

5. Tập hợp hình chữ U: Người điều khiển đưa tay phải ngang vai, thành góc thước thợ, bàn tay nắm lại (hình 5).



6. Tập hợp hình vuông (hay chữ nhật): Người điều khiển đưa hai tay ngang vai, thành góc thước thợ, bàn tay nắm lại (hình 6).



7. Tập hợp hình bán nguyệt: Người điều khiển đưa cánh tay lên đầu, bàn tay nắm lại (hình 7).



8. Tập hợp hình vòng tròn: Người điều khiển vòng hai tay trước ngực. Khi vòng tròn đã tròn thì bỏ tay xuống cho đoàn sinh đứng lại (hình 8).



D. Hiệu lệnh bằng Chuông, Mõ, Đèn:

Trong trường hợp thích nghi ta có thể dùng chuông, mõ hay đèn để ra hiệu lệnh. Cách thức sử dụng sẽ do người điều khiển ấn định sao cho rõ ràng, dễ phân biệt.

E. Cờ Hiệu:

Dùng để treo trước phòng, trước lều, hay trên gậy để biết phòng hay lều của đội, chúng, để biết rõ đội, chúng đó phụ trách công việc gì.

*** Một số biểu tượng như:**

Cứu thương: Cờ nền trắng có chữ thập đỏ.

Trật tự: Nền đỏ có chữ T trắng.

Trực: Nền hồng giữa có cái còi màu trắng trên một hình tròn nâu.

Vệ sinh: Nền xanh có cái chổi và cái cào màu trắng.

Nhà bếp: Nền trắng có cái bếp đen và ngọn lửa đỏ.

Tường thuật: Nền vàng có bút lông gà trắng cắm trong bình mực đen.

Nghi lễ: Nền vàng có chữ vạn đỏ.

IV. KẾT LUẬN:

Trong sinh hoạt GDPT, hình thức và hiệu lệnh tập hợp là một hoạt động thông thường và phổ biến, mang tính chất nghi thức. Chỉ cần đứng quan sát trong lúc một đơn vị đang tập hợp, người ta có thể đánh giá tinh thần cũng như sự hoạt động của đơn vị đó mạnh hay yếu.

THÁM DU**A. ĐỊNH NGHĨA :**

Thám du là đi sâu vào thiên nhiên, tìm những cái mới lạ, nó là một hoạt động tuyệt hảo, có đẳng cấp cao nhất của kỹ năng hoạt động dã ngoại thanh thiếu niên trong thời điểm hiện nay.

Muốn thám du tốt, ta phải thông suốt và ứng dụng thuần thục mọi kỹ năng để sống một cách đàng hoàng giữa thiên nhiên như:

- Nấu ăn, nghề rừng, đoán thời tiết.
- Dựng lều, cất chòi, nút dây, tiện nghi trại.
- Cấp cứu.
- Ước đạc, truyền tin liên lạc, quan sát dấu vết.
- Biết cách sử dụng các loại bản đồ.
- Biết tìm phương hướng.

Các bạn cần biết rõ các kỹ năng đó để khi đi thám du biết tự lo liệu lấy cho mình. Đoàn sinh thám du cần tuân thủ những quy định say đây:

- Đi bộ một mình hay với một vài đoàn sinh khác, trong vòng 24 giờ phải đi ít nhất là 20km và tự cắm trại, nấu ăn lấy.
- Trong khi đi, phải vẽ lộ trình đầy đủ và đúng đắn theo chỉ thị mà Ban Tổ Chức đã cho.
- Sau khi về, kỳ hạn một tuần, phải nộp lại một báo cáo gồm có:

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

+ Lược đồ con đường.

+ Nhật ký thám du, cùng những điều đã thấy, đã làm dọc đường, những hình ảnh và ký họa, số liệu phải cụ thể.

* *Lưu ý:*

Phải nộp tất cả giấy nháp thật sự chứ không phải bản sao sạch sẽ mà thôi.

Tùy theo chỉ thị, đoàn sinh phải chú ý tới địa thế, dân cư, động thực vật, di tích,...

Về Nhật ký Thám du: đây là một nhật ký được ghi chép hàng giờ (không cần phải trình bày như một tác phẩm nghệ thuật) mà phải ghi rõ ràng, dễ hiểu, kèm những hình ảnh tốc họa (không cần phải thật giống, thật đẹp, vì chúng ta không phải là họa sĩ).

Lộ trình thám du được Ban Tổ Chức ấn định kèm theo lời dẫn hay chỉ thị cụ thể.

Trong lúc thám du, y phục phải gọn ghẽ, nét mặt vui tươi, lễ phép, sẵn sàng làm việc tốt, cho dù là việc nhỏ. Một kỳ thám du mà thiếu việc tốt thì đó là một kỳ thám du thiếu sót.

B. HỌA ĐỒ THÁM DU: [Only registered and activated users can see links.]

I. Vẽ lộ trình:

Trong khi đi đường, ta phải ghi tất cả những nhận xét về địa thế vào một tờ gọi là một Sơ đồ lộ trình. Sơ đồ này, một khi đến chỗ nghỉ hoặc về nhà, ta sẽ vẽ ra một tờ giấy riêng

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

thành một họa đồ địa hình.

Sơ đồ lộ trình: hay còn gọi là Sơ đồ trực chiếu ta dùng để tóm tắt tất cả những gì đã thấy. Đó là một công việc hệ trọng trong việc thám du. Tờ sơ đồ lộ trình phải làm thế nào để có thể căn cứ vào đây là tìm thấy ngay: đường đi, những điểm quan trọng cần thiết. Việc ghi chú phải rõ ràng, dễ đọc và được sắp xếp theo thứ tự hợp lý.

Một sơ đồ lộ trình phải:

- Hành văn giản dị, rõ ràng, chính xác.
- Viết cho dễ đọc, bằng những chữ lớn, cả đến những chữ số.
- Viết đúng chính tả những địa danh và địa vật.
- Gọi các sự vật bằng tên đúng của nó, tên chuyên môn.
- Ghi chính xác những nhận xét, ghi chú (không ghi lại một cách khái quát)

Ví dụ:

NÊN GHI	KHÔNG NÊN GHI
Miếu cách 200m	Kha khá xa
Tốc độ 6km/h	Đi khá nhanh
Sau nửa giờ	Sau đó một lúc lâu
Một tá	Kha khá đông...

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Định vị trí các địa điểm theo phương hướng, chẳng hạn "ở phía bắc của làng Y" hay về phía Đông Nam của làng Y"

Phân biệt cẩn thận những gì chính ta trông thấy với những gì ta nghe người khác kể lại.

Khi bắt đầu lên đường, ta nên có sẵn một tấm bìa cứng, hoặc một tấm ván ép mỏng, đục hai lỗ ở hai góc tấm bìa và dùng dây để treo choàng qua cổ, cạnh kia của bìa tì lên bụng. Như vậy ta có một "bàn" nhỏ trước mặt.

Trên tấm bìa đó, ta để địa bàn, một tờ giấy để vẽ họa đồ : Có 2 cách vẽ lộ trình.

Cách thứ 1:

Khá đơn giản, nhưng phải có bản đồ mà trong đó có đường mà ta sẽ thám du.

Ta phóng lớn đoạn đường đó theo tỷ lệ (phải đánh dấu hướng Bắc). Với bản đồ này, trong lúc thám du ta sẽ bỏ tấc những chi tiết còn thiếu hay đã đổi khác.

Thường thì bản đồ được in khá lâu trước đó, cho nên không còn những hình ảnh chính xác như lúc ta đang đi thám du.

Cách thứ 2:

1. Sơ đồ Gilwell trực chiếu:

Đây là một phương pháp xuất phát từ trại trường Gilwell (Anh quốc). Phương pháp này dùng đường thẳng để ghi lộ trình và đo chiều dài bằng bước đôi.

2. Vật dụng để vẽ:

- Sổ có kẻ ô vuông (để tính tỷ lệ).

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Địa bàn.

- Bút chì.

3. Cách vẽ sơ đồ Gilwell trực chiếu:

Trước hết ta chia giấy ra làm 7 cột, lần lượt ta ghi từ trái sang phải (xem minh họa).

+ Cột 1 = Ghi thời gian để đi từng đoạn đường

+ Cột 2 = Ghi chú những điểm nhận thấy bên trái đường.

+ Cột 3 = Ghi chú những chi tiết trên chính con đường.

+ Cột 4 = Ghi chú những điểm nhận thấy bên phải đường.

+ Cột 5 = Vẽ lộ trình Gilwell, bên phải, bên trái con đường.

+ Cột 6 = Ghi khoảng cách của từng đoạn đường.

+ Cột 7 = Ghi chú nhận xét của mình.

Ghi lại những giờ giấc mỗi khi đến một địa điểm quan trọng trên lộ trình	Nhận xét thấy gì ở bên trái của đường đi (rừng cây, ruộng lúa, làng mạc, ấp miếu, ao hồ, nhà quán, đường xe lửa...)	Có những gì ở đường (đường nhựa, rộng mấy mét, có nhiều ổ gà không ? Cầu cống, bùng binh...)	Giống như bên trái đường		Mỗi khoảng đôi hướng, ta phân biệt rõ bằng một gạch ngang. Đây là khoảng cách đoạn đường giữa hai hướng đối chử không phải đoạn đường từ chỗ đối hướng đến chỗ khởi hành. Đếm bước rồi đổi ra km, m...	Ghi lại những nhận xét riêng theo sự suy xét của mình : Đất trại tốt, sông trong, đục, đời sống dân chúng, nguồn lợi địa phương...
Giờ	Bên trái đường	Trên đường	Bên phải đường	Sơ đồ GILWELL	Đường dài	Ghi chú

4. Tỷ lệ xích:

Tỷ lệ xích của sơ đồ Gilwell là tỷ lệ tương đối, tuy nhiên, ta cũng đừng chọn tỷ lệ quá lớn, để rồi sau đó ta phải trải dài trên nền nhà, mới nhìn hết lộ trình. Thường thì ta nên chọn tỷ lệ 1/10.000. Có nghĩa là 1cm trên sơ đồ là 100m ngoài địa thế.

5. Họa đồ lộ trình:

Tức là dạng của đường đi. Đó là một sơ đồ của đường đi. Ta còn gọi nó là một *Sơ đồ trực chiếu* tức là đường đi ra sao thì ghi thẳng vào giấy.

Ta thấy trong phần này, có đường thẳng kẻ từ dưới lên (nên tô đậm hoặc dùng bút chì màu tô cho rõ): đó là đường biểu thị lộ trình đi của mình. Điểm khởi hành ở dưới cùng trang giấy, cứ thế vẽ dần lên, hết tờ này đến tờ khác (lưu ý, chỉ vẽ một mặt giấy). Hình vẽ con đường gần như là một đường thẳng.

Mỗi lần qua một khúc quanh (rẽ trái hoặc rẽ phải), đổi hướng của một đoạn đường, ta gạch một đường ngang từ trái sang phải của tờ giấy. Hướng Bắc được thay đổi ở mỗi lần gạch này. Nguyên tắc chính là mỗi lần con đường thay đổi hướng, ta ghi sự thay đổi đó bằng một mũi tên chỉ hướng Bắc lên trên con đường kẻ đậm.

Thực ra, trên thực tế, hướng Bắc không đổi nhưng con đường đi quanh co đổi hướng. Trên sơ đồ Gilwell, ta làm ngược lại để con đường thẳng tắp. Muốn như vậy ta để hướng Bắc thay đổi. Ta hướng đường thẳng kẻ đậm trong sơ đồ cho song song với lộ trình ngoài địa thế, đoạn đặt địa bàn lên sơ đồ, ta thấy

hướng Bắc chỉ về hướng nào thì vẽ mũi tên về hướng đó.

6. Hướng dẫn chi tiết:

+ Cột thứ nhất: ta ghi ngày tháng và giờ khởi hành. Ví dụ: 12/05/1995 - 9h00.

+ Cột thứ hai: ta thấy trường tiểu học, ta ghi nhận nó.

+ Cột thứ ba: đường nhựa.

+ Cột thứ tư: ta ghi khu trồng cây, lùn bụi thấp như những gì ta thấy trên đường đi.

+ Cột thứ năm: hình vẽ con đường, bên trái là trường Tiểu Học, bên phải là khu trồng cây và lùn bụi thấp. Đồng thời từ điểm xuất phát ta đi về hướng Bắc nên mũi tên chỉ lên phía trên (như hình vẽ).

+ Cột thứ sáu: ta ghi khoảng cách 500m.

Sau khi đến ngã rẽ (trên thực tế là rẽ trái nên mũi tên chỉ hướng Bắc sẽ lệch sang phải. Độ nghiêng của mũi tên cũng chính là ngã rẽ chỗ đó rộng hay hẹp) thì ta gạch ngang một đường thẳng từ trái sang phải và tiếp tục đoạn 2, 3,...

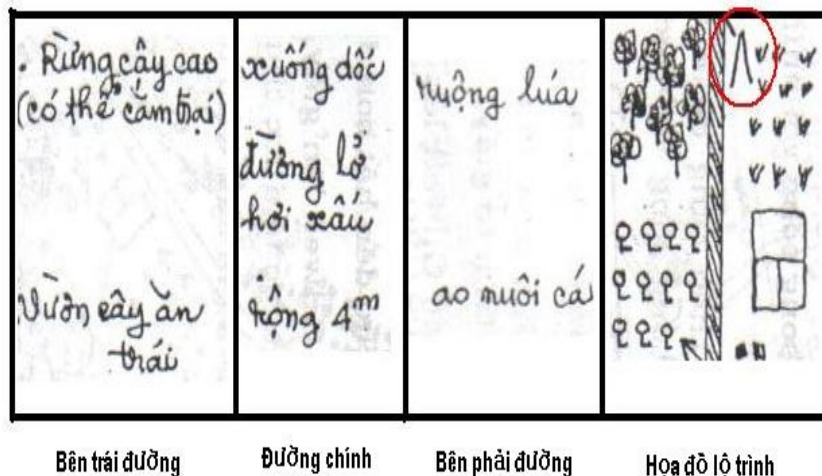
Lưu ý thêm, bắt đầu ở đoạn 2 trở đi, ta ghi chú thêm thời gian đi hết đoạn 1 và bao nhiêu ngay phía trên gạch phân cách đoạn 1 và 2.

Để cho sơ đồ khỏi rườm rà, ta dùng ký hiệu bản đồ để diễn tả chi tiết về địa thế, kiến trúc,... Nếu đặt ký hiệu mới thì phải ghi chú ý nghĩa, giúp người đọc hiểu rõ ý ta.

Nếu có đoạn lên dốc hay xuống dốc. Ta không thể vẽ vòng cao độ như trong bản đồ, thì ta dùng ký hiệu: lên - V, xuống - Λ

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Ví dụ:



Để giúp người đọc hiểu rõ sơ đồ, ta ghi chú vắn tắt ở cột thứ ba tình trạng con đường (tốt, xấu, đường nhựa, trải đá, đất, ổ gà, lầy lội). Ở phía bên đường (cột 2 và 4), ta ghi những điểm cố định của địa hình (như nhà cửa, khách sạn, đình chùa, ao, giếng,...). Không ghi những điểm mờ hồ (như đàn bò, nông dân cày cấy).

Nên dùng những ước hiệu địa hình chính:

===: đường, ===: đường đất, - - -: đường mòn,...

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

* Sơ đồ Gilwell đã hoàn chỉnh

SƠ ĐỒ GILWELL						
10g30 30'	Có suối nước tốt cách đường 500m về Tây Bắc.	Có đường xe lửa băng qua.	Rừng thông thưa.	1	2.450	Rừng thông, có chỗ cắm trại tốt.
10g00 15'	Đất không trồng trọt.	Đường ổ gà.	Rừng thông, có tháp cách đường 50m.	G	2.115	Đường vòng sang phải.
9g45 10'	Làng có lũy tre bao bọc cách đường 50m.	Đường dốc lên.	Chùa cách đường 50m.	E	1.875	Đường vòng sang trái.
9g35 15'	1 quán cơm, 2 hiệu tạp hóa sắt đường. Ruộng kế đường. Làng có lũy tre bao bọc, có đường dẫn vào độ 100m.	Cầu dài 200m (cầu sắt) bắc ngang sông rộng 10m.	Trụ sở hành chánh cách đường 10m. Chợ ngôi, xóm nhà cách đường 10m. Ruộng, hồ cách đường 150m.	C	1.545	Thiếu giếng nước uống. Nước sông đục bẩn. Nhiều muối.
9g20 20'	3 phố bán đồ. 1 quán tranh bán cơm. Khu đất lớn trống ớt. Đình làng có cây bao bọc, rộng, cắm trại tốt.	Ngã tư vào thị xã. Đuờng nhựa còn tốt. Rộng 6m.	3 nhà bán tạp hóa. trườg PTCS. Giếng nước cách đường 20m. Nhà thờ họ. Giếng nước tốt cách đường 20m.	A	900m	Làng dân cư độ 300 người. Sống hợp vệ sinh. Rất nhiều cây thuốc Nam.
Khởi Hành 9g00 12/05/1995	trườg Tiểu học, cách đường 100m	trảng nhựa, rộng 4m	khu trồng cây, lùn bụi thấp		500m	trườg học nhỏ, ít cây xanh
GIỜ	BÊN TRÁI ĐƯỜNG	TRÊN ĐƯỜNG	BÊN PHẢI ĐƯỜNG	Họa đồ lộ trình	ĐƯỜNG DÀI	GHI CHÚ
Tỷ lệ: 1/10.000				Nhà ngôi: Nhà tranh: Chùa: Rừng thông: Hồ: Cầu: Ruộng: Giếng: Khu trồng cây: Lùn bụi thấp:		

II. Họa đồ địa hình:

Mỗi *Họa đồ địa hình* đầy đủ có giá trị hơn một tờ trình dài.

Họa đồ địa hình có thể làm tại chỗ hoặc khi về nhà mới làm cũng được, nhưng phần lớn căn cứ trên Sơ đồ Gilwell.

Họa đồ phải được làm cẩn thận, không dùng đến bản đồ và trong mỗi trường hợp phải có tỷ lệ xích khác hơn với bản đồ nếu đã dùng đến để đi.

Họa đồ địa hình có thể bao gồm cả phần tường trình. Trong trường hợp này, họa đồ phải hơi lớn để có thể ghi chú hết những nhận xét hữu ích đã thu lượm được.

**** Từ sơ đồ Gilwell vẽ thành họa đồ địa hình:***

Trong sơ đồ Gilwell, ta vẽ những đoạn thẳng đã đi qua bằng một đường thẳng (có những mũi tên chỉ hướng Bắc thay đổi). Bây giờ, ta phải vẽ Họa đồ địa hình bằng cách tập hợp các đoạn đường trên theo hướng thực của đường ngoài địa hình. Có nghĩa là làm sao cho các mũi tên chỉ hướng Bắc đều nằm trên một đường thẳng theo một hướng.

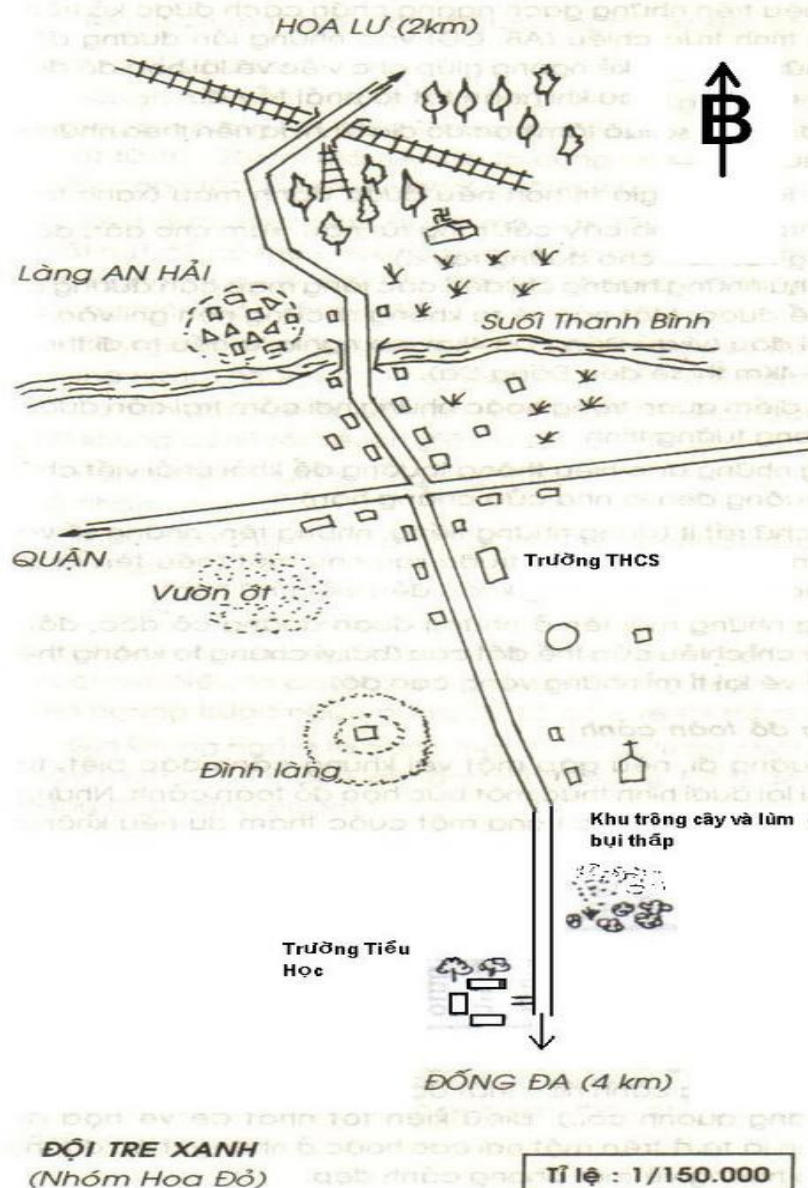
Các thao tác sẽ lần lượt như sau:

- Lấy một tờ giấy Can (giấy mờ, Poluya...) trên đó đã vẽ một hướng mũi tên phía Bắc (từ dưới lên trên).
- Ta đồ từng đoạn đường trên sơ đồ Gilwell lên tờ giấy mờ theo thứ tự khởi hành từ dưới lên trên của Sơ đồ Gilwell.
- Trước hết, để hướng Bắc của tờ giấy mờ (tức của sơ đồ địa hình) song song với hướng mũi tên chỉ hướng Bắc đầu tiên trong Sơ đồ Gilwell. Đồ lại khoảng đường đầu tiên của Sơ đồ

Gilwell đúng như đã ghi lại đoạn đầu tiên trên đường đi ở thực tế.

- Sau khi xong giai đoạn thứ nhất, ta phải xoay tờ giấy mờ, để hướng Bắc của nó lại song song với mũi tên mới chỉ hướng Bắc vừa mới đồ trên Sơ đồ Gilwell (mũi tên này trên Sơ đồ Gilwell dính liền với chỗ cuối của đoạn đường thứ nhất, tức ở ngay cái gạch ngang chúng ta dùng để đánh dấu đoạn đường thứ nhất vừa đồ hướng). Sau đó, lại đồ đoạn đường thứ 2. Ta cứ tiếp tục như vậy nghĩa là cứ mỗi lần xong một đoạn đường trên sơ đồ Gilwell, ta lại xoay tờ giấy mờ để hai hướng Bắc song song với nhau rồi mới đồ đoạn đường kế tiếp.

Khi hết Sơ đồ Gilwell theo đúng phương pháp lên trên tờ giấy mờ, ta có một sơ đồ địa hình có hình dạng giống hệt lộ trình ta đã vượt qua nhưng rút nhỏ lại theo một tỷ lệ xích do ta chọn trước



Ta ký hiệu trên những vạch ngang phân cách được kẻ trên họa đồ lộ trình trực chiếu (AB, CD) vào những lần đường đổi hướng. Những đường kẻ ngang giúp cho việc vẽ lại họa đồ địa hình được dễ dàng, sau khi hoàn tất ta phải tẩy đi. Bây giờ để hoàn hảo tấm họa đồ địa hình, ta nên theo những chỉ dẫn sau:

+ Họa đồ sẽ có giá trị hơn nếu được đánh màu (xanh da trời cho màu trời, lục cho cây cối, nâu, xám cho đất, đỏ cho đường xá, đen cho đường ray...)

+ Ghi chú những hướng chỉ đến các làng mạc cần đường đi nếu có thể được. Một ngã rẽ ta không đi cũng nên ghi vào là nó dẫn tới đâu (ví dụ: Đồng Đa 4km, có nghĩa là nếu ta đi theo ngã rẽ đó 4km thì sẽ đến Đồng Đa).

Những điểm quan trọng hoặc những nơi cắm trại cần được nói đến trong tường trình.

+ Dùng những ước hiệu thông thường để khỏi phải viết chữ nhiều (ô vuông đen là nhà cửa chẳng hạn).

+ Viết chữ rất ít (dùng những tiếng, những tên, những số và không dùng những câu) và trước sau như một (nếu tên làng viết chữ hoa thì mọi tên làng khác đều viết chữ hoa).

+ Dùng những mũi tên ở những đoạn đường có dốc, đầu mũi tên sẽ chỉ chiều của thể đất cao (bởi vì chúng ta không thể biết rõ để vẽ lại tỉ mỉ những vòng cao độ).

III. Họa đồ toàn cảnh:

Trên đường đi, nếu gặp một vài khung cảnh đặc biệt, ta có thể ghi lại dưới hình thức một bức họa đồ toàn cảnh. Nhưng điều đó không bắt buộc trong một cuộc thám du nếu không có một khung cảnh nào thật đặc sắc (thể đất, lên cao xuống thấp, đường quanh co,...). Điều kiện tốt nhất để vẽ họa đồ toàn cảnh

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

là ta ở trên một nơi cao hoặc ở những khúc đường quanh co hướng về một phong cảnh đẹp. Nếu ai đã từng vẽ bằng phương pháp ô vuông (phóng họa) thì rất dễ dàng vẽ được họa đồ toàn cảnh.

Muốn vẽ một tấm họa đồ toàn cảnh ta làm như sau:

1. Dụng cụ:

* **Bộ khung ngấm:** Cái này quan trọng nhất. Khung này làm bằng một miếng bìa cứng hay ván ép mỏng có đục một lỗ hồng hình chữ nhật từ 10-20cm. mà trên đó ta căng chỉ (dây cước hoặc chỉ màu càng tốt) thành những ô vuông 2cm mỗi cạnh.

Phía dưới khung, ta buộc một sợi dây độ 1m, đầu kia làm một nút để có thể choàng qua cổ. Mục đích để khi đưa khung lên ngấm nhờ sợi dây có thể giữ khoảng cách giữa mắt và khung luôn luôn không đổi.

* **Giấy vẽ:** Kẻ ô vuông tờ giấy vẽ theo số ô của khung ngấm nhưng ô to hơn (khoảng 5cm mỗi cạnh).

Ta nên đánh số các ô trên giấy vẽ và khung ngấm để quan sát khung cảnh rồi vẽ lên giấy được dễ dàng.

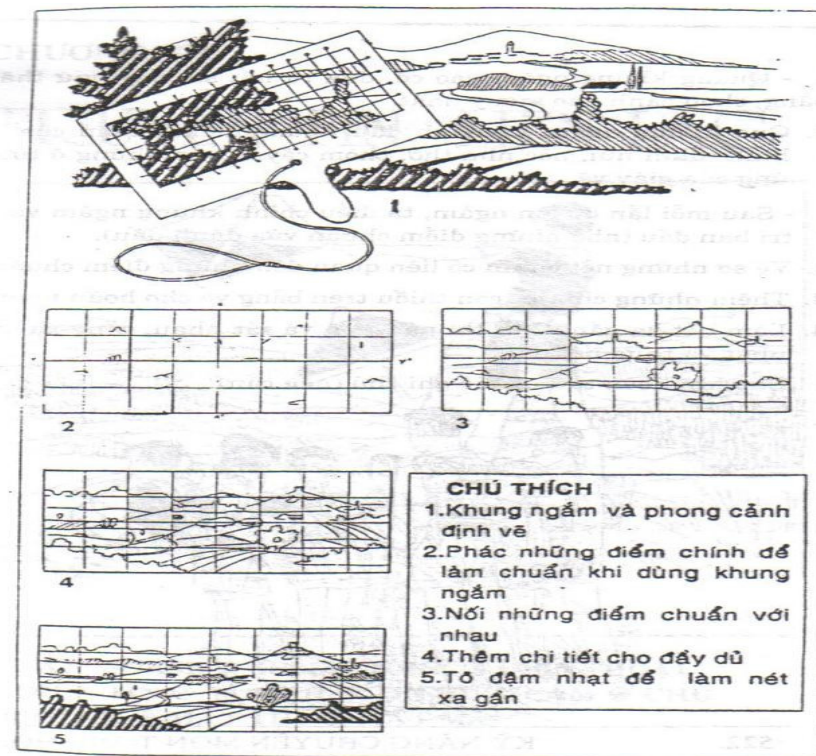
Hại trục nằm giữa (1 ngang, 1 dọc) XX, YY được kẻ đậm để dễ nhận.

Ta nên có sẵn ở nhà một vài tờ giấy vẽ kẻ sẵn. Dùng bút chì vót nhọn.

* **Giá vẽ:** Nếu là dân "chuyên nghiệp" có giá vẽ xếp lại thì khỏi nói. Bằng không thì dùng miếng ván ép, bìa cứng đeo

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

ngang trước ngực dùng để tờ giấy vẽ, hay cũng lắm thì dùng một quyển sách cũng được.



2. Phương pháp vẽ:

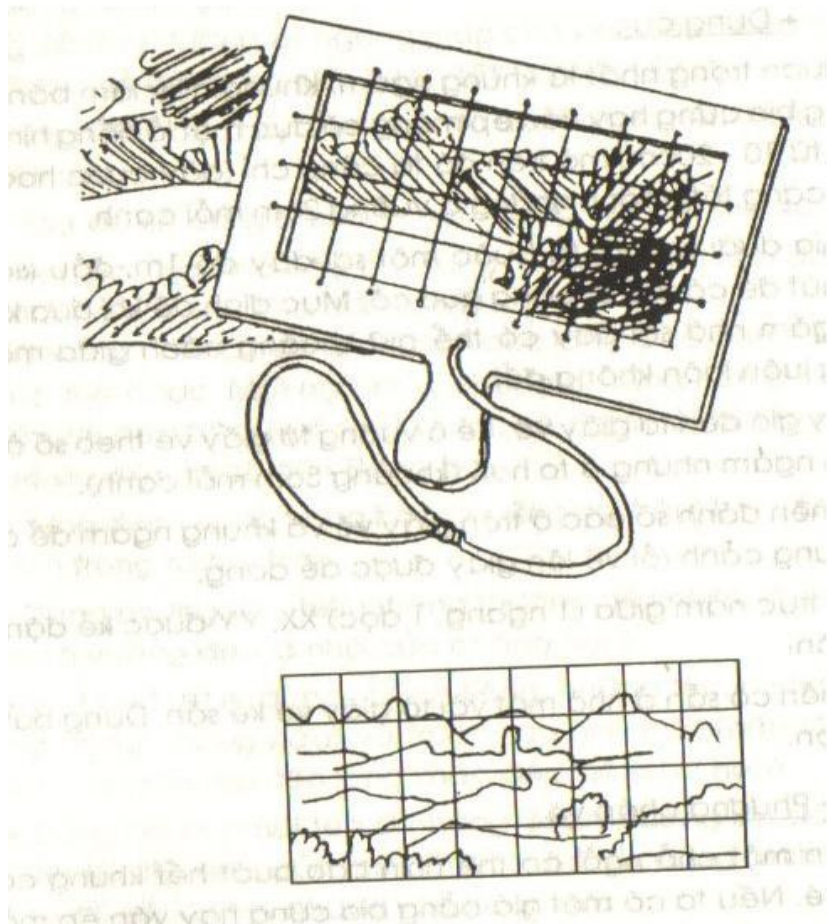
Chọn một chỗ ngồi có thể nhìn bao quát hết khung cảnh muốn vẽ.

Quàng khung ngấm vào cổ, đưa ra hết sợi dây, giữ thẳng bằng, chọn cảnh nào vừa ý nhất. Giơ khung ngấm ra trước mắt và tìm vị trí tốt nhất để có thể thấy toàn cảnh muốn

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

vẽ nằm trong khung. Để ý đến sự thẳng bằng của bảng ngắm. Để bức họa được chính xác và không rơi vào những lầm lỗi về tỉ lệ, ta hay lần lượt thực hiện bức họa theo những giai đoạn sau:

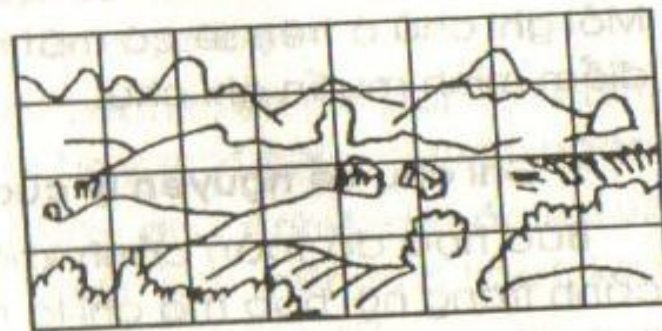
- Giai đoạn 1:



HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Ghi những mục tiêu trung ương của cảnh đồ. Qua bảng ngắm, ta thấy những điểm chính của toàn cảnh (nóc nhà thờ, chòm cây cao, nhà,...) ở ô nào, ghi sơ vào một vài tiêu điểm đặc biệt nằm ở giữa cảnh đồ (nằm trên những trục chính XX, YY). Sau đó, ghi thêm vài điểm phụ nằm rải rác trong tờ giấy vẽ. Nhờ vậy, dù bảng ngắm sau này có xô dịch mỗi khi giờ lên ngắm, ta có thể điều chỉnh trở về vị trí ban đầu dễ dàng.

- Giai đoạn 2:



Ghi những đường nét chính của toàn cảnh đồ. Trên tám bảng ghi những nét chính liên quan đến các tiêu điểm đó (gạch cho xong những nét chính của gác chuông, những viền của khu rừng, các nhà cửa ta chỉ đánh dấu má, các đường sá...)

- Giai đoạn 3:



Thêm chi tiết cho bức họa. Ghi thêm những chi tiết mà trong lúc sơ họa ta bỏ qua.

- Giai đoạn 4:

Làm nét bức họa. Phần cuối này gồm 3 giai đoạn:

a. Tăng cường các nét vẽ chính, thêm đậm lợt. Những điểm cao (đỉnh núi, mái nhà...) nào gần với ta, dùng bút chì tô đậm hơn. Càng gần càng đậm, xa lợt dần.

b. Đánh đậm các rừng bụi, cây cối, mái nhà... bằng các gạch chéo. Càng gần mình, ta càng gạch đậm và sát nhau, các gạch lợt và xa nhau cho điểm ở xa. Có thể hoàn toàn đánh đen cho bình diện thứ nhất.

c. Sau khi hoàn tất, ta có thể ghi danh tánh những điểm trên tấm họa đồ, ghi rõ độ cao của những điểm chính. Để khỏi làm rối bức họa, ta ghi ở phía cao trên tấm họa đồ.

Những điểm xa hơn sẽ được ghi trên những chỗ cao hơn. Mỗi

ghi chú ở trên sẽ có một mũi tên thẳng đứng chỉ vào đúng điểm mình muốn ghi chú.

*** Ghi chú về nguyên lý của bức Họa đồ toàn cảnh:**

Bức họa đồ toàn cảnh không phải là một bức họa phong cảnh trong hội họa mà chỉ là một bức họa trình bày trong một thể đất.

Đừng làm rườm rà, tránh những nét vô ích.

Biểu diễn đường cây bằng đường viền của nó rồi sẽ gạch chéo nhau (sát nhau hay cách xa tùy khoảng cách của nó đến chỗ ta ngồi). Khác với hội họa là ở chỗ đó.

Với nhà cửa cũng vậy: chỉ ghi cái dáng tổng quát chứ không vẽ chi tiết mái ngói, cửa sổ,...

Các làng mạc hay xóm nhà: vẽ lại cái bóng tổng quát, lựa chọn đặc biệt những điểm cao chẳng hạn như những cái nóc gác chuông

C. KHẢO SÁT ĐỊA PHƯƠNG :

I. Chuẩn bị :

1. Tiếp xúc lần đầu với cảnh vật:

Cuộc tiếp xúc lần đầu với cảnh vật của một khu vực mới là một việc quan trọng. Tôn trọng sự khám phá sơ bộ, cảnh vật sẽ lên tiếng, chỉ dẫn và giải thích.

a. Đầu tiên, lên ngay địa điểm nào cao nhất như đỉnh đồi, tháp nhà thờ,... để có thể nhìn bao quát được cảnh vật và hình ảnh toàn khu.

Cuộc tiếp xúc khởi đầu này rất lý thú: hãy ghi chép những nét chính mà bạn cảm nhận được như màu sắc, mùi vị, tiếng động, vị trí của con người giữa cảnh vật thiên nhiên này.

Hãy ghi chép ngay vì nó sẽ phai mờ nếu để ít lâu sau.

Những nhận xét ban đầu này có một giá trị đặc biệt vì nó cho ta ý niệm và nhận xét tổng quát rõ rệt và đúng đắn.

b. Kế đó, hãy kê ra những thắc mắc, có thể là những câu hỏi đã được đặt ra từ nhà và những điều mới. Sau đó ta sẽ bắt đầu đặt kế hoạch hoạt động để khảo sát khu vực, đặt sách lược khám phá.

Nếu là một toán, tổ chức một cuộc họp "tham mưu" để định kế hoạch khảo sát.

Những vấn đề đặt ra bởi cuộc quan sát địa phương sơ bộ này sẽ là những chủ đề hành động, và ta sẽ tổ chức những cuộc du ngoạn, những chặng đường thăm viếng để giải quyết những vấn đề ấy. Không nên đi chơi phiếm.

2. Trạng thái tinh thần của người tham dự:

Những thành viên tham dự phải biết tỏ ra có thiện tâm, ân cần, gần gũi với người địa phương và nói với họ bằng ngôn ngữ đơn sơ, mộc mạc.

Ban đầu việc tiếp xúc có vẻ khó khăn, do những nghi ngại. Phải vượt qua trở lực này. Một vài kế nhỏ: đứng vẽ một phong cảnh sẽ có người đứng nhìn, nhân dịp ấy nói chuyện với họ, giả vờ hỏng lốp xe để nhờ họ giúp một tay rồi đi sang trò chuyện.

Hỏi liên tiếp và chú trọng về các nghề và công việc của địa phương.

Hỏi han tất cả các giai tầng xã hội: sư ông, cha sở, ông giáo,... đến những người dân lao động. Phải biết cách lôi cuốn cho họ nói, ghi chép những danh từ địa phương về nhà ở, đồ dùng,... tiếng lóng của các nghề.

Phải ghi chép nhiều và buổi tối họp để thảo luận về những việc làm và những khám phá trong ngày, lập một bảng những điều chưa biết để tiếp tục khảo sát trong những ngày sau. Lúc nào cũng tỉnh táo, hiểu kỹ.

Ghi chép những gì đã biết tường tận, chắc chắn và những gì cần phải tra cứu lại.

Một việc tốt nữa là buổi tối cùng nhau kiểm điểm lại những tiến bộ của cuộc khảo sát địa phương (có bản đồ tham mưu đặt trước mặt).

Tập thói quen phác họa hay minh họa và chụp ảnh phong cảnh, nhà ở, làng xóm (việc làm này cố gắng đạt được cả hai tính chất mỹ thuật và nghiên cứu).

Luôn lưu ý khái niệm lịch sử: miền này ngày xưa thế nào? Muốn thế phải kiểm những ngôi nhà cổ, những di tích cổ,... Về sau này làng thay đổi như thế nào?

Hãy tìm hiểu những tiến bộ họ đã đạt được, những trở lực họ vấp phải. Tự xét xem ta có thể tham dự hay can thiệp vào phần nào không? Sự hiểu biết địa phương sẽ dẫn tới lòng trìu mến và gắn bó với địa phương.

Đừng quên rằng cuộc du khảo đẹp nhất là cuộc du khảo tương thân tương ái.

Cũng cần nên khảo sát về sự thực hiện tình thân ái trong địa phương.

Những cơ quan lớn, công hay tư nhân nào đã thực sự giúp ích địa phương.

Tiếp xúc với những cơ quan ấy để xem xét việc làm của họ và tìm hiểu tính chất của những công việc họ làm: một cách lầy lệ, giấy tờ hay có tinh thần phục vụ?

Đi khảo sát địa phương, bạn hãy luôn sẵn sàng là một người bạn, người hướng dẫn. Hãy kể về quê hương mình (mang theo tranh, ảnh) cho người địa phương được biết để tạo sự thông cảm qua lại.

Hãy cùng thông cảm với dân chúng, đau khổ với họ vì những bất công lớn nhỏ: những chia sẻ, xích mích, những ích kỉ, đê hèn, sung sướng với họ.

Từ đó, ghi chép lấy tinh thần cuộc sống của nhân dân địa phương.

Quan sát, nghiên cứu địa lý nhân văn mang lại cho ta ý niệm về sự liên tục của các thế hệ, của đoàn người nối tiếp nhau qua lịch sử.

II. Nội dung khảo sát:

1. Thiên nhiên:

Sự tìm hiểu khung cảnh rất quan trọng. Ta không thể nào có một cái nhìn đầy đủ về cuộc sống và đấu tranh của dân miền đó nếu không quan sát kỹ càng cảnh vật trong đó học phải sống.

Những vấn đề cần khảo sát là:

- TÊN: nơi ấy tên gì? Từ thôn đến làng, liên xã, quận. Hãy để ý tên Nôm.

- HÌNH THỂ: bằng phẳng hay nhấp nhô, có gò, núi xếp thành từng lớp thứ tự hay lộn xộn. Những gò, đồi, núi có bao bọc lấy khu vực hay không, rải rác hay tập trung vào một chỗ. Những chi tiết hình thể đặc biệt tạo nên:

+ Bờ nước: xoáy nước, thác, ghềnh, nước lũ.

+ Bờ gió: núi cát.

Địa phương này thuộc loại hình địa lý nào.

- MẶT ĐẤT: tức là lớp đất phủ ngoài: màu sắc (vàng, đen, xám,...), ẩm ướt hay khô ráo, chắc hay xốp, pha cát hay đá vôi, sỏi, đá, thấm nước hay không.

- ĐỊA CHẤT: thu lượm các thứ cát đất và đá kết thành thổ nhưỡng của khu vực và chú trọng đến tính chất của chúng. Từ

bề mặt tới bề sâu. Tìm hiểu các loại phù sa, đất sét, đất đỏ, cát trắng, cát vàng, đá sỏi, đá vôi, đá ong, đá hoa, quặng, mỏ,...

- SÔNG NGÒI: nhiều hay ít, rộng hay hẹp, sâu hay cạn, sự quan trọng của nó đối với nông nghiệp, vận tải, kỹ nghệ, một vài chi tiết về những thời kỳ nước cạn hay nước lớn, mùa mưa có bị lụt không? Mức nước cao nhất và thấp nhất? tháng nào? Tính nét của các con sông: lặng lẽ hiền lành hay hung dữ, thủy triều, con nước.

Nghiên cứu riêng biệt con sông chính: có đê hay đập không?

Đê, đập để cản lụt hay bơm nước.

Đi dọc con sông trở lên và trở xuống: ghi những gì mình đã thấy, kể cả các sông nhánh.

Dòng sông cuốn theo những loại phù sa, cát sỏi, đất đá gì...

Đáy sông đổi hướng như thế nào?

Có làng xóm hai bên bờ sông không? Đê điều, bờ sông có trồng nhiều cây để khỏi bị lở, vỡ hay không?

Vấn đề cầu cống: nhiều hay ít, lớn hay nhỏ, mẫu loại (cầu treo, cầu có chân, có tay vịn, xây cong hay thẳng, cầu gỗ, đá,...)

- THỰC VẬT THIÊN NHIÊN: những loại cây lớn nhỏ đặc biệt của địa phương (dương liễu, dừa, tre, các thứ cỏ, bèo, rêu, nấm). Chú ý thảo mộc tại ba nơi: cao, thấp, dưới nước,...

- ĐỘNG VẬT THIÊN NHIÊN: thú, chim, ếch nhái, công trùng,... những thứ có thể săn bắn, bẫy, câu hoặc bắt bằng những phương tiện khác được.

- KHÍ HẬU: các thứ gió (và giông bão) địa phương. Mưa từ phương nào đến? Các thời kỳ mưa và khô ráo, các thứ mưa: mưa phùn, mưa dầm, mưa con,... Mức nước mưa từng tháng (nếu được).

2. Tổ chức sinh sống của nhân dân địa phương:

Tiếp đến những vấn đề người địa phương phải giải quyết, những yếu tố của cuộc đấu tranh lớn lao mà họ phải

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

theo đuổi để chống lại hoặc hợp tác với thiên nhiên.

a. Nhà ở:

- Nhà ở được xếp đặt như thế nào? Nơi người ở, nhà bếp, nơi nuôi gia súc, nơi chứa sản phẩm. Là những ngôi nhà tách biệt hay thu vào một ngôi độc nhất. Tả cảnh từng căn, từng ngôi nhà,...
- Mặt chính sơn hay quét màu gì? Quay về hướng nào? Và trình bày như thế nào? Trên mặt chính có mấy cửa lớn, nhỏ, xếp đặt thế nào? Vấn đề không khí, ánh sáng và giao thông giữa những căn của ngôi nhà giải quyết thế nào?
- Tường được xây bằng nguyên liệu gì? Nhà xây có tường cao hay nhà gỗ có cột chống đỡ.
- Thể thức làm mái nhà (xây dựng và xếp đặt mái là đặc điểm để phân biệt các lối kiến trúc). Nhà có chái hay không có chái, chái to hay chái nhỏ. Nguyên liệu lợp,
- Vấn đề vệ sinh và cách bài trí trong nhà.
- Vấn đề chống rét và chống nóng bức: Bếp vừa dùng để nấu ăn, vừa dùng để sưởi, nguyên liệu để đốt, vách đất, nhà bát vền,...
- Vấn đề nước: suối, bể chứa, hồ ao, sông ngòi. Các kiểu giếng (có cán trục hay bánh xe). Cách thức lấy nước.
- Những nơi phụ thuộc: chuồng gà, heo, vịt... Hàng rào bằng gì? Vườn rau, vườn quả, vườn cảnh, trồng những thứ cây gì? Sân trước, sân phơi: hình dáng, khuôn khổ, trình bày như thế nào?...

b. Đời sống tinh thần và tôn giáo thể hiện trong nhà:

Những điều ghi khắc: trên cửa, vách, cột trong nhà, những ảnh vật kỷ niệm của gia đình, gia tộc đặt ở chỗ nào?

- Bàn thờ đặt chỗ nào? Thờ vị nào? Cách bài trí?
- Tủ sách gia đình ra sao?

c. Dân cư - làng xóm:

- + Hình thể xóm làng: trên một dãy độc nhất hay nhiều dãy,

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

theo hình tròn, hình bàn cờ hay lộn xộn vô trật tự.

- Những địa điểm chính trong làng.
- Nơi lấy nước công cộng.
- Cầu, cống hay chỗ lội sông.
- Bến đò, tàu, xe hơi, xe hỏa.
- Dinh thự lớn và cảnh vật nơi ấy.
- Nhà thờ, đình, chùa, đền, miếu, các kiểu kiến trúc. Chút ít lịch sử hay truyền thuyết về các vị thần thánh.
- Các kiểu xây đắp mộ phần, tổ chức nghĩa địa.
- Nơi hội họp công cộng, công trường.
- + Chợ: kiến trúc, tổ chức, sản phẩm và phẩm vật trao đổi ngay phiên chợ, quán nước, quán ăn, quán trọ.
- + Khả năng thương mại: trao đổi trong miền, trong nước và ngoài nước.
- + Trường học công, tư. Trình độ văn hóa của các tầng lớp dân chúng.
- + Nghề và công xưởng trong làng.
- + Đất công cộng và lợi ích (công điền, công thổ, hợp tác xã...) của làng. Diện tích rừng rú, đồng cỏ, bãi hồ, ao...
- + Thị trấn của khu vực: có phải là thị trấn thiết yếu của miền này không? Tác dụng của nó: thương mại, kỹ nghệ hay chỉ là một thị trường tiêu thụ.
- + Dân số: sinh tử. Dân số tăng hay giảm. Vì sao?
- + Những hạng người nào bị lâm nạn thất nghiệp và những nghề gì bị khủng hoảng hơn cả? Thử tìm lý do.
- + Địa vị, sự phân công của đàn ông, đàn bà trong gia đình.
- + Dân số di cư, trú cư.
- + Mức độ nghèo nàn hay thịnh vượng của miền này.
- + Người ngoại quốc: thuộc quốc tịch nào? Làm nghề gì? Có tín nhiệm của người dân ở đây không?

d. Giao thông:

Hệ thống đường sá: đường lớn, nhỏ, trải nhựa, đá hay đường

đất,...

Có những khó khăn gì trong sự giao thông làm cho địa phương bị cô lập nhiều hay ít, ví dụ do các đèo, các khe núi khó đi.

Đường lớn, đường nhỏ xây dựng và lát bằng gì?

Các thứ xe cộ chở người, chở hàng. Hình dáng các thứ xe.

Giao thông bằng xe hơi, xe hỏa, ghe thuyền. Các kiểu thuyền bè của địa phương.

e. Những nhân vật tiêu biểu của địa phương:

Cần biết hình dáng, y phục, ngôn ngữ, giọng nói, từ ngữ, tiếng lóng đặc biệt, việc làm, nhu cầu, những mối lo âu và hy vọng, khuynh hướng chính trị của địa phương. (Nhưng thông thường trong một vùng bao giờ cũng có một số hạng người tiêu biểu cho những nghề khác nhau làm cho dân địa phương đó có một sắc thái đặc biệt. Ví dụ: ở Tây Nguyên - đồn gỗ, chăn nuôi, trồng tía, thợ đá, dân tộc thiểu số).

Bên cạnh những nhân vật bình dân còn có những nhân vật thượng lưu làm lãnh đạo: nhà sáng lập hợp tác xã, nhà truyền bá những phương pháp mới về nông nghiệp hay kinh tế.

f. Lương thực:

Mỗi mùa có thực phẩm gì sản xuất tại chỗ, thứ gì ở miền khác chở đến.

Miền này có thể tự túc được thực phẩm không?

3. Hoạt động văn hóa xã hội:

Người thám du đến thăm một làng sẽ nhận thấy mức độ gắn bó của nhân dân với những phong tục cổ truyền.

Những giải thích hợp cần được tìm tòi cho từng vấn đề.

Một việc rất quan trọng là phải hiểu rõ vì sao mà một tục lệ đã biến mất, đã được thay đổi hay vẫn được tồn tại và mền chuộng.

a. Sinh đẻ:

Tục lệ đặc biệt trước ngày sinh, trong lúc sinh (như thông báo

với dân làng, họ hàng, thân thuộc).

Tuần cử và lễ giải cử.

b. Lễ rửa tội hay lễ đặt tên:

Các thứ dấu hiệu, y phục, nghi thức, người dự.

c. Nuôi dạy, giáo dục:

Cái nôi (hình dáng), y phục (tên và hình dáng các thứ quần áo), cách bế bồng, nuôi dưỡng.

Các chứng bệnh: bệnh gì, chữa cách nào?

Trường học - Nhà văn hóa - Phong trào rèn luyện thể dục thể thao,...

d. Hôn nhân:

Lễ hỏi. Mời dong. Xem mặt. Lễ cưới.

(Tả cảnh đám cưới trong làng, lúc ra đường, đến nhà gái, ra về, giữa đường, về tới nhà, lễ nghi, y phục, trang hoàng tiệc cưới. Sau ngày cưới).

Đám cưới những người góa vợ, góa chồng, những người đại tang.

Tục tảo hôn còn tồn tại không?

e. Tang ma:

Giờ hấp hối: diêm chết, sửa soạn đám tang, mua sắm vật liệu, y phục.

Báo tang trong làng xóm bằng cách nào.

Giờ khâm liệm: tục lệ, lễ nghi.

Đồ dùng của người chết có bỏ vào áo quan không? Có bỏ tiền, vàng, bạc vào không?

Các bữa ăn, khoản đãi người giúp việc và thăm viếng, cất đám.

Tả cảnh đám ma: ai không quan tài? Yên lặng hay than khóc.

Hạ huyệt, nghi lễ, chọn đất theo phong thủy, khoa học, mỹ thuật.

Những nghi lễ, tục lệ sau ngày chôn cất.

Việc xử lý căn phòng và đồ dùng của người chết.

f. Lễ tiết trong năm:

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Tục lệ và nghi lễ về những dịp: Tết Nguyên Đán. Các lễ Tết khác trong năm. Những mê tín dị đoan.

g. Lễ các thánh thần tiên phật:

Tục lệ về những dịp lễ này.

h. Hội hè địa phương:

Các phiên chợ đặc biệt. Các hội hè nông nghiệp. Hội làng hay chung cả miền (suy tôn hay kỷ niệm Thành hoàng. Có khách thập phương tới dự không?)

Vui chơi, múa hát. Các cuộc thi đua trong những kỳ hội: vật, đá gà, đánh cờ người...

i. Chuyện truyền kỳ, ca khúc, vũ khúc, trò chơi, giải trí:

Ghi chép, miêu tả lại những đặc biệt của địa phương. (Của trẻ em lẫn người lớn).

j. Ngôn ngữ:

Ngoài văn đề thơ âm, thổ ngữ, còn cần khảo sát ca dao, tục ngữ, câu đố, vè,... đặc biệt của địa phương.

k. Y phục:

Những thay đổi trong bộ y phục, những thứ y phục, trang sức đặc biệt.

l. Tôn giáo:

Trong việc thờ phụng, lễ bái công cộng tại địa phương có gì lạ?

m. Lịch sử:

Địa phương qua các thời đại, sáng lập tự bao giờ và bởi ai. danh nhân, di tích,...

n. Hoạt động đoàn thể:

Các tổ chức đoàn thể - hoạt động - ảnh hưởng trong cộng đồng... (của các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Nông hội,...)

4. Sinh hoạt kinh tế:

a. Nông nghiệp:

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Cây trồng trọt chính, các loại xen canh.

Hình dáng đồng ruộng (từng giải dài, hình vuông, chữ nhật, cánh cung, trên đồi núi), ngăn cách bằng gì (hàng rào, bờ, đường nhỏ).

Phương tiện canh tác (bằng máy móc hay bằng trâu, bò, cày, bừa, mai, cuốc và các thứ nông cụ khác: hình dạng và tên địa phương của các thứ ấy).

Lập văn bản ghi những công việc của các tháng trong năm: tháng nào bận rộn nhất, tháng nào nhàn rỗi nhất. Lịch canh tác. Có phải muốn thêm nhân công ở miền khác không và vào thời kỳ nào?

+ *Trồng cây ăn trái*: Những thứ cây gì? Trồng ở đâu? Lẫn với vườn rau hay là riêng biệt?

+ *Trồng rau*: Những thứ gì?

+ *Trồng bông*: Những thứ gì?

+ *Trồng cây kỹ nghệ*: Những thứ gì?

Phương pháp làm đất, trồng tía, vun bón, gặt hái. Trĩa giống, ra bông và trái, chín và gặt vào thời gian nào?

Phương pháp buộc gói, hay đóng bao kiện để gửi đi bán ở đâu? Có cạnh tranh không? Số thu hoạch và lợi tức.

+ *Chăn nuôi*: Gia súc và vật nuôi (lớn, nhỏ) có những thứ nào và chủng nào?

(Thí dụ như gia súc để làm việc, ăn thịt, lấy sữa... Nuôi tầm, nuôi cá, nuôi ong).

Phương pháp chăn nuôi, trị bệnh tật và tránh thú rừng làm hại như thế nào? Chỗ ở và thức ăn của gia súc. Lợi tức thu hoạch hàng tháng và hàng năm.

+ *Chế độ sản nghiệp*: Trực tiếp sinh lợi, cho thuê, cho làm rẽ. Diện tích trung bình của sản nghiệp và của khu khai thác cho một người: thường dân, trại chủ. Ruộng đất phân tán thành nhiều miếng nhỏ hay tụ tập thành khu lớn.

Dẫn thủy nhập điền: bằng cách nào, sông thiên nhiên, suối hay

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

đào. Phương pháp và dụng cụ giữ và thoát nước. Thái độ dân với việc ấy.

+ *Lịch trình nông nghiệp*: Những thứ cây, con nào đã có từ thời xưa, những thứ mới nhập vào địa phương, những thứ bị phế bỏ...

b. Tiểu thủ công nghiệp và nghề "lưu động":

Nghề phụ để làm trong những thời gian rỗi rãi, ví dụ sau vụ cày cấy, hoặc trong mùa lạnh, làm trong nhà.

+ *Nghề lưu động*: thí dụ mùa lúa chín đi xa làm thợ gặt, thợ mộc, thợ nề, sơn, làm gạch ngói, làm rừng, mỏ, đồn điền,...

+ *Nghề tạm bợ*: hành khất, du đãng (lưu manh, côn đồ), nhặt rau và trái thiên nhiên, săn bẫy, câu cá, mò tôm, cua, ốc, làm đồ mã,...

+ *Nghề bán rong*: thời gian đi bán, hàng bán,...

+ *Nghề vận tải*: xe lớn nhỏ, ghe, đò ngang, đò dọc,...

c. Khai thác và mỏ:

Nguyên liệu, đá gò, muối, than, kim khí. Phương pháp và tổ chức khai thác.

d. Nghề đi rừng:

Loại rừng gì: rừng non, rừng già, thưa, rậm, khu đồn gỗ hay dự trữ gỗ, gỗ gì? Người làm rừng, củi gỗ, làm than. Nguyên liệu khác ngoài gỗ: nấm, măng, vị thuốc,...

Cưa và xẻ gỗ: trại làm gỗ,...

Vận tải gỗ: trâu, voi, xe, bè,...

+ Những nghề khác, ngoài nghề làm rừng hoặc làm than.

e. Nghề sông nước:

Đánh cá nước ngọt: hồ, ao, sông ngòi.

Đánh cá ven biển hay ngoài khơi.

Bắt sò, ngao, cua trên bờ biển, bờ sông, hồ,...

Đời sống tiêu biểu của dân chài địa phương, lịch hoạt động của họ.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Cá, tôm sinh sản và ăn theo thời tiết của mùa, tháng và tuần thủy triều: nước cá, nước tôm, nước cua.

Những việc phơi, ướp, nướng, làm nước mắm, mắm, đóng chai, làm đồ hộp.

Các kiểu ghe thuyền, bè mảng và dụng cụ đánh cá: chài lưới, câu, lờ ...

Những thổ sản trên bờ biển: đất sét, muối, cát,... Nuôi trai sò lấy ngọc.

Những nghề khác: đóng ghe, đan lưới, làm muối,...

Bến phà, hải cảng lớn nhỏ.

f. Sinh hoạt kỹ nghệ:

Tại địa phương có những kỹ nghệ gì? Kỹ nghệ ngẫu nhiên hay kỹ nghệ có liên hệ với tài nguyên của địa phương.

Nhân công: tuyển mộ ở đâu? Người địa phương, ngoài địa phương hay ngoại quốc.

Nơi cư trú của thợ thuyền.

Tiền công, mức sinh hoạt.

g. Những nghề dịch vụ khác:

+ Mua bán.

+ Những dịch vụ đời sống khác, du lịch.

D. TỜ TRÌNH THĂM DU :

Hãy nhớ Sau khi thám du về, trong vòng một tuần, phải nộp tất cả các phúc trình, báo cáo, tranh vẽ, hình chụp, tiêu bản... (kể cả giấy nháp) và nhật ký thám du.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Khi làm tờ trình thám du, em hãy lưu ý đến những yêu cầu sau:

- **Mục đích cuộc thám du:** (theo chỉ thị của Ban Tổ Chức)
- **Khu vực thám du:** (ấp, xã, huyện, tỉnh,...) địa danh, tục danh.
- **Thời gian thám du:** (kể từ ... giờ ... ngày ... đến ... giờ ... ngày ...)
- **Thành phần tham dự:** (họ tên, đẳng cấp, chức vụ, Đội, Đoàn,...) số người tham dự.
- **Hình ảnh:** sơ đồ trực chiếu Gilwell, sơ đồ địa hình, họa đồ toàn cảnh (nếu có), hình chụp, hình vẽ (có thuyết minh...)
- **Tiêu bản:** các tiêu bản động vật, thực vật, côn trùng... mà ta thu thập được trong khu vực thám du

E. NHẬT KÝ THÁM DU :

- Quan sát trong cuộc Thám Du: Hãy thuật lại cuộc mạo hiểm của mình không phải như một học sinh làm bài luận, những như một kẻ đi rừng thật sự, một quan sát viên cẩn thận.
- Nói về thời tiết và trời mây, ta có ghi chép những điều quan sát và dự đoán về thời tiết từ hôm trước không? Hãy kể lại tất cả, không cần các câu dài những gì xảy ra và cả những tiên đoán của ta (đúng, sai)
- Quan sát các loại mây và gió. Mặt trời và các Vì sao. Cho biết các hiện tượng này đã dạy cho ta những gì?
- Lều trại: com nước.
- Dân cư: (sinh hoạt, văn hóa, kinh tế, phong tục, tính thần,...) tình cảm của họ đối với phong trào, đối với du khách...
- Động thực vật: Mô tả, minh họa, chụp hình, làm tiêu

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

bản, liệt kê,...

- Địa thế: Sông, suối, núi rừng, đất cát, độ phì nhiêu, độ dốc, vực sâu,...
- Công trình xây dựng: đình chùa, nhà thờ, cầu cống, đập nước, nương máng, trường học, tụ điểm,...
- Di tích, vết tích: tìm hiểu nguồn gốc, tài liệu... (chụp hình, minh họa)
- Đường đi: khoảng cách, độ dài, loại đường, tình trạng sử dụng,...
- Việc thiện: những điều tốt chúng ta đã làm trong cuộc thám du.

Những điều trên, không phải chúng ta mô tả một cách khô khan, cứng nhắc,... Chúng ta nên thêm vào đó một chút bay bổng của thi sĩ, một chút màu sắc của họa sĩ, một chút tưởng tượng của văn sĩ,...

Nói như thế không có nghĩa là chúng ta hư cấu, dựng chuyện... Nhưng nếu đêm ta ngủ dưới lều, nghe tiếng chó sủa vắng vắng, ròi rạc hay dồn dập, ta thử đoán xem chuyện gì. Tiếng côn trùng rả rích, tiếng cú rúc đêm, tiếng thú rừng gọi bạn... cũng đưa ta đến những kỷ niệm hay hình ảnh nào đó...

- Khi mô tả những gian lao nguy hiểm, những khó khăn mà ta phải vượt qua - ta viết sao cho sinh động.
- Cuối cùng là những nhận xét, kinh nghiệm, bài học mà chúng ta đã rút ra được trong cuộc thám du. Nếu đi thám du mà không có tờ trình thám du hoặc phúc trình không đầy đủ thì đó chỉ là một buổi "Picnic" mà thôi.

HỘI HOA

I. KHÁI NIỆM :

- Hội họa là nghệ thuật tạo hình trên bề mặt hai chiều một cách trực tiếp. Các tác phẩm của hội họa mang tính độc bản. Hội họa được coi là mảng quan trọng của mỹ thuật. Tuy nhiên, có nhiều người hiểu khái niệm hội họa theo nhiều nghĩa khác nhau.

- Hội họa là một ngành nghệ thuật trong đó con người sử dụng màu vẽ để tô lên một bề mặt như là giấy, hoặc vải, để thể hiện các ý tưởng nghệ thuật. Thông thường, công việc này do họa sỹ thực hiện. (Họa sỹ là từ dùng để chỉ những người coi hội họa là nghề nghiệp của mình). Kết quả của công việc đó là các tác phẩm hội họa hay còn gọi là các tranh vẽ. Hội họa là một trong những loại hình nghệ thuật quan trọng và phổ biến nhất. Nói cách khác, hội họa là một ngôn ngữ để truyền đạt ý tưởng của người nghệ sỹ bằng các tác phẩm hội họa sử dụng kỹ thuật (nghệ) và phương pháp (thuật) của họa sỹ.

- Hội họa là một ngành nghệ thuật trong đó con người sử dụng màu vẽ để tô lên một bề mặt như là giấy, hoặc vải để thể hiện các ý tưởng nghệ thuật... Hội họa cũng như các loại hình nghệ thuật khác là hướng tới cái đẹp toàn mỹ. Khi nói tới cái đẹp toàn mỹ ta không chỉ nghĩ đến cái đẹp về hình thức mà là sự hoà tan nhuần nhuyễn trước vẻ đẹp của tự nhiên và cảm thụ riêng của người nghệ sỹ. Có thể hiểu là sự giao hoà giữa con người và vũ trụ.

Rất khó, nếu muốn trở thành một danh họa. Còn nếu chỉ muốn tìm một môn giải trí, hội họa chỉ là một chuyện không có gì khó khăn cho lắm. Những yếu tố đưa đến thành công có thể áp dụng cho bất cứ một việc gì trên đời, đó là:

Lòng yêu thích

- + Sự quyết tâm học hỏi
- + Quy luật căn bản
- + Thực hành
- + Thời gian

Ngoài những yếu tố kể trên, chúng ta cần phải có một thời khoá biểu cho việc thực hành. Thí dụ, tự mình ấn định mỗi ngày hay mỗi tuần mấy giờ hay mấy tuần phải xong một bức tranh, nhất là tự hứa không bao giờ bỏ dở. Sự bỏ dở là không có quyết tâm hoặc gặp phải trở ngại vì không nắm vững quy luật nên không biết giải quyết ra sao.

Biết đánh vần sẽ biết đọc, biết viết và nêu viết được sẽ vẽ được. Vậy thì chúng ta sẽ học vẽ như bắt đầu học đánh vần. Nhiều từ ngữ trong hội họa dịch sang tiếng Việt không được chính xác cho lắm nên xin dùng song ngữ để dễ đối chiếu.

A Arrangement : Sắp xếp	G Ground : Mặt đất
Asmosphere : Không khí	Grey : Màu xám
B Balance : Cân xứng	H Harmony of color : Hài hoà màu sắc
Block in : Lắp kín	I Intensity of color : Cường độ của các màu
Background : Hậu cảnh	L Light : Ánh sáng
Brushe Stroke : Nét bút	Line : Đường nét
C Composition : Bố cục	M Mixing color : Pha màu
Color : Màu sắc	O Observation : Quan sát
Center of interest : Điểm chính	P Prespective : Phối cảnh, cân xứng
D Depth L: Chiều sâu	R Reflection : Phản ánh
Detail : Chi tiết	S Shadow : Bóng tối

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

E Eye level : Tầm mắt	T Technique : Kỹ thuật
Egde : Cạnh	U Underpainting : Lớp lót
F Focal point : Điểm chính	V Variation : Thay đổi
	Value of color : Màu đậm nhạt

Những quy luật căn bản trên rất cần thiết, nếu không hiểu biết rành rẽ bức tranh sẽ mắc phải nhiều khuyết điểm hay sẽ làm chúng ta chán nản và bỏ dở. Tuy nhiên, không phải bức tranh nào cũng đòi hỏi đầy đủ những quy luật trên. Nắm vững quy luật hội họa cũng như viết đúng văn phạm, tác phẩm tuy không xuất sắc nhưng cũng không đến nỗi quá dở. Tài năng thiên phú cộng thêm sự hiểu biết về quy luật sẽ đưa đến kết quả tốt đẹp.

Khi thực hành, chúng ta cần phải chú trọng mấy điều sau đây:

Eye level (Tầm mắt)

Center of interest and focal point (Điểm chính)

Avoid similar line, shape, color (Tránh dùng đường nét, hình thể, màu sắc tương tự nhau)

Connected together (Liên kết)

Value dark & light (Đậm, nhạt)

Prepective (Tương đối, cân xứng)

Creating the depth (Tạo chiều sâu)

Try to keep your painting simple (Giản dị hóa)

Nên nhớ rằng tác phẩm hội họa chỉ bao gồm một sự thay đổi về màu sắc đường nét và đậm nhạt khác nhau

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN



Đường nét, màu sắc được liên gộp theo một cách nào đó, cùng với các mô dạng và mối liên hệ của các mô dạng, gọi nên được các xúc động thẩm mỹ cho chúng ta. Sự liên gộp này tôi gọi là “Mô dạng tạo Nghĩa”, và đó chính là chất lượng chung cho mọi nghệ phẩm thuộc nghệ thuật thị giác.



II. KHÁI NIỆM HIỆN ĐẠI TRONG HỘI HOẠ :

Thực ra, khái niệm *hội hoạ hiện đại* không phải là một khái niệm bất di bất dịch. Về thời điểm và những điều kiện hình thành của nó, ta có thể biết rõ được, nhưng còn nội dung khái niệm *hiện đại* thì luôn luôn thay đổi cùng với những quan niệm, phong cách, trường phái hội hoạ, kế tiếp nhau ra đời từ đầu thế kỷ XX đến nay, mặc dù về căn bản, tính chất hiện đại của những tác phẩm của Mondrian, Kandinsky, Picasso, Braque, Léger, hay Malevitch, v.v. (1910-15), và nói chung, của các trường phái tượng trưng, biểu hiện, lập thể, dã thú, trừu tượng, của những năm đầu thế kỷ XX, cũng có thể so sánh được với tính chất hiện đại trong các tác phẩm của Jackson Pollock, Willem de Kooning, Jasper Johns, Rothko, hay Soulages, v.v., với các trường phái Pop Art, Tân hiện thực, Siêu hiện thực, v.v (1950-70), hoặc của Georg Baselitz,

Antonio Saura, Jean-Michel Basquiat, v.v.. (1980-90). Kể tên tuổi các hoạ sĩ được coi là *hiện đại* từ một thế kỷ nay, chắc ít nhất cũng phải một trang báo, hay hơn, mới có thể kể hết được. Cũng như, trình bày những ý tưởng *hiện đại* ra đời từ đầu thế kỷ XX đến nay, với tất cả các xu hướng hình tượng và trừu tượng, cũng vượt khỏi khuôn khổ của bài báo này, và nhất là điều đó cũng không cần thiết lắm để giải thích hiện tượng Cézanne.

Khái niệm *hiện đại* thực ra cũng chỉ có một giá trị tương đối. Khi ta nói *hiện đại*, bao giờ cũng chỉ là hiện đại đối với một cái gì đó có trước, không phải chỉ là một cái gì lỗi thời, mà thường thuộc về một *truyền thống*.

Trong nền hội hoạ ở phương tây, cái mà người ta gọi là *hội hoạ hiện đại* có một nội dung và một lịch sử khá chính xác. Đó là tất cả những xu hướng hội hoạ đối lập với cái truyền thống hội hoạ có từ thời cổ đại Hy Lạp, mà một trong những quy tắc được lấy làm nền tảng, là phải thể hiện sự vật « giống như thật », hay nói như Aristote (384-322 tr.C.N.), « giống như con mắt ta nhìn thấy ». Người ta còn nhớ giai thoại về hai hoạ sĩ Hy Lạp sống ở thế kỷ V tr. C.N., Zeuxis và Parrharios, một người vẽ chùm nho giống đến nỗi chim chóc tưởng thật tìm đến ăn, một người vẽ bức màn khéo đến mức người ta ngỡ là bức màn thật. Chính Aristote đã đưa quan niệm về sự thể hiện sự vật một cách « giống như thật » này lên thành quy tắc nghệ thuật. Quy tắc này sẽ là « hạt nhân lý thuyết » của hội hoạ tượng hình truyền thống ở phương tây trong nhiều thế kỷ.

Tuy nhiên, khi nói đến nền *hội hoạ truyền thống*, người ta thường chỉ đi ngược lên đến thời Phục Hưng Ý mà thôi, vì ở thời kỳ này, không những các hoạ sĩ vẫn trung thành với quan

niệm thể hiện hiện thực như ở thời Aristote, mà còn đặt ra phép phối cảnh với điểm tụ ở đường chân trời, quy định cách thể hiện sự vật trong không gian, coi đó là cách thể hiện khoa học nhất, chính xác nhất. Quy tắc này sẽ ngự trị trong hội họa truyền thống ở phương tây từ thời Phục Hưng Ý đến nay.

Đương nhiên, đối với các nền hội họa *không tượng hình*(trừu tượng), thì cả hai quy tắc trên đều không đặt ra.

Có thể nói một cách tóm tắt, là hội họa *hiện đại*, hình thành ở đầu thế kỷ XX, phủ nhận cả hai quy tắc kể trên, từ Cézanne cho đến các trường phái tượng trưng, biểu hiện, lập thể, dã thú, trừu tượng, v.v.



Cézanne, Maison en Provence, près de l'Estaque
(1879-82)

ÂM NHẠC

I. ĐỊNH NGHĨA :

Muốn hiểu ngôn ngữ viết, tối thiểu ta phải biết đánh vần, đọc chữ. Tương tự như vậy, muốn xem và hiểu một bản nhạc, ta cũng phải hiểu được các ký hiệu âm nhạc, và biết xướng âm. Có thể nói Nhạc pháp (gồm nhạc lý và xướng âm) là cửa ngõ dẫn vào âm nhạc.

Âm nhạc là một bộ môn nghệ thuật dùng âm thanh để diễn đạt tình ý của con người. Nó được chia ra hai loại chính, đó là thanh nhạc và khí nhạc. Thanh nhạc là âm nhạc dựa trên lời ca, nên ý tưởng và tình cảm cụ thể và rõ ràng. Còn khí nhạc là âm nhạc dựa trên âm thanh thuần túy của các nhạc cụ, nên trừu tượng, nó gợi ý, gây cảm giác hơn là nói lên một tình cảm nào rõ rệt. Cần phải học hỏi nhiều hơn mới lĩnh hội được.

Nghệ thuật là kết quả của hoạt động của con người biết dùng các phương tiện khả giác một cách khéo léo, tài tình, để thông đạt tình ý của mình. Trong âm nhạc, các phương tiện đó là âm thanh. Do đó, âm nhạc chủ yếu làm cho tai nghe. Muốn thưởng thức âm nhạc, phải nghe thực thụ chứ xem bằng mắt thì chưa đủ.

II. MỘT SỐ THUẬT NGỮ TRONG ÂM NHẠC :

Âm thanh dùng trong âm nhạc thường có bốn đặc tính này :

- Cao thấp (cao độ)
- Ngắn dài (trường độ)

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Mạnh nhẹ (cường độ)
- Đục trong, sáng tối ... (âm sắc).

Thiếu một trong các đặc tính trên thì chỉ là tiếng động. Hiện nay người ta dùng nhiều tiếng động khác nhau trong âm nhạc, nhằm tăng cường mức độ diễn cảm cũng như tính tiết tấu của âm nhạc. Đó là các nhạc cụ thuộc bộ gõ như trống con, trống cái, phách, maracas, triangle, cymbal ...

1. Ký hiệu âm nhạc : Là toàn bộ các dấu hiệu cũng như chữ viết được dùng để ghi lại âm thanh với các đặc tính của chúng. Môn ký âm là ghi âm thanh lại bằng các ký hiệu âm nhạc trên giấy mực.

2. Tên các dấu nhạc : Có cao độ khác nhau mà người ta thường dùng là : DO, RE, MI, FA, SOL, LA, SI gốc tiếng Latinh, đọc theo tiếng Việt là ĐÔ, RÊ, MÍ, FA, XON, LA, XI. Đó là 7 bậc cơ bản của hệ thống thất âm, tính từ thấp lên cao. Muốn lên cao hoặc xuống thấp hơn, người ta lặp lại tên dấu các bậc trên với cao độ cách nhau từng quãng 8 một (còn gọi là bát độ).

Người ta cũng còn dùng các chữ cái La-tinh để gọi tên các bậc cơ bản trên : đô : C, rê : D, mi : E, fa : F, xon : G, la : A, xi : B (hiện nay B chỉ Xi giáng, còn H chỉ Xi thường).

Ở một số nước như Trung Hoa, Nhật Bản ... người ta còn dùng số thay cho tên gọi bằng chữ. Thí dụ : 1 : đô, 2 : rê, 3 : mi ... (1 chỉ dấu bậc I, 2 chỉ dấu bậc II, 3 chỉ dấu bậc III ..., 7 chỉ dấu bậc VII, muốn lên cao một bát độ, ta thêm dấu chấm trên con số, muốn xuống thấp một bát độ, ta thêm dấu chấm

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

dưới con số 1, 1 ...). Số có 1 gạch là dấu móc, dấu có một gạch ngang là dấu trắng. Dấu không có gì là dấu đen...



Thang thất âm Đô luôn được trình bày dưới dạng 7 âm cơ bản đi liền nhau cộng thêm với âm đầu của thang âm được lặp lại ở bát độ : Đô Rê Mi Fa Xon La Xi (Đô).

3. Khoảng cách : Về cao độ tương đối giữa các bậc không đồng đều nhau.

- Khoảng cách nhỏ nhất trong thất âm gọi là nửa cung, giữa Mi với Fa và Xi với Đô.

- Khoảng cách lớn nhất giữa hai bậc cơ bản đi liền nhau gọi là nguyên cung : giữa Đô với Rê, Rê với Mi, Fa với Xon, Xon với La, và La với Xi.

Ta có sơ đồ :

Đô			
Xi			1/2 cung
La			1 cung
Xon			1 cung
			1 cung
Fa			1/2 cung
Mi			1 cung
Rê			1 cung
Đô			1 cung

Đô--Rê--Mi--Fa--Xon--La--Xi--Đô (mỗi gạch ngang chỉ nửa cung, nguyên cung gồm 2 nửa cung).

Như vậy khoảng cách âm thanh giữa Đô thấp và Đô cao kế tiếp gồm 12 nửa cung, hoặc 6 nguyên cung. Nói cách khác, quãng tám (Đồ - Đồ) gồm 12 âm cách nhau đều đặn từng nửa cung một (ở đây chỉ mới nói đến hệ âm điều hoà do nhạc sĩ Jean-Sebastien Bach (1685-1750) và Jean Philippe Rameau (1683-1764) cổ võ và được chấp nhận rộng rãi cho đến nay).

4. Dấu hoá : Là những ký hiệu cho biết các bậc cơ bản được tăng lên hay giảm xuống từng nửa cung điều hoà.

- **Dấu thăng :** (#) làm tăng lên nửa cung.

- **Thăng kép :** (x) làm tăng lên 2 nửa cung.

- **Dấu giáng :** (b) làm giảm xuống nửa cung.

- **Giáng kép :** (bb) làm giảm 2 nửa cung.

- **Dấu bình :** (n) cho trở về cao độ tự nhiên, không còn bị ảnh hưởng của các dấu hoá cấu thành cũng như dấu hoá bất thường.

Ở một số nước như Đức, Nga ... khi dùng chữ cái La-tinh A, B, C ... người ta thêm vào **is** thay dấu thăng : Cis : Đô# ; Eis : Mi# ; Ais : La# ; Cisis : Đôx ... và thêm vào **es** thay dấu giáng : Ces : Đôb ; Ceses : Đôbb ; Des : Rêb ; Ees → Es : Mib ; Aes → As : Lab.

5. Nhờ các dấu hoá đặt trước các dấu nhạc trên khuôn nhạc, các bậc cơ bản được nâng cao hoặc hạ thấp tạo thành các “bậc chuyển hoá” :

- Đồ - Đô# (Rêb) - Rê - Rê# (Mib) - Mi - Fa - Fa# (Xonb) - Xon - Xon# (Lab) - La - La# (Xib) - Xi - Đô (các dấu hoá này được gọi là các dấu hoá bất thường. Chỉ ảnh hưởng đến các dấu nhạc cùng tên trong cùng một ô nhịp, khác với các dấu hoá cấu thành ghi ở đầu khuôn nhạc, còn gọi là hoá biểu, ảnh hưởng đến mọi dấu nhạc cùng tên trong cùng một đoạn nhạc).

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Nửa cung di chuyển : (diatonic đọc là đi-a-tô-ních) là nửa cung tạo nên bởi 2 bậc khác tên kề nhau.

TD 2



- Nửa cung đồng chuyển : (chromatic đọc là crô-ma-tích) là nửa cung tạo nên bởi 2 bậc cùng tên.

TD 3



- Nguyên cung di chuyển : được tạo nên bởi 2 bậc khác tên kề nhau.

TD 4



- Nguyên cung đồng chuyển : được tạo nên bởi 2 bậc cùng tên như Fa - Fa x, Xon - Xon bb hoặc 2 bậc khác tên không kề nhau : Đô# - Mib, Xon# - Xib. Trên thực tế đây là quãng ba giảm.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

TD 5

a) 2 bậc cùng tên

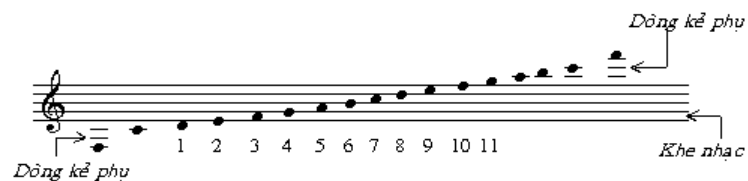
b) 2 bậc khác tên không kề nhau (= quãng 3 giảm)

TD 5



6. Muốn ghi cao độ tuyệt đối của các âm thanh, người ta dùng đến khuông nhạc và khoá nhạc:

- **Khuông nhạc** : Hiện nay người ta dùng 5 đường kẻ song song, tạo thành 4 khe song song, tính thứ tự từ dưới lên. Trên khuông nhạc đó, ta có 11 vị trí khác nhau, ghi được 11 bậc cơ bản. Muốn ghi thêm, người ta dùng các dòng kẻ phụ :



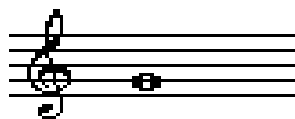
- **Khoá nhạc** : dùng để xác định tên các dấu nhạc ghi trên khuông nhạc. Khoá nhạc được ghi ở đầu mỗi khuông nhạc.

Hiện nay thường dùng 3 loại khoá chính sau :

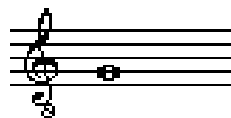
a) **Khoá Xon dòng 2** :

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

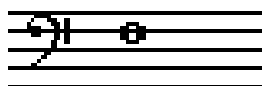
- Dành cho bè nữ và các đàn âm khu cao như violon, Flute, Oboe ...



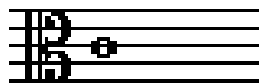
- Dành cho các bè nam cao và trầm : gồm khoá Xon Ricordi và khoá Xon hạ quãng 8



b) **Khoá Fa dòng 4** : dành cho các giọng nam và các đàn thuộc âm khu trầm như Violoncello (cello), Contrabasso, Fagotto, Trombone ...



c) **Khoá Đô dòng 3** : dùng cho đàn viola.

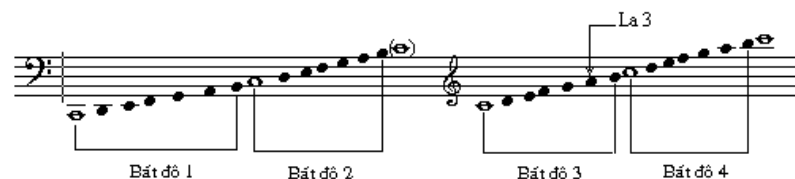


7. Âm La mẫu :

Có tần số 440 là âm chuẩn được đa số chấp nhận : nó được ghi trên khuông nhạc khoá Xon 2, nằm ở khe thứ 2.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Người ta gọi đó là âm La 3, vì nó nằm trong bát độ thứ 3 của 4 bát độ hợp ca của giọng người.



Với hai khoá Xon và Fa, chúng ta có thể xác định chính xác độ cao tuyệt đối của các âm thanh thuộc âm vực giọng hát hợp ca trải dài trong 4 bát độ. Có những nhạc khí có thể phát ra âm thanh trầm hơn quá 1 bát độ (La - Xi - Đồ - Rê ... Đô1) hoặc cao hơn 2 bát độ (Đô5 - Rê - Mi ... Đô6). Để khỏi dùng đến quá nhiều dòng kẻ phụ, ta dùng dấu chuyển độ :

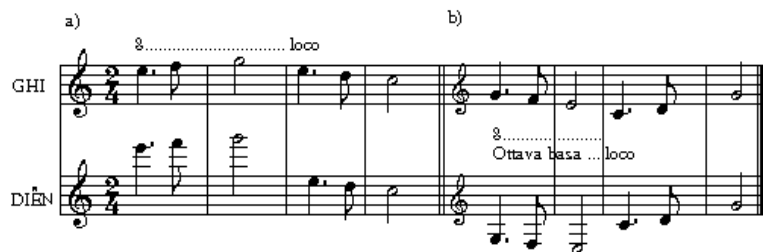
- **Dấu chuyển độ lên** : Phải tấu âm thanh lên cao hơn 1 bát độ : Ghi số 8 ở trên dòng nhạc, ngay chỗ bắt đầu phải chuyển độ, và thêm những vạch ngang rời song song với khuông nhạc cho đến khi diễn tấu bình thường như cao độ ghi trên khuông nhạc (có khi người ta viết chữ Octava đúng hơn Ottava Alta (8va Alta) loco, loco báo hiệu trở lại bình thường (TD 6a).

- **Dấu chuyển độ xuống** : Phải tấu âm thanh thấp hơn 1 bát độ : Ghi số 8 dưới khuông nhạc với các vạch ngang rời cho đến khi không phải chuyển độ nữa (có khi thay bằng chữ Ottava bassa (8va bassa) loco (TD 6b)).

TD 6 : Dấu chuyển độ

a) chuyển độ lên Ottava loco

b) chuyển độ xuống Ottava bassa loco



VĂN NGHỆ TRONG GDPT

I. DẪN NHẬP :

Trong kho tàng Kinh điển Nhà Phật, Thế Tôn đã ân cần dặn dò tứ chúng môn đồ chớ thân cận văn nhân nghệ sĩ, đàn ca hát xướng, đánh đấm võ quyền. Thế nhưng trước những thời Pháp quan trọng, Thiên Long Bát Bộ, Hộ Pháp Tôn Thần, Bồ Tát Thánh Chúng câu hội đều có hoa hương, trỗi nhạc chúc tán, tác kệ tán thán. Do vậy việc đưa bộ môn Văn Nghệ vào chương trình tu học trường kỳ của Đoàn sinh và Huynh Trưởng phải có chủ đích rõ rệt cụ thể mà Huynh trưởng và Đoàn sinh GDPT không thể không nắm, nhất là Huynh Trưởng Huyền Trang.

a. Định nghĩa :

* **Văn nghệ:** văn học, nghệ thuật. Văn nghệ là từ chung chỉ cho các loại thể sinh hoạt văn hoá nghệ thuật. Là phần chủ động trong cuộc sống tinh thần của con người. Bộ môn này tùy theo tuổi tác và bậc học mà áp dụng. Toàn thể gồm có các môn: thi ca, hò, vè, kể chuyện, tường thuật, âm nhạc, múa, hát, kịch, hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh, quản thủ thư viện, báo chí, triển lãm, hóa trang, thủ công mỹ nghệ.

Sự giáo dục của GDPT không nhằm đào tạo những nghệ nhân chuyên nghiệp mà để khai triển phương tiện đưa văn nghệ hội nhập cuộc sống. Trên tinh thần hướng thượng

giải thoát luân hồi tử sinh và phiền não. Do vậy nội dung không được phản bác với hệ thống giáo điển Phật đà.

b. Mục đích :

Tạo cho thanh, thiếu niên có cuộc sống tao nhã, thích nghi với hoàn cảnh, môi trường xã hội. Với một vốn liếng nhận định sáng suốt không vấp ngã theo khuynh hướng xấu. Góp phần đưa nền văn hóa dân tộc truyền thống, bảo vệ nền luân lý đạo đức lâu đời của dân tộc.

Rèn luyện trẻ dạn dĩ bày tỏ được quan điểm, lập trường, suy tư và ước vọng bằng nhiều thể tài phong phú tự tin, không nhút nhát, hèn kém và vụng về lúng túng.

c. Chủ đề :

Cuộc sống, niềm tin và chí hướng tu tiến đến đạo quả giải thoát tự tại và an vui.

II. CÁC LOẠI SINH HOẠT VĂN NGHỆ TRONG GDPT :

Sau đây là đôi nét về các môn (loại hình) trong tổ chức GDPT. Nói đến văn nghệ không thể không đề cập đến ba giới nghệ sĩ:

- Nghệ nhân sáng tác (tác giả)
- Nghệ nhân trình diễn
- Nghệ nhân thưởng ngoạn.

Thông thường, người ta chỉ đề cập đến 2 giới nghệ sĩ đầu. Nhưng thực tế giới thứ 3 đóng vai trò quan yếu thẩm định

giá trị một tác phẩm văn học nghệ thuật, nhất là xây dựng cho giới thứ 1 có những đóng góp kiệt xuất cho nền văn hóa nhân loại.

Giáo dục GDPT có tính cách khoa giáo hiện thực, nghĩa là dẫn thân vào cả 3 giới, đó là:

- Tập làm nghệ nhân sáng tác để biết cách diễn đạt, suy tư khát vọng, niềm tin và sức sống bằng một tác phẩm. Trước là để rèn luyện bản thân, sau là biết được những khó khăn hành sự, nên lúc phê phán sẽ được chân xác.

- Tập làm nghệ nhân trình diễn: Phát khởi óc sáng tạo biết quên mình để nhập vai, một hành động dẫn thân có đầu tư chiều sâu tư tưởng, trí tuệ. Cốt để tránh những vụng về, sơ sót trong việc sống, giao tế, tiếp xúc hằng ngày, tạo dựng nên một lớp người lịch duyệt, khôn ngoan và thận trọng.

- Tập làm nghệ nhân thưởng ngoạn. Làm quen với các trường phái văn nghệ. Nắm được những nguyên lý xây dựng tác phẩm, biết cách phân tích nội dung bố cục, từ đó nhờ sự thưởng ngoạn mà kiến thức, trình độ thể tục được nâng cao và bồi dưỡng ngày một phong phú.

Cụ thể xuyên sâu vào các môn của bộ môn :

i. Thơ, ca, hò, vè: Hiểu một cách khái quát về nền văn học dân gian, cách thể hiện tình cảm, tư duy, ước vọng, niềm tin và hạnh của dân tộc giản dị, súc tích, nhẹ nhàng, hiện thực nhưng phóng khoáng của dân tộc. Biết sáng tác ca ngâm.

ii. Kể chuyện tường thuật: Tập cách ghi nhận thứ lớp các sự kiện trong cùng một vấn đề. Tập nói chuyện trước đám đông, theo dõi được tâm lý quần chúng, đánh giá được trình độ nhận thức của người và của ta để vươn lên.

iii. Hội họa: Làm quen với cách sử dụng màu sắc, ánh sáng, phối trí, đặc điểm các trường phái hiện thực, trang trí, tả chân, truyền thần, siêu thực, lập thể, biếm họa, hoạt họa.

iv. Điêu khắc: Cách tạo tượng làm khuôn, trọng tâm, sinh học, cơ thể học, vật lý học trong nghệ thuật điêu khắc. Tranh mỹ nghệ, sơn mài, các tác phẩm tiểu thủ công. Tập khắc trên gôm, trên phấn, trên củ khoai, gỗ mềm, khuôn dấu, hình nổi, hình chìm.

v. Âm nhạc: Biết ký âm, xướng âm, hòa âm, biết sử dụng tối thiểu một loại nhạc cụ.

vi. Phim ảnh: Biết cách ghi hình, nắm vững các nguyên tắc cơ bản về bố cục, màu sắc, ánh sáng của một hình ảnh nghệ thuật, các kỹ thuật lắp ráp phim ảnh, làm quen với các phim trường nổi tiếng.

vii. Kịch: Biết các loại tuồng, khái quát về cấu trúc thể loại, nghệ thuật diễn đạt, hát bội, cải lương, chèo, quan họ, kịch nói.

viii. Vũ: Biết cách diễn tả tình cảm qua những thao tác các chi phần của cơ thể theo âm giai và nhịp điệu của một bản

nhạc. Năng về các hoạt vụ nhí nhảnh vui tươi, hân hoan.

ix. Hóa trang: Môn học kết hợp giữa văn nghệ, óc quan sát và trình độ kiến thức xuyên qua các thời đại. Giúp cho các em biết cách phân tích để thẩm định giá trị một kịch bản của nghệ sĩ và nhà đạo diễn, ưu khuyết, thành bại để học hỏi, tiến tới và tránh những lỗi lầm khi nhận định phê phán.

x. Hoạt cảnh: Biết cách phối trí và thể hiện tình cảm sống động 1 ca khúc, 1 đoạn văn, 1 giai đoạn lịch sử mà mình có chủ đề muốn khán thính giả cùng chia sẻ.

xi. Báo chí: biết khái quát các giai đoạn hình thành một tờ báo. Biết sử dụng báo chí làm diễn đàn chính thức để bày tỏ quan điểm, lập trường nhận định của mình để học hỏi đối thoại để xây dựng và phát triển. Biết vai trò, trách nhiệm của từng phần vụ, rõ thấu giá trị của công tác cần lao văn hóa.

xii. Triển lãm trưng bày sức sống: Đây là một môn học truyền thống không có tiết khóa vì Đoàn quán của đơn vị luôn luôn là một nhà trưng bày sức sống của đơn vị. Dĩ nhiên có những tác phẩm giá trị cần bảo quản tốt, đơn vị cần cất đi, chỉ trưng bày vào những ngày quan trọng. Nhưng công việc sưu tầm, sáng tác của Đoàn sinh, Huynh trưởng và các Đoàn là trường kỳ không gián đoạn.

xiii. Trang nhà : Biết cách mở một trang nhà (homepage) trên mạng internet cho đơn vị mình, và tất cả các

bộ môn 1, 3, 6, 11, 12 trên đây đều phối hợp và dùng trang nhà làm phương tiện thực hiện.

III. TỔ CHỨC MỘT ĐÊM VĂN NGHỆ SÂN KHẤU :

Là một tổ chức giáo dục nằm trong lòng Giáo Hội lại là con em của Đạo Hữu tại địa phương, cho nên vào những ngày lễ chính như Vu Lan, Phật Đản, Thành Đạo, Xuất Gia, Chu niên của Gia Đình, thực hiện một đêm văn nghệ cúng dường tạo không khí hân hoan phấn khởi để mọi người kết duyên cùng Phật Pháp. Nhân đây nói lên được tôn chỉ, mục đích của Tổ Chức, bày tỏ sức học, hiểu và hành động của người con Phật ở bối cảnh xã hội hiện tại là một điều quan trọng và cần thiết. Đây là một sinh hoạt được nâng lên hàng truyền thống. Các đơn vị gia đình nên cố gắng duy trì và thực hiện thật hoàn mãn. Công đức thật vô lượng.

Một đêm văn nghệ, nghe nói thật giản đơn, nhưng thực hiện tốn kém thời gian, công sức, tiền của đối với một tổ chức như chúng ta không phải là nhỏ. Tuổi trẻ năng động, háo thắng, ham vui. Văn nghệ có sức thu hút mạnh, do vậy luôn luôn là con dao 2 lưỡi. Nếu việc quản lý không tốt, tinh thần tu học sẽ giảm sút và kéo theo sự phóng túng, giao du bất chánh giữa nam nữ. Do vậy, Liên Đoàn Trưởng đóng vai trò cầm cân nẩy mực lên phương án thực hiện và quản lý sát sao từ nội dung đến tinh thần và phong cách biểu diễn để đúc kết thành những bài học không chủ đề nhưng chuẩn xác và bổ ích trong vấn đề uốn nắn xây dựng những tâm hồn, mầm non của Đạo

Pháp và Dân Tộc. Để đêm văn nghệ được thành công, Liên Đoàn Trưởng phải hoàn tất 4 công tác sau đây:

1. Thời gian, địa điểm, chủ đề, xây dựng chương trình thực hiện. Thời gian chính 1 đêm văn nghệ đơn vị Gia Đình thường từ 1 giờ 30 đến 2 giờ đồng hồ.

- Đặc điểm: Trong rạp, ngoài trời, nếu ngoài trời thì phải lo khâu trật tự sát sao.

- Chủ đề: Như Xuất Gia, Phật đản, Hiếu, Hạnh, Dũng v.v...

- Lên chương trình: Khi nào cũng vượt thời gian ấn định khoảng 30 phút để khi tổng dợt ta bỏ những tiết mục không đạt yêu cầu.

2. Phân chia công tác, chuẩn bị thực hiện:

- Sân khấu, trần thiết, trang trí, đạo cụ. Phân định Huynh Trưởng trách nhiệm và nhân lực đoàn Thanh Thiếu thực hiện đều có ghi biên bản.

- Âm thanh, ánh sáng: Huynh Trưởng được phân công chịu trách nhiệm phải hoàn tất chu đáo và trước thời gian ấn định để đảm bảo khỏi bị trục trặc.

- Trật tự và giữ xe.

3. Tập dợt: Huynh Trưởng đảm trách chương trình phải theo dõi đạo diễn, uốn nắn những sai sót lầm lỗi. Khi tổng dợt xong là sắp xếp chương trình. Vở kịch chính nên để giữa chương trình. Các phần còn lại xen kẽ nhau nhưng nội dung các tiết mục chuyển nối nhau như những móc xích. Xướng

ngôn viên soạn lời giới thiệu trước. Khi còn một tiết mục cuối, ta nên cảm tạ quan khách trước.

4. Tổng dợt : Làm y như thật cùng phong màn, hóa trang để các vai trò phù trợ chuyên môn thích nghi với sân khấu khung cảnh. Làm quen với máy móc âm thanh, ánh sáng, sân khấu v.v... Để khi trình diễn chính thức các vai không ngỡ ngàng.

Kiểm điểm công tác: Sau khi đêm văn nghệ kết thúc, tổ chức kiểm điểm để rút ưu khuyết điểm, đừng bao giờ kỳ hện lại ‘sau hầy làm’ vấn đề này, vì trong ai cũng còn đang tồn đọng những hình ảnh sống động nóng bỏng. Do đó những bài học kinh nghiệm từ thành công đến thất bại đều rất đáng giá.

IV. KẾT LUẬN :

Vấn đề văn nghệ sân khấu đòi hỏi tốn kém nhiều về thời gian và tiền bạc, lại nữa khung cảnh đi đêm đi hôm để tập dợt là môi trường thích nghi để tình cảm riêng tư cá nhân chớm nở, ảnh hưởng không tốt trong vấn đề giáo dục. Do vậy Liên Đoàn Trường cần phải đặc biệt quan tâm.

Nên đầu tư tập một số tiết mục giá trị lớn để nâng lên hàng truyền thống của đơn vị. Luôn luôn có người thay thế được để khi tổ chức một đêm văn nghệ chỉ thêm một số tiết mục phụ là thành hình. Sở dĩ nhấn mạnh khía cạnh này vì các chi phân còn lại của bộ môn Văn nghệ đã được khai thác kỹ ở các thời khóa tu học hàng tuần rồi vậy.

TỔ CHỨC THƯ VIỆN GIA ĐÌNH

I. MỤC ĐÍCH:

Sưu tầm kinh sách, tài liệu tu học, tài liệu lịch sử, văn hóa, khoa học, xã hội, nghệ thuật để Huynh Trưởng, Đoàn Sinh tự tham khảo, bồi dưỡng kiến thức để việc hướng dẫn và học tập đều tốt, đạt chất lượng cao. Do vậy vấn đề chọn sách báo cho tủ sách Gia Đình tại đơn vị để nó được coi như là một kho tàng trí thức, với chúng ta là cả một vấn đề chứ không phải muốn sách nào cũng được, không có những tác hại với bạn đọc.

Trong khuôn khổ thư viện đơn vị, việc chọn sách phải cẩn thận, muốn tránh sai lầm nên chọn như sau:

- Tất cả các sách, báo, DVD, VCD, CD do BHD Trung Ương ấn hành.
- Tất cả các kinh sách dành cho Cư Sĩ tại gia do Giáo Hội Ban Hoằng Pháp ấn hành.
- Các loại sách học làm người
- Sách do Bộ Giáo Dục xuất bản dành cho Thanh Thiếu niên, sách thể thao, sách có chủ đề khoa học tự nhiên và xã hội.

II. Ý NGHĨA:

Công khai hóa các vấn đề học tập, huấn luyện và tu trì, mở mang kiến thức và trình độ tổng quát. Tiếp cận với sinh hoạt văn hóa dân tộc, hòa hiệp với xã hội. Nắm vững những

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

nguyên lý căn bản của Tổ Chức, của Đạo Pháp. Thúc đẩy Huynh Trưởng và Đoàn sinh học đúng Chánh Pháp, tư duy đúng Chánh Pháp, thực hành đúng Chánh Pháp. Theo dõi thông tin, cập nhật hóa chương trình, đưa tổ chức ngày một đi lên.

III. CÁCH THỰC HIỆN:

Vận động chư Tăng, Ni, Đạo hữu địa phương giúp đỡ kinh phí. Phát động Huynh Trưởng và Đoàn sinh đóng góp một cuốn sách. Mở phong trào thi đua các Đoàn góp mỗi tuần một hay nhiều cuốn sách v.v.. Phát động phong trào gây quỹ như bán nước tương, bán nhang v.v.. để có tiền mua sách.

IV. NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH:

- Tủ đựng sách, VCD, DVD, CD.
- Lập thư tịch tổng quát. Số lớn ghi theo thể loại có đánh số. Thí dụ: Tài liệu tu học cho Ngành Oanh mang ký hiệu I.A. Bạc Mỏ Mất 001. Ta ghi I.A/001
- Phiếu thư tịch cho mượn. Mỗi tựa đề sách/CD là 1 phiếu. Trên đầu ghi tựa đề, tác giả, số mục thư tịch, chỗ để, dưới ghi ngày tháng cho mượn, tên người cho mượn, ngày trả.
- Quản thủ Thư viện là 1 Huynh Trưởng hoặc Đoàn sinh có trình độ. Nếu là Đoàn sinh, thì phải là ngành Thanh để biết cập nhật hóa sách báo, đương nhiên là được sự hướng dẫn của Liên Đoàn Trưởng.
- Mỗi tháng hoặc 2 tháng phải kiểm tra một lần.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Thư viện mở cửa trước giờ sinh hoạt 1 giờ, đóng cửa sau khi tan hàng 1 giờ.
- Trong giờ sinh hoạt Thư viện đóng cửa để Quản thủ Thư viện cùng tham gia sinh hoạt hàng tuần.

V. KẾT LUẬN:

Để tránh tình trạng khan hiếm tài liệu tu học, việc thiết lập Thư viện rất là cần thiết. Quản thủ Thư viện có thể đề nghị chụp sao để lưu hành nội bộ. Đây là một môi trường thích nghi để hoằng dương Đạo Pháp, phục vụ lợi ích thực tế của mọi người trong đơn vị Gia Đình nên không nên xem thường hay bỏ qua.



BÁO CHÍ TRONG G.Đ.P.T

Trong tổ chức GDPT, kể từ Đội, Chúng ngành Thiếu ngành Thanh, cấp Đoàn ở ngành Oanh, báo chí là một môn sinh hoạt truyền thống của Tổ Chức. Đây là diễn đàn, là tiếng nói phản ánh trung thực cuộc sống sinh hoạt và học tập tu trì của Đoàn sinh và Huynh Trưởng trực thuộc. Công tác này không được phép giao riêng cho một nhóm mà tất cả mọi người đều làm, một sinh hoạt tự biên tự diễn kiểm duyệt và phát hành. Nhằm mục đích tạo cho Thanh, Thiếu niên có tinh thần trách nhiệm chung và thực sự trưởng thành. Không có gì to tát và ghê gớm trên đời, nếu quyết chí, mọi việc đều có thể làm nên.

I. CÁC THỂ LOẠI BÁO TRONG KHUÔN KHỔ MỘT ĐƠN VỊ GIA ĐÌNH:

- Chung cho đơn vị có thể là đặc san khoảng 4 số một năm chẳng hạn như Đặc San Xuất Gia (Ngày Dưng), Đặc San Mừng Khánh Đản, đặc san Vu Lan, Đặc san Thành Đạo.
- Bích báo Gia Đình. Đoàn có phân góc Đội, Chúng.
- Các Đoàn cũng có thể làm tờ nguyệt san cầm tay ra hàng tháng, báo tường nhật tu hàng tuần.
- Mỗi đơn vị gia đình có thể mở một trang nhà riêng cho mình, trên đó các thành viên của gia đình đều có thể đăng tải bài viết của mình, hay những hình ảnh sinh hoạt của đơn vị

mình, v.v...

- Tuần san, bán nguyệt san, nguyệt san (ra hàng tuần, nửa tháng, một tháng tùy theo khả năng). Muốn làm một tờ báo bất kỳ dưới hình thức nào đều phải qua những giai đoạn như sau:

1. Ban Biên tập: Chịu trách nhiệm phát động phong trào, nhận bài vở, lựa chọn bài vở, sắp xếp nội dung tờ báo.

2. Khuyến khích mọi người đều làm:

Bài phải được Ban Biên Tập sửa cho gãy gọn, súc tích. Người không viết bài thì phụ trách chép tay, đánh máy, quay rô-nê-ô hoặc đóng tập, cắt xén, trang trí. Nghĩa là tờ báo có sự đóng góp của mỗi đoàn viên trong Gia Đình, tránh mặc cảm thua sút, ít học, kém khả năng viết lách... Tạo sự cộng tác tham gia phấn khởi.

- Tiểu ban trang trí, minh họa, sắp xếp tựa đề.
- Tiểu ban lên trang (layout), in ấn.
- Tiểu ban phát hành, nhận đăng ký, đưa báo đến tay người đặt, thu chi.

II. LƯU Ý QUAN TRỌNG:

Báo chí của GDPT không có tính cách phổ biến rộng rãi, chỉ lưu hành nội bộ dù cho bất cứ cấp nào chủ trương. Trọng tâm là viết cho các em, vì các em mà dựng lập. Do vậy, vấn đề phải giản dị, sáng sủa cụ thể, hỗ trợ cho vấn đề giảng dạy và huấn luyện tuổi trẻ. Dùng báo chí để nói lên các vấn đề

mà tài liệu chưa đề cập tới mà mình thao thức.

Tại hải ngoại, do môi trường xã hội, các em hoặc ngay cả các tân huynh trưởng trưởng thành ở hải ngoại, có phần yếu tiếng Việt, nên rất lúng túng khi muốn diễn đạt suy nghĩ và ý kiến của mình trên giấy trắng mực đen, hay trên màn hình trang nhà. Phát động báo chí tại hải ngoại có lợi khí là giúp cho các anh chị em tập đọc, tập viết để học hỏi tiếng mẹ đẻ và trau dồi thêm ngôn ngữ Việt Nam, tự trang bị một tư thế “về nguồn” và “tùy duyên bất biến” đối với dân tộc và quê hương.

Bất kỳ một ngôn ngữ nào cũng vậy, có đọc, có viết thì mới trang bị được cho riêng mình đủ ngữ vựng để diễn đạt gãy gọn tư tưởng mình bằng ngôn ngữ đó. Các em sinh trưởng ở hải ngoại do tiếp xúc với người bản xứ nhiều hơn với người đồng hương nên bị yếu kém khả năng diễn đạt Việt ngữ cũng là lẽ tự nhiên. Và để bù đắp vào khiếm khuyết đó, báo GDPT là phương tiện giúp các em học hỏi lẫn nhau. Trong đơn vị gia đình, nếu có những huynh trưởng diễn đạt một bài Phật Pháp ngắn bằng tiếng bản xứ là một ưu điểm để giáo dục các em không biết nhiều tiếng Việt, và báo chí bằng song ngữ là một lẽ tất nhiên cần thiết để cho các em học thêm tiếng Việt, hiểu thêm giáo lý.

CẤP CỨU

Khi cấp cứu nơi hoang dã, đòi hỏi các bạn phải có sự linh động, óc sáng tạo và một kiến thức đa dạng, vì ở đó, các bạn thiếu thốn mọi phương tiện, dụng cụ, thuốc men. Các bạn cũng vừa là cứu thương viên, vừa là y sĩ điều trị, cho nên trách nhiệm của các bạn nặng nề hơn.

I. CHĂM SÓC VẾT THƯƠNG:

Đừng để cho vết thương bị nhiễm trùng, đừng để cho ruồi bọ đậu vào, nhất là loại ruồi rừng (loại này không đẻ trứng mà đẻ trực tiếp ra ấu trùng là những con giòi, lớn rất nhanh, đục khoét vết thương của các bạn).

II. SÁT TRÙNG VẾT THƯƠNG:

Rửa vết thương bằng nước đun sôi để nguội với xà phòng (nếu có).

Hay với dung dịch nấu sôi: Tô mộc + Hoàng đằng + Phèn chua + nước (nếu có thể).

Hay với dung dịch: lá Trầu không còn tươi + phèn chua + nước.

Hoặc nấu nước với một trong những loại cây thuốc sau: cây Cỏ hôi, cây Sầu đâu, Chó đẻ...Đắp tươi các cây thuốc như: Dâm bụt, Ké hoa vàng (cỏ chổi), lá Móng tay, Liên kiều, Ba chạc, lá Trầu không...

III. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG:

Bằng cách đắp một trong các cây thuốc sau:

- Lá mỏ quạ tươi, bỏ cọng, rửa sạch giã nát đắp lên. Lúc đầu, rửa (bằng các dung dịch kể trên) và thay băng hàng ngày, sau 3-5 ngày, nếu thấy vết thương đã nhẹ thì hai ngày thay băng một lần.

- Lá cây Bông ổi (cút lợn) giã nát đắp lên, vừa cầm máu, vừa sát trùng và mau lên da. Hoặc giã nát vỏ và lá Bời lời nhót, Tơ mảnh, Ké hoa vàng, Hạ khô thảo, Cải trời, Chó đẻ. Rau diếp cá, Thuốc bỏng (sống đời), Thuốc giầu, lá Thường sơn...

Khi vết thương đã sạch, đang trong giai đoạn phát triển tổ chức hạt nhưng không đều, cần bôi một trong các loại thuốc sau: Nghệ già, củ ráy (chóc), Dầu mè, Sáp ong...

IV. CẦM MÁU

Khi bị một vết thương chảy máu, các bạn phải nhanh chóng tìm mọi cách làm ngưng chảy máu, để hạn chế mất máu nhiều có thể gây choáng nặng dẫn đến tử vong.

* Đút tĩnh mạch, động mạch nhỏ hay mao quản: Trường hợp này, máu chảy tràn ra ít thì vết thương tự cầm máu. Nếu máu chảy nhiều thì hãy đắp một trong những loại thuốc sau đây rồi băng ép lại:

Giã nát và đắp lên vết thương một trong các cây thuốc sau: Thuốc bỏng (sống đời), Thuốc giầu, Bông ổi, Huyết dụ, Tam thất, Bách thảo sương (nhọ nôi), Bại hoại (móng rồng),

Cà kheo (sừng hươu, sống đời lá rách), rau Cần (cải rừng tía), Củ chóc (bán hạ Nam, Ráy), Quế rành (Trên trên, Quế trên), Tai hùm, Thài lài trắng, Tu hú trắng... Giã nát và vắt nước uống các cây: nhọ nôi, nghê...

Theo kinh nghiệm dân gian, người ta còn cầm máu bằng các chất liệu như tóc, lông, mạng nhện, thuốc rê... tuy hiệu nghiệm nhưng không bằng dùng cây cầu tích. Cây cầu tích:

Còn gọi là cây lông cu li, kim mao cầu tích, cầu tồn mao, cây lông khi, (tên khoa học là *cybotium barometz*). Có nhiều ở Bạch Mã (Thừa Thiên), Đà Lạt... Các bạn hãy tìm kiếm hoặc mua một gốc cầu tích (hình bên) rồi vặt lông tằm còn 90° phơi khô. Khi gặp vết thương máu ra nhiều thì lấy đắp vào vết thương rồi băng ép lại, máu sẽ cầm rất nhanh. Cây cầu tích sẽ ra lông trở lại nếu các bạn phun rượu trắng vào gốc rồi mang để vào nơi thoáng mát.

* Đút động mạch quan trọng: Trường hợp máu chảy màu đỏ tươi, phun thành tia theo nhịp tim, hoặc trào mạnh ra ngoài theo vết thương. Các bạn phải nhanh chóng sử dụng một trong những biện pháp sau:

1. Ấn chặn vết thương:

Dùng những cây thuốc và vị thuốc như đã nói trước, đắp lên vết thương, rồi dùng tay, băng hay khăn sạch ấn mạnh vào vết thương. Giữ chặt cho đến khi máu ngưng chảy. Nếu

máu chưa cầm được, hãy nâng cao phần bị thương lên càng cao càng tốt. Nếu cần thì buộc (hơi nhẹ) thêm ga rô.

2. Ấn chặn động mạch:

Là dùng ngón tay, nắm tay ấn mạnh vào động mạch, giữa vết thương và tim. Đó là những nơi mà các động mạch chính chạy chéo trên xương. Động mạch giữa ngón tay và nền xương làm máu phải ngừng chảy. Ấn chặn động mạch là biện pháp cầm máu tạm thời và rất hiệu nghiệm, nhưng có nhược điểm là không thể làm lâu vì.

- Động mạch thái dương: để cầm máu đỉnh đầu.
- Động mạch dưới mang tai: để cầm máu ở mặt.
- Động mạch cảnh ở cổ: để cầm máu vùng đầu.
- Động mạch dưới xương đòn: để cầm máu vùng nách và cánh tay.
- Động mạch cánh tay trong: để cầm máu từ vùng cẳng tay trở xuống.
- Động mạch ở háng và đùi: để cầm máu từ vùng đùi trở xuống.

Sau khi ấn chặn động mạch, các bạn nên đắp các loại thuốc cầm máu vào vết thương và băng ép lại thật chặt. Sau đó, nói tay ra từ từ, nếu thấy máu còn chảy thì lập tức ấn chặn trở lại. Cho uống thêm bài thuốc cầm máu có 02 vị chính là:

- Tô mộc
- Nghệ vàng

Tùy theo trường hợp mà gia thêm các vị thuốc khử ứ, hoạt huyết như Tam thất, Tóc đốt, Bồ hoàng.

3. Đặt garô (garrot):

Là một phương pháp cầm máu hữu hiệu nhưng rất nguy hiểm, cần theo dõi một cách cẩn thận khi áp dụng. Lấy một sợi dây chắc, không đàn hồi (cà vạt, khăn tay, khăn quàng...) cột một vòng quanh đùi, hay cánh tay, phía trên vết thương (giữa vết thương và tim) chừng 10cm. Dùng một cây thước kẻ hoặc một đoạn cây ngắn, nhỏ, xỏ ngang và xoắn lại. Trước khi xoắn, các bạn nên đệm vào điểm muốn nén một vật hơi cứng (viên sỏi bọc vải, khăn tay cuộn lại...) mục đích là để cho vật đó đè xuống mạch máu, khiến cho máu không lưu thông được. Các bạn xoắn cho đến khi thấy máu ngừng chảy thì dùng dây mềm cột que vào cánh tay hay đùi.

Có thể đặt ga rô với một sợi dây có tính đàn hồi (ống cao su mềm): Căng thẳng dây ra, quấn hai vòng quanh cánh tay hay chân rồi siết lại.

NGUYÊN TẮC ĐẶT GA RÔ:

- Đặt trên vết thương độ 10cm, lộ ra ngoài, dễ thấy.
- Đắp các loại thuốc cầm máu và sát trùng ở vết thương.
- Khoảng 15 phút thì từ từ nói lỏng ga rô một lần, nếu thấy máu còn chảy thì siết ngay lại.

Ghi nhớ: Ga rô chỉ nên dùng khi không còn biện pháp nào khác và phải chấp hành đúng quy định về ga rô, vì nếu không sẽ dẫn đến chết hoàn toàn đoạn chi đó, phải cắt bỏ.

MỘT SỐ BÀI THUỐC CẦM MÁU

BÀI SỐ 1:

Công thức: Bột sâm đại hành (không hạn chế liều lượng).

Tác dụng: Cầm máu, tiêu ứ máu, giảm sưng đau, lên da nonThích hợp: Cầm máu động mạch và tĩnh mạch, điều trị các vết thương phần mềm.

Chế biến: Dùng củ đã cắt bỏ rễ và thân, rửa sạch, thái mỏng, phơi hay sấy thật khô, tán thành bột thật nhỏ, rây mịn, cho vào chai hoặc túi nylon thật kín để nơi khô ráo.

Cách dùng: Rắc thuốc cầm máu lên cho kín vết thương, sau khi đã sát trùng, đặt gạc hay vải sạch lên vết thương, băng ép chặt. Mỗi ngày thay thuốc một lần.

BÀI SỐ 2:

Công thức:

- Cỏ nhọ nôi (cỏ mực) sao cháy đen 100gr
- Lá chuối hột khô sao cháy đen 100gr
- Than tóc 100gr

Tác dụng: Cầm máu, tiêu sưng, sinh da nonThích hợp: Cầm máu động mạch và tĩnh mạch, điều trị các vết thương phần mềm.

Chế biến:

- Cỏ nhọ nôi cắt bỏ rễ, rửa sạch, phơi khô, thái nhỏ, sao đen (tồn tính).

- Lá chuối hột rửa sạch, thái nhỏ, phơi khô, sao đen (tồn tính).

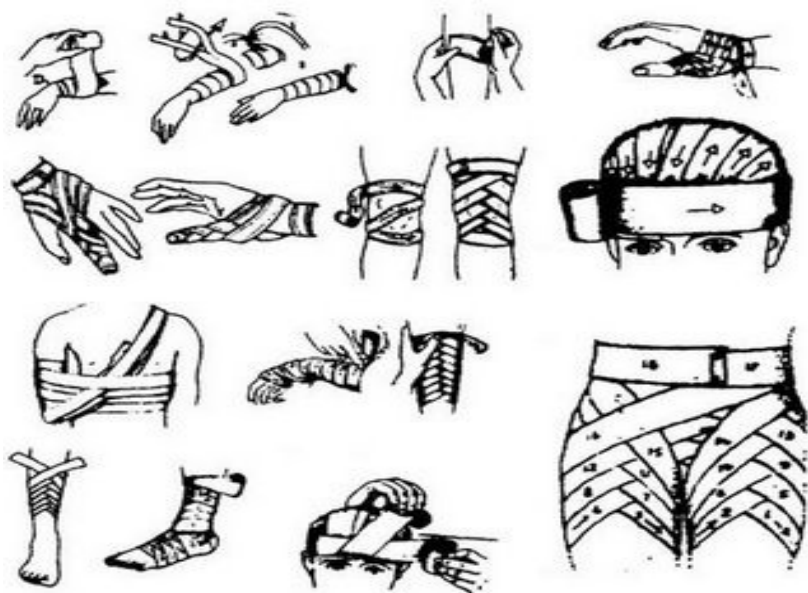
- Tóc rửa bằng nước bồ kết, sấy khô rồi đốt cháy thành than Ba thứ trên liều lượng bằng nhau, tán nhỏ, rây mịn. Đựng vào chai lọ hay túi nylon hàn kín. Bảo quản nơi khô ráo.

Cách dùng: Như bài số 1.

V. BĂNG BÓ:

Để che chở vết thương hay để cầm máu hoặc để giữ êm chỗ bị thương trong trường hợp gãy xương, chúng ta cần biết một số phương pháp băng bó.

*** Cách băng bằng băng cuộn:**



VÀI ĐIỀU CẦN LƯU Ý:

1. Với những vết thương nhẹ, cần đắp thuốc cầm máu và sát trùng rồi mới băng lại.

2. Kỹ thuật băng bó còn tùy thuộc vào phần cơ thể bị thương, với yêu cầu: kín = phải bao bọc kín vết thương. Gọn và chắc = không quá chặt khiến cho máu không lưu thông được, không sút sổ khi cử động.

3. Khi cần cầm máu, phải ép băng đủ chặt.

*** Cách băng bằng loại băng tam giác:**

Là loại băng vải hình tam giác vuông cân, mỗi cạnh góc vuông khoảng 80 đến 90cm. Có thể sử dụng khăn quàng, khăn vuông xếp lại, miếng vải... Dùng để băng bó, treo tay, cố định xương gãy hoặc xếp lại thành băng cà vạt.

GÃY XƯƠNG:

Ở trong vùng hoang dã, nơi mà thuốc men và dụng cụ y tế thiếu thốn mà bị gãy xương thì thật là thảm họa, cho nên các bạn cần phải thật thận trọng trong lúc làm công việc, cũng như khi di chuyển, cố gắng tránh mọi trường hợp có thể dẫn đến những tai nạn, thương tích... Dĩ nhiên không ai muốn nó xảy ra, nhưng nếu có thì các bạn cũng cần bình tĩnh để tìm cách vượt qua. Các bạn hãy nhớ rằng, cho dù tình hình có tồi tệ đến đâu đi nữa, thì chúng ta cũng có thể khắc phục. Khả năng sinh học tự vệ của con người kỳ diệu hơn chúng ta tưởng rất nhiều.

Có 4 trường hợp gãy xương có thể xảy ra:

1. Nghi ngờ gãy xương.
2. Gãy xương kín
3. Gãy xương hở
4. Bể xương

Trong mọi trường hợp gãy xương, điều quan trọng nhất là các bạn phải làm bất động ngay tức khắc phần cơ thể có xương bị gãy. Tuy nhiên, vì các bạn đang ở nơi hoang dã, các bạn là cứu thương viên và chính các bạn cũng là y sĩ điều trị, cho nên trước khi cặp nẹp bất động phần cơ thể bị gãy, bằng

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

trực giác, sự cảm ứng và óc phán đoán, các bạn cố gắng sắp làm sao cho hai đầu xương nối với nhau cho thật thẳng (cho dù có làm cho nạn nhân đau đớn), rồi mới băng cứng lại (nếu có vết thương rách da chảy máu, thì để trống chỗ đó để xử lý).

Trong những trường hợp này, nạn nhân có thể bị choáng vì quá đau đớn. Các bạn cố gắng thao tác thật nhanh mọi công đoạn như: cố định xương gãy, băng bó sớm, cầm máu nhanh, ủ ấm chống lạnh, cho uống trà nóng, nước đường, cà phê đậm (nếu có)... đặt nằm chân cao hơn đầu, làm cho nạn nhân được tiện nghi, vui vẻ, an ủi động viên tinh thần nạn nhân.

Cho nạn nhân uống những loại cây lá có tính chất an thần, gây ngủ như: Vông nem, Lạc tiên (chùm bao), Ba gạc, trái thuốc phiện khô... hay quần lá Cà dước rồi hút như hút thuốc để giảm đau, nhưng nếu thấy có triệu chứng ngộ độc thì phải ngưng ngay.

*** Làm thế nào để cố định xương gãy?**

Dùng những dụng cụ có thể làm nẹp như mảnh ván, cành cây, vỏ cây... tuy nhiên, khác với cấp cứu là các bạn có thể chọn bất cứ vật gì để nẹp. Ở đây các bạn phải chọn lựa cẩn thận, vì khi đã nẹp vào rồi thì rất lâu mới được tháo ra, cho nên nẹp phải có những tiêu chuẩn sau:

- Kích cỡ phải phù hợp với phần cơ thể định nẹp.
- Chất liệu không gây dị ứng cho da của nạn nhân.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Vật liệu phải sạch sẽ, bền chắc. (Nếu có thể thì nên dùng vỏ cây gạo để bó chỗ xương gãy, vì vỏ cây gạo có tính chất liền xương).

Trước khi nẹp để làm bất động nơi vết gãy, các bạn hãy đệm chung quanh vết thương (nhất là những chỗ có mấu lồi của xương như mắt cá, cùi chỏ, cánh tay...) bằng những vật liệu êm và sạch như bông gòn, khăn tay, áo quần, chăn mền... Làm như vậy để khi chúng ta nẹp cứng lại không làm cho nạn nhân bị đau đớn, khó chịu.

Khi bị gãy xương hở, cần phải sát trùng vết thương thật sạch trước khi kéo nắn về vị trí cũ.

CỐ ĐỊNH XƯƠNG GỠ:

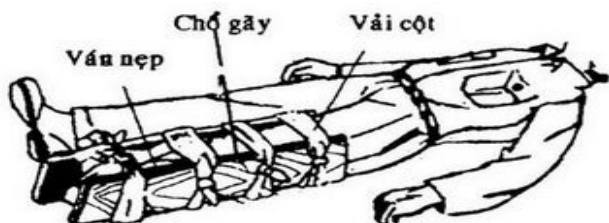
*** Gãy xương bàn tay hoặc khớp cổ tay:**

- Đặt một cuộn băng hoặc một cuộn vải vào lòng bàn tay, sau khi sửa lại các phần xương gãy.
- Đặt một nẹp từ bàn tay đến quá cổ tay (cho hơi thừa ở đầu bàn tay).
- Đắp thuốc, dùng băng cố định bàn tay, cẳng tay vào nẹp.
- Treo cẳng tay bằng băng tam giác hay băng thường.

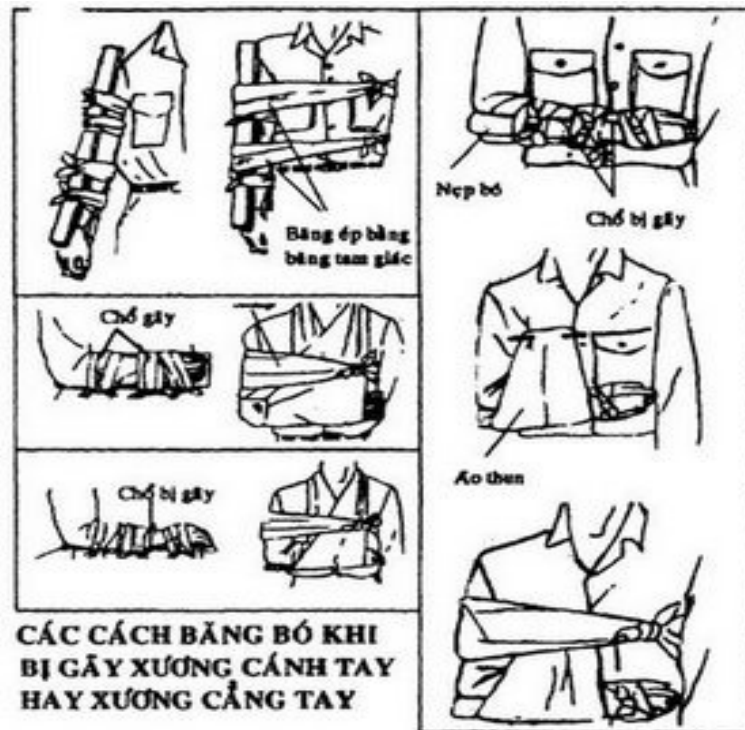


* Gãy xương cẳng chân:

Các bạn thao tác như cách là đối với gãy xương cánh tay và cẳng tay. Khi cần thiết phải di chuyển thì phải dùng thêm một cặp nạng..

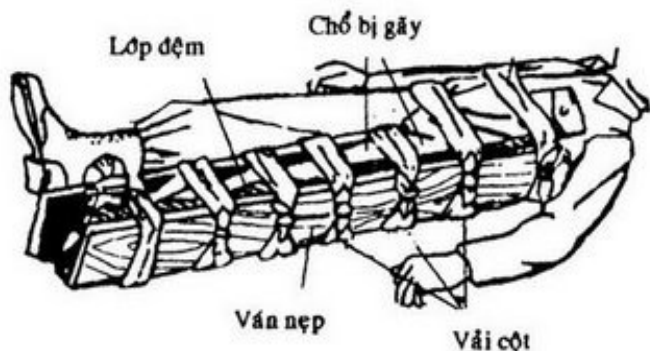


* Gãy xương cánh tay, cẳng tay:



Sau khi kéo xương vào đúng vị trí cũ, sửa cho thật thẳng, rồi đắp thuốc lên, dùng nẹp ép hai bên theo chiều dài xương, dùng băng, dây, vải, khăn... cột lại để cố định. Nếu cần thì treo tay hoặc băng ép vào người bằng băng tam giác, băng thường, mảnh vải...

* Gãy xương đùi:



Nếu bị gãy xương đùi, đòi hỏi chúng ta phải có một sự chăm sóc đặc biệt và cẩn thận. Tuyệt đối không nên di chuyển nếu không thật cần thiết. Trường hợp này, khi bó nẹp, chúng ta phải bó dài luôn cả phần cẳng chân như hình dưới đây.

Ghi chú: Những phương pháp bó nẹp cố định xương gãy như trên, chỉ dùng tạm thời trong khi chờ di chuyển nạn nhân đến bệnh viện, nếu các bạn đang ở trong vùng hoang dã, không liên lạc được với xã hội thì sẽ dùng những phương pháp hướng dẫn sau:

* NẮN LẠI CÁC XƯƠNG GỠY

Trước khi nẹp và bó thuốc để cố định đoạn xương gãy, các bạn phải tìm cách nắn lại các xương gãy (thật ra, công đoạn này là dành cho các nhà chuyên môn ở bệnh viện hay các trạm y tế, nhưng ở nơi hoang dã thì chính các bạn phải tự xoay trở lấy, cho dù đôi khi nó không được hoàn hảo lắm, nhưng còn hơn là không làm gì).

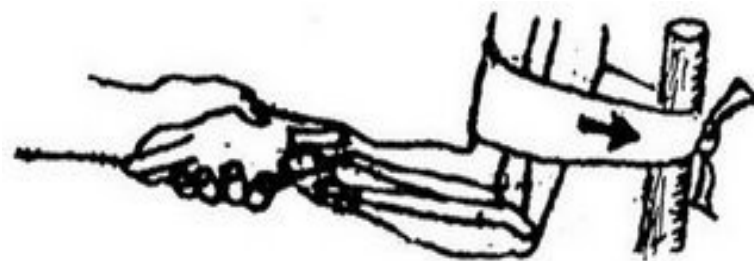
Nếu các xương có vẻ ít nhiều ở tư thế đúng, không thấy biến dạng thì tốt hơn là đừng di động chúng, cứ để yên như thế mà đắp thuốc và nẹp cố định.

Nếu các xương rõ ràng ở tư thế không đúng, chỗ gãy biến dạng...

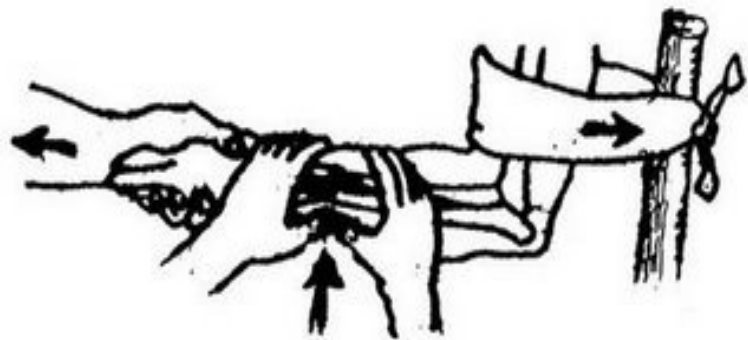
Nếu chỗ gãy còn mới, các bạn nên nắn hay kéo cho thẳng trước khi bó (tuy rất đau đớn, nhưng các bạn hãy động viên nạn nhân cố gắng chịu đựng, vì xương càng nắn sớm bao nhiêu thì càng dễ dàng và ít đau hơn bấy nhiêu).

* Làm thế nào để nắn xương cổ tay bị gãy?

Cần có 2 người để thao tác thì dễ dàng hơn. Trước tiên, các bạn dùng khăn hay vải cột lỏng cánh tay nạn nhân vào một gốc cây hay một trụ cố định. Một người nắm bàn tay nạn nhân kéo mạnh và dứt khoát trong khoảng từ 5-10 phút, để các đầu xương gãy giãn ra và chạm đầu với nhau.



Người thứ hai nhẹ nhàng nắn lại các đầu xương cho ngay ngắn.

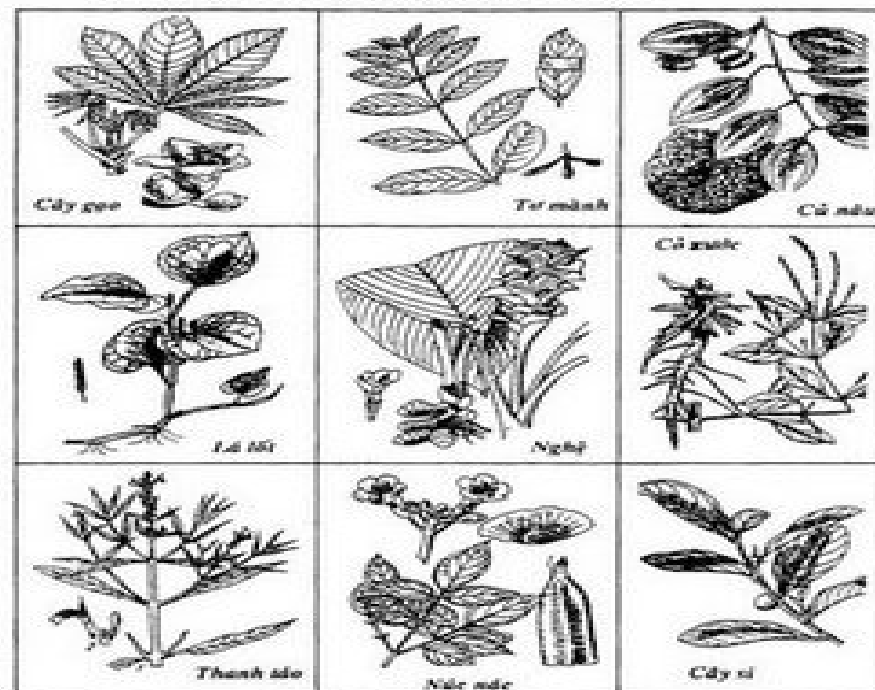


*** Bao lâu thì các xương gãy liền lại?**

Chỗ gãy càng nặng, nạn nhân càng già thì sự bình phục càng chậm. Trẻ em thì liền một cách nhanh chóng hơn. Xương cánh tay thì khoảng một tháng, xương cẳng chân cần giữ độ 2 tháng.

MỘT SỐ BÀI THUỐC CHỮA GẦY XƯƠNG

CÁC CÂY THUỐC CHỮA GẦY XƯƠNG



Có rất nhiều bài thuốc chữa gãy xương nhưng ở đây chúng tôi chỉ chọn một số bài thuốc giản dị, dễ tìm kiếm, dễ chế biến, dễ sử dụng.

Có 2 loại: Thuốc bó ngoài và thuốc uống trong.

Bài số 1: THUỐC BÓ BỘT NGOÀI

*** Công thức:**

- Bột củ nâu 1kg
- Cơm nếp đủ bó vết thương

* **Tác dụng:** Hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, liền xương.

* **Chế biến:** Củ nâu (nâu nhựa tốt hơn nâu đỏ) gọt vỏ thô, thái mỏng, phơi hoặc sấy khô, tán bột, bỏ vào chai hoặc bao nylon hàn kín, bảo quản nơi khô ráo.

* **Cách dùng:** Cứ 100gr cơm nếp nấu hơi nát thì cho 20gr bột củ nâu, hai thứ giã đều, khi cơm còn nóng dẹt thành một bánh dài đủ bó chỗ gãy, dàn thuốc lên giấy dầu hay vải gạc hoặc lá chuối, bó vào chung quanh chỗ gãy, đặt nẹp, băng cố định cho thật chặt, hai ngày thay thuốc một lần. Nếu không có bột củ nâu khô thì dùng củ nâu tươi thái mỏng, giã cho thật nhỏ, trộn với cơm nếp như trên.

Bài số 2: LÁ CÂY THANH TÁO TƯƠI

* **Công thức:** Lá và đọt non của cây thanh táo (còn gọi là tiếp cốt thảo, trường sinh thảo)

* **Tác dụng:** Thanh nhiệt, tiêu viêm, hành huyết, giảm đau, liền xương. **Chế biến:** Lá và đọt non (bỏ cành và cuống), rửa sạch, giã nhỏ. **Cách dùng:** Bỏ thuốc vào chỗ gãy, đặt nẹp, băng cố định thật chặt. Khi đã ổn định, mỗi ngày thay thuốc một lần.

Bài số 3: VỎ CÂY TƯƠI

* **Công thức:**

- Vỏ cây gạo tươi 60%
- Vỏ cây núc nác tươi 40%

* **Tác dụng:** thanh nhiệt, tiêu viêm, hành huyết, giảm đau. Chủ trị gãy xương, sai khớp, tụ máu, chấn thương.

* **Chế biến và sử dụng:** Vỏ hai loại cây trên (liều lượng đủ dùng, nhưng phải theo tỉ lệ trên) lấy về gọt bỏ lớp vỏ thô bên ngoài, rửa sạch, thái mỏng, giã thật nhuyễn, bó vào chỗ gãy. Cách băng bó như các bài trên. Hai ngày thay thuốc một lần.

* **Ghi chú:** Nếu không có vỏ núc nác thì dùng 100% vỏ cây gạo cũng rất hiệu quả.

Bài số 4: LÁ CÂY TƯƠI

* **Công thức:** Lá cây tơ mảnh

* **Tác dụng:** thanh nhiệt, tiêu viêm, sát trùng. Chủ trị gãy xương, chấn thương, sưng tấy, các vết thương ngoài da.

* **Chế biến và sử dụng:** Lá cây tơ mảnh (còn gọi là mạng nhện, dây chỉ) hái tươi, rửa sạch, giã nát, bó như các bài trên.

Bài số 5: THUỐC RƯỢU (THUỐC UÔNG)

* **Công thức:**

- Nhựa cây si 50cc

- Rượu trắng 40 độ 150cc (3/5 xị)

* **Chủ trị:** Chấn thương, gãy xương, sai khớp, tụ máu, sưng đau. Chế biến và sử dụng: Nhựa si và rượu hòa lẫn cho tan. Người lớn uống mỗi ngày một liều, chia làm 3 lần. Thiếu niên dưới 15 tuổi uống nửa liều.

Chú ý: Nếu không có nhựa si thì dùng tua si (là những sợi từ trên cành rĩ xuống), cắt khoảng 100gr tua còn non cho vào ấm nước đun sôi thật kỹ rồi hòa với rượu uống lúc còn ấm.

Bài số 6: THUỐC SẮC

* **Công thức:**

- Củ nghệ già 20gr
- Vỏ cây gạo 20gr
- Rễ cỏ xước 15gr
- Rễ lá lốt 15gr

* **Chủ trị:** Gãy xương, bong gân, sai khớp, sưng đau, chủ yếu dùng khi tổn thương 2 chi dưới.

* **Chế biến và sử dụng:**

- Củ nghệ thái mỏng, phơi khô, sao qua
- Vỏ cây gạo gọt bỏ vỏ thô, thái mỏng, xào qua
- Rễ cỏ xước và lá lốt rửa sạch, thái ngắn, không sao.

Cho tất cả vào ấm, sắc 2 nước, mỗi lần đổ 3 chén nước sắc, còn một chén. Hai nước hòa lại chia làm 3 lần uống trong

ngày. Mỗi ngày uống một thang. Khi uống có thể pha thêm rượu càng tốt.

VI. CHẤN THƯƠNG SAI KHỚP

Khi bị va chạm hay chấn thương mạnh bất thường làm cho đầu xương trật ra khỏi ổ khớp một phần hay toàn bộ, làm cho khớp không hoạt động được.

Khi bị sai khớp, bao khớp có thể bị rách nhiều hay ít, dây chằng bị đứt, rách hoặc bong ra, các cơ và mạch máu ở vùng ổ khớp cũng bị tổn thương.

* **Triệu chứng:**

- Đau nhức liên tục, lúc đầu đau nhiều, về sau lần lần đau êm, khi chạm vào khớp thì đau dữ dội.
- Không thể cử động được hoặc cử động khó khăn.
- Ổ khớp biến dạng, sờ thấy đầu xương bật ra ngoài ổ khớp...
- Chung quanh sưng vù, tím bầm...

* **Điều trị:** Nên tìm cách điều trị ngay, để càng lâu càng khó khăn. Chủ yếu là phải dùng phương pháp nắn đưa ngay đầu xương trở lại ổ khớp và bó thuốc tiêu sưng, giảm đau và cố định khớp.

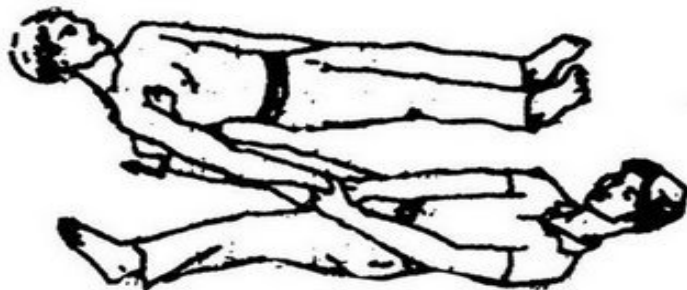
Tránh dùng sức mạnh ở khớp xương đó một thời gian đủ để cho khớp khỏi hẳn.

CÁC PHƯƠNG PHÁP NẮN SAI KHỚP

1. Nắn sai khớp xương cổ:

Để nạn nhân ngồi thẳng đầu, người cứu thương đứng phía sau, hơi rùn xuống. Hai đầu gối áp chặt vào hai cạnh sườn để giữ chắc nạn nhân. Hai tay ôm đầu nạn nhân nâng lên và xoay đi xoay lại nhẹ nhàng và lựa chiều xoay mạnh đưa vào khớp.

2. Nắn sai khớp xương vai:



Để nạn nhân nằm ngửa dưới đất, người cứu thương nằm xuống bên cạnh nạn nhân (phía bị sai khớp). Để gót chân của bạn vào nách nạn nhân làm điểm tựa và hai tay kéo mạnh tay nạn nhân với một lực đều đặn trong vòng từ 5-10 phút. Sau đó bỏ chân ra và khếp cánh tay vào người của họ, nếu nghe một tiếng “cụp” là xương đã vào ổ khớp. Tiến hành bó thuốc và băng cố định.

Sau khi khớp vai đã vào vị trí, nên bó cánh tay chặt vào chân. Giữ như vậy trong một tháng cho khớp không trật lại

một lần nữa. Để đề phòng khớp vai bị liệt cơ, mỗi ngày nên tháo ra vài lần, mỗi lần vài phút. Khi tháo ra, nên khẽ di động cánh tay nhẹ nhàng theo những vòng tròn hẹp.



3. Nắn sai khớp xương khuỷu tay:

Để nạn nhân nằm dưới đất, dùng một cái khăn hay miếng vải cột ở giữa cánh tay bị sai khớp, giao cho một người kéo lại hoặc buộc vào một góc cọc.

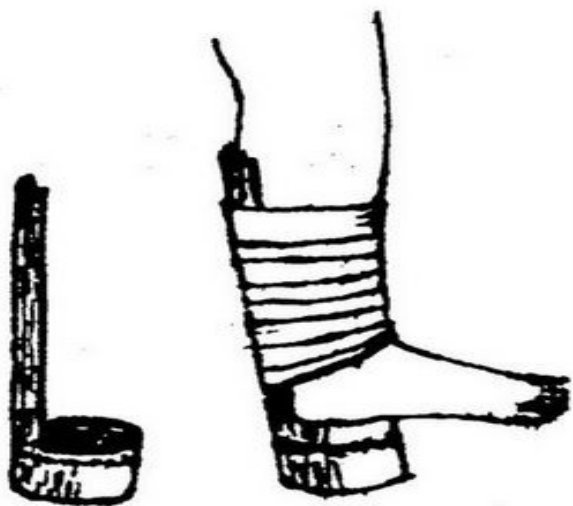
Cần 2 người để thao tác: người phụ dùng tay phải nắm ngón tay cái, tay trái nắm 3 ngón giữa của nạn nhân, vừa kéo xuống vừa đưa dần khuỷu gấp vào thành góc 90°.

Người nắn ở phía sau khuỷu, dùng 2 ngón tay ấn trực tiếp vào mỏm khuỷu, vừa ấn xuống dưới vừa đẩy ra phía

trước, đồng thời các ngón tay giữa ấn vào phía trước, kéo dần đầu dưới xương cánh tay ra sau đưa vào ổ khớp.

4. Nắn sai khớp xương cổ tay:

Để nạn nhân ngồi đặt tay lên bàn, một người ngồi phía sau nạn nhân, hai tay nắm chặt cổ tay nạn nhân vừa kéo về phía sau vừa kèm cứng. Người nắn nắm bàn tay vừa kéo vừa lựa chiều đưa vào khớp rồi bó thuốc, băng cố định. Các khớp khác như háng, đầu gối, cổ chân... phương pháp nắn cũng tương tự như trên, các bạn nên linh động mà thao tác. Trường hợp bị sai khớp xương hay bong gân ở cổ chân, nếu cần đi lại, các bạn hãy sử dụng một đoạn tre một đầu có mắt, cắt theo hình bên để làm nẹp cố định, giúp đi lại mà không làm thương tổn thêm (nên đi kèm theo nạng)



CÁC BÀI THUỐC TRỊ SAI KHỚP VÀ BONG GÂN

Bong gân cũng là thương tổn do chấn thương mạnh trực tiếp hay gián tiếp vào khớp, nhưng không làm sai khớp hay gãy xương, mà chỉ có thương tổn các bao hoạt dịch, bao khớp và các dây chằng.

* **Triệu chứng:** Chủ yếu là sưng đau, bầm tím, cử động hạn chế.

Các bài thuốc bó ngoài dùng để điều trị gãy xương đều có thể dùng cho bong gân hoặc sai khớp.

Kinh nghiệm về điều trị chấn thương, sai khớp, bong gân thì khá phong phú. Chúng tôi đưa ra một vài bài đơn giản.

Bài số 1: LÁ HAY QUẢ CÂY NGÁI TƯƠI



* **Chế biến và sử dụng:** Quả hay lá cây Ngái liều lượng vừa đủ dùng, rửa sạch, giã nhỏ, cho ít rượu vào, sao chín, đổ ra vải xô, túm lại chườm vào chỗ đau (chú ý chườm nhanh tay để khỏi bị phỏng). Khi nguội đem ra sao lại cho nóng rồi chườm tiếp. Làm đi làm lại vài ba lần. Sau đó, khi thuốc còn ấm thì dần mỏng bó vào chỗ sưng, băng cố định. Mỗi ngày thay thuốc một lần.

Bài số 2: CÂY BÓP BÓP

* **Chế biến và sử dụng:** Dùng đọt non và lá rửa sạch, giã nhỏ, đem sao chín rồi cũng chườm và đồ như bài số 1. Mỗi ngày thay thuốc một lần.

VII. ĐIỀU TRỊ MỘT SỐ BỆNH THÔNG THƯỜNG

Người ta có thể chữa hầu hết các bệnh thông thường lúc mới phát sinh bằng một toa thuốc duy nhất gọi là:

TOA CĂN BẢN:

Gồm 10 vị thuốc

- Rễ cỏ tranh 8g2
- Rau má 8g3
- Cỏ mực 8g4
- Cỏ màn châu 8g5
- Cam thảo đất 8g6
- Kế đầu ngựa 8g7

- Lá muồng trâu 4g8
- Củ sả 4g9
- Vỏ quít 4g10
- Gừng tươi 3 lát

10 vị thuốc trên rất dễ tìm kiếm, tuy nhiên nếu không có, chúng ta có thể thay thế một số vị mà hiệu quả vẫn không thay đổi.

*** Thí dụ:**

- Nếu không có Muồng trâu, các bạn có thể thay thế bằng vỏ cây Bông sứ, hạt Bìm bìm, cây Chút chút.
- Nếu không có Rễ tranh, có thể dùng Mã đề, Râu bắp, vỏ trái Cau, Dứa dại, Trạch tả.
- Nếu không có Rau má, có thể thay thế Râu mèo, Actisô, Nhân trần, Dành dành, Mướp, Cúc tần.
- Nếu không có Cỏ mực, có thể dùng Huyết kê đằng, Sâm đại hành, lá Huyết dụ.
- Nếu không có Cam thảo đất thì dùng Cam thảo dây, Mía.
- Nếu thiếu cỏ màn châu thì thay bằng lá Dâu tằm, Dây kim ngân.
- Nếu thiếu Kế đầu ngựa thì dùng Kế hoa đào, Kế hoa vàng, Ô rô nước.
- Nếu thiếu vỏ Quýt thì thay bằng vỏ Cam, vỏ Chanh, vỏ Bưởi.

- Nếu thiếu củ gừng thì dùng củ Riềng- Nếu thiếu củ Sả thì dùng củ Bồ bồ (Xương bồ).

Tất cả các vị trên tổng cộng khoảng 60g. Cho thêm vào khoảng hơn một lít nước, đun sôi trên lửa cho đến khi còn lại chừng một chén rượu nước thì rót ra chia làm 3 phần, uống vào sáng, trưa, và chiều tối, mỗi lần uống một phần.

Toa căn bản là một đơn thuốc gốc, dùng làm nền tảng, rồi thêm hay bớt vị hoặc liều lượng là tùy theo những triệu chứng của bệnh nhân cũng như kinh nghiệm của người thầy thuốc.

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÓ

Khi mà các phương tiện vật chất cũng như thuốc men thiếu thốn như trong các vùng hoang dã, thì có lẽ đánh gió là phương pháp chữa bệnh khả thi và hiệu quả nhất. Đánh gió đúng cách, các bạn có thể chữa trị các bệnh thông thường như: trúng gió, cảm nắng, cảm lạnh, ói mửa, tiêu chảy, đau nhức, mệt mỏi...

*** Kỹ thuật:**

- Đánh nóng từ một chỗ rồi loang dần theo hệ thống thần kinh như là gáy, đầu, ngang hai vai: Trị sổ mũi, làm cho cổ họng giảm bớt buồn nôn.

- Đánh gió khoảng giữa sống lưng: Làm giảm đau bao tử.

- Đánh từ lưng quần xuống xương khu: Làm bớt đau bụng tiêu chảy, bớt đau bụng quặn.

- Áp dụng cho những trẻ em có triệu chứng: quấy phá, khó chịu, chân tay lạnh, mất ngủ, ăn không tiêu, đau bụng, khóc dai dẳng hàng giờ, toát mồ hôi lạnh... (nhưng không được đánh gió khi nghi ngờ trẻ bị sốt xuất huyết).

*** Phương pháp:**

- Chỗ đánh gió: thoáng mát nhưng không lộng gió

- Tư thế: Nằm sấp, vén áo (không cần cởi)

- Dụng cụ: dầu cù là, dầu nóng, lát gừng

- Cách đánh: Lúc đầu là nhẹ trên mặt da, rồi càng lúc càng mạnh dần (nhưng không nên làm đau), xoa nhẹ khắp lưng, vuốt mạnh hai bên sống lưng, bấm bấm dài theo xương sống, cuối cùng xoa nhẹ khắp lưng, thời gian từ 5-10 phút (trung bình là 10 phút, nếu ngắn hơn thì ít kết quả, nếu lâu hơn thì cũng tốt).

*** Lưu ý:**

- Người đánh gió nên nhớ rằng: nếu đánh gió để chữa các chứng bệnh thì làm sao cho người bệnh phải đổ mồ hôi thì mới khỏe được.

- Nên dùng gừng để đánh gió hơn là cù là hoặc dầu nóng. Gừng cắt mặt đập thớ (cắt ngang) để nước gừng thấm vào da. Gừng gây nóng dịu, sâu, kéo dài... Dầu nóng thì nên dùng dầu tinh chất bạc hà.

Sau khi đánh gió xong thì phải uống thêm thuốc thích hợp với chứng bệnh, uống đúng liều lượng với một ly nước giải cảm.

SINH TỒN NƠI HOANG DÃ

I. NGUY HIỂM TỪ ĐỘNG VẬT

Khác với thực vật có rất nhiều cây trái mang theo vô số chất độc trong mình. Ít động vật có chất độc khi làm thực phẩm, trừ một vài loại mà chúng ta dễ dàng nhận dạng. Nhưng chúng lại thường chủ động gây hại cho chúng ta, từ loài mãnh thú to lớn tấn công gây thương vong đến các loài có nọc độc gây đau đớn chết chóc hoặc các côn trùng mang theo những mầm bệnh nguy hiểm khôn lường. Vì thế chúng ta cần phải biết một số biện pháp đề phòng cũng như đối phó với chúng.

CÁC LOÀI MÃNH THÚ

Ngày nay, nhiều loài mãnh thú đã gần như tuyệt chủng trên hành tinh của chúng ta, nếu còn thì số lượng không đáng kể, tuy nhiên thỉnh thoảng qua các thông tin, chúng ta vẫn còn nghe một số người bị mãnh thú tấn công và thường là tử vong hoặc mang thương tích trầm trọng... Nhưng thường thì chúng không chủ động tấn công chúng ta, trừ trường hợp đang giữ con hoặc bị khiêu khích phải tự vệ, hay quá đói.

Khi bắt buộc phải đối diện với mãnh thú, điều cốt yếu là bạn đừng bao giờ bỏ chạy, vì tốc độ của bạn khó lòng mà thắng được các loại thú rừng, cho dù đó chỉ là con sói con tầm thường... và khi bỏ chạy, chính các bạn đã kích thích tập tính

săn bắt hung hãn của các loài thú. Hãy bình tĩnh đối diện với chúng trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và nhìn trừng trừng vào chúng bằng một cặp mắt rực lửa cho đến lúc chúng bỏ đi.

Nếu bị tấn công, cho dù đó là cọp, beo, sư tử, gấu, heo rừng, chó sói... thì con đường sống sót duy nhất của các bạn là chiến đấu và phải chủ động tấn công quyết liệt, dùng bất kỳ vật gì có thể làm vũ khí (cành cây, cục đá...) và cả nắm đấm của các bạn, nhắm thẳng vào tim và yết hầu, nhưng hãy lưu ý là loại vũ khí này, nếu chỉ làm chúng bị thương thì chúng sẽ trở nên hung hãn hơn. Khi chiến đấu quyết liệt, có thể các bạn sẽ bị một số thương tích, nhưng cũng còn hơn là phải chết.

Đề phòng thú dữ tấn công: Ở những nơi hoang dã, thú rừng thường bị hấp dẫn bởi mùi thức ăn của chúng ta nấu nướng (ở Châu Mỹ, gấu và một số lớn loài thú được bảo vệ nên chúng rất đông đúc và thường lùng sục thức ăn của những người đi cắm trại và đôi khi tấn công họ). Cho nên các bạn không nên nấu nướng, ăn uống gần lều và trên gió. Thực phẩm tồn trữ và dụng cụ nấu nướng, chén đĩa, áo quần dính thức ăn (nhất là cá)... phải được treo cao ở xa lều, dưới gió. Nếu cơ thể của bạn dính mùi cá, thì nên tắm rửa thật sạch. Ban đêm, các bạn nên đốt một đồng lửa gần nơi bạn ngủ và giữ cho lửa cháy thành ngọn liên tục.

Khi cần di chuyển, các bạn nên mang theo lao hay gậy nhọn làm vũ khí, một tay cầm một cây roi mảnh quất vút vút trong không khí để gây ra những tiếng rít xé gió làm cho thú

hoảng sợ. Cần thận khi di chuyển ở rừng thưa, trảng cỏ, bìa rừng, đường mòn, dọc theo sông suối, nơi lầy nước...

LOÀI BÒ SÁT

Rắn và Đền: Loài bò sát này rất nguy hiểm, vì chúng hiện diện khắp nơi và khó nhận thấy. Chúng lại có nọc độc rất dễ sợ, có thể gây chết người trong một thời gian ngắn. Ngày nay, rắn là một nguy cơ rất lớn cho những người sinh sống trong vùng hoang dã. Thật ra trong gần 2.400 loại rắn có mặt trên trái đất, chỉ có 1/6 loài là có nọc độc, và cũng chỉ có một ít trong số đó là có nọc đủ mạnh để gây chết người. Tiêu biểu cho loại này có: hổ mang, rung chuông, chàm quạp, rắn lục...

Đền là một loài thuộc họ Rắn biển (Hydrophidae). Thân mình rất giống rắn nhưng khác là phần đuôi dẹp dần về phía sau như một mái chèo. Trong 15 loài đền có mặt tại vùng biển Việt Nam thì hầu hết đều có nọc độc, trong đó có một số loài được coi là cực độc so với rắn trên cạn, nhưng đền chỉ cắn người khi cần phải tự vệ... Những loài đền chúng ta thường gặp là: đền cơm, đền mỏ, đền vết...

Do tác hại khác nhau của nọc độc từng loại rắn, cho nên khi một người bị rắn cắn, các bạn hãy cố gắng xác định đó là loài rắn gì? Độc hay không độc? Nếu là rắn độc thì nó thuộc loại nào?

DỰA VÀO VẾT CẮN

Rắn độc: rắn độc thường để lại hai vết răng nanh sâu, ít chảy máu nhưng rất đau nhức và sưng tấy, nọc càng ngấm thì càng đau và sưng nhiều, chỗ hai vết nanh bầm tím.

Rắn không độc: Vết cắn của rắn không độc thì để lại đầu của hai hàm răng, nhưng không thấy dấu của răng nanh, vết cắn chảy máu.

Một loại rắn độc đều có một cấu trúc răng và móc độc khác nhau, cho nên vết cắn để lại trên mình nạn nhân cũng khác nhau, nếu có kinh nghiệm, dựa vào dấu răng, người ta có thể chẩn đoán loại rắn đã cắn.

DỰA VÀO ĐỊA THỂ

Theo tập tính và nơi ở của rắn, chúng ta thường gặp

Rắn hồ nơi đồi núi, gò đồng, bụi rậm, nơi cao ráo... Khi cắn, thường ngóc cao, bành cổ, thở phì phì.

Rắn mai gầm thường sống nơi ẩm ướt, ban đêm thường kiếm ăn theo bờ ruộng ẩm.

Rắn lục xanh thường sống nơi bờ cỏ, bụi cây.

Rắn chàm quạp thường sống ở các vùng đất đỏ, đồn điền cao su, rừng cát ven biển... hay nằm bên lề đường, ban đêm khi gặp người đi ngang thì phóng tới cắn và ngậm rất chặt, phải đá mạnh chân mới văng ra, cắn xong răng còn dính lại. Ban ngày, chàm quạp chỉ cắn khi cần tự vệ, cắn xong là bỏ chạy ngay nên không để lại răng.

DỰA VÀO TRIỆU CHỨNG CỦA NẠN NHÂN

Thành phần hóa học của mỗi loại nọc rắn khác nhau, do đó tác động sinh học trên cơ thể nạn nhân cũng khác nhau.

Người ta thường phân biệt nọc rắn thành hai nhóm chính:

1. Nhóm độc tố máu (hermorragin): Tác động chủ yếu liên hệ tim mạch, gây phân giải hồng cầu, đông máu và chảy máu, làm co huyết quản, gây trụy tim... Gồm nọc của các loài thuộc họ Rắn lục (viperidae). Rắn rung chuông (crotalidac)

2. Nhóm độc tố thần kinh (neurotoxin): Tác động chủ yếu liên hệ thần kinh, hô hấp. Gây liệt tay, liệt cơ hoành, cuối cùng ngạt thở và chết... Gồm các loại Rắn biển (hydrophydac) Rắn hổ (elapidac)

II. TRIỆU CHỨNG LÂM SÀNG GIỮA HAI NHÓM ĐỘC TỐ CẤP CỨU

Khi bị rắn độc cắn, hãy bình tĩnh, càng ít cử động chỗ bị rắn cắn càng tốt. Nếu bị cắn ở chân thì không nên đi lại, ngay cả một bước (nếu điều đó có thể được). Cấp cứu nạn nhân theo trình tự sau:

1. Đặt đai chỉ huyết (garrot) cách vết cắn 5-10 cm về phía tim. (Để cho máu lưu thông nuôi phần dưới) rồi cột lại.

2. Tẩy nọc tại chỗ bằng nước xà phòng, nước vôi, nước phèn, nước có chất chua, chất chát, thuốc tím...

3. Dùng dao nhọn, bén sạch, rạch rộng chỗ 2 vết nanh thành 2 hình chữ thập. Hút máu độc ra ngoài bằng cách nặn tay, dùng ống giác hơi, ống giác cao su, ống tiêm 10cc hoặc dùng miệng (nếu miệng không có vết trầy xước, sâu răng...)

Lưu ý: Nếu vết cắn đã trên 30 phút thì không cần hút, vì không ích lợi gì mà đôi khi còn có hại thêm.



Các bạn có thể dùng “cục hút nọc” bào chế từ một miếng sừng hươu nai hầm lâu trong nồi kín, đặt tại vết cắn để trung hòa lượng nọc.

Tác dụng của nọc rắn nhanh chóng và chỉ xảy ra trong môi trường trung tính hay axit, vô hiệu lực trong môi trường kiềm. Do đó các chất sau đây có tác dụng làm huỷ nọc rắn: Cloramin T, thuốc tím, tanin, saponin, papain (trong mủ đu đủ), bromelin (trong quả dứa) than hoạt tính, dịch tụy tạng, nước vôi, nước javel...

ĐIỀU TRỊ

Tiêm huyết thanh kháng nọc (nếu có)

Cho nạn nhân uống rượu hội và viên hội. Rượu hội thì cứ 10-30 phút uống một chung. Viên hội thì viên đầu cho nạn nhân nhai ra xác đắp vào vết cắn và ngày uống 2 lần, mỗi lần 3 viên, liên tiếp trong 3 ngày.

Vì rượu hội là một bài thuốc rất hiệu nghiệm, chữa được hầu hết các loại nọc rắn, các bạn nên chuẩn bị sẵn trước khi đi thám hiểm hay vào những nơi hoang dã.

Bài thuốc gồm:

- Ngũ linh chi 20 gr
- Xuyên bối mẫu 24g
- Sinh Nam Tinh 24gr
- Bạch chỉ 24 gr
- Quế 24 gr
- Bạch thược 12 gr
- Bạch đậu khấu 24 gr
- Hà thủ ô đỏ 40 gr
- Thanh Phàn 24gr
- Bào sơn Giáp 24 gr
- Hùng Hoàng 40 gr.

Tất cả các vị thuốc trên, tán nhỏ, ngâm với 1,5 lít rượu 35 độ, trong 10 ngày thì dùng được. Nếu cần gấp thì chung cách thủy trong 4 giờ.

Đắp thuốc tại chỗ: Dùng các cây cỏ có tanin như: Ôi, Sim, Mua, Lựu, Sung, Trà (chè) làm ẩm cơ thể: Bằng các loại cây như: Quế, Gừng, Tía tô, Tỏi, Đại hồi, Đinh Hương, É Tía, Lá Lột, Kinh Giới, Trà Đậm.

Chống co thắt phế quản: Dùng các cây như; Cà độc dược, Bối mẫu, Bán hạ, Nam Mộc Hương. Chống đau nhức: Đắp lại tại chỗ những vị thuốc tươi có chất nhầy như; Bông Bụt; Muồng trâu, Mồng toi, Bò ngót, Rau Lang, Nhót hòng gà...

Chống viêm nhiễm về sau; Lá Móng tay, Phèn đen, Vú bò, Xuyên tâm liên, Cam thảo nam, cỏ Lưỡi rắn, Mần trâu, Nghệ, Vòi voi, Sài đất, Đọt sậy.

Khai thông đường dẫn thoát (gan, mật, ruột) Hà thủ ô, Muồng trâu, Đại hoàng, Nghè rằm, rau Má, rau Sam, cỏ Tranh, Dứa dại, Bìm bìm, Rau Đắng

CÁC BÀI THUỐC TRỊ RẮN CẮN**Bài thuốc số 1**

- 20 gr bù ngót (hoặc rau răm hay cây Kim vàng)
- 5 gr Phèn chua

Tất cả bỏ chung giã nhuyễn, vắt nước uống, xác đắp lên vết cắt.

Bài thuốc số 2:

- 6 → 7 lá trà
- 1 quả cau
- 1 chút vôi ăn trầu
- 1 miếng Quế bằng nửa ngón tay út giã nhuyễn tất cả trộn chung cho véo miệng nhai, nuốt lấy nước cốt. Hoặc giã ra vắt lấy nước uống.

(Trích trong Dược Lý Trị Liệu của GS Bùi Chí Hiếu)

Bài thuốc số 3:

Đào lấy một nắm cỏ cú (cỏ gấu) giã lấy nước hòa với nước trà chanh cho uống. Rất hiệu nghiệm (đây là một trong những bài thuốc) quý trong dân gian.

Bài thuốc số 4:

- Hạt hồng bì sấy khô 100gr
- Hạt hoặc lá vông vang sấy khô 100gr
- Hoa hoặc lá bông báo sấy khô 100 gr

Các thứ trên tán thật nhỏ, đóng gói nylon, cứ 25gr một gói, bảo quản nơi khô ráo. Khi dùng thì hoà với 100 ml cồn 75 độ hay rượu 45 độ lắc cho tan thuốc. Dùng bông chấm thuốc bôi đón chặn quầng đỏ (do chạy nọc) từ phía trên bôi dần xoáy tròn ốc đến vết cắn. (không bôi lên vết cắn), cách 10-15 phút bôi một lần. Khi quầng đỏ giảm thì 2-3 giờ bôi một lần.

Đây là bài thuốc gia truyền của dân tộc Mường. Đã từng ứng dụng nhiều nơi, kể cả trong quân đội, đều có kết quả rất tốt.

Bài thuốc số 5:

- Hạt đậu nọc (còn gọi là đậu độc, đậu rùng).

Mọc hoang ở trong rừng. Tên khoa học chưa được xác định rõ. Thuộc loài Mucuna, họ Đậu (Fabaceae).

Là một loại dây leo thân gỗ, lá giống như lá sắn dây. Hoa mọc chùm màu tím đen. Trái giống bao đựng kiếng đeo mắt, màu đen, có lông phủ, chứa khoảng 4 hạt to gần bằng hạt mít. Vỏ hạt cứng, bóng có vân loang lỗ trông rất đẹp, có một đường sống màu nâu chạy dài trên một nửa mép hạt.

Cách dùng: Khi bị rắn độc cắn, dùng hạt bỏ đôi dọc theo đường sống giữa (sau khi đã nặn máu, sát trùng. Lấy nửa hạt đắp mặt trong vào vết cắn băng lại, nếu hết nọc hạt tự bong ra. Sau 10-12 giờ mà vẫn còn sưng thì thay tiếp nửa hạt đậu khác.

CHÚ Ý: Hạt có chất độc, không được uống.

THÍCH HUYỆT:

Trường hợp rắn độc cắn vào bàn tay. Làm cho bàn tay và bàn chân sưng phù, càng to... Hãy dùng kim lớn (kim tam lăng hay kim tiêm lớn bằng thép không rỉ) thích cho dịch độc tiết nhanh ra ngoài, tránh gây hoại tử.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Bàn tay sung phù thì thích vào huyết Bát tà (bên tay sung)

- Bàn chân sung phù thì thích vào huyết Bát Phong (bên sung)

Vị trí huyết Bát tà: Ở các khe ngón tay trên chỗ thịt trắng đỏ giao nhau, mỗi tay có 4 huyết.

Vị trí huyết Bát Phong: Ở các khe ngón chân bờ trên chỗ thịt trắng đỏ giao nhau, mỗi chân có 4 huyết.

Phương pháp thích: Sát trùng kim thích và vùng huyết. Bàn tay hay bàn chân bên sung để xuôi. Tay phải cầm kim thích nhanh vào các huyết định châm, mũi kim hướng lên mu bàn tay hay bàn chân. Tùy theo sung to hay nhỏ để quyết định thích sâu hay cạn (từ 5-15 mm). Làm cho dịch độc (có thể lẫn cả máu) chảy xuống là được. Sau khi thích xong, dùng tay nhẹ nhàng ép cho dịch chảy xuống. Nếu sau đó, dịch độc tăng làm sung trở lại thì tiếp tục thích như trên. Một ngày có thể thích 2-3 lần. Sau 1-2 ngày sẽ bớt sung

Khi thích huyết, đồng thời nên cho uống các bài thuốc giải nọc.

CÁC MÔN THUỐC NGOẠI KHOA

* Nếu giết được con rắn, sau khi đã thực hiện các biện pháp cấp cứu, mổ ruột con rắn lấy gan và mật đắp lên vết cắn, sẽ nhanh chóng giảm đau.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

* Bắt 7 - 9 con rệp nuốt sống với nước sôi để nguội, sau 10 phút sẽ giảm đau nhức. Những người đi rừng thường bắt rệp bỏ vào chai nhỏ mang sẵn theo trong mình, nếu bị rắn cắn thì lấy ra uống đồng thời bóp nát vài con rệp bôi vào vết cắn để cấp cứu.

* Dùng dịch âm đạo của phụ nữ bôi lên (có thể các bạn sẽ cười nhạo hai cách trên đây, nhưng tác giả đã thấy tận mắt trên 3 người được cứu bằng những phương pháp này).

* Tìm một trong những cây sau đây, nhai hay giả với muối, vắt lấy nước uống, bã đắp lên vết cắn: Bồ cu vẽ, Bầy lá một hoa, Chua ngút, rế và lá Đu đủ, Răm nghề, Cát đằng, ban nhật. Ớt...

ĐỀ PHÒNG RẮN CẮN

Thông thường thì rắn không chủ động tấn công người, trừ trường hợp phải tự vệ. Rắn hay ẩn nấp trong các lùm cây, bụi cỏ, đồng lá ủ, trên các cành cây, ven bờ nước... Khi di chuyển trong các khu vực nghi ngờ có rắn, các bạn nên:

- Cần thận xem chỗ mà mình sắp đặt chân xuống

- Dùng cành cây khua khắng vào bụi rậm trước khi thọc tay chân vào để lấy vật gì hay hái trái cây.

- Mang giày ống hoặc mặc quần áo rộng, dài, dày...

- Cần thận trước khi mang giày hay mặc quần áo, vì rắn có thể ẩn nấp trong đó.

- Tìm hiểu các tập tính và biết các phân biệt các loại rắn, nhất là rắn độc.

- Biết các sơ cứu và điều trị khi bị rắn cắn.

GHI CHÚ: Sở dĩ chúng tôi đề cập khá nhiều về mục **RẮN CẮN** là do ở nơi hoang dã, các bạn dễ bị rắn cắn hơn là bị các loài thú khác tấn công. Khi bị rắn cắn, các bạn cũng rất dễ bị tử vong nếu không biết cách cấp cứu và điều trị. Hiện nay trên thế giới, số người bị rắn cắn hàng năm lên đến hàng chục, thậm chí hàng trăm ngàn người và tỷ lệ tử vong cũng rất cao, trong khi số người bị mãnh thú tấn công không có là bao.

* **Lưu ý:** Đa số những người bị rắn không độc cắn đã được “điều trị thành công” bằng các dược thảo gia truyền, do đó có sự ngộ nhận về hiệu lực của thuốc, các bạn nên cẩn thận.

CÁ SÁU VÀ THẦN LẦN HẠT (Gila monster)

Trong lớp bò sát, còn có hai loài có thể gây nguy hiểm cho chúng ta là cá sấu và thần lần hạt. **Cá Sấu:** Các loài cá sấu (lớn hay nhỏ) thường sinh sống trong những vùng hoang vu trên thế giới, trong các đầm lầy, các dòng sông... và có một loài sấu rất lớn sống ven bờ biển, hoang đảo. Cá sấu ít khi chủ động tấn công người ở trên cạn, trừ khi bị khiêu khích, nhưng nếu các bạn đang vùng vẫy dưới nước là một chuyện khác, nó sẽ trở thành hung thần.

Bộ cá sấu (Crocodylians): có 3 họ: 1. Họ cá sấu chính thức (Crocodylidae): có 3 giống là *Crocodylus*, *Osteolemus* và *Tomistoma*. 2. Họ mãnh ngạc (*Alligatoridae*): gồm 4 giống: *Alligator*, *Caiman*, *Melanosuchus* và *Paleosuchus* 3. Họ cá sấu mõm dài (*Gavialidae*); chỉ có một loài duy nhất sống ở Ấn độ gọi là cá sấu sông Hằng (*Gavialis gangeticus*) Ở Việt Nam các bạn thường gặp 2 loại cá sấu là: 1. Cá sấu xiêm (*Crocodylus siamensis*). Là loài sấu nhỏ, dài khoảng 3m, thân màu xám, đầu ngắn và rộng, sống ở nước ngọt. 2. Cá sấu hoa cà (*Crocodylus porosus*). Loài cá sấu có thể dài hơn 8m, thân màu vàng có xen lẫn vảy đen, đầu dài và thuôn, sống ở vùng nước mặn, ven biển. Ngoài ra, chúng ta còn nhập khẩu của Cuba loài sấu bàn cờ (*Crocodylus rhombifer*) để nuôi.

Thần lần hạt: chỉ thấy ở vùng Nam Mỹ, Trung Mỹ và Mexico. Loài thần lần có nọc độc này khi cắn cũng gây chết người như các loài rắn độc. Xử lý cũng như khi bị rắn độc cắn

* **LƯU Ý:** Các loài bò sát (kể cả những loài có nọc độc) đều ăn được và rất ngon. Tuy nhiên khi làm các bạn cũng nên cẩn thận khi làm thịt. Nên chặt bỏ đầu và lòng ruột, chôn sâu xuống đất để phòng dẫm phải.

NGUY HIỂM Ở DƯỚI NƯỚC

Ở dưới nước, ngoài các loại đèn và một số rắn độc như đã trình bày trên, các bạn còn có thể gặp một số nguy hiểm khác như bị cá sấu, cá mập, cá piranha... tấn công, bị chạm vào

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

xúc tu của các loài sứa làm bỏng rát, liệt cơ... bắt nhảm cá chình hay cá đuối điện bị điện giật, ăn trứng cá nóc hay ốc độc có thể vong mạng... Chúng ta thử điểm qua một số loài có thể gây nguy hiểm cho chúng ta. CÁ MẬP: có tới 354 loài cá mập, nhưng trong đó chỉ có chừng 30 loài là thực sự nguy hiểm đối với con người, đứng đầu danh sách này là cá mập trắng, cá mập xanh, cá mập hô, cá mập đầu búa... Riêng ở Việt Nam chúng ta có thể gặp một số cá mập ngoài những loài đã kể trên như: Cá mập đen, cá mập béo, cá mập kiếm, cá mập giống, cá mập cào, cá mập xà...Sở dĩ cá mập trở thành “Hung thần biển cả” là vì ngoài tính hung dữ, phàm ăn, sức khỏe... thiên nhiên còn phú cho nó những bộ phận phát triển rất hoàn hảo để phát hiện và định vị con mồi.

Chúng còn rất tò mò, có việc gì xảy ra trên biển là chúng tới ngay để “tìm hiểu”. Có khi chúng bơi sát tới gần và cọ vào vật lạ (da cá mập rất nhám, có thể gây thương tích) hoặc ngoạm nhẹ để thăm dò, nếu các bạn bị chảy máu là coi như là một miếng mồi ngon của nó. Cá mập còn tấn công con mồi theo mùi nước tiểu hay những động vật có cử động không bình thường. Nguyên nhân chủ yếu cá mập tấn công người không phải chỉ do đói mà còn do bị kích động như người thấy mùi máu tanh, mùi thức ăn ném xuống biển, nghe những tiếng va chạm của tàu thuyền, tiếng nổ... Phòng chống cá mập:

* Những người bị thương chảy máu không được xuống nước.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

* Không ném những vật có máu hay có mùi máu xuống biển vì như thế sẽ thu hút cá mập đến.

* Không bỏ rù tay chân xuống nước ở hai bên mạn xuống, vì cá mập có thể tấn công bất ngờ.

* Không cởi bỏ áo quần khi ở trong vùng có cá mập, để phòng lớp da thô ráp của cá mập cọ phải làm bị thương chảy máu.

* Cởi bỏ những vật lấp lánh và phát sáng như đồng hồ, dây chuyền, huy chương, chìa khóa.

* Bơi nhẹ nhàng, mềm mại, uyển chuyển, tránh những động tác mạnh bạo làm kích động cá mập.

* Khi thấy cá mập lượn vòng thì thường đó là dấu hiệu chuẩn bị tấn công, phải nhanh chóng lên thuyền hay lên bờ ngay.

*Cá mập thường tấn công vào thời điểm các bạn rời khỏi mặt nước (lúc người còn nửa trên nửa dưới). Vì vậy, các bạn cần nắm chắc thời cơ, khi thấy cá mập sẽ tấn công không kịp thì lập tức lên xuống hay lên bờ ngay.

* Nếu thấy cá mập bơi về hướng mình thì không được hoảng sợ bơi tháo chạy (chắc chắn các bạn không thể nào bơi nhanh bằng cá mập) làm như thế chỉ kích thích tính hung hãn của cá mập mà thôi. Nên bình tĩnh tìm cách đối phó như dùng súng bắn (nếu có) dao đâm, gây chọc... Nếu tay không thì dùng nắm tay nắm chặt vẻo mũi cá mập hay đuổi thẳng hai

ngón tay chọc mạnh vào mắt nó. Tiếng thét lớn và mạnh cũng làm cho cá mập hoảng sợ bỏ chạy.

* Sau hết, các bạn không nên đi bơi ở những vùng biển sâu, vùng biển có cửa sông, nhất là thời gian từ chập tối đến rạng sáng. CÁ PIRANHA: Những con ác quỷ này có gần 60 loài, tất cả đều thuộc họ Serrasalmidac. Loài lớn nhất có thể dài đến 60 cm nặng 10 kg, loại nhỏ 10 cm, có nhiều màu khác nhau. Cá Piranha sống ở sông, hồ, ao, đầm lầy... vùng Nam Mỹ, từ Venezuela cho đến Bắc Brazil. Đây là một loại cá cực kỳ hung dữ, ăn tạp, sống thành bầy đàn, nhanh nhẹn, tinh khôn, có hàm răng rất khỏe và sắc như dao để xé thịt. Kích thước của con mồi không có ý nghĩa gì với chúng, nhất là khi con mồi (người hay vật) đang bị chảy máu. Với một con mồi nặng khoảng 10kg chỉ sau 5 phút là con trở lại bộ xương. Ngay cả khi đã bị bắt, cá Piranha vẫn còn có thể cắn người. Vì vậy, không nên lội qua những nơi có cá piranha, nhất là khi đang bị thương, có máu chảy. Cũng may mà ở Việt Nam không có loại cá này.

CÁ ĐIỆN Có khoảng 50 loại cá phát ra điện để săn mồi và tự vệ, những con cá này được gọi là cá điện.

Các ngư dân ở nước ta rất sợ một loài cá đuối đặc biệt: cá đuối điện (Torpedo = Cá thụt). Khi đã câu lên thuyền rồi nếu lỡ chạm phải là bị giật cho té ngã. Người ta đo được điện thế loài cá này là 360V Cá chình điện ở Nam Mỹ có thể mang

điện thế đến 600V, sống ở sông Ampazon và sông Orinoco, cá chình điện có thể dài hơn 2m và nặng khoảng 20 kg.

Cá trê điện dài gần 1m, được tìm thấy ở những vùng nước ngọt Châu Phi. Loài cá này gây những cú sốc điện mạnh gần bằng cá chình điện. Loài cá điện nhỏ gọi là cá “trùng sao” không dài hơn 30 cm, thường vùi mình trong cát để phục kích các con vật nhỏ. Khi đụng đến nó, sẽ bị giật làm cho tê liệt và dễ dàng biến thành mồi cho nó.

CÁC LOẠI CÁ CÓ GAI ĐỘC.

Một số loài cá mang trên mình gai độc để tự vệ, những loài cá này các bạn có thể ăn thịt, nhưng khi đánh bắt thì phải thận trọng, điển hình cho loài này là:

Cá đuối gai: Loài cá có một hay hai cái gai nằm ở đuôi, gần cuối cơ thể, đầu gai có những tuyến chứa. Cá thường ẩn mình dưới cát rất khó thấy, khi bị khiêu khích hay vô tình dẫm phải, nó sẽ quất mạnh đuôi vào đối thủ, gây đau đớn, nhức nhối và tê liệt cho kẻ thù.

Cá ngát: Có hình dáng giống như cá trê nhưng to lớn hơn. Được trang bị những cái gai sắc nhọn hai bên hông và trên lưng. Nếu các bạn bị các loại cá này dẫm phải, thì sẽ bị nhức nhối vô cùng.

Cá mâu (mặt quỷ), cá đá: Sống ở vùng biển Đông Nam Á và châu Đại Dương, thường ẩn mình trong các hốc đá và bụi rong. Không có vây, nhưng cơ thể chúng được bao bọc bằng những gai sắc nhọn có chứa nọc độc. Nọc độc của các loại cá

này (nhất là cá mâu lửa) có thể gây hoại thư, thậm chí có trường hợp chết người.

Cá rồng biển: Thường sống ở các vùng biển châu Âu, thịt ngon nhưng có nọc độc ở gai nắp mang và vây trên lưng. Khi bị chích thì rất đau buốt và có thể làm chết người. Theo kinh nghiệm của ngư dân, khi bị cá rồng đâm vào, thì lập tức xoa vết thương lên cát hay bôi mỡ hoặc cấp cứu như khi bị rắn cắn.

Cá dầy (Scorpena): Loài cá này cũng chứa nọc độc trong các vây khiến cho vết thương rất đau buốt. Ngoài ra, chúng ta còn gặp ở Việt Nam những loài cá quen thuộc có gai độc như: cá trê, cá úc, cá chột, cá ngát sọc, cá nâu, cá rì, cá vượt... và một số cá có mặt ở một số vùng trên thế giới như: cá monk, cá surgeon, cá zebra, cá weever, cá thom...

CÁC LOÀI CÁ CÓ CHẤT ĐỘC:

Cá nóc: Hiện nay, người ta đã thống kê được khoảng 60 loài cá nóc, phân nửa trong số này có chứa độc tố bên trong. Ở nước ta có khoảng 20 loài cá nóc, một số loài sống ở nước ngọt như: cá nóc Mít, cá nóc Vàng... Nhưng phần nhiều là cá nóc sống nước mặn như: cá nóc Hòm (Hùm), cá nóc nhím, cá nóc Mú, cá nóc Gáo, cá nóc Tàn Nhan, cá nóc Rắn, cá nóc Phi (Trương Phi), cá nóc Thu... Trong số đó có 2 loài cực độc, ngư dân không dám đụng đến là cá nóc Phi và cá nóc Thu. Số còn lại, nếu biết cách làm và nấu, có thể ăn được.

Cá nóc là loài có mình tròn, thân ngắn, có nhiều gai, không cá vảy hay vảy kém phát triển, mắt lồi, miệng nhỏ có răng gắn với nhau thành tấm lưng màu nâu hoặc xanh hay vàng tùy theo loại cá, bụng trắng. Đặc biệt khi gặp nguy hiểm thì ngậm hơi và phình bụng to ra như quả bóng. Trong mình cá nóc mang những chất cực độc như là terrodotoxin, ciguatoxin, ciguaterin... tập trung chủ yếu ở gan, ruột, và cơ bụng, nhất là từ tháng Hai đến tháng Bảy là mùa sinh sản. Mặc dù một vài loại cá nóc là đặc sản (cá nóc Nhím, cá nóc Mú, cá nóc Hòm...) thịt ăn rất ngon. Nhưng nếu các bạn không phải là tay chuyên nghiệp thì nên tránh xa, cho dù nó có thơm ngon và hấp dẫn đến đâu đi nữa. Khi bị trúng độc cá nóc, trước tiên, thấy tê lưỡi và môi, rân rân đầu ngón, tay ngón chân như kiến bò, tiếp theo là nôn mửa, nhức đầu choáng váng, khó chịu ở trán và tròng mắt, đồng tử giãn, da tím, thân nhiệt và huyết áp hạ. Sau 2 giờ, nếu không cứu chữa, toàn thân sẽ bị tê liệt, lỵ, giọng, hàm cứng (nhưng vẫn tỉnh táo) chỉ trước khi chết mới bất tỉnh, liệt hô hấp rồi chết (tỷ lệ tử vong 60%). Nói chung, nếu sau 24 giờ mà vẫn còn sống thì có cơ may cứu thoát. Theo kinh nghiệm dân gian, độc cá nóc có thể giải bằng nước dừa, nước quả trám, nước rễ rau muống. Nướng trái bông vải rồi sắc uống. Đắp muối toàn thân chỉ chừa mắt mũi. Cho uống than hoạt tính hay dùng 2 muống canh tro thực vật pha trong 1 lít nước để lắng rồi cho uống. Nhưng cũng còn tùy theo nhiễm độc nặng hay nhẹ.

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

Các loại cá khác: Khi khảo cứu về độc tố của các sinh vật biển, nhiều nhà sinh vật học rất bối rối. Có nhiều loại cá chưa bao giờ nghe nói ăn mà bị trúng độc, thế mà lại có thể gây họa. Một số có độc ở vùng này nhưng không độc ở vùng khác, một số chỉ gây độc vài ba tháng trong năm. Cá chình: Ở vùng biển Hắc Hải, đã có hàng ngàn người chết vì cá chình biển, trong khi ở Đông Nam Á là một món đặc sản. Nhiều nghiên cứu cho thấy chất độc nằm trong máu, có lẽ do cá ăn những sinh vật mang trong mình nhiều độc tố ở trong vùng sinh trưởng của nó. Đây cũng là một loại cá dữ, hay cắn người.

Cá lịch (maraelae): là một loài tương tự như cá chình, sống ở Địa Trung Hải, Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương, thịt rất ngon nhưng máu rất độc. Độc chất đôi khi còn thấy hiện diện trong máu của các loài cá miệng tròn, cá tinca, cá chép, cá ngừ, cá đuối điện... Một số loài cá cũng chứa chất độc trong trứng như cá Cung (schizothorax) cá Dưa Chuột (diptychus)... có thịt lành và có giá trị kinh tế ở vùng Trung Á, nhưng trứng của nó rất độc, cho nên trước khi chế biến, phải bỏ hết nội tạng.

Ngay cả loài cá nhồng (barracudas) mà chúng ta vẫn thường ăn, nhưng vẫn có nhiều người bị trúng độc, tê miệng, ngứa môi phải đi bệnh viện.

ỐC ĐỘC: Loài ốc sên biển hình nón (contesnail) có vân cẩm thạch nhìn rất đẹp, nhưng xin chớ lầm, nếu giẫm phải

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

chúng, sẽ bị tiêm những ngòi nọc, độc không thua nọc rắn hổ, rất đau đớn và có thể chết người.

SAM ĐỘC: Loài Sam (còn gọi là cua móng ngựa) thường sống ở vùng cát pha bùn ven bờ biển, có thịt và trứng ăn rất ngon, nhưng các bạn phải cẩn thận với những con Sam bắt được ở vùng nước lợ (ngư dân gọi là Sam lông hay con So) có kích thước nhỏ hơn, mình nhiều lông, đuôi tròn (thay vì tam giác như Sam thường) đi lẻ (không bắt cặp), thịt rất độc, chết người, không thể ăn được. Ngoài ra, nếu các bạn bắt được những con cua mà thấy hơi dị dạng, bẻ que ra mà thấy có chất lỏng như mủ thì đừng ăn.

SỮA, THỦY CẦU:

Sữa: Là một sinh vật gần như trong suốt, có thân hình như một cái dù, màu trắng, xanh lơ hay hồng, có hay không có điểm những chấm màu nâu, đỏ. Các loại sữa thường thấy ven biển nước ta là sữa Rô, sữa Sen, sữa Lửa... Là một loại thực phẩm khá phổ biến của ngư dân, nhưng nếu bạn bị nó chích khi đang bơi lội thì rất đau đớn như bỏng rát, có thể bị liệt cơ, nên rất nguy hiểm. Nhưng nguy hiểm nhất là các loài sữa sau đây:

Thủy cầu và sữa Hộp: Thủy cầu có tên khoa học là Physalia physalis. Là một sinh vật trông giống như sữa nhưng có những cánh tay rất dài và mềm, lòng thông chìm sâu trong nước. Trên mỗi cánh tay có nhiều hấp khẩu chứa đầy chất độc nguy hiểm hơn nọc rắn.

Do tác động với lân tinh trong nước biển, chúng phát ra muôn ngàn màu sắc rực rỡ. Trước đây, một đoàn thủy thủ Anh đang tuần tra ven biển Bồ Đào Nha, trông thấy một khối ánh sáng lấp lánh đủ màu, họ cho đây là chiến thuyền của Bồ Đào Nha nên đánh tín hiệu chào nhưng không thấy trả lời. Sau đó, họ khám phá ra đây chỉ là một đàn thủy cầu. Từ đó người ta quen gọi nó là “Chiến thuyền Bồ Đào Nha” (PORTUGUESE MAN OF WAR) mà quên hẳn tên nó là Thủy cầu hay Physalia physalis. Thủy cầu thường trôi nổi bèo bồng trên dòng Gulf Stream, Bắc biển Caribe đến Nova Scotia, nó còn lảng vảng trên Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Những tay bơi lội ngoài biển mà gặp phải thủy cầu thì kể như khó mà sống sót. Vì thế người ta còn gọi nó là TỬ THẦN CỦA BIỂN. Sứa hộp (Chironex Fleckeri): Tên sát nhân của biển này đã có một danh sách nạn nhân khá dài, phần lớn là trẻ em ở ven biển Bắc Úc, nó còn có họ hàng ở Châu Phi, Trung Mỹ... Nó đã thoát khỏi sự nhận diện của các nhà khoa học cho mãi đến năm 1956. Một con sứa hộp có khoảng 60 xúc tu trông như một mớ dây hỗn độn, trong đó chứa hàng tỷ túi chất độc hơn cả rắn hổ mang, đủ sức giết chết 20 người đàn ông khỏe mạnh. Nếu xúc tu của chúng tiếp xúc đúng mức, nạn nhân sẽ chết sau 2-3 phút. Khi bị tiếp xúc với sứa hộp mà còn sống sót, thì người ta dội dấm lên mình của nạn nhân để cấp cứu. Những nguy hiểm khác: Khi bơi lặn ở dưới nước, ngoài các động nguy hiểm như

đã kể trên, các bạn còn có thể gặp một số sinh vật có thể gây thương tích thậm chí nguy đến tính mạng của các bạn như:

Hàu đá: Bám rất chắc vào những tảng đá ven biển, có cạnh rất sắc bén. Nếu các bạn trượt chân té trên những tảng đá có hàu bám, chắc chắn sẽ có những vết thương nhớ đời.

Ốc đinh, ốc kèn: Có thể luộc ăn được, nhưng nếu giẫm lên nó là thủng chân, vì đít của nó rất nhọn. Cầu gai hay nhím biển: Thường gặp ở rìa đá ngầm vành đai san hô... có gai dài và nhọn mang chất độc gây lở loét.

Sò nón khổng lồ: Có nhiều ở quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa của nước ta và vành đai san hô nước Úc... Đây là một loài sò khổng lồ, có khi to hơn cái nón lá, thịt ăn được. Nhưng nếu bạn cho tay vào hay vô tình giẫm chân vào là nó kẹp dính bạn cho đến lúc bạn chết đuối. Nếu muốn lấy thịt nó, trước hết các bạn phải chêm hai mảnh vỏ lại bằng cây hay đá. Nhện độc: Trong các loài côn trùng độc, có lẽ nhện là con vật mang mầm độc cao nhất. Có những con nhện chỉ với một vết cắn bé tí xíu, với một chấm chất độc bằng đầu kim, đủ để giết chết một con người. Tuy nhiên, trong số 40.000 loại nhện khác nhau, chỉ có độ 100 loại với nọc độc có khả năng gây khó chịu cho con người, nhưng chỉ có khoảng 10 loại là thật sự nguy hiểm. Tiêu biểu nhất là “góa phụ đen” (Black Widow). Đây không phải là loại nhện độc nhất, nhưng nó đông đúc và phổ biến ở vùng Châu Mỹ. Chỉ có nhện cái mới đe dọa con người. Ảnh hưởng của vết cắn đến sau 1-2 giờ. Nạn nhân co

giật liên hồi và bị ngẹt thở, có khi nạn nhân hoảng loạn thần kinh la hét sợ hãi, cho dù nọc của nó hiếm khi làm chết người nhưng nó vẫn rất nổi tiếng.

Ở Châu Mỹ còn có một loại nhện độc cũng khá đông đúc nữa đó là nhện nâu (Brown Recluse) có nọc độc như “goá phụ đen” và còn gây hoại thư.

Tuy nhiên, hai loài nhện trên cũng còn thua xa loài nhện Funnel- Web ở Sydney nước Úc cả về nọc độc lẫn tính hung hăng của nó.

Với bộ nanh dài gần 1 cm, loài nhện cực độc này tấn công mọi sinh vật mà nó gặp trên đường đi. Chỉ vài phút sau khi bị cắn, chất độc sẽ tác dụng lên cơ của nạn nhân, khiến lưỡi bị co thắt, dốt dãi chảy lòng thòng, nạn nhân nôn mửa, toát mồ hôi, khó thở, huyết áp tăng, các bắp thịt quằn quại như thể có đàn rắn nằm dưới da. Với một vết cắn của Funnel- Web, có thể giết chết một em bé sau vài giờ hoặc một người lớn sau vài ngày. Ở nước Úc, còn có những loài nhện cực độc khác như (Phoneutia fera) có nguồn gốc từ Nam Mỹ. Loài Atrax robustus cũng là một trong số 37 loài Funnel Web cực độc... Ngoài ra, chúng ta cũng phải kể thêm loài nhện Loxosceles ở châu Mỹ, loài Tarantula ở rừng Amazon, tuy ít độc hơn các loài trên, nhưng không kém phần nguy hiểm. Con rết (rít, ngô công):

Cơ thể của rết thường là nhỏ, nhưng cũng có con dài tới 25 cm. Thân dẹt, bao gồm khoảng 20 đốt, mỗi đốt mang một

đôi chân. Đầu ngắn, miệng nằm giữa hai hàm trên. Đôi chân thứ nhất biến thành răng hàm có móc chứa nọc độc. Rết thường ẩn núp dưới các tảng đá, thân cây, lá cây, vỏ cây mục, cỏ khô, rác ẩm... Chúng hoạt động chủ yếu về đêm. Khi bị rết cắn, tuy không làm chết người, nhưng sưng nhức và đau đớn, có thể gây sốt, khó chịu vô cùng. Các bạn hãy dùng một trong những phương pháp sau đây:

- Bôi vôi hạt quít (tắc, kim quít) đắp vào vết cắn.
- Lấy lá bạc hà, húng chanh, rau sam. Giã đắp vào vết cắn.

- Nhai nhỏ một tép tỏi, đắp vào chỗ cắn. Đưa chỗ bị cắn vào gần ngọn đèn hay lửa cho thật nóng (không để bị phỏng) để yên vài phút, sẽ giảm đau ngay.

- Bắt một con nhện nhà (tri thù) còn sống, để vào chỗ bị cắn; nó sẽ hút hết nọc. Bọ cạp: Ở Việt Nam, chúng ta thường gặp 2 loại bọ cạp là: bọ cạp núi và bọ cạp củi. Bọ cạp núi: Là loại lớn, dài khoảng 12cm, mình màu xanh, đen bóng. Thường gặp ở rừng núi, hải đảo, đất hoang... Tuy to lớn nhưng chích không đau nhức bằng bọ cạp củi.

Bọ cạp củi: Là loại nhỏ chỉ dài từ 5-6 cm có màu nâu xám (giống màu vỏ cây). Thường ẩn mình dưới các tảng đá, đóng cây, hốc cây, khe núi... và cũng hay chui vào các đồ áo quần, giày dép... Loài bọ cạp này chích rất đau nhức, nhất là khi nó đang có chứa. Điều trị bọ cạp chích cũng giống như khi bị rết cắn. Ong đốt: Thông thường thì loài ong ít khi tấn công

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

người, trừ khi chọc phá hay bị khiêu khích. Khi ong bay đến gần chúng ta, không nên dùng tay xua đuổi, vì như thế chúng cho là tấn công. mà nên bình tĩnh, không phản ứng bằng hành động, tự nó sẽ bay đi.

Các loài ong có ngòi độc thường gặp ở Việt Nam và một số nước trên thế giới là: ong đen, ong vàng, ong lá, ong mật, ong khoái, ong ruồi, ong sắt, ong bầu, ong vò vẽ, ong bắp cày, ong ngựa, ong đất, tò vò... Mỗi loài đều có nọc độc cũng như tập tính khác nhau. Thí dụ: Ong bầu: là loại ong có vết đốt gây nguy hiểm nhất trong các loài ong vì nó chứa một lượng lớn nọc độc và vòi chích của nó rất dài, có thể xuyên thẳng đến mạch máu. Ong vò vẽ: loại ong này khá dữ tợn, vết đốt rất đau nhức và nó có thể đốt nhiều lần vì kim chích của nó không bị dính lại ở da kẻ bị đốt. Ong khoái: là một trong các loại ong mật, rất phổ biến trong các cánh rừng tràm ở miền Tây Nam Bộ. Có cơ thể to hơn các loài ong mật khác và cũng dữ tợn hơn. Vòi chích của nó dính lại ở da người bị đốt, cho nên sau khi đốt, nó sẽ chết. Ong đốt tuy rất đau nhức, nhưng không nguy hiểm đến tính mạng, trừ khi bị đốt một lúc từ 50 con trở lên hoặc cơ thể người đó bị dị ứng với nọc độc. Khi bị ong đốt, nếu thấy ong để ngòi nọc lại, thì phải nhổ ra, sau đó hãy dùng một trong những phương pháp sau:

- Bôi vôi (ăn trầu) hay kem đánh răng vào chỗ bị đốt
- Tán nhỏ Aspirin rắc lên nơi bị đốt, sẽ giảm đau.
- Dùng hành tươi hay nửa trái chanh chà lên chỗ bị đốt

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Dùng ammoniac hoặc dấm bôi lên chỗ bị đốt.
- Đập chết con ong, xé xác đắp lên chỗ bị đốt.

Ve cắn: Ve này không phải là ve sầu kêu trong mùa hè mà là một loại côn trùng rất nhỏ, có nhiều ở vùng nhiệt đới và á nhiệt đới, cùng loại với bọ chó ở nhà. Bình thường, chỉ bằng đầu cây tăm, khi hút no máu thì phình lên bằng đầu chiếc đũa, đầu giả có gai, khi cắn vào người hay thú để hút máu, gai giương lên bám chặt vào cơ thể nạn nhân.

Khi bị ve cắn, nếu các bạn cầm con ve kéo ra ngay thì đầu giả sẽ đứt dính trở lại trong da thịt, gây nóng sốt và làm ngứa ngáy cả năm mới hết. Muốn tránh điều đó, các bạn nên dùng đầu que nhang, que diêm, điều thuốc đang cháy, chạm vào đít của nó rồi từ từ mới lôi ra để giết, sau đó bôi vôi lên vết cắn. Muỗi: Chúng ta có thể gặp muỗi bất cứ ở nơi nào trên thế giới. Là một giống côn trùng bé nhỏ mà nguy hiểm của nó không do vết đốt gây ngứa ngáy khó chịu mà do những căn bệnh chết người mà nó truyền cho con người như: sốt rét ngã nước, sốt vàng da, sốt xuất huyết... mà chúng ta không còn lạ gì. Bệnh sốt rét do muỗi Anophele truyền sang người khi đốt. Bệnh sốt da vàng do muỗi Aedes. Bệnh sốt xuất huyết do loài muỗi vằn...

Các bạn nên tìm mọi cách để tránh không bị muỗi cắn bằng các cách sau:

- Làm chỗ trú ẩn nơi cao ráo
- Ngủ trong màn nếu có thể

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Đốt lửa hun khói bằng những cây có tinh dầu
- Trát bùn lên cơ thể, những nơi không có áo quần che chở.
- Mặc cả áo quần, giày vớ, găng tay, nếu có thể được.
- Ngâm mình trong bùn không những có thể chống được muỗi mà còn tránh được thú dữ, côn trùng, rắn rết...
- Thoa thuốc chống muỗi (insect repellent) nếu có các loài côn trùng khác: Các bạn còn có thể gặp một số côn trùng khác ở những nơi hoang dã như: Ruồi trâu (mòng) cắn rất đau. Ruồi Tse Tse (ở Nam Phi Châu): gây bệnh ngủ dẫn đến chết người. Ruồi rừng (có nhiều ở Việt Nam): đẻ ấu trùng (giòi) vào các vết thương, gây lở loét, nhiễm trùng... và rất nhiều côn trùng khác mà chúng tôi không thể kể hết.

BẢO VỆ SỨC KHỎE

Như chúng tôi đã trình bày ở những phần trước, trong vùng hoang vu vắng vẻ, nhất là khi chỉ có một mình, nếu bị thương tích hay bệnh hoạn, thì tình cảnh của các bạn thật là thê thảm. Nó sẽ lấy đi của các bạn niềm tin và nghị lực, các bạn sẽ cảm thấy cô đơn, nhỏ bé giữa thiên nhiên bao la, hung hiểm,... Và khi các bạn không còn nghị lực phấn đấu để sinh tồn thì thiên nhiên hoang dã sẽ nuốt chửng bạn. Cho nên các bạn phải làm sao cố gắng hết sức để gìn giữ và bảo vệ sức khỏe.

Các bạn cũng cần phải có một số kiến thức nhất định về một số cây cỏ, động vật, côn trùng dùng để đề phòng và chữa

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

bệnh. Biết giữ gìn vệ sinh cơ thể cũng như vệ sinh khu vực trú ẩn. Biết đề phòng cũng như chữa trị một số bệnh thông thường, nhất là những căn bệnh thường gặp ở những nơi núi rừng hoang vu như: sốt rét, tả, lỵ,... Biết sơ cứu một số trường hợp khẩn cấp.

III. ĐỀ PHÒNG

1. GIỮ GÌN VỆ SINH

** Thân thể:*

- Tắm rửa hàng ngày nếu có thể được.
- Vệ sinh răng miệng (nếu không có bàn chải đánh răng thì dùng vỏ cau khô hay một cành cây dẻo cắn nát một đầu)
- Giặt giữ áo quần, phơi dưới nắng.
- Không để cho côn trùng, ruồi, muỗi,... chích đốt
- * Nơi trú ẩn:*
- Quét dọn trong ngoài sạch sẽ.
- Ánh sáng và thông thoáng.
- Đốt bỏ hay chôn rác rến và chất thải.

2. ĐỀ PHÒNG CÁC BỆNH ĐƯỜNG RUỘT

- Rửa tay trước khi ăn, dùng bốc thức ăn bằng tay bản.
- Ăn thức ăn đã được nấu nướng cẩn thận.
- Uống nước đã được đun sôi hoặc khử trùng.
- Không ăn củ hay trái còn xanh, sống.

- Đừng ăn thức ăn ôi thiu, để lâu.
- Không để ruồi nhặng, côn trùng đậu vào thức ăn.

3. PHÒNG NHIỆT

- Đừng làm việc quá sức dưới trời nắng.
- Đừng ở lâu dưới trời nắng.
- Uống nước sôi để nguội có pha muối (1/2 muỗng cà-phê cho một lít nước) khi ra nhiều mồ hôi.

4. PHÒNG LẠNH

- Sưởi ấm cơ thể mình bằng mọi cách.
- Giữ cho quần áo được khô ráo, nhất là quần áo lót, vớ,... nếu bị ướt, phải hong khô ngay. Không được mặc đồ ướt.
- Mặc nhiều quần áo để giữ ấm (có thể dùng cỏ khô, rêu, da thú, vỏ cây,... đệm giữa các lớp áo quần để chống lạnh).
- Giữ cho tay chân không bị tê cóng.
- Không tắm mưa hoặc tắm nước lạnh quá lâu.

CHỮA BỆNH KHÔNG CẦN THUỐC

Ở đây chúng tôi sẽ không hướng dẫn cho các bạn cách điều trị bằng thuốc Tây (điều này các bạn hãy tự nghiên cứu, vì cho dù nếu muốn, thì nơi hoang dã cũng khó mà tìm ra), mà chúng tôi sẽ hướng dẫn cho các bạn cách tự chữa cho mình

bằng tất cả những gì bạn có hay có thể tìm kiếm được ở nơi hoang dã.

Người ta có thể tự khỏi được phần lớn bệnh tật, kể cả cúm và cảm lạnh thông thường mà không cần đến thuốc men. Cơ thể chúng ta có khả năng bảo vệ riêng của nó để chiến đấu chống lại bệnh tật. Nhiều khi khả năng bảo vệ tự nhiên này lại quan trọng hơn thuốc. Ngay cả trong trường hợp bệnh nặng, cần có thuốc, thì cũng là cơ thể phải chiến thắng bệnh, thuốc chỉ có vai trò giúp đỡ mà thôi. Sạch sẽ, nghỉ ngơi, thức ăn bổ dưỡng là những điều quan trọng và cần thiết để chiến thắng bệnh tật. Nếu các bạn đang ở một nơi hoang dã, thiếu thốn thuốc men, cũng vẫn còn nhiều điều các bạn có thể làm để phòng và chữa phần lớn các bệnh thông thường nếu các bạn chịu khó học cách làm.

Để chiến thắng bệnh tật, trước tiên, các bạn cần có một tinh thần kiên định và một nghị lực vững vàng. Ngoài những yếu tố sạch sẽ, nghỉ ngơi, ăn uống, các bạn cần phải biết cách sử dụng nước cũng như am hiểu một số dược thảo cơ bản.

Nếu các bạn chỉ tìm hiểu cách sử dụng nước cho đúng đắn thôi, thì riêng điều đó cũng có nhiều tác dụng để phòng và chữa các bệnh hơn là tất cả các thứ thuốc mà người ta dùng (không đúng cách) ngày nay.

CHỮA BỆNH BẰNG NƯỚC

Ai trong chúng ta cũng có thể sống mà không có thuốc, nhưng không ai có thể sống mà không có nước. Thật vậy, vì hơn phân nửa (57%) cơ thể của chúng ta là nước. Nếu tất cả mọi người đang sống trong các trang trại, làng quê hay những vùng hoang dã, biết sử dụng nước một cách tốt nhất, thì số bệnh tật và tử vong, rất có nhiều khả năng giảm đi một nửa.

Nhiều trường hợp sử dụng nước đúng cách, có thể có tác dụng hơn là thuốc men. Chẳng hạn, việc sử dụng nước đúng cách, là cơ sở trong cả phòng bệnh lẫn chữa bệnh tiêu chảy. Ở nhiều địa phương cũng như nơi nông thôn hoang dã, tiêu chảy là nguyên nhân thông thường nhất về bệnh tật và tử vong (nhất là trẻ em). Bệnh nhân chết là do cơ thể mất nước trầm trọng. Bị tiêu chảy là do sử dụng nước ô nhiễm. Dụng cụ ăn uống và tay chân không được rửa sạch. Để điều trị tiêu chảy, cần cho bệnh nhân uống nhiều nước (tốt nhất là uống với đường, mật ong hay muối), nó còn quan trọng hơn bất cứ một thứ thuốc nào. Sau đây chúng tôi nêu ra một số các trường hợp khác, mà việc sử dụng nước đúng đắn còn quan trọng hơn việc dùng các loại thuốc.

ĐỀ PHÒNG BỆNH:

1. Tiêu chảy, giun, nhiễm trùng đường ruột.

- Uống nước đã nấu chín, rửa tay sạch sẽ

2. Nhiễm trùng da

- Tắm rửa thường xuyên

3. Vết thương bị nhiễm trùng

- Rửa kỹ vết thương với nước và xà-phòng

ĐỀ CHỮA BỆNH

1. Tiêu chảy, kiệt nước

- Uống nhiều chất lỏng

2. Các bệnh có sốt

- Uống nhiều chất lỏng

3. Sốt cao

- Chườm mát cơ thể

4. Nhiễm trùng nhẹ đường tiêu

- Uống nhiều nước

5. Ho, hen phế quản, viêm phế quản, viêm phổi, ho gà

- Uống nhiều nước và xông bằng hơi nước nóng.

6. Lở, chốc, nấm da, nấm da đầu

- Tắm với nước xà-phòng

7. Vết thương nhiễm trùng, áp-xe, nhọt, đầu đinh

- Đắp nước nóng hoặc chườm nóng

8. Cứng cơ, đau cơ và khớp

- Chườm nóng

9. Phỏng nhẹ

- Ngâm vào nước lạnh

10. Viêm họng hoặc viêm Amidan.

- Súc họng bằng nước muối nóng.

11. Ngạt mũi

- Hít nước muối vào mũi.

MỞ LỚP BÌNH DÂN GIÁO DỤC

I. MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA :

Bất cứ nơi đâu, tại địa phương nào cũng có một số Đồng bào bị thất học vì những lý do này, hay lý do kia, hầu hết số người này thường tập trung ở miền quê nghèo. Việc tổ chức lớp bình dân giáo dục, lớp học tình thương, hay phổ cập giáo dục cấp I, cấp II là một việc làm rất cần thiết, nhưng vấn đề này gặp không ít nhiều những khó khăn, để khắc phục việc này chúng ta cố gắng thực hiện một số công tác.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC :

1. Thủ tục xin phép : Là một Huynh trưởng GDPT (Nếu là một giáo viên lại càng tốt) người này sẽ chịu trách nhiệm xin phép. Ở Tỉnh, đơn xin phép phải qua UBND Tỉnh, kính gửi Ông Giám đốc sở GD-ĐT ở Huyện và UBND Xã vì đây là đơn vị căn bản. Vì như thế, chúng ta có thể xin luôn phòng để mở lớp học.

2. Tổ chức :

- **Ban giáo viên :** Dù là tổ chức một lớp học vỡ lòng, nhưng chúng ta cũng phải có vài người luân phiên trong giảng dạy. Hay nói rõ hơn, khi tổ chức một lớp học ban đêm, ngoài ban điều hành, việc phân công cho Ban giảng dạy rất cần thiết. Điểm cốt yếu là chúng ta phải có vài người dự khuyết trong Ban điều hành để thay thế trong công việc vì những lý do bất khả kháng có thể xảy ra. Điều kiện mời nhân viên giảng dạy là những người thiện chí, nếu các Đoàn sinh trong GDPT không đủ, chúng ta có thể mời các thanh niên thiện chí và có cảm tình với GDPT tại địa phương và Ban giảng dạy.

- **Vấn đề hành chính và pháp lý :** Nếu các lớp học được mở đến các lớp cao và được chính quyền cho phép, thì Ban điều hành lớp học phải cố gắng làm việc để xin thừa nhận giá trị của chứng chỉ do Ban điều hành cấp phát cho học viên, để học viên có thể hưởng được quyền lợi của những chứng chỉ đó. Quyền lợi tối đa mà các chứng chỉ này được hưởng là có giá trị tương đương với các chứng chỉ của các trường tư thục.

- **Vấn đề trường học và an ninh :** Như chúng ta đã nói ở trên, Địa điểm mở lớp học bình dân là các lớp học có sẵn của địa phương chúng ta. Chúng ta phải chịu trách nhiệm về hành chính và an ninh trong trường học, giờ học và ngay cả khi hết thời gian học.

- **Vấn đề chuyên môn :** Chương trình giảng dạy phải theo sát chương trình của Bộ GD-ĐT ngay cả đối với lớp mở lòng, tuy phương pháp giảng dạy đôi khác nhưng chương trình cần phải theo đúng.

Ban điều hành lớp học cần phải cố gắng có sổ đầu bài để theo dõi cẩn thận từng lớp học, chương trình học đã đến đâu, sắp xếp các giảng viên bận việc phải nghỉ dạy...

3. Những khó khăn trong lúc tổ chức lớp học bình dân giáo dục :

Việc tổ chức và điều hành một lớp học thường gặp rất nhiều khó khăn, những trở ngại thông thường nhất mà chúng ta có thể gặp phải như :

- **Vấn đề học viên :** Nhiều khi Đồng bào cũng nhận thấy sự cần thiết của việc đi học nhưng lại bận vấn đề làm ăn, nhà cửa, con cái nên Họ không thể đến lớp học, một số khác

lại ngại ngừng vì đã lớn tuổi mà vẫn phải cấp sách đi học...Điều nên nhớ là : chúng ta nên tổ chức lớp học vào những dịp Đồng bào không bận bịu công việc như : Mùa gặt, thu hoạch...

Một khó khăn nữa chúng ta cần chú ý là làm thế nào để các học viên đã ghi tên và đi học thì đừng bỏ dở khóa học. Vì như thế thì sẽ có rất nhiều người bỏ dở học theo và khóa học có thể bị đình trệ.

- **Vấn đề giảng viên :** Ở trên, chúng ta đặt điều kiện là giảng viên phải có thiện chí. Tuy nhiên, chúng ta có thể gặp trường hợp một vài người bị bận công việc phải bỏ dở lớp học, chúng ta phải khẩn khoản yêu cầu họ trở lại lớp học khi đã hết bận công việc. Cũng có những trường hợp giảng viên bỏ lớp vì những học viên không tuân thủ kỷ luật hay một vài khó khăn trong lúc giảng dạy, lúc này Ban điều hành phải cố gắng dàn xếp để lớp học không bị ngưng trệ. Điều chú ý là khi cử người khác thay thế, Ban điều hành nên chọn một giảng viên khá hơn người cũ, điều này tuyệt đối không phải là thay thế giảng viên vì sẽ dễ gây ra sự bất hòa trong nội bộ chúng ta.

- **Vấn đề chi phí :** Nếu chỉ từ 1 đến 2 lớp học thì việc chi phí vẫn phòng điều hành tương đối ít, GDPT có thể tự túc được. Nhưng nếu có nhiều lớp qua thì chúng ta có thể xin các cơ quan văn hóa, đoàn thể hỗ trợ hay yêu cầu học việc đóng góp 1 phần nhỏ nào đây.

- **Vấn đề thủ tục hành chính :** Công tác lớp học bình dân trên nguyên tắc được chính quyền sở tại hỗ trợ tối đa. Nhưng thực tế thì ít khi nhận được sự giúp đỡ, lý do dễ hiểu là chúng ta dễ làm phiền đến họ, bắt họ phải làm việc nhiều hơn...Cũng chính vì lẽ đó mà việc xin mở lớp học bình dân

thường hay gặp khó khăn về thủ tục hành chính, cũng như sự giúp đỡ của chính quyền.

III. KẾT LUẬN :

Dù rất là khó khăn nhưng khi chúng ta nhận thấy công tác thực sự cần thiết thì chúng ta nên cố gắng thực hiện cho bằng được. Việc giúp cho mọi người biết đọc, biết viết là một việc làm hết sức thiết thực. Đồng thời, việc mở lớp học bình dân, lớp học tình thương, hay phổ cập giúp cho chúng ta có cơ hội thực tập về những kiến thức đã học, thu thập được, mà còn giúp chúng ta phát triển những khả năng tìm tòi, học hỏi thêm để trở thành người tháo vát và hành động.



CÔNG TÁC TỪ THIỆN XÃ HỘI

I. MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA :

Công tác từ thiện là một việc làm điều tốt, điều lành đều thể hiện lòng nhân từ để mang lại niềm vui, niềm an lạc cho người khác và bản thân mình.

Công tác xã hội là một hoạt động của một người hay của một Đoàn thể cùng nhau mưu cầu một lợi ích chung cho xã hội và Nó mang tính phi lợi ích riêng.

Đối với Đạo Phật, công tác từ thiện là một loại hình hoạt động thể hiện tinh thần Từ Bi, thực hiện hạnh Bồ Thái của người Phật tử, là phương thức tự cải tạo bản thân mình để kết duyên lành với mọi người bằng tình thương Vô Ngã Vị Tha.

Đây là một trong những loại hình hoạt động nhằm thực hiện mục đích cao cả của tổ chức GDPT chúng ta, là suối nguồn của dòng nước trong xanh tuôn chảy tươi mát cho xã hội, tịnh hóa lòng người, góp phần xoa dịu những đau khổ và xây dựng một xã hội tương lai đầy tình thương và ánh sáng.

II. NHỮNG HÌNH THỨC CÔNG TÁC TỪ THIỆN XÃ HỘI :

Làm thế nào để thực hiện được ý nghĩa và mục đích ở trên, mỗi một người Huynh trưởng chúng ta phải thấy rõ nhiệm vụ :

1. Nhiệm vụ gây nhân, tạo nguồn động lực nội tại :

Tùy thuộc và đối tượng của Đoàn sinh, chúng ta cần phải giáo dục, rèn luyện và phổ biến cho các em về nội dung,

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

hình thức hoạt động TTXH, giúp cho các em tự giác ý thức được yêu cầu vấn đề cao cho phù hợp với từng loại đối tượng.

- Đ/v Ngành Oanh : Giáo dục về đời sống hòa hợp qua các bốn phận đối với gia đình, học đường, xã hội, đối với người tàn tật, người gặp hoạn nạn, người nghèo khó....

- Đ/v Ngành Thiếu : Phổ biến và rèn luyện cho các em về những vấn đề như : vệ sinh, y tế, phòng chống và chữa cháy, giữ gìn trật tự giao thông, tôn trọng pháp luật...Phổ biến các em biết phương pháp bảo vệ thực vật, yêu thương động vật, cây trồng, mùa màng và thiên nhiên...Tập cho các em biết cách và tham gia vào việc cứu trợ thiên tai, dịch họa.

- Đ/v Ngành Thanh : Cần phải phổ biến các hình thức có quy mô hơn như : Tổ chức các lớp học tình thương, các lớp học nghề dành cho các em nghèo, mồ côi...

Tổ chức thăm viếng và giúp đỡ các Cô nhi viện, trại thương tật, trại mù, bệnh viện tâm thần, viện dưỡng lão và thực hiện các bữa cơm từ thiện cho cộng đồng...

Tổ chức tuế tĩn đường, phát thuốc miễn phí cho người bệnh tật và nghèo khổ

2. Những hình thức hoạt động công tác TTXH :

Từ nhận thức biến thành hành động, để nuôi dưỡng hạnh Từ Bi, thực hành hạnh Bố Thí, tinh thần dũng mãnh qua một số việc làm cụ thể như sau :

- Tổ chức tu sửa, vệ sinh công cộng, giếng nước, đường sá, cống rãnh...an toàn trật tự giao thông tại khu phố, làng xóm...

HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN

- Tổ chức các lớp học chữ, nghề dành cho các em nghèo, mồ côi, tổ chức sinh hoạt trẻ hè phố...

- Tham gia tổ chức tuế tĩn đường, các đợt phát thuốc miễn phí.

- Tổ chức thăm viếng, giúp đỡ các gia đình nghèo, hoạn nạn, ốm đau...

- Tổ chức quyên góp, cứu trợ kịp thời những thiên tai, dịch bệnh.

- Thành lập các nhóm tổ chức TTXH tại mỗi đơn vị, khu vực của mình...

- Tham gia cải thiện sinh hoạt văn hóa tại địa phương thông qua các hình thức hội hè, tang lễ, cưới xin...

III. KẾT LUẬN :

Công tác từ thiện xã hội là một hoạt động vô cùng phong phú, đa dạng, không dừng lại ở một số loại hình công việc quen thuộc, và mỗi địa phương, mỗi tỉnh, mỗi quốc gia mà còn phát triển rộng rãi với mục tiêu cao đẹp, ảnh hưởng nhiều hình thái vận động của thế giới. Ngày nay, thông qua công tác TTXH mà con người càng ngày càng xích lại gần nhau hơn, xóa đi những hố ngăn cách. Bằng ý thức và hành động “ **Lấy tình thương xóa bỏ hận thù** “, công tác TTXH sẽ có tác dụng ngăn ngừa chiến tranh, mang lại hòa bình, an lạc cho mỗi dân tộc và toàn thế giới. Nếu đạt được mục đích cao cả đó hay không là còn tùy thuộc và thái độ tích cực, tự giác trong hành động của mỗi con người chúng ta.

MỤC LỤC*Trang*

Phương hướng	5
Mật thư	15
Trò chơi lớn	24
Lửa trại	30
Lịch sử về Truyền tin	53
Semaphore	57
Dấu đi đường	61
Morse	69
Thủ ngữ	75
Truyền tin qua cử điệu Hình thể	77
Mã hóa Việt ngữ Quân đội	78
Lều trại	79
Tổ Đàn	97
Nút dây (Gút)	101
Ước đạt	120
Hình thức và hiệu lệnh tập hợp	140
Thám Du	148
Hội Họa	181
Âm Nhạc	188
Văn nghệ trong GDPT	198
Tổ chức thư viện trong GDPT	206
Báo chí trong GDPT	209
Cấp cứu	212
Sinh tồn nơi hoang dã	241
Mở lớp học bình dân	276
Công tác từ thiện xã hội	280